SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

HelioEnergy

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số 781/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày 23./10./2026 tại:

I. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Trụ sở chính: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 0243 226 3333
Website: https://helioenergy.vn

II. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Trụ sở chính: Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028. 6255 6586 Fax: 028. 6255 6580
Website: https://www.vfs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông **Bùi Tuấn Dương** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty
Số điện thoại: 08 33 99 1616

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026)

HelioEnergy

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	**: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Helio Energy**
Loại cổ phiếu	**: Cổ phiếu phổ thông**
Mã cổ phiếu	**: HIO**
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết	**: 42.000.000 cổ phiếu**
Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	**: 420.000.000.000 đồng**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

Website: https://www.ey.com/vi_vn

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ trụ sở chính: 40 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 37 367 879 Fax: (024) 37 367 869

Website: https://a-c.com.vn/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 6255 6586 Fax: (028) 6255 6580

Website: https://www.vfs.com.vn

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 1
1. Tổ chức đăng ký niêm yết 1
2. Tổ chức tư vấn 1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 2
1. Rủi ro về kinh tế 2
2. Rủi ro về luật pháp 4
3. Rủi ro đặc thù 4
4. Rủi ro quản trị công ty 7
5. Rủi ro khác 8
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT 8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 10
1. Thông tin chung về Công ty 10
2. Quá trình hình thành và phát triển 13
3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết 15
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết 22
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại. 25
6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết 25
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác 28
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 28
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 29
10. Hoạt động kinh doanh 29
11. Chính sách đối với người lao động 102
12. Chính sách cổ tức 104
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết 104
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu 104
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 104
16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. 105

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 106
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 106
2. Tình hình tài chính 108
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty 126
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 132
1. Thông tin về cổ đông sáng lập 132
2. Thông tin về cổ đông lớn 132
3. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng 133
VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 147
1. Loại cổ phiếu 147
2. Mệnh giá cổ phiếu 147
3. Mã cổ phiếu: HIO 147
4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết 147
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết 147
6. Phương pháp tính giá 148
7. Các loại thuế có liên quan 149
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 151
1. Tổ chức kiểm toán 151
2. Tổ chức tư vấn 151
3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về việc đăng ký niêm yết 151
IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 151
X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN 152
XI. PHỤ LỤC 153

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025 2
Biểu đồ 2: Tốc độ tăng CPI của của Việt Nam trong các năm giai đoạn 2016-2025 3
Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty 15
Biểu đồ 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty 22

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Helio Energy 10
Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty 23
Bảng 3: Cơ cấu Ủy ban kiểm toán đương nhiệm của Công ty 23
Bảng 4: Cơ cấu Ban điều hành đương nhiệm của Công ty 23
Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty 25
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/07/2026 28
Bảng 7: Các Dự án điện mặt trời đang được vận hành tại Công ty và các công ty con 32
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần (Công ty mẹ) 47
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần (Hợp nhất) 47
Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Công ty mẹ) 51
Bảng 11: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Hợp nhất) 52
Bảng 12: Cơ cấu chi phí (Công ty mẹ) 53
Bảng 13: Cơ cấu chi phí (Hợp nhất) 54
Bảng 14: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Công ty mẹ) 62
Bảng 15: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Hợp nhất) 62
Bảng 16: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Công ty mẹ) 63
Bảng 17: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Hợp nhất) 63
Bảng 18: Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và 2025 của các công ty con trực tiếp của Công ty 67
Bảng 19: Các hợp đồng lớn của Công ty mẹ 77
Bảng 20: Các hợp đồng lớn tại các Công ty con 79
Bảng 21: Các khách hàng lớn của Công ty mẹ 87
Bảng 22: Các khách hàng lớn của Công ty con 88
Bảng 23: Nhà cung cấp lớn của Công ty mẹ 91
Bảng 24: Nhà cung cấp lớn của Công ty con 92
Bảng 25: Cơ cấu nguồn điện giai đoạn 2030 – 2050 96
Bảng 26: Cơ cấu người lao động tại Công ty 102
Bảng 27: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ) 106
Bảng 28: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất) 106
Bảng 29: Vốn điều lệ, nguồn vốn 109
Bảng 30: Khấu hao tài sản cố định 109
Bảng 31: Thu nhập bình quân 109
Bảng 32: Các khoản phải thu (Công ty mẹ) 111
Bảng 33: Các khoản phải thu (Hợp nhất) 112
Bảng 34: Các khoản phải trả (Công ty mẹ) 117
Bảng 35: Các khoản phải trả (Hợp nhất) 117
Bảng 36: Các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty 122
Bảng 37: Chi tiết các quỹ của Công ty 123
Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty 123

Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của Công ty 124
Bảng 40: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 128
Bảng 41: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn 132
Bảng 42: Danh sách Hội đồng quản trị đương nhiệm 133
Bảng 43: Danh sách Ủy ban kiểm toán đương nhiệm 142
Bảng 44: Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đương nhiệm 143
Bảng 45: Danh mục cổ đông hạn chế chuyển nhượng theo quy định với tổ chức đăng ký niêm yết147

ꕥ

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

Ông Phan Thành Đạt	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Trang	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Phạm Thị Thu Trang	Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Bà Trịnh Thị Lan Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Theo Ủy quyền số 31/2025/UQ-VFS ngày 05/12/2025 của Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 2004/2026/HĐTV/VFS-HIO ngày 20/04/2026 với Công ty Cổ phần Helio Energy. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Helio Energy cung cấp.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

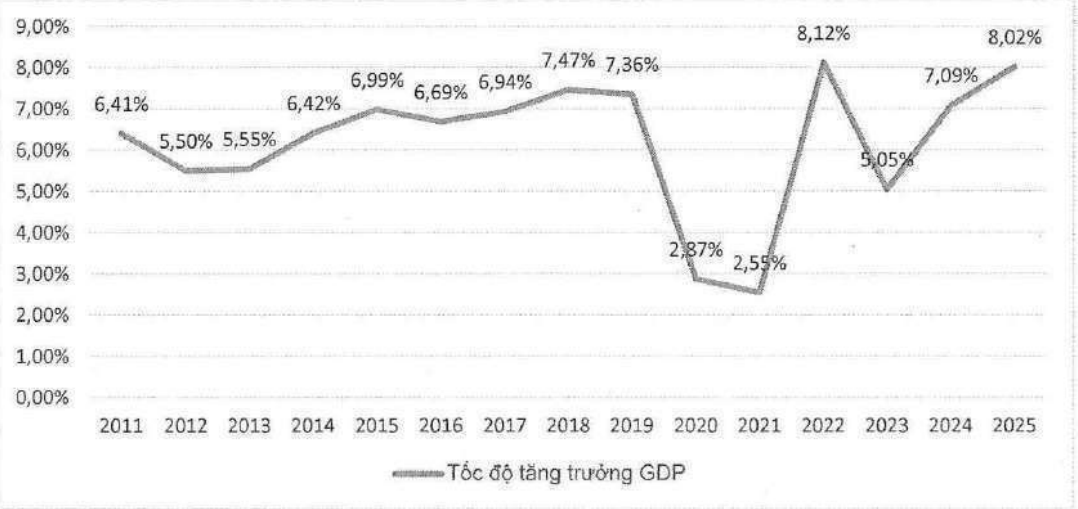
1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro Tăng trưởng kinh tế

Tình hình kinh tế thế giới trong giai đoạn gần đây đang chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất định, bao gồm xung đột địa chính trị diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, cùng với các rủi ro về nợ công và thâm hụt ngân sách tại nhiều quốc gia. Bên cạnh đó, tăng trưởng của một số nền kinh tế lớn có xu hướng chậm lại, trong khi chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục đối mặt với tình trạng gián đoạn cục bộ. Các yếu tố này đã và đang tác động không mấy tích cực đến môi trường hòa bình, ổn định và triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Mặc dù có xu hướng chậm lại, song nền kinh tế thế giới vẫn đang duy trì đà tăng trưởng ổn định. Theo bản cập nhật Triển vọng Kinh tế Thế giới mới nhất do Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố, tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ duy trì ổn định ở mức 3,1% vào năm 2026 và 3,2% vào năm 2027, nhìn chung tương đương với mức 3,2% của năm 2025.

Về tình hình tăng trưởng kinh tế trong nước, theo số liệu mới nhất của Cục Thống kê, Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2025 đạt 8,02%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025, mức cao ấn tượng trong bối cảnh kinh tế thế giới biến động, thuộc nhóm dẫn đầu thế giới.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025



(Nguồn: Cục Thống kê)

Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08% vào tăng trưởng chung. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt khoảng 12.847,6 nghìn tỷ đồng (tương đương ~514 tỷ USD), với GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.026 USD/người. Các chỉ tiêu thống kê cho thấy kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp, cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa và tiêu dùng nội địa duy trì mức tăng khá, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế – xã hội.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế – xã hội trong nước thời gian tới dự kiến sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp.

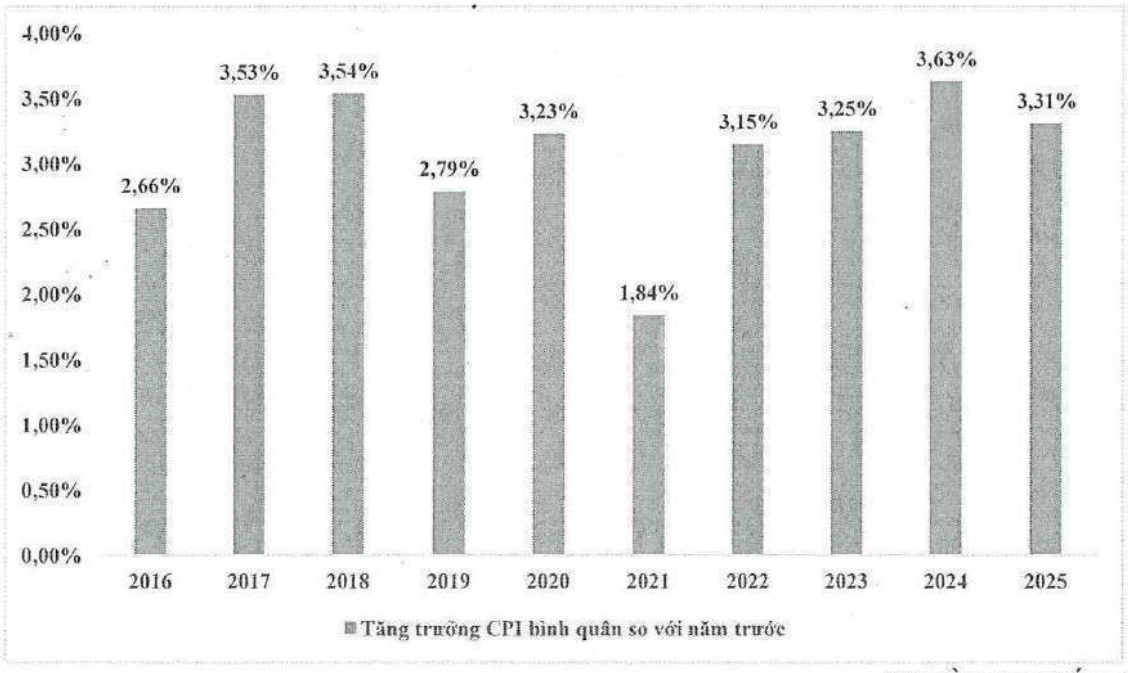
Helio Energy hiện đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo. Do đặc thù ngành điện có mức độ thiết yếu cao, nhu cầu sử dụng điện nhìn chung ít biến động hơn so với các ngành khác trong nền kinh tế. Tuy nhiên, Công ty vẫn có thể chịu tác động gián tiếp từ biến động kinh tế vĩ mô, thông qua ảnh hưởng đến nhu cầu phụ tải điện và cơ chế huy động công suất của hệ thống điện quốc gia. Nhận thức được rủi ro này, Công ty thường xuyên theo dõi, nghiên cứu các chỉ số kinh tế vĩ mô và xu hướng tiêu thụ điện để điều chỉnh kế hoạch đầu tư và vận hành phù hợp.

Từ những phân tích trên cho thấy năm 2026 sẽ là một năm có nhiều cơ hội cũng như những thách thức đối với Helio Energy.

1.2. Rủi ro Lạm phát

Rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với biến động lạm phát trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam chịu áp lực lạm phát nhất định, tuy nhiên đã được kiểm soát hiệu quả thông qua các chính sách điều hành của Chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu công bố của Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, trong khi lạm phát cơ bản tăng 2,71%. Mức lạm phát cơ bản thấp hơn CPI chủ yếu do các yếu tố như giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục và y tế – là các nhóm hàng không được tính trong rổ lạm phát cơ bản – có mức tăng tương đối cao. Năm 2025, CPI bình quân của Việt Nam tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, với lạm phát cơ bản tăng 3,21%. Kết quả này phản ánh hiệu quả của các biện pháp điều hành giá, đảm bảo cung ứng hàng hóa và kiểm soát các yếu tố chi phí đầu vào của nhà nước.

Biểu đồ 2: Tốc độ tăng CPI của của Việt Nam trong các năm giai đoạn 2016-2025



(Nguồn: Cục thống kê)

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,12%.

Trong bối cảnh hiện tại, mặc dù lạm phát tại Việt Nam đang được kiểm soát ở mức hợp lý, áp lực lạm phát vẫn hiện hữu do biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu và chính sách tiền tệ toàn cầu. Đối với ngành năng lượng tái tạo, chi phí đầu tư ban đầu phụ thuộc đáng kể vào giá thiết bị và chi phí

xây dựng, vốn có xu hướng biến động theo lạm phát. Bên cạnh đó, chi phí vận hành và bảo trì cũng có thể tăng theo thời gian, trong khi đối với các dự án đã ký hợp đồng mua bán điện với giá cố định, Công ty không thể điều chỉnh giá bán để bù đắp chi phí gia tăng. Ngoài ra, lạm phát thường đi kèm với xu hướng tăng lãi suất, dẫn đến chi phí vay vốn cao hơn, làm giảm lợi nhuận và gây áp lực lên dòng tiền của Công ty.

Trong giai đoạn tiếp theo, đối với doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, lạm phát tăng cao cũng sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động của Helio Energy. Nhằm kiểm soát các tác động của lạm phát, Công ty thực hiện đánh giá định kỳ các yếu tố chi phí đầu vào và xây dựng các kịch bản tài chính để tối ưu hiệu quả tổng thể của danh mục dự án.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ Phần Helio Energy hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất điện năng, theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Điện lực và các Luật khác có phạm vi điều chỉnh, các thông tư hướng dẫn liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật hiện hành. Do đó, việc ban hành, sửa đổi hoặc bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Công ty. Bên cạnh đó, Helio Energy chịu sự quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX), Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Cục Thuế và các cơ quan quản lý liên quan khác. Theo đó, bất kỳ thay đổi nào trong chính sách, quy định pháp luật hoặc cơ chế quản lý của các cơ quan này đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Mặc dù vậy, rủi ro pháp lý là rủi ro mang tính hệ thống, áp dụng chung đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Công ty thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật, chủ động điều chỉnh hoạt động quản trị và sản xuất kinh doanh nhằm thích ứng với các thay đổi của môi trường pháp lý, qua đó hạn chế các tác động bất lợi và tận dụng các cơ hội phát sinh từ thay đổi chính sách.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về chính sách của Nhà nước

(1) Cắt giảm giá điện:

Theo Đề án Phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thị trường điện tại Việt Nam đang trong quá trình phát triển theo lộ trình thị trường điện cạnh tranh, trong đó thị trường phát điện cạnh tranh đã vận hành, thị trường bán buôn điện cạnh tranh đã được triển khai, trong khi thị trường bán lẻ điện cạnh tranh đang trong giai đoạn hoàn thiện. Do đó, về cơ bản Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vẫn có vị thế độc quyền trong ngành điện với chức năng truyền tải và phân phối điện trên cả nước. Sản lượng điện sản xuất được của các nhà máy điện đáp ứng đủ điều kiện được mua bán thông qua một hợp đồng mua bán điện mẫu với thời hạn 20 năm. Hiện có một số rủi ro liên quan đến hợp đồng mua bán điện như:

- Sau khi hợp đồng mua bán điện hết thời hạn 20 năm thì một hợp đồng mua bán điện mới có thể được ký kết với các điều kiện, điều khoản mới không hấp dẫn như trong hợp đồng mua bán điện trước.
- Sự thay đổi chính sách liên quan đến cơ chế giá, cơ chế đấu thầu phát triển điện mặt trời ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, kinh doanh. Cụ thể: các dự án điện mặt trời nối lưới vận hành trước

ngày 30/06/2019 được hưởng mức giá mua điện là 9,35 UScents/kWh; còn các dự án điện mặt trời mái nhà vận hành từ ngày 01/07/2019 đến ngày 31/12/2020 được áp dụng mức giá 8,38 UScents/kWh. Toàn bộ các dự án điện mặt trời của Helio Energy và các công ty con đều đã được vận hành thương mại và ký kết hợp đồng mua bán điện trong giai đoạn năm 2019 - 2020, và được hưởng các mức giá ưu đãi nêu trên. Đối với các dự án điện mặt trời đang và sắp triển khai đầu tư xây dựng và thực hiện, Bộ Công Thương đã ban hành khung giá phát điện năm 2025 áp dụng đối với các dự án điện tái tạo, theo đó mức giá mua điện có xu hướng thấp hơn so với giai đoạn trước đây.

Đánh giá về hiệu quả kinh tế ngay từ khi xây dựng dự án, với cơ chế giá điện được xác định theo hợp đồng mua bán điện đã ký kết, Công ty vẫn đảm bảo hiệu quả đầu tư và an toàn tài chính. Đối với hoạt động M&A các Dự án điện sẵn có, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các Dự án đã đi vào vận hành thương mại và hưởng giá điện ưu đãi theo Quyết định của Chính phủ, đảm bảo đáp ứng thủ tục pháp lý và có tiềm năng sinh lời hấp dẫn.

(2) Cắt giảm công suất:

Sau giai đoạn phát triển nhanh của các dự án năng lượng tái tạo, đặc biệt trong giai đoạn 2019–2020 dưới cơ chế giá ưu đãi (FIT), hệ thống điện tại một số khu vực, chủ yếu tại miền Trung và miền Nam, đã phát sinh tình trạng quá tải cục bộ. Trong các thời điểm phụ tải thấp hoặc khi khả năng truyền tải bị hạn chế, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia có thể yêu cầu các nhà máy điện, bao gồm các dự án điện mặt trời, thực hiện cắt giảm công suất nhằm đảm bảo an toàn, ổn định vận hành hệ thống điện quốc gia.

Theo hiện trạng vận hành thực tế của các dự án điện mặt trời, nguy cơ quá tải cục bộ và cắt giảm công suất vẫn có thể xảy ra, đặc biệt tại các khu vực có tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo cao. Đối với các dự án điện mặt trời kết hợp công nghệ cao, dự án đấu nối trực tiếp với đường điện dân dụng 22kV, tỉ lệ cắt giảm sản lượng điện là cao, khoảng 15-20% so với tổng sản lượng điện. Đối với dự án điện mặt trời lớn đấu nối trực tiếp với đường điện cao thế 110kV và các dự án điện mặt trời nhỏ có nhiều khu công nghiệp xung quanh, tỉ lệ cắt giảm sản lượng là thấp, từ 5-7% so với tổng sản lượng điện. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, hệ thống lưới điện truyền tải quốc gia đã được đầu tư, nâng cấp, bao gồm việc đưa vào vận hành một số công trình trọng điểm như đường dây 500kV mạch 3, qua đó góp phần cải thiện khả năng giải tỏa công suất giữa các vùng. Xu hướng cắt giảm sản lượng điện phát do quá tải đường dây ngày càng được cải thiện theo hướng tích cực. Tuy nhiên, trong trường hợp hệ thống điện tiếp tục chịu áp lực quá tải hoặc nhu cầu tiêu thụ điện tăng trưởng chậm hơn dự kiến, dự án điện mặt trời vẫn có thể đối mặt với rủi ro bị cắt giảm công suất, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng điện phát và doanh thu. Đối với các dự án điện mặt trời hiện tại của Công ty, mức độ cắt giảm công suất trong thời gian qua được đánh giá là không đáng kể do đặc thù quy mô phân tán và bám sát phụ tải, nên doanh thu và lợi nhuận vẫn đảm bảo, không có rủi ro về tài chính.

Trong dài hạn, theo định hướng phát triển ngành điện tại Việt Nam, tỷ trọng năng lượng tái tạo dự kiến tiếp tục gia tăng theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh (Quyết định số 768/QĐ-TTg), trong đó năng lượng tái tạo (không bao gồm thủy điện lớn) dự kiến chiếm khoảng 28%–36% vào năm 2030 và có thể đạt khoảng 70%–75% vào năm 2050. Việc gia tăng nhanh tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo đòi hỏi hệ thống truyền tải và điều độ phải tiếp tục được đầu tư, nâng cấp tương ứng; trong trường hợp tiến độ phát triển lưới điện không theo kịp tốc độ phát triển nguồn điện, rủi ro cắt giảm công suất vẫn có thể tiếp diễn.

3.2. Rủi ro về tỷ giá

Đối với các dự án điện mặt trời đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) theo cơ chế giá ưu đãi (FIT), giá bán điện được xác định bằng đô la Mỹ (UScents/kWh). Do đó, doanh thu của các dự án này khi ghi nhận bằng đồng Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động tỷ giá. Cụ thể, đối với các dự án điện mặt trời mái nhà, tỷ giá áp dụng là tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày cuối cùng của năm trước để làm cơ sở thanh toán cho năm kế tiếp. Trong khi đó, đối với đối với các dự án nhà máy điện mặt trời, tỷ giá được xác định theo mức tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại từng thời điểm lập hóa đơn. Trong bối cảnh tỷ giá có thể biến động theo diễn biến kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, doanh thu thực tế của Công ty tính bằng đồng Việt Nam có thể tăng hoặc giảm tương ứng với biến động của tỷ giá.

Đối với các dự án điện mặt trời triển khai trong tương lai, cơ chế giá điện có thể không còn áp dụng hoàn toàn theo mô hình giá FIT gắn với đô la Mỹ như trước đây, do đó mức độ ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá có thể thay đổi tùy theo cơ chế giá điện và điều khoản hợp đồng cụ thể. Tuy nhiên, Công ty vẫn có thể chịu tác động gián tiếp từ biến động tỷ giá thông qua chi phí đầu tư, chi phí vay vốn hoặc chi phí nhập khẩu thiết bị.

3.3. Rủi ro về điều kiện tự nhiên

Các yếu tố thời tiết và điều kiện khí hậu có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo. Đối với các dự án điện mặt trời, sản lượng điện phụ thuộc trực tiếp vào cường độ bức xạ mặt trời, thời gian chiếu sáng trong ngày và điều kiện thời tiết tại khu vực lắp đặt. Các yếu tố như mây che phủ, mưa kéo dài, bụi bẩn, ô nhiễm không khí hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan có thể làm giảm lượng bức xạ thực tế so với dự báo, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng điện phát và doanh thu của Công ty. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng rõ nét, sự gia tăng tần suất và mức độ bất thường của các hiện tượng thời tiết có thể làm gia tăng mức độ biến động của sản lượng điện.

Để hạn chế các tác động bất lợi nêu trên, Công ty đã thực hiện ứng dụng các mô hình dự báo bức xạ và thời tiết trong công tác lập kế hoạch vận hành; thực hiện bảo trì, vệ sinh tấm pin định kỳ nhằm duy trì hiệu suất phát điện; đồng thời lựa chọn thiết bị có chất lượng cao và theo dõi chặt chẽ hiệu suất vận hành của hệ thống để kịp thời có các biện pháp xử lý phù hợp.

3.4. Rủi ro về môi trường

Việc quản lý, thu hồi và xử lý tấm pin năng lượng mặt trời sau khi hết vòng đời đang trở thành một vấn đề môi trường cần được quan tâm cùng với quá trình phát triển nhanh của ngành năng lượng tái tạo. Tấm pin mặt trời có tuổi thọ sử dụng tương đối dài, thường khoảng 20–30 năm. Sau thời gian này, chất lượng và hiệu suất hoạt động của tấm pin có thể suy giảm, dẫn đến nhu cầu thay thế, thu hồi và xử lý các tấm pin không còn đáp ứng yêu cầu vận hành. Do các dự án điện mặt trời tại Việt Nam được đầu tư và đưa vào vận hành chủ yếu từ giai đoạn 2018–2020, lượng tấm pin hết vòng đời hiện chưa ở mức lớn nhưng được dự báo sẽ gia tăng đáng kể trong các giai đoạn tới.

Vấn đề môi trường đối với tấm pin hết vòng đời không chỉ nằm ở lượng chất thải phát sinh mà còn ở việc xử lý và thu hồi các vật liệu cấu thành. Tấm pin chủ yếu gồm kính, nhôm, silicon, đồng, polymer và một số vật liệu khác. Nếu được thu gom và xử lý phù hợp, phần lớn các vật liệu này có thể được thu hồi để tái sử dụng hoặc làm nguyên liệu cho các quá trình sản xuất khác. Công nghệ tái chế hiện nay có khả năng đạt tỷ lệ thu hồi vật liệu cao, qua đó giảm đáng kể lượng vật liệu phải đưa đi xử lý cuối cùng. Việc thu hồi vật liệu thay vì thải bỏ toàn bộ tấm pin không chỉ giúp tiết kiệm tài nguyên mà còn hạn chế lượng chất thải phát sinh và giảm nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy tái chế và thu hồi vật liệu đang dần trở thành một phần trong quản lý toàn bộ vòng đời của tấm pin, thay vì chỉ xử lý khi thiết bị đã trở thành chất thải. Tại Liên minh Châu Âu (EU), tấm pin quang điện đã được đưa vào phạm vi điều chỉnh của chỉ thị Waste Electrical and Electronic Equipment (WEEE) - là chỉ thị của EU về rác thải thiết bị điện và điện tử và được yêu cầu thu gom, xử lý theo hướng bảo đảm thu hồi và tái chế phù hợp. Đối với nhóm thiết bị lớn, WEEE đặt ra mục tiêu 85% đối với thu hồi và 80% đối với chuẩn bị để tái sử dụng và tái chế. Các quy định của EU cũng nhấn mạnh yêu cầu xử lý tấm pin hết vòng đời theo phương thức bảo đảm an toàn môi trường và tối đa hóa khả năng thu hồi vật liệu.

Tại Việt Nam, định hướng quản lý tấm pin sau khi hết vòng đời cũng đang từng bước được hình thành và hoàn thiện. Nghị định số 110/2026/NĐ-CP đã đưa tấm quang năng vào phạm vi sản phẩm thực hiện trách nhiệm tái chế, qua đó tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy việc thu hồi và tái chế sản phẩm sau khi hết vòng đời. Đây là bước tiến quan trọng trong việc chuyển từ cách tiếp cận xử lý chất thải sang quản lý vòng đời sản phẩm và tăng cường trách nhiệm tái chế.

Trên cơ sở đó, Công ty xác định việc chủ động quản lý tấm pin ngay từ giai đoạn vận hành là giải pháp quan trọng để hạn chế tác động môi trường trong tương lai. Đối với các tấm pin không còn đáp ứng yêu cầu vận hành hoặc hết vòng đời, Công ty tiến hành tổ chức thu hồi tập trung tại các dự án, kiểm kê và phân loại theo tình trạng, chủng loại và khả năng tái sử dụng. Các tấm pin còn khả năng sử dụng sẽ được xem xét tái sử dụng phù hợp; đối với các tấm pin không còn khả năng sử dụng, Công ty sẽ chuyển giao cho các đơn vị có đủ năng lực và chức năng để thu hồi, tái chế hoặc xử lý theo quy định pháp luật. Qua đó, Công ty hướng tới tăng tối đa khả năng thu hồi vật liệu, giảm lượng chất thải phải xử lý cuối cùng và hạn chế nguy cơ tác động đến môi trường.

Về dài hạn, Công ty sẽ tham khảo kinh nghiệm quốc tế về quản lý và tái chế tấm pin, đồng thời cập nhật các quy định pháp luật và công nghệ xử lý mới để từng bước hoàn thiện mô hình quản lý phù hợp với điều kiện tại Việt Nam. Công ty ưu tiên các giải pháp theo hướng kinh tế tuần hoàn, trong đó tấm pin sau khi hết vòng đời được thu hồi, phân loại và tái chế để đưa các vật liệu có giá trị trở lại chuỗi sản xuất thay vì xử lý như chất thải thông thường. Việc kết hợp giữa chính sách trong nước, kinh nghiệm quốc tế và công nghệ tái chế sẽ giúp Công ty chủ động kiểm soát tác động môi trường trong toàn bộ vòng đời của tấm pin, đồng thời góp phần bảo đảm rằng quá trình phát triển năng lượng tái tạo đi cùng với việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu chất thải.

4. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty có thể phát sinh từ nhiều nguyên nhân, bao gồm (i) sự thiếu hụt hoặc thay đổi nhân sự quản lý chủ chốt không được thay thế kịp thời, (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị, và (iii) mức độ hoàn thiện và hiệu quả vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị. Nếu không được nhận diện và kiểm soát kịp thời, các rủi ro này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quản trị tài chính, hiệu quả hoạt động và năng suất lao động của Công ty. Bên cạnh đó, trong bối cảnh Công ty mở rộng quy mô hoạt động thông qua các giao dịch M&A và quản lý danh mục các dự án phân tán, rủi ro về tính đồng bộ trong hệ thống quản trị, giám sát hoạt động của các công ty con và kiểm soát tuân thủ có thể gia tăng.

Nhằm hạn chế các rủi ro nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty đã và đang từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản trị theo hướng chuyên nghiệp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cấp quản lý; đồng thời tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị và các bộ phận kiểm soát nội bộ. Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật hệ thống quy trình nội bộ, nâng cao năng lực chuyên môn và ý thức tuân thủ của đội ngũ nhân sự, cũng như tăng cường

kiểm soát các giao dịch với bên liên quan nhằm đảm bảo tính minh bạch và phù hợp với thông lệ thị trường. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm mọi hoạt động của Công Ty tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, chuẩn mực quản trị công ty đại chúng và các thông lệ tốt được quy định tại Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định này.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã nêu trên, Công ty còn có thể đối mặt với các rủi ro khác mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lũ lụt, nắng nóng kéo dài), dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố kỹ thuật hoặc gián đoạn hệ thống điện. Những sự kiện này, nếu xảy ra, có thể gây thiệt hại đến tài sản, con người, làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng có thể chịu tác động từ các rủi ro vận hành như sự cố thiết bị, suy giảm hiệu suất hệ thống, gián đoạn chuỗi cung ứng vật tư, thiết bị thay thế, cũng như rủi ro an toàn lao động trong quá trình vận hành và bảo trì các dự án. Trong bối cảnh chuyển đổi số, rủi ro liên quan đến an ninh mạng và hệ thống công nghệ thông tin cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động giám sát, điều khiển và quản lý dữ liệu của Công ty.

Nhằm hạn chế các rủi ro nêu trên, Công ty đã và đang triển khai các biện pháp như: mua bảo hiểm đối với tài sản và gián đoạn kinh doanh; xây dựng và cập nhật các quy trình ứng phó khẩn cấp và kế hoạch liên tục kinh doanh; thực hiện bảo trì, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị; tăng cường đào tạo an toàn lao động cho nhân sự; đồng thời đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin và các giải pháp bảo mật nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu và vận hành ổn định.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. **"Bản cáo bạch":** Tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc niêm yết chứng khoán của tổ chức đăng ký niêm yết.
2. **"Cổ phiếu":** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức đăng ký niêm yết.
3. **"Cổ đông":** Cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
4. **"Cổ tức":** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
5. **"Điều lệ Công ty":** Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy.
6. **"Đại hội đồng cổ đông":** Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy.
7. **"Hội đồng quản trị":** Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Helio Energy.
8. **"Ủy ban kiểm toán":** Ủy ban kiểm toán của Công ty Cổ phần Helio Energy.
9. **"Ban điều hành":** Ban điều hành của Công ty Cổ phần Helio Energy bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
10. **"Vốn điều lệ":** Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
11. **"Tổ chức đăng ký niêm yết":** Công ty Cổ phần Helio Energy.
12. **"Tổ chức tư vấn":** Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt.
13. **"Tổ chức kiểm toán":** Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ **BCTC**	Báo cáo tài chính
▪ **UBKT**	Ủy ban kiểm toán
▪ **CBNV**	Cán bộ nhân viên

▪ **Công ty/Helio Energy/HIO**	Công ty Cổ phần Helio Energy
▪ **CPI**	Chỉ số giá tiêu dùng
▪ **ĐHĐCĐ**	Đại hội đồng cổ đông
▪ **EPC**	Hợp đồng xây dựng mà nhà thầu thực hiện toàn bộ công việc từ thiết kế kỹ thuật, cung ứng vật tư, thiết bị cho tới thi công xây dựng công trình, hạng mục và chạy thử nghiệm bàn giao cho chủ đầu tư
▪ **GDP**	Tổng sản phẩm quốc nội
▪ **Giấy CNĐKDN**	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ **GTCL**	Giá trị còn lại
▪ **HĐQT**	Hội đồng quản trị
▪ **KTT**	Kế toán trưởng
▪ **LNST**	Lợi nhuận sau thuế
▪ **M&A**	Hoạt động giành quyền kiểm soát doanh nghiệp thông qua hình thức sáp nhập hoặc mua lại giữa hai hay nhiều doanh nghiệp để sở hữu một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp đó
▪ **MTV**	Một thành viên
▪ **NG**	Nguyên giá
▪ **NLTT**	Năng lượng tái tạo
▪ **TGĐ**	Tổng Giám đốc
▪ **Thuế TNCN**	Thuế Thu nhập cá nhân
▪ **Thuế TNDN**	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
▪ **TMCP**	Thương mại Cổ phần
▪ **TNHH**	Trách nhiệm hữu hạn
▪ **TP**	Thành phố
▪ **TV HĐQT**	Thành viên Hội đồng quản trị
▪ **UBCKNN**	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
▪ **VĐL**	Vốn điều lệ
▪ **VNĐ**	Đồng Việt Nam
▪ **VSDC**	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
▪ **PPA**	Hợp đồng mua bán điện
▪ **FIT**	Cơ chế giá điện ưu đãi

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên đầy đủ : CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài : HELIO ENERGY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : HELIO ENERGY.,JSC
- Logo của Công ty :
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 226 3333
- Website : https://helioenergy.vn
- Người đại diện theo pháp luật : Ông **Phan Thành Đạt** – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy CNĐKDN : Số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026
- Vốn điều lệ đăng ký : 420.000.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tỷ đồng)
- Vốn thực góp : 420.000.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tỷ đồng)
- Ngày trở thành công ty đại chúng : 16/08/2023 (ngày được UBCKNN xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 5530/UBCK-GSĐC)
- Mã cổ phiếu : HIO
- Sàn giao dịch : UPCOM
- Ngành nghề kinh doanh :

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Helio Energy

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
1	3512 **(Chính)**	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
2	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
3	2720	Sản xuất pin và ắc quy
4	2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
5	2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
6	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
7	2790	Sản xuất thiết bị điện khác
8	4321	Lắp đặt hệ thống điện
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
		(Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài; tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
10	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm)
11	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
12	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trừ Dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá)
13	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (Trừ kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy – Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy)
14	0119	Trồng cây hàng năm khác
15	0121	Trồng cây ăn quả
16	0122	Trồng cây lấy quả chứa dầu
17	0128	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm
18	4679	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
19	0129	Trồng cây lâu năm khác
20	7499	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
21	0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
22	0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
23	8019	Dịch vụ bảo đảm an toàn bức xạ
24	3311	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn
25	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
26	3313	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học
27	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện
28	3319	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác
29	3513	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
30	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
31	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
32	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: + Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; + Kinh doanh bất động sản khác. (Trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
33	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) (Không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại)
34	4102	Xây dựng nhà không để ở
35	7020	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
		(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
36	4221	Xây dựng công trình điện (Trừ xây dựng thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân)
37	8129	Dịch vụ vệ sinh khác
38	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước

(Nguồn: Giấy xác nhận số 144116/26 ngày 30/03/2026 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp)

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Helio Energy tiền thân là Công ty TNHH Alpha Solar 1, chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty kể từ khi thành lập đến nay là lĩnh vực sản xuất điện. Đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ Công ty là 420 tỷ đồng.

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có sự phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cả về quy mô cũng như địa bàn hoạt động. Công ty đã và đang đầu tư, vận hành mô hình sản xuất điện chính là các dự án điện mặt trời.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty đã thực hiện M&A 34 công ty là các doanh nghiệp sở hữu các dự án điện mặt trời mái nhà. Các dự án này đều được công nhận vận hành từ cuối năm 2020 và được hưởng giá bán điện ưu đãi theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam. Tháng 3/2026, Công ty tiếp tục thực hiện nhận chuyển nhượng 59,32% cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành, qua đó bổ sung thêm Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 với quy mô công suất 50 MWp vào danh mục đầu tư.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con đang vận hành các dự án điện mặt trời với tổng công suất hoạt động khoảng 86,53 MWp. Các dự án điện mặt trời tập trung tại khu vực Nam Bộ, Nam Trung Bộ *(cụ thể: Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đồng Nai - trước đây là Bình Dương, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai)* và khu vực Tây Nguyên *(cụ thể: Đắk Lắk, Lâm Đồng - trước đây là Đắk Lắk, Đắk Nông)*.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi Công ty thành lập đến nay

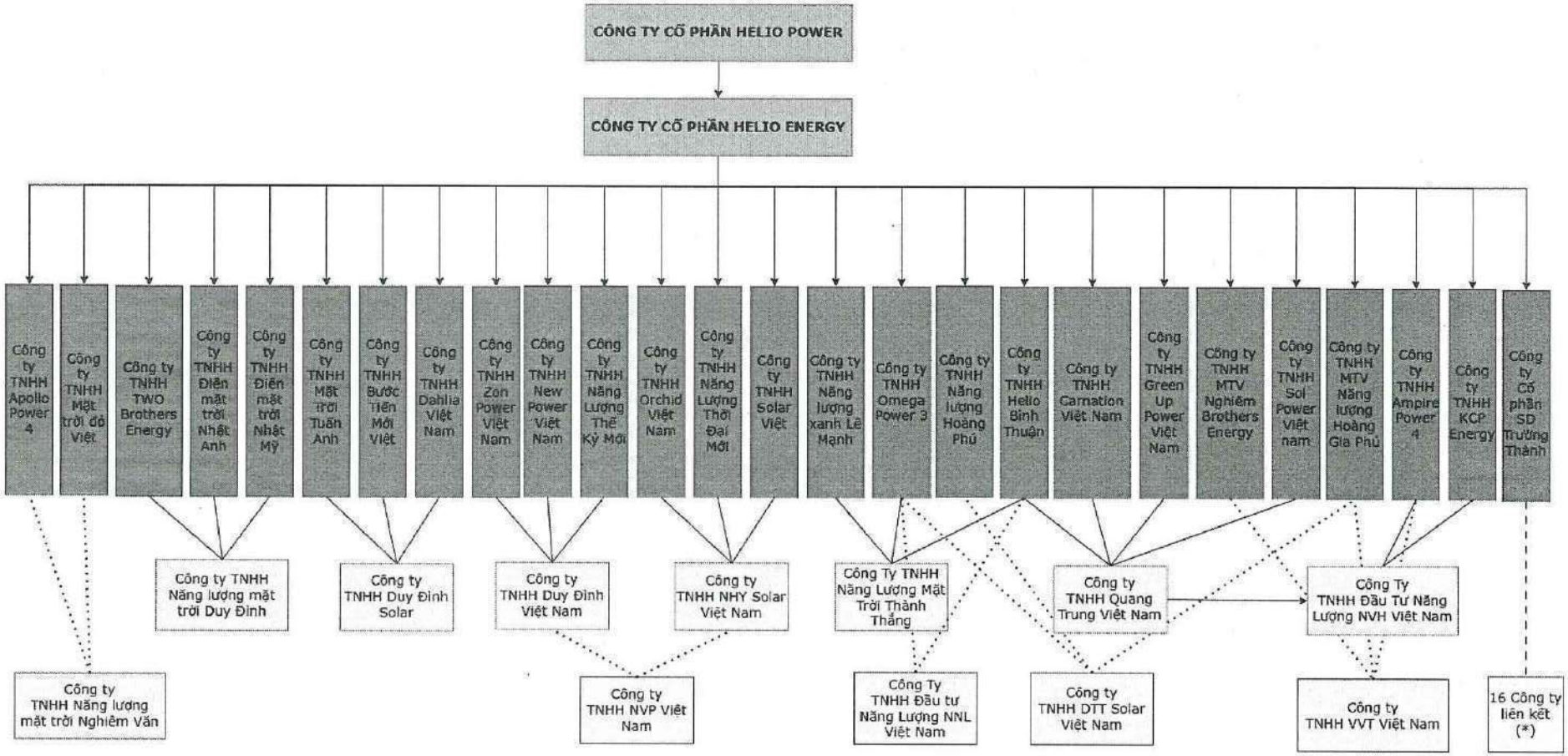
- Tháng 06 năm 2020, Công ty được thành lập và hoạt động với tên Công ty TNHH Alpha Solar 1 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng) do Công ty Cổ phần Helio Power (Mã số thuế: 0107948189) là chủ sở hữu.
- Tháng 03 năm 2021, Công ty Cổ phần Helio Power (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli) đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Alpha Solar 1 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Helios (Mã số thuế: 0107581205, nay là Công ty Cổ phần Helio Power).
- Tháng 10 năm 2021, Công ty thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần, đồng thời tăng vốn lên 210.000.000.000 VNĐ (Hai trăm mười tỷ đồng) và đổi tên thành Công ty Cổ phần Heaven Power.
- Tháng 08 năm 2022, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Helio Energy.

- Tháng 11 năm 2022, Công ty trở thành Hội viên chính thức của Hội Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 156/QĐ-VEEA.
- Tháng 08 năm 2023, Công ty trở thành Công ty đại chúng theo Văn bản số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16/08/2023 của UBCKNN.
- Tháng 10 năm 2023, Helio Energy đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Văn bản số 1077/QĐ-SGDHN. Ngày giao dịch đầu tiên của 21.000.000 cổ phiếu HIO là ngày 23/10/2023.
- Tháng 12 năm 2025, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 557/GCN-UBCK ngày 30/12/2025, theo đó Công ty được chào bán thêm ra công chúng 21.000.000 cổ phiếu.
- Tháng 04 năm 2026, Công ty đã được chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Văn bản số 522/QĐ-SGDHN, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 42.000.000 cổ phiếu.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết

Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

(*) Danh sách các Công ty liên kết do Công ty Cổ phần SD Trường Thành đầu tư:

STT	Tên Công ty
1	Công ty TNHH Khởi Duy Solar
2	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy
3	Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam
4	Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam
5	Công ty TNHH NHY Việt Nam
6	Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam
7	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu
8	Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar
9	Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam
10	Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam
11	Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam
12	Công ty TNHH NDT Việt Nam
13	Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam
14	Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam
16	Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam

Công ty Cổ phần Helio Energy hoạt động theo mô hình công ty mẹ con. Trong đó, Helio Energy trực thuộc Công ty Cổ phần Helio Power và quản lý hệ thống gồm 33 công ty con trong đó có 26 công ty con trực tiếp và 7 công ty con gián tiếp. Ngoài ra, Công ty còn có 21 công ty liên kết gián tiếp.

Thông tin về công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết của Helio Energy

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Helio Power	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	69,314%	69,314%	Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)
Công ty con trực tiếp				
Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Carnation Việt Nam				
Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	59,32%	59,32%	Sản xuất điện
Công ty con gián tiếp				
Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%(*)	100%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%(*)	100%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%(*)	100%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Thôn 7, xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%(*)	100%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%(*)	100%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Thôn 1, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	100%(*)	100%(*)	Sản xuất điện

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 8, ngõ 1126, đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%(*)	100%(*)	Sản xuất điện
Công ty liên kết gián tiếp				
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam	38,00%(*)	38,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	40,00%(*)	40,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	46,00%(*)	46,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,00%(*)	47,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Thôn Bon Bu M'Lanh B, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	48,00%(*)	48,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Số 5/Dãy D, Ngõ 319 Đường Tam Trinh, Tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	46,00%(*)	46,00%(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Thôn Thuận Nam, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	49,00%(*)	49,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Thôn 7, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	45,00%(*)	45,00%(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Số 5 TT149, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam	45,00%(*)	45,00%(*)	Sản xuất điện

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Tầng 4 Tòa nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	49,00%(*)	49,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	Thôn Đăk Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	45,00%(*)	45,00%(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Vĩnh Hữu	Số 5/Dãy D, Ngõ 319 Đường Tam Trinh, Tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	48,00%(*)	48,00%(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	47,00%(*)	47,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu Tư NTS Việt Nam	Tầng 4 Tòa Nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	48,00%(*)	48,00%(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, Số 164 Đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	43,00%(*)	43,00%(*)	Sản xuất điện
Công Ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Tầng 4 Tòa Nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam	44,00%(*)	44,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,00%(*)	47,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam	43,00%(*)	43,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,00%(*)	47,00%(*)	Sản xuất điện
Công ty TNHH Năng lượng	Tầng 1 Tòa Nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy	44,00%(*)	44,00%(*)	Sản xuất điện

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Ngành nghề kinh doanh
mặt trời NHY Việt Nam	Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam			
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Thôn 15, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	44,00%(*)	44,00%(*)	Sản xuất điện

(*) Tỷ lệ sở hữu/biểu quyết gián tiếp của Helio Energy thông qua công ty con

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Enery)

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Helio Energy được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

Biểu đồ 4: Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Diễn giải:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm theo đúng định hướng phát triển đã được ĐHĐCĐ thông qua; đưa ra các quyết định, kiến nghị khác về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban điều hành.

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu bởi các thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, các thành viên trong Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty. Quyền và nghĩa vụ khác của HĐQT do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Phan Thành Đạt	Chủ tịch HĐQT	Người phụ trách quản trị Công ty
2	Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc Công ty; Người được ủy quyền công bố thông tin.
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc Công ty
4	Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
5	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên Ủy ban kiểm toán

❖ **Ủy ban kiểm toán**

Ủy ban kiểm toán là một ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hiện gồm có 02 (hai) thành viên.

Ủy ban kiểm toán có nhiệm vụ kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Giám sát, đảm bảo tính hợp pháp, trung thực của báo cáo tài chính, số liệu tài chính trước khi trình duyệt và công bố. Ủy ban kiểm toán thực hiện các quyền và nghĩa vụ phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Bảng 3: Cơ cấu Ủy ban kiểm toán đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên Ủy ban kiểm toán

❖ **Ban điều hành**

Ban Điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, và Kế toán trưởng. Ban Điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Bảng 4: Cơ cấu Ban điều hành đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
2	Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thị Trang	Kế toán trưởng

Diễn giải chức năng của các bộ phận nghiệp vụ:

Các phòng/ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Ban điều hành được hiệu quả và đúng pháp luật.

❖ **Ban Tài chính**

Ban Tài chính là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến quản lý tài chính. Các chức năng cụ thể như sau:

- Quản lý chi phí, phân tích hiệu quả hoạt động và xây dựng hệ thống báo cáo quản trị;
- Hoạch định và triển khai kế hoạch nguồn vốn;
- Tham mưu các vấn đề về hoạch định chiến lược.

❖ **Ban Kế toán**

Ban Kế toán là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành để điều hành, quản lý, kiểm soát công tác tài chính kế toán của Công ty, hạn chế các rủi ro về sai sót, gian lận nội bộ. Các chức năng cụ thể như sau:

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động kế toán, tài chính;
- Cung cấp thông tin kế toán cho các bên liên quan;
- Tham mưu cho Ban Điều hành về những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- Phối hợp, tham mưu cho các Phòng, Ban chức năng khác về các quy định kế toán và thuế, giúp Công ty tuân thủ đúng các quy định, hạn chế các rủi ro liên quan đến kế toán, thuế.

❖ **Ban Đầu tư**

Ban Đầu tư là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến đầu tư. Các chức năng cụ thể như sau:

- Tham mưu về định hướng chiến lược, kế hoạch đầu tư;
- Tư vấn, đánh giá và thực hiện mua bán, sáp nhập;
- Huy động nguồn vốn;
- Quản lý và kinh doanh tài sản.

❖ **Ban Quản lý dự án**

Ban Quản lý dự án là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành, có chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến lĩnh vực:

- Tổ chức và triển khai các công việc có liên quan đến hoạt động quản lý các dự án đầu tư của Công ty hoặc các đơn vị thành viên từ giai đoạn chuẩn bị dự án, phát triển dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu bàn giao, đưa công trình vào khai thác sử dụng;
- Tham mưu để đảm bảo vận hành dự án hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

❖ **Ban Hành chính nhân sự**

Ban Hành chính Nhân sự là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành, thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, quản lý nhân sự, quản lý nghiệp vụ hành chính, cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động truyền thông, quan hệ lao động trong Công ty. Các chức năng cụ thể như sau:

- Quản lý văn thư; quản lý tài sản tại trụ sở Công ty; triển khai công tác hành chính khác;
- Hoạch định, triển khai và quản lý chiến lược nhân sự; quản lý hệ thống thông tin nhân sự; xây dựng và áp dụng hệ thống tiền lương và chế độ phúc lợi (C&B); truyền thông nội bộ; quan hệ lao động.

❖ **Ban pháp chế**

Ban Pháp chế là Ban chuyên môn trực thuộc Ban Điều hành, thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn, giúp việc cho ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Điều hành về những vấn đề liên quan đến pháp lý trong Công ty. Các chức năng cụ thể như sau:

- Tư vấn pháp luật; cập nhật và đào tạo pháp luật, đào tạo tuân thủ;
- Thực hiện thủ tục pháp lý; thực hiện thủ tục tố tụng; hỗ trợ pháp lý về mua bán và sáp nhập;
- Pháp lý Hợp đồng; pháp lý doanh nghiệp; pháp lý tuân thủ.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại.

5.1. Công ty mẹ

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Helio Power**
- Địa chỉ: Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ngày thành lập: 29/09/2016
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107581205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/09/2016, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/09/2025.
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm: tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán); Sản xuất điện; …
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Helio Energy hiện tại: 69,314%.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Helio Energy tại Công ty Cổ phần Helio Power hiện tại: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ ngày 04/03/2021 đến nay.

5.2. Công ty con

Hiện tại Công ty có 26 công ty con trực tiếp và 7 công ty con gián tiếp. Thông tin chi tiết các công ty con của Helio Energy trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại được trình bày tại Phụ lục I kèm theo.

5.3. Công ty liên kết gián tiếp

Hiện tại Công ty có 21 công ty liên kết gián tiếp. Thông tin chi tiết các công ty liên kết gián tiếp của Helio Energy trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại được trình bày tại Phụ lục II kèm theo.

6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty Cổ phần Helio Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020 với vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng. Sau hơn 05 năm hoạt động Công ty đã có 02 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 420.000.000.000 đồng, tương ứng 42.000.000 cổ phần, chi tiết quá trình góp vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

TT	Thời gian thực hiện	VĐL trước khi thay đổi *(Triệu đồng)*	Giá trị vốn tăng/giảm *(Triệu đồng)*	VĐL sau khi thay đổi *(Triệu đồng)*	Hình thức tăng/giảm VĐL	Đơn vị cấp
1	Tháng 06/2020 - 08/2020	0	10.000	10.000	Góp vốn thành lập Công ty	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

TT	Thời gian thực hiện	VĐL trước khi thay đổi *(Triệu đồng)*	Giá trị vốn tăng/giảm *(Triệu đồng)*	VĐL sau khi thay đổi *(Triệu đồng)*	Hình thức tăng/giảm VĐL	Đơn vị cấp
2	Tháng 10/2021	10.000	200.000	210.000	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp kèm tăng vốn	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
3	Tháng 3/2026	210.000	210.000	420.000	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Thông tin về các đợt góp vốn của Công ty như sau:

6.1. Đợt góp vốn thành lập: 10.000.000.000 đồng

- Căn cứ pháp lý:
  + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2020/NQ-HĐQT của Công ty Cổ phần Helio Power ngày 25/05/2020 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Alpha Solar 1;
  + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/06/2020;
  + Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt góp vốn thành lập năm 2020 tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng;
- Hình thức: Góp vốn thành lập;
- Cơ quan cấp Giấy CNĐKDN: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt góp vốn thành lập năm 2020 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: "*Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn*".

6.2. Đợt tăng vốn lần 1: Vốn điều lệ tăng từ 10.000.000.000 đồng lên 210.000.000.000 đồng

- Căn cứ pháp lý:
  + Biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 18/10/2021 giữa các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Đầu tư Helios (nay là Công ty Cổ phần Helio Power), Ông Hoàng Thế Anh, Ông Phan Thành Đạt;
  + Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Heaven Power;
  + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/10/2021;
  + Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn năm 2021 tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 10.000.000.000 đồng;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 210.000.000.000 đồng;
- Tổng giá trị vốn tăng thêm: 200.000.000.000 đồng;
  Chi tiết đối tượng, số tiền thực tế góp vốn và số dư vốn đã góp tại ngày 19 tháng 10 năm 2021 như sau:

STT	Đối tượng góp vốn	Số tiền thu được từ đợt góp vốn (VND)	Vốn đã góp	
			Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Helios (nay tên là Công ty Cổ phần Helio Power)	189.500.000.000	199.500.000.000	95%
2	Ông Phan Thành Đạt	5.250.000.000	5.250.000.000	2,5%
3	Ông Hoàng Thế Anh	5.250.000.000	5.250.000.000	2,5%
Tổng cộng		**200.000.000.000**	**210.000.000.000**	**100%**

(Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn năm 2021 tại ngày 31/12/2022)

- Hình thức tăng vốn: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (từ công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần) kèm tăng vốn;
- Số lượng cổ phần phát hành tăng thêm: 20.000.000 cổ phần (Hai mươi triệu cổ phần);
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Cơ quan cấp Giấy CNĐKDN: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt tăng vốn năm 2021 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: "*Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh số 03 phần thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn*".

6.3. Đợt tăng vốn lần 2: Vốn điều lệ tăng từ 210.000.000.000 đồng lên 420.000.000.000 đồng

- Căn cứ pháp lý:
  + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Helio Energy số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024 kèm tờ trình số 09/2024/HIO/TTr-HĐQT về Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng;
  + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Helio Energy số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2025 kèm tờ trình số 06/2025/HIO/TTr-HĐQT về việc Tiếp tục thực hiện Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng.
  + Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 557/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/12/2025;
  + Công văn số 2044/UBCK-QLCB ngày 16/03/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
  + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026;
  + Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam số 13664222/69855781 ngày 08/04/2026;
  + Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (tăng vốn điều lệ từ 210 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C số 2.0460/26/TC-AC ngày 13/04/2026.
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 210.000.000.000 đồng;
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 420.000.000.000 đồng;
- Tổng giá trị vốn tăng thêm: 210.000.000.000 đồng;
- Hình thức tăng vốn: Chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Số lượng cổ phần phát hành tăng thêm: 21.000.000 cổ phần (Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu cổ phần);

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Mục đích chào bán: nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành;
- Cơ quan cấp Giấy CNĐKDN: Sở Tài chính Thành phố Hà Nội
- Cơ quan chấp thuận chào bán: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ngày 08/04/2026: "*Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình thay đổi vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần tại ngày 30 tháng 3 năm 2026 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thay đổi thặng dư vốn cổ phần.*"
- Ý kiến của kiểm toán tại báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (tăng vốn điều lệ từ 210 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng) tại ngày 13/04/2026: "*Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Công ty đã được lập trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ các nguyên tắc được trình bày tại thuyết minh số III.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.*"

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết tại các doanh nghiệp khác

Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn tại tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm 2024, 2025 và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm thực hiện của Công ty:

STT	Nội dung góp vốn	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ sở hữu (%)	Phương thức góp vốn
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần SD Trường Thành dẫn đến Công ty nắm giữ 59,32% vốn điều lệ Công ty Cổ phần SD Trường Thành	210.000.000.000	59,32%	Nhận chuyển nhượng cổ phần

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

- **Cổ phiếu phổ thông:**
  + Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 42.000.000 cổ phiếu;
  + Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 42.000.000 cổ phiếu;
  + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
  + Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành (theo mệnh giá): 420.000.000.000 đồng.

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 06/07/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	**Trong nước**	**374**	**41.992.600**	**99,982%**
1.1	*Tổ chức*	*3*	*31.612.000*	*75,267%*
1.2	*Cá nhân*	*371*	*10.380.600*	*24,716%*

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
2	**Nước ngoài**	**03**	**7.400**	**0,018%**
2.1	*Tổ chức*	*1*	*6.000*	*0.014%*
2.2	*Cá nhân*	*2*	*1.400*	*0,003%*
2.3	*Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ*	*0*	*0*	*0%*
3	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0%**
Tổng cộng		**377**	**42.000.000**	**100%**

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 06/07/2026 do VSDC cung cấp)

- **Cổ phiếu ưu đãi:** Không có.
- **Các loại chứng khoán khác:** Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định pháp luật:**
  + Theo quy định pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.
- **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức đăng ký niêm yết hiện tại:**
  + Theo Văn bản số 6405/UBCK-PTTT ngày 25/09/2023 tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.
  + Theo thông tin về số liệu sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam công bố tại ngày 06/07/2026, số cổ phần cổ đông nước ngoài sở hữu tại Công ty là 7.400 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,018% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Helio Energy và các công ty con là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời. Bên cạnh đó, Helio Energy còn triển khai các hoạt động dịch vụ khác như tư vấn thực hiện dự án điện; quản lý vận hành các dự án điện. Chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh tại Helio Energy và các công ty con như sau:

❖ **Hoạt động sản xuất điện năng**

Ngày 11/4/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg thiết lập cơ chế giá FIT cho điện mặt trời, qua đó khởi tạo thị trường và thu hút dòng vốn đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Tiếp đó, ngày 06/4/2020, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg được ban hành nhằm duy trì và điều chỉnh cơ chế khuyến khích, đồng thời tạo cú hích mạnh mẽ cho phân khúc điện mặt trời mái nhà. Đây là những cột mốc quan trọng, góp phần thúc đẩy thị trường năng lượng tái tạo và mở ra cơ hội phát triển cho điện sạch tại Việt Nam. Trong giai đoạn 2020 – 2021, sản lượng huy động từ NLTT có sự tăng trưởng vượt bậc, chiếm khoảng 11,4% cơ cấu điện trong năm 2021. Việt Nam nổi lên là một trong 3 nước có sản lượng NLTT tăng nhanh nhất thế giới từ năm 2019 đến nay bên cạnh Hà Lan và Úc. Ngày 15/04/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, trong đó định hướng cơ cấu điện từ các nguồn năng lượng tái tạo sẽ đạt tỷ lệ khoảng 28 - 36% vào năm 2030 và định hướng 74 - 75% vào năm 2050, trong đó Điện mặt trời sẽ chiếm khoảng 25,3 - 31,1% vào năm 2030 và 35,3 - 37,8% vào năm 2050.

Nhận thức rõ tầm quan trọng và tiềm năng phát triển của năng lượng tái tạo đối với nền kinh tế, trong bối cảnh nhu cầu điện tại Việt Nam tiếp tục gia tăng cùng với các chính sách khuyến khích đầu tư của Chính phủ, Helio Energy đã chủ động triển khai chiến lược đầu tư và M&A trong lĩnh vực điện mặt trời.

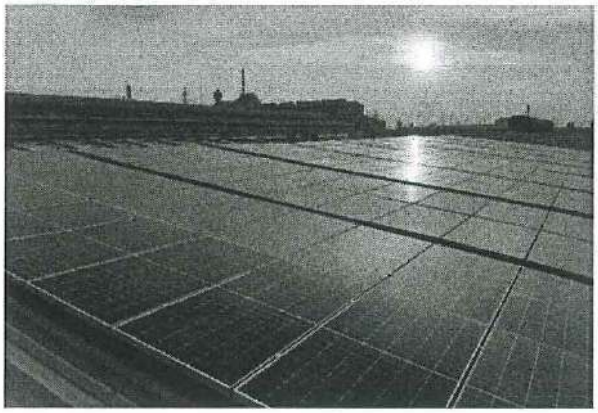
Trong giai đoạn năm 2021-2022, Công ty đã đẩy mạnh đầu tư xây dựng và thực hiện nhận chuyển nhượng các dự án điện mặt trời mái nhà. Các dự án được triển khai theo hình thức tổng thầu EPC với các nhà thầu uy tín, có kinh nghiệm, đảm bảo chất lượng xây dựng và vận hành. Đối với hoạt động M&A, Công ty ưu tiên lựa chọn các dự án đã đi vào vận hành thương mại và được hưởng cơ chế giá điện ưu đãi, qua đó đảm bảo hiệu quả đầu tư và dòng tiền ổn định trong dài hạn. Các dự án điện mặt trời mái nhà của Helio Energy và các công ty con hiện đang hoạt động tại các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh, là những khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi với số giờ nắng cao, ổn định và cường độ bức xạ lớn, giúp tận dụng hiệu quả nguồn năng lượng mặt trời. Việc phân bổ dự án theo nhiều địa bàn cũng góp phần đảm bảo tính ổn định tương đối trong sản lượng điện phát ra, đồng thời giảm thiểu rủi ro biến động sản lượng do điều kiện thời tiết tại từng khu vực riêng lẻ. Các dự án này đã được đưa vào vận hành thương mại trong từ cuối năm 2020. Các dự án đều đã hoàn tất thỏa thuận đấu nối và ký kết hợp đồng mua bán điện với giá 8,38 UScent/kWh, cố định trong 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại, theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.

Trong Quý I/2026, Công ty đã hoàn tất nhận chuyển nhượng 59,32% cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành – đơn vị sở hữu Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2. Dự án đặt tại xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng, là khu vực có điều kiện bức xạ mặt trời cao và ổn định, thuận lợi cho hoạt động phát điện, qua đó giúp duy trì hệ số phát điện ở mức cao so với thiết kế và đảm bảo sản lượng điện ổn định. Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã hoàn tất thỏa thuận đấu nối và ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN theo cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam quy định tại Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với mức giá áp dụng là 9,35 UScents/kWh.

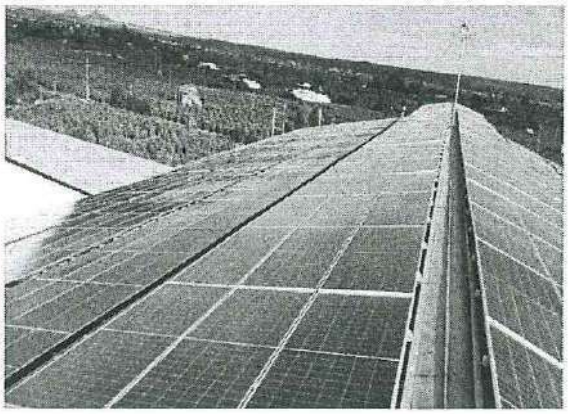
Việc hoàn tất M&A các dự án điện mặt trời mái nhà trong giai đoạn trước và tiếp tục hợp nhất Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 trong năm 2026 đã giúp Công ty mở rộng đáng kể quy mô công suất vận hành, đồng thời tạo động lực tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn tới.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

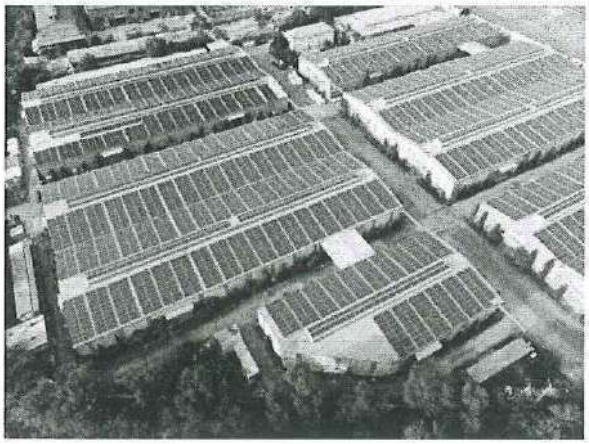
Hình ảnh các Dự án điện mặt trời mái nhà đang được vận hành tại các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh:



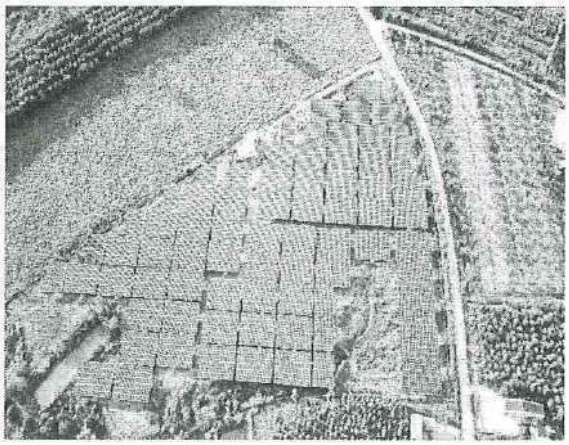
Dự án tại thành phố Hồ Chí Minh



Dự án tại tỉnh Lâm Đồng

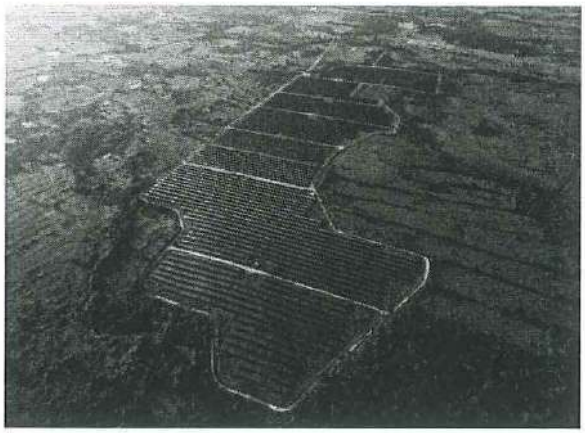


Dự án tại tỉnh Đồng Nai



Dự án tại tỉnh Đắk Lắk

Hình ảnh Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 tại tỉnh Lâm Đồng:





Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Bảng 7: Các Dự án điện mặt trời đang được vận hành tại Công ty và các công ty con

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
1	Công ty Cổ phần Helio Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Bình Thuận) (*)	998,00	1.351.239	2.755	721.568	1.519	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 60598220003766 ngày 28/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	990,00	1.229.342	2.507	657.047	1.383	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/000198 ngày 22/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) (*)	993,50	1.048.967	2.139	517.898	1.090	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 164/2020/PCBRVT-ĐMTMN ngày 28/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Đồng Nai (*)	1.001,00	984.618	2.008	631.944	1.330	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/0211 ngày 16/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Đồng Nai (*)	900,18	1.124.835	2.294	600.408	1.264	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/0254 ngày 25/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	999,68	1.314.183	2.680	706.678	1.488	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 25/HĐ-ĐLBTU ngày 10/12/2020
3	Công ty TNHH Omega Power 3	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	880,00	1.073.234	2.188	589.625	1.241	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/000268 ngày 31/12/2020
		Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Đồng Nai (*)	460,35	575.929	1.174	319.950	673	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 75740220002402 ngày 31/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Bình Thuận) (*)	400,00	617.395	1.259	330.686	696	Tháng 08 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 408/2020/HĐMBĐ-ĐMTMN ngày 17/08/2020
5	Công ty TNHH Ampire Power 4	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước là tỉnh Bình Dương) (*)	999,68	1.312.825	2.677	713.452	1.502	Tháng 11 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 23/HĐ-ĐLBTU ngày 25/11/2020
6	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.274.472	2.599	721.122	1.518	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304026/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
7	Công ty TNHH KCP Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.279.332	2.609	722.646	1.521	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304031/2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
8	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.235.562	2.519	709.033	1.493	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304027/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
9	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.241.063	2.531	710.466	1.496	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304025/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
10	Công ty TNHH TWO Brothers Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.252.057	2.553	717.094	1.509	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303983/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
11	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	999,00	1.229.011	2.506	700.517	1.475	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303996/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	999,00	1.220.673	2.489	696.468	1.466	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304028/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
13	Công ty TNHH Mặt Trời Tuấn Anh	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	998,76	1.254.158	2.557	718.776	1.513	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304023/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
14	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	988,90	1.263.765	2.577	709.960	1.494	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304029/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
15	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.256.765	2.563	710.665	1.496	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304024/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
16	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	988,92	1.219.260	2.486	680.830	1.433	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304022/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
17	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.258.761	2.567	736.833	1.551	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304030/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
18	Công ty TNHH Năng Lượng Thế Kỷ Mới	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	992,60	1.240.107	2.529	726.167	1.529	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303984/ 2020-HĐĐMT ngày 28/12/2020
19	Công ty TNHH Năng Lượng Thời Đại Mới	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.296.825	2.644	742.875	1.564	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12HH0153276/ 2020-HĐĐMT ngày 25/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
20	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.303.052	2.657	740.775	1.559	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số PC12HH0153275/ 2020-HĐĐMT ngày 25/12/2020
21	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	999,00	1.222.663	2.493	727.458	1.531	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/PC12II042688 5 ngày 26/12/2020
22	Công ty TNHH Solar Việt	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Đắk Lắk (*)	996,30	1.225.217	2.498	732.110	1.541	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 20/PC12II042688 6 ngày 26/12/2020
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	996,30	1.319.146	2.690	729.372	1.535	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 220/2020 ngày 26/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
24	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	999,17	1.319.317	2.690	728.925	1.534	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 209/2020 ngày 25/12/2020
25	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	996,30	1.303.232	2.657	721.843	1.519	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 215/2020 ngày 26/12/2020
26	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	1.003,68	1.332.684	2.717	732.593	1.542	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 211/2020 ngày 26/12/2020
27	Công Ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NVH Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,28	1.159.646	2.365	663.378	1.396	Tháng 11 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 23/2020 ngày 02/11/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
28	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Thành Thắng	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,35	1.088.551	2.220	605.919	1.275	Tháng 11 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 22/2020 ngày 02/11/2020
29	Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Duy Đình	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	996,20	1.144.300	2.333	593.722	1.250	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 227/2020 ngày 26/12/2020
30	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,35	1.112.396	2.268	590.487	1.243	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 172/2020 ngày 19/12/2020
31	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,88	1.135.550	2.315	591.944	1.246	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 222/2020 ngày 26/12/2020

STT	Công ty thực hiện	Dự án	Công suất (kWp)	Sản lượng năm 2025 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) năm 2025 (triệu đồng)	Sản lượng 6 tháng đầu năm 2026 (kWh)	Doanh thu (không gồm thuế GTGT) 6 tháng đầu năm 2026 (triệu đồng)	Thời điểm dự án bắt đầu vận hành phát điện	Hợp đồng mua bán điện
32	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,88	1.127.438	2.299	585.016	1.231	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 223/2020 ngày 26/12/2020
33	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Hệ thống điện mặt trời mái nhà tại Tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Đắk Nông) (*)	995,88	1.171.172	2.388	617.434	1.300	Tháng 12 năm 2020	Hợp đồng mua bán điện số 225/2020 ngày 26/12/2020
34	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 (**)	50.000	69.674.729	163.001	39.043.713	91.694	Tháng 6 năm 2019	Hợp đồng mua bán điện số 11/2018-NMĐMT-THUAN MINH 2 ngày 09/11/2018

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

(*) Các dự án điện mặt trời mái nhà của Công ty mẹ và các Công ty con đều đã hoàn tất đầy đủ các thủ tục pháp lý cần thiết để đưa vào vận hành theo Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2020/TT-BCT quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời ban hành bởi Bộ Công thương ngày 17/07/2020. Theo đó, toàn bộ các dự án điện mặt trời mái nhà hiện hữu đã hoàn thành thỏa thuận đấu nối, kiểm tra kỹ thuật, lắp đặt công tơ đo đếm sản lượng điện, chốt chỉ số công tơ, ký kết hợp đồng mua bán điện và đóng điện đưa hệ thống vào vận hành. Theo các hợp đồng mua bán điện đã ký kết, giá bán điện được áp dụng ở mức 8,38 UScent/kWh và được giữ cố định trong thời hạn 20 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Hiện nay, các dự án đang được vận hành ổn định, tuân thủ đầy đủ các quy trình kỹ thuật theo quy định và đáp ứng các yêu cầu về vận hành hệ thống điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

Về thời gian hoạt động của các dự án điện mặt trời mái nhà, hồ sơ pháp lý dự án không quy định cụ thể thời hạn hoạt động, và vòng đời thực tế được xác định thông qua tuổi thọ kỹ thuật của các thiết bị chính. Cụ thể: tấm pin quang điện được bảo hành hiệu suất 20 năm và có tuổi thọ vận hành thực tế có thể lên tới 25 – 35 năm; bộ biến tần (inverter) được nhà sản xuất công bố tuổi thọ thiết kế lên tới 20 – 25 năm; kết cấu giá đỡ và hệ thống cáp DC/AC được chứng nhận tuổi thọ 25 năm theo tiêu chuẩn hiện hành. Bên cạnh đó trong quá trình vận hành, các thiết bị này đều có thể được thay thế khi phát sinh sự cố mà không yêu cầu dừng toàn bộ hệ thống, đảm bảo tính liên tục của hoạt động phát điện. Với đặc tính nêu trên, vòng đời kỹ thuật của các dự án điện mặt trời mái nhà có thể được xác định là trên 20 năm, đáp ứng toàn bộ thời hạn của Hợp đồng mua bán điện.

(**) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 đã hoàn tất đầy đủ các thủ tục pháp lý cần thiết để đưa vào vận hành theo Thông tư số 16/2017/TT-BCT quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời ban hành bởi Bộ Công thương ngày 12/09/2017 và quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình:

- *Vị trí dự án: Xã Hàm Thuận, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam;*
- *Dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư số 1793/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận; theo đó xác định thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư.*
- *Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã hoàn tất thỏa thuận đấu nối và ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN theo cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam quy định tại Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với mức giá áp dụng là 9,35 UScents/kWh.*
- *Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã chính thức được đưa vào vận hành thương mại từ tháng 6/2019 theo công văn số 2926/EPTC-KDMĐ ngày 28/06/2019 của Công ty Mua bán điện.*
- *Công ty Cổ phần SD Trường Thành – đơn vị sở hữu Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 đã được Bộ Công thương cấp Giấy phép hoạt động Điện lực số 371/GP-ĐTĐL ngày 22/11/2019.*

❖ **Hoạt động dịch vụ tư vấn thực hiện dự án điện**

Helio Energy đã bắt đầu triển khai các hoạt động dịch vụ tư vấn thực hiện các dự án năng lượng tái tạo từ năm 2022. Từ đó đến nay, tận dụng kinh nghiệm, sự am hiểu chuyên sâu của đội ngũ nhân sự, Helio Energy tiếp tục cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ nghiên cứu khảo sát dự án đầu tư; tư vấn, hỗ trợ thực hiện phân tích, đánh giá hiệu quả dự án đầu tư năng lượng; tư vấn về công nghệ, giải pháp sản xuất năng lượng sạch; tư vấn quy trình thủ tục pháp lý dự án, hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký dự án; tư vấn triển khai thực hiện dự án;...

❖ **Hoạt động dịch vụ quản lý vận hành các dự án điện**

Từ giữa năm 2022, Helio Energy đã triển khai hoạt động dịch vụ quản lý vận hành dự án cho các công ty con. Từ đó đến nay, với mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả hoạt động quản trị, Công ty tiếp tục thực hiện triển khai hoạt động dịch vụ quản lý vận hành cho các công ty con bao gồm các dịch vụ: theo dõi, giám sát vận hành dự án, rửa pin, bảo trì, bảo dưỡng,... Ngoài ra, Công ty cũng tích cực tìm kiếm các khách hàng tiềm năng, mở rộng dịch vụ này tới các đơn vị bên ngoài với kỳ vọng dịch vụ này sẽ ngày càng phát triển và mang lại nguồn doanh thu ổn định.

10.1.2. Mô tả hoạt động kinh doanh

(a) Quy trình hoạt động kinh doanh

Helio Energy và các Công ty con có hoạt động chủ yếu là đầu tư xây dựng/thực hiện M&A các Dự án điện mặt trời và vận hành các dự án này. Các quy trình để thực hiện xây dựng và vận hành dự án, góp vốn/đầu tư vào các Công ty con và dự án, được HIO thực hiện nghiêm ngặt, cẩn trọng, cụ thể:

- **Đối với hoạt động xây dựng dự án:** Công ty sẽ lựa chọn và ký kết hợp đồng với các nhà thầu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật, chất lượng và tiến độ. Các nhà thầu sẽ thực hiện toàn bộ công việc thiết kế, mua sắm vật tư, thiết bị đến thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình; chạy thử, nghiệm thu và bàn giao dưới sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của Công ty.
- **Đối với hoạt động vận hành dự án:** Công ty luôn bảo đảm triển khai công việc đúng quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt. Hệ thống máy móc thiết bị chủ chốt (bao gồm tấm pin mặt trời, hệ thống inverter, trạm biến áp và đường dây truyền tải) được kiểm tra, đánh giá, vệ sinh và bảo dưỡng định kỳ. Cụ thể, công tác vệ sinh tấm pin và kiểm tra đầu nối được thực hiện bằng thiết bị chuyên dụng; hoạt động đo kiểm nhiệt độ, bảo dưỡng inverter và trạm biến áp được triển khai hàng tháng được thực hiện bởi các doanh nghiệp chuyên môn cung cấp các dịch vụ bảo trì bảo dưỡng nhằm tối ưu hóa tuổi thọ thiết bị và duy trì hiệu suất phát điện ở mức cao nhất. Đồng thời, xuyên suốt quá trình vận hành, Công ty tuân thủ tuyệt đối các quy định về an toàn cháy nổ và an toàn điện. Từng dự án của Công ty đều đã được nghiệm thu và cấp giấy nghiệm thu phòng cháy chữa cháy hoặc các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy hàng năm bởi cơ quan có thẩm quyền, cùng với việc nghiêm túc thực hiện mua bảo hiểm rủi ro tài sản và cháy nổ bắt buộc cho toàn bộ hệ thống điện, bảo đảm an toàn cho người lao động cũng như bảo vệ tối đa tài sản của doanh nghiệp trước các rủi ro khách quan.
- **Đối với hoạt động đầu tư/góp vốn vào công ty con:** Trước khi quyết định đầu tư hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp, Công ty thực hiện quy trình thẩm định toàn diện với sự tham gia của các bộ phận chuyên môn liên quan, bao gồm đánh giá hiệu quả tài chính, rà soát pháp lý và xem xét chất lượng dự án trên cơ sở mô hình triển khai, quy mô và phương

án đầu tư dự kiến. Việc đánh giá chất lượng dự án tập trung vào các yếu tố kỹ thuật như công nghệ, vật liệu, máy móc thiết bị, hiện trạng tài sản và khả năng vận hành nhằm đảm bảo hiệu quả khai thác và tính bền vững trong dài hạn. Trên cơ sở kết quả thẩm định của các bộ phận chuyên môn, Công ty thực hiện đánh giá hiệu quả đầu tư, xác định giá trị và xây dựng phương án giao dịch phù hợp. Đối với các giao dịch có quy mô lớn hoặc khi xét thấy cần thiết, Công ty có thể tham khảo ý kiến của các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, đơn vị thẩm định giá hoặc các tổ chức độc lập khác nhằm hỗ trợ quá trình đánh giá và ra quyết định đầu tư.

(b) Công nghệ áp dụng

Trong xã hội hiện đại ngày nay, công nghệ có vai trò đặc biệt quan trọng trong mọi mặt của đời sống, Công ty nhận thức được rằng việc áp dụng công nghệ vào quy trình hoạt động của doanh nghiệp là điều thiết yếu. Công ty luôn chú trọng tới việc áp dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật hiện đại vào các hoạt động kinh doanh của mình để tối ưu hóa năng lực sản xuất cũng như hiệu quả kinh doanh.

Trong công tác vận hành, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các giải pháp công nghệ hiện đại hàng đầu nhằm phát huy tối đa công suất toàn hệ thống và rút ngắn thời gian khắc phục sự cố. Toàn bộ thiết bị cấu thành như tấm pin, bộ biến tần (Inverter), hệ thống dây cáp điện chuyên dụng, và tủ phân phối đều được chọn lọc khắt khe từ các nhà sản xuất uy tín toàn cầu như Huawei, Growatt, JA Solar. Điểm nhấn công nghệ vượt trội nằm ở hệ thống Giám sát thông minh ở cấp độ chuỗi (Smart String) kết hợp Inverter chuỗi của Huawei/Growatt. Công nghệ này sở hữu khả năng tự động phát hiện lỗi chính xác đến từng chuỗi pin (string) và định vị vị trí sự cố qua bản đồ số hóa. Nhờ đó, hệ thống giúp giảm thiểu 80% thời gian rà soát thủ công của kỹ sư, cho phép cô lập vùng lỗi từ xa để sửa chữa nhanh chóng mà không làm gián đoạn hoạt động của toàn nhà máy, đồng thời tích hợp tính năng ngắt mạch tự động khi có sự cố hồ quang điện (AFCI) để giảm thiểu tối đa nguy cơ cháy nổ.

Một trong các thành phần cơ bản và quyết định hiệu suất hoạt động của hệ thống điện năng lượng mặt trời là các tấm pin mặt trời. Hiện nay, các Dự án điện mặt trời của Công ty đều sử dụng các tấm pin đơn tinh thể (pin mono) với hiệu suất và tuổi thọ cao hơn so với các tấm pin đa tinh thể (pin poly). So với pin poly, pin mono sở hữu các lợi thế vượt trội giúp tối ưu hóa hiệu quả kinh tế cho các dự án khi được cấu tạo từ phôi silicon đơn tinh thể có độ tinh khiết cực cao, giúp đạt hiệu suất quang năng từ 20% đến 22%, cao hơn hẳn mức 15% đến 17% của pin poly, từ đó sản xuất ra lượng điện lớn hơn trên cùng một diện tích lắp đặt. Bên cạnh đó, cấu trúc nguyên tử đồng nhất giúp pin mono có hệ số suy giảm hiệu suất theo nhiệt độ thấp hơn; ngay cả trong điều kiện ánh sáng yếu, trời âm u hoặc ít nắng, loại pin này vẫn duy trì khả năng hấp thụ và sản xuất điện ổn định, đảm bảo sản lượng phát lưới quanh năm. Ngoài ra, pin mono có tỷ lệ suy hao công suất rất thấp dưới 0.5% mỗi năm, đảm bảo tuổi thọ vận hành hiệu quả trên 25 năm, cùng khả năng chống chịu tốt với điều kiện môi trường khắc nghiệt giúp doanh nghiệp giảm thiểu chi phí bảo trì và tối ưu hóa dòng tiền đầu tư dài hạn.

Bên cạnh đó, Công ty từng bước ứng dụng các giải pháp công nghệ số trong công tác giám sát và bảo trì dự án. Tại một số dự án, Công ty sử dụng thiết bị bay không người lái (drone) tích hợp cảm biến nhiệt để kiểm tra tình trạng hoạt động của các tấm pin mặt trời và phát hiện sớm các điểm phát nhiệt bất thường (hotspot), suy giảm hiệu suất hoặc các dấu hiệu hư hỏng tiềm ẩn mà phương pháp kiểm tra thông thường khó nhận diện. Dữ liệu thu thập được từ hệ thống giám sát, thiết bị đo đạc và drone được tổng hợp, phân tích thông qua các công cụ xử lý

dữ liệu nhằm hỗ trợ đánh giá hiệu suất vận hành, dự báo sản lượng điện, nhận diện sớm các rủi ro kỹ thuật và xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng phù hợp. Qua đó, Công ty nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống, giảm thiểu thời gian ngừng hoạt động và tối ưu hóa sản lượng điện của các dự án.

Tại các dự án, Công ty vẫn bố trí đội ngũ nhân sự chuyên môn và kỹ thuật phù hợp để thực hiện công tác vận hành, kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, giám sát tình trạng hoạt động của hệ thống và xử lý các sự cố phát sinh khi cần thiết. Với địa bàn hoạt động trải dài ở các tỉnh, trụ sở Công ty ở Hà Nội trong khi các dự án hầu hết ở khu vực phía Nam, Công ty đã đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống công nghệ thông tin trong công tác quản trị, điều hành và giám sát hoạt động. Thông qua các nền tảng họp trực tuyến, hệ thống quản lý dữ liệu và giám sát vận hành từ xa, Ban lãnh đạo Công ty có thể kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của các dự án, đưa ra các quyết định điều hành nhanh chóng, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu chi phí vận hành.

(c) *Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh*

Helio Energy và các Công ty con hoạt động chính trong lĩnh vực năng lượng, hoạt động kinh doanh không mang tính thời vụ mà diễn ra liên tục trong năm.

(d) Đánh giá tác động của môi trường

Tại Helio Energy và các Công ty con, danh mục các dự án điện mặt trời, bao gồm các dự án điện mặt trời mái nhà và Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, là minh chứng cho mô hình phát triển năng lượng tái tạo theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường. Các dự án điện mặt trời mái nhà được triển khai trên mái các công trình hiện hữu hoặc khu vực có quy mô hạn chế, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất và hạn chế tối đa tác động đến môi trường xung quanh; trong quá trình vận hành, hệ thống không phát thải khí, không phát sinh nước thải và không gây ô nhiễm tiếng ồn. Đối với Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, dự án được đầu tư và xây dựng tại khu vực phù hợp quy hoạch, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng đến địa hình tự nhiên, hệ sinh thái và môi trường khu vực. Dự án đã được phê duyệt các yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải, các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh Bình Thuận. Ngoài ra, dự án được triển khai trên quỹ đất năng lượng, không ảnh hưởng đến khu vực đất rừng, hệ thống sông suối và hệ sinh thái thiên nhiên xung quanh. Toàn bộ các dự án được vận hành theo mô hình giám sát và điều khiển từ xa, đảm bảo an toàn, ổn định và tối ưu hiệu suất khai thác, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình đầu tư và vận hành, qua đó thể hiện định hướng phát triển năng lượng tái tạo bền vững, hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

(e) Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Đối với Helio Energy, hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời không phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu đầu vào theo nghĩa truyền thống, mà chủ yếu dựa vào nguồn bức xạ mặt trời – một nguồn năng lượng tái tạo tự nhiên, dồi dào và không bị giới hạn. Bên cạnh đó, các dự án điện mặt trời của Công ty, bao gồm các hệ thống điện mặt trời mái nhà và Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, đều sử dụng các thiết bị theo một quy trình khép kín: các tấm pin quang điện có nhiệm vụ hấp thụ ánh nắng và chuyển hóa thành dòng điện một chiều (DC). Dòng điện này tiếp tục đi qua bộ biến tần (inverter) để đổi sang dòng điện xoay chiều (AC) tương thích

với lưới điện. Cuối cùng, máy biến áp cùng hệ thống điện phụ trợ sẽ làm nhiệm vụ tăng áp và truyền tải nguồn năng lượng sạch này hòa vào hệ thống điện quốc gia một cách an toàn và ổn định. Các thiết bị này được đầu tư đồng bộ ngay từ giai đoạn xây dựng và có vòng đời khai thác dài, ít phát sinh nhu cầu thay thế lớn trong quá trình vận hành. Trong giai đoạn vận hành, nhu cầu vật tư chủ yếu liên quan đến công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và thay thế thiết bị phụ trợ. Các vật tư này có nguồn cung phổ biến trên thị trường, với chất lượng kiểm soát và có mức giá tương đối ổn định.

Ảnh hưởng của giá cả đến doanh thu và lợi nhuận:

Do đặc thù không sử dụng nguyên liệu đầu vào có chi phí biến đổi lớn, chi phí sản xuất điện của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí vận hành, bảo trì hệ thống. Nguồn năng lượng đầu vào là bức xạ mặt trời không chịu tác động bởi biến động giá cả thị trường, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro biến động giá nguyên vật liệu như các ngành sản xuất truyền thống. Tuy nhiên, hiệu quả khai thác điện có thể chịu ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, đặc biệt là số giờ nắng và cường độ bức xạ, đây là yếu tố đặc thù của ngành năng lượng tái tạo. Nhìn chung, với đặc thù chi phí đầu vào ổn định và không phụ thuộc vào biến động giá nguyên vật liệu, Công ty có lợi thế trong việc kiểm soát chi phí và duy trì hiệu quả hoạt động trong dài hạn.

(f) Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, với sản phẩm là điện năng được hòa vào hệ thống điện quốc gia thông qua các hợp đồng mua bán điện đã ký kết. Quá trình phát điện tại các nhà máy của Công ty được thiết lập vận hành tự động và liên tục thông qua hệ thống "mắt thần" giám sát - công nghệ điều khiển từ xa thông minh, giúp số hóa toàn bộ dữ liệu kỹ thuật để đảm bảo hệ thống luôn chạy ổn định ở trạng thái lý tưởng nhất. Không chỉ tập trung vào sản lượng, chất lượng dòng điện phát ra luôn được đo lường nghiêm ngặt bằng các thiết bị kiểm định công nghệ cao trước khi hòa vào lưới điện chung. Hoạt động này được kết nối trực tiếp và đồng bộ với hạ tầng năng lượng quốc gia theo quy định tại Thông tư 40/2014/TT-BCT và Thông tư 30/2019/TT-BCT của Bộ Công thương. Theo đó, mọi thông số cốt lõi như công suất, điện áp và tần số dòng điện đều được truyền dữ liệu theo thời gian thực (Real-time) về Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0) qua hệ thống SCADA/EMS. Việc tuân thủ tuyệt đối các lệnh điều phối này giúp nhà máy vận hành nhịp nhàng cùng hệ thống chung, giữ cho dòng điện luôn an toàn, ổn định.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng hệ thống quản lý vận hành theo hướng chuẩn hóa và kiểm soát rủi ro, bao gồm việc xây dựng và thực hiện các quy trình vận hành tiêu chuẩn, kế hoạch bảo trì bảo dưỡng định kỳ và kiểm tra kỹ thuật thường xuyên đối với toàn bộ hệ thống thiết bị. Công tác bảo trì được triển khai theo hướng chủ động, kết hợp giữa bảo trì định kỳ và bảo trì dựa trên tình trạng thiết bị, nhằm kéo dài tuổi thọ tài sản, giảm thiểu sự cố và duy trì mức độ sẵn sàng vận hành cao của các nhà máy. Ngoài ra, Công ty chú trọng triển khai đồng bộ các yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng cháy chữa cháy trong toàn bộ quá trình vận hành. Các hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ được thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn ngành, đồng thời nâng cao ý thức và năng lực quản lý vận hành của hệ thống.

Thông qua việc duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng và vận hành theo hướng chuyên nghiệp, Công ty hướng tới đảm bảo độ tin cậy cao trong phát điện, tối ưu hiệu quả khai thác tài

sản và đáp ứng ổn định các nghĩa vụ cung cấp điện theo hợp đồng đã ký kết, qua đó củng cố uy tín và vị thế của Công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

10.1.3. Cơ cấu doanh thu của Công ty

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Doanh thu bán điện	9.801	29,10%	9.408	28,25%	5.322	31,07%
2. Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	23.764	70,56%	23.708	71,18%	11.718	68,39%
3. Doanh thu cho thuê	113	0,33%	190	0,57%	93	0,54%
Tổng cộng	**33.678**	**100%**	**33.306**	**100%**	**17.133**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Doanh thu bán điện	100.488	84,23%	93.105	84,94%	106.124	92,83%
2. Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý	14.111	11,83%	14.023	12,79%	6.963	6,09%
3. Doanh thu cho thuê	4.700	3,94%	2.482	2,26%	1.239	1,08%
Tổng cộng	**119.299**	**100%**	**109.611**	**100%**	**114.327**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Doanh thu thuần của Công ty mẹ đến từ hoạt động bán điện, và các hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý liên quan đến ngành điện. Trong năm 2025, doanh thu thuần của Công ty mẹ là 33,31 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm 2024. Trong đó, cơ cấu doanh thu bán điện vẫn duy trì ở mức ổn định. Sang đến năm 2026, doanh thu thuần 6 tháng đầu năm đạt mức 17,13 tỷ đồng.

Đối với hoạt động bán điện, hiện nay, Công ty mẹ đang vận hành và quản lý 4 dự án điện mặt trời với tổng công suất là 4 MWp tại các tỉnh Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai. Các dự án điện mặt trời này đã được Công ty ký kết hợp đồng bán điện các đơn vị điện lực tại từng địa phương tương ứng, với giá bán điện là 8,38 UScent/kWh cố định trong 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Do đó, doanh thu hoạt động này đang được duy trì ổn định qua các năm. Doanh thu hoạt động bán điện năm 2024 và năm 2025 đạt giá trị lần lượt là 9,80 tỷ đồng (chiếm 29,10% tổng doanh thu thuần) và 9,41 tỷ đồng (chiếm 28,25% tổng doanh thu

thuần). Doanh thu bán điện 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty mẹ đạt 5,32 tỷ đồng (chiếm 31,07% tổng doanh thu thuần).

Đối với hoạt động dịch vụ, Công ty mẹ cung cấp hai dịch vụ chính là quản lý vận hành dự án điện mặt trời trên mái nhà và tư vấn đầu tư thực hiện dự án điện. Từ giữa năm 2022, Công ty mẹ đã triển khai dịch vụ quản lý vận hành cho các dự án của Công ty con nhằm khai thác tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty, đảm bảo việc quản lý, giám sát vận hành và bảo dưỡng được thống nhất, thuận lợi giữa các đơn vị. Đối với dịch vụ quản lý vận hành, Công ty mẹ và các công ty con thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ theo từng năm. Trên cơ sở nhu cầu thực tế và hiệu quả triển khai dịch vụ, các bên thực hiện rà soát, đánh giá và ký kết lại hợp đồng định kỳ theo quy định. Đồng thời, với đội ngũ kỹ sư lành nghề và có nhiều kinh nghiệm, Công ty mẹ còn thực hiện mở rộng dịch vụ này ra với các đối tác bên ngoài. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn duy trì được tệp khách hàng ổn định và triển khai ký kết hợp đồng thường niên với các khách hàng thân thiết. Bên cạnh dịch vụ quản lý vận hành, Công ty mẹ cũng tích cực triển khai hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, hỗ trợ các đối tác có nhu cầu và mong muốn tham gia vào thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Nhờ đó, tổng doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý luôn duy trì mức tỷ trọng lớn trên tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ. Doanh thu dịch vụ tư vấn, quản lý năm 2024 và năm 2025 đạt giá trị tương ứng lần lượt là 23,76 tỷ đồng (chiếm 70,56% tổng doanh thu thuần) và 23,71 tỷ đồng (chiếm 71,18% tổng doanh thu thuần). Doanh thu hoạt động tư vấn, quản lý của Công ty mẹ đạt gần 11,72 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2026 (chiếm 68,39% tổng doanh thu thuần)

Về tình hình doanh thu hợp nhất của Công ty, doanh thu thuần năm 2024 và năm 2025 lần lượt đạt 119,30 tỷ đồng và 109,61 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần hợp nhất đạt gần 114,33 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ việc hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành từ tháng 3/2026.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con là sản xuất điện từ năng lượng mặt trời, do đó doanh thu bán điện luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất. Nhờ tích lũy kinh nghiệm trong công tác quản lý, vận hành, thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để xây dựng và điều chỉnh kế hoạch vận hành phù hợp, Công ty đã tối ưu hóa sản lượng điện phát, góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hạn chế tác động bất lợi từ các yếu tố khách quan. Cụ thể, doanh thu bán điện hợp nhất năm 2024 đạt 100,50 tỷ đồng, chiếm 84,23% tổng doanh thu thuần. Năm 2025, doanh thu bán điện đạt 93,11 tỷ đồng, chiếm 84,94% tổng doanh thu thuần, giảm 7,35% so với năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu bán điện đạt 106,12 tỷ đồng, chiếm 92,83% tổng doanh thu thuần hợp nhất, phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động sản xuất điện của Công ty sau khi hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành, kết hợp với hiệu quả vận hành ổn định của các nhà máy điện mặt trời hiện hữu.

Trong cơ cấu Doanh thu thuần hợp nhất, dịch vụ tư vấn, quản lý đem lại doanh thu trong năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 lần lượt là 14,11 tỷ đồng, 14,02 tỷ đồng và 6,96 tỷ đồng. Hoạt động này được thực hiện tại Công ty mẹ như đã trình bày ở trên. Ngoài ra, doanh thu hợp nhất còn đến từ hoạt động cho thuê, cụ thể là cho thuê khung giàn nhà xưởng tại các công ty con. Doanh thu từ hoạt động này không đáng kể, đạt mức 4,70 tỷ đồng trong năm 2024 và 2,48 tỷ đồng trong năm 2025. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu từ hoạt động cho thuê khung giàn đạt 1,24 tỷ đồng.

Ngoài nguồn doanh thu thuần kể trên, Công ty và các Công ty con có các thu nhập khác chi tiết như sau:

• ***Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (Renewable Energy Certificate - REC)***

- *Về tính chất hoạt động và nguồn gốc phát sinh thu nhập:*

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo (Renewable Energy Certificate - REC) phát sinh trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ và mua bán Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo được ký kết giữa Công ty, các công ty con và SYS Energy Pte., Ltd. Theo đó, SYS Energy là đơn vị thực hiện việc đăng ký, phát hành, quản lý và giao dịch REC trên thị trường. Hợp đồng được ký kết từ năm 2023 và hiện có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo thỏa thuận gia hạn giữa hai bên.

REC là chứng nhận xác nhận sản lượng điện được sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo. Trên cơ sở sản lượng điện thực tế phát lên lưới của các dự án điện năng lượng tái tạo, các chứng nhận REC được phát hành sau khi được đăng ký, xác minh và ghi nhận bởi hệ thống đăng ký quốc tế có liên quan và có thể được giao dịch với các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhằm đáp ứng các mục tiêu về môi trường, phát triển bền vững hoặc giảm phát thải carbon. Hiện nay, Công ty và các công ty con đều thực hiện đăng ký tham gia hoạt động chuyển nhượng Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo. Việc đăng ký được thực hiện theo từng pháp nhân sở hữu các dự án điện mặt trời mái nhà.

Do các dự án của Công ty và các công ty con đều đang vận hành ổn định, hoạt động chuyển nhượng REC có tính chất phát sinh định kỳ trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, đây chỉ là hoạt động khai thác giá trị gia tăng từ việc sản xuất nguồn điện năng lượng tái tạo, không phải hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty và các công ty con. Nguồn doanh thu và dòng tiền chủ yếu của Công ty và các công ty con vẫn đến từ hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng. Vì vậy, khoản thu nhập từ REC chỉ mang tính chất bổ trợ, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty và không phải là nguồn thu nhập trọng yếu trong cơ cấu doanh thu.

- *Về cơ sở xác định giá chuyển nhượng:*

Giá chuyển nhượng được xác định trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ và mua bán Giấy chứng nhận năng lượng tái tạo ký giữa Công ty, các công ty con và Công ty SYS Energy Pte., Ltd. Theo đó, sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký, xác minh tài sản và phát hành REC, SYS Energy thực hiện việc tìm kiếm khách hàng và giao dịch REC trên thị trường. Giá trị thanh toán cho Công ty được xác định căn cứ trên công suất lắp đặt của các dự án điện mặt trời mái nhà và đơn giá được các bên thống nhất trong hợp đồng.

Hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo của Công ty và các công ty con phụ thuộc vào nhu cầu nhận chuyển nhượng trên thị trường nên không phải là hoạt động thường xuyên. Tính đến 31/12/2025, toàn bộ các Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của Công ty và các công ty con đều có hoạt động chuyển nhượng này.

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Khách hàng	Doanh thu năm 2024	Tình hình thanh toán	Doanh thu năm 2025	Tình hình thanh toán
1	SYS Energy Pte, LTD	32.143.755	Tại ngày 31/12/2024: Đã hoàn thành thu tiền	37.227.110	Tại ngày 31/12/2025: Công ty chưa thu được tiền
	Tổng cộng	**32.143.755**		**37.227.110**	

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Khách hàng	Doanh thu năm 2024	Tình hình thanh toán	Doanh thu năm 2025	Tình hình thanh toán
1	SYS Energy Pte, LTD	300.156.630	Tại ngày 31/12/2024: Đã hoàn thành thu tiền	346.194.086	Tại ngày 31/12/2025: Công ty chưa thu được tiền
	Tổng cộng	**300.156.630**		**346.194.086**	

- *Về đánh giá khả năng thu hồi:*

Công ty đã hoàn thành thu tiền trong năm 2023 và 2024. Đối với số tiền phải thu trong năm 2025, Công ty hiện vẫn đang tích cực làm việc với đối tác để thúc đẩy quá trình thanh toán và chưa có thông tin hoặc văn bản chính thức thể hiện việc đối tác từ chối thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản công nợ này. Tuy nhiên, công ty vẫn tiếp tục ghi nhận và trích lập dự phòng theo tuổi nợ theo quy định tại Điều 6 – Thông ty 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 *(chi tiết tại phần các khoản phải thu)*

- ***Thu nhập khác từ lãi từ giao dịch mua rẻ:***

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty ghi nhận khoản lãi từ giao dịch mua rẻ gần 71,85 tỷ đồng phát sinh khi nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành. Khoản lãi này được trình bày trong chỉ tiêu Thu nhập khác, chi tiết như sau:

Căn cứ theo đoạn 55 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2005, quy định:

"Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận theo quy định tại đoạn 36 vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì bên mua phải:

a) Xem xét lại việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh; và

b) Ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tất cả các khoản chênh lệch vẫn còn sau khi đánh giá lại."

Căn cứ theo Khoản 9 – Điều 10: Nguyên tắc chung khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất – Thông tư số 202/2014/TT-BTC – Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, quy định:

"9. Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con)."

Chỉ tiêu	**Giá trị** *(đvt:đồng)*
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	475.157.194.947
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	193.308.169.943
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	281.849.025.004
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	210.000.000.000
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	**(71.849.025.004)**

(*) *Theo Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo, Giá trị vốn chủ sở hữu của SD Trường Thành tại thời điểm 16/03/2026 được xác định là 479.023.000.000 VND. Chênh lệch tăng so với giá trị ghi sổ là 3.865.805.053 VND, tương đương 0,81%. Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thẩm định giá tăng không đáng kể so với giá trị ghi sổ. Do đó, giá trị hợp lý được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.*

Giá phí hợp nhất kinh doanh chênh lệch nhỏ hơn so với giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua, do giá mua đã được các bên thỏa thuận và ấn định từ năm 2024, không có thay đổi tại thời điểm thực tế giao dịch chuyển nhượng cổ phần (tháng 3/2026). Cụ thể, giá chuyển nhượng cổ phần được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của CTCP SD Trường Thành, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được ghi nhận trong thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần ký kết giữa các bên vào năm 2024. Các điều khoản về giá chuyển nhượng này được các bên tuân thủ và cam kết thực hiện cho đến thời điểm hoàn tất giao dịch.

Về khả năng phân phối lợi nhuận từ lãi từ giao dịch mua rẻ: Căn cứ nguyên tắc kế toán của Tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được quy định tại thông tư số 99/2025/TT -BTC – Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính bán hành ngày 27 tháng 10 năm 2025, quy định: *"Các doanh nghiệp khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của doanh nghiệp."*

10.1.4. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 10: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	**Năm 2024**		**Năm 2025**		**6 tháng đầu năm 2026**	
	Giá trị	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**	**Giá trị**	**Tỷ trọng (%)**
1. Lợi nhuận gộp bán điện	3.832	29,58%	2.938	25,53%	1.756	36,09%
2. Lợi nhuận gộp dịch vụ tư vấn, quản lý	9.199	71,02%	8.561	74,39%	3.107	63,85%
3. Lợi nhuận gộp cho thuê	(78)	(0,60%)	9	0,08%	3	0,06%
Tổng lợi nhuận gộp	**12.953**	**100%**	**11.508**	**100%**	**4.866**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 11: Cơ cấu Lợi nhuận gộp (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1. Lợi nhuận gộp bán điện	46.949	90,18%	35.718	87,84%	59.484	97,17%
2. Lợi nhuận gộp dịch vụ tư vấn, quản lý	5.526	10,61%	5.155	12,68%	1.837	3,00%
3. Lợi nhuận gộp cho thuê	(413)	(0,79%)	(210)	(0,52%)	(107)	(0,17%)
Tổng lợi nhuận gộp	**52.062**	**100%**	**40.663**	**100%**	**61.215**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

❖ **Hoạt động sản xuất điện**

Đối với Công ty mẹ, hoạt động sản xuất điện đóng góp lần lượt 29,58%, 25,53% và 36,09% tổng lợi nhuận gộp trong năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán điện năm 2025 giảm so với năm 2024 chủ yếu do sản lượng điện thực tế suy giảm dưới tác động của điều kiện thời tiết và bức xạ mặt trời kém thuận lợi hơn năm trước. Tuy nhiên, các dự án vẫn duy trì trạng thái vận hành bình thường, sản lượng điện thực tế cơ bản phù hợp với đặc điểm kỹ thuật và điều kiện khai thác của từng dự án.

Đối với toàn Công ty, hoạt động sản xuất điện tiếp tục là mảng kinh doanh cốt lõi, đóng góp trên 87% tổng lợi nhuận gộp trong các kỳ được trình bày. Mặc dù lợi nhuận gộp năm 2025 giảm so với năm 2024 do sản lượng điện bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan về thời tiết, các dự án vẫn duy trì hiệu quả khai thác và là nguồn đóng góp lợi nhuận chủ yếu của Công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán điện ghi nhận mức tăng trưởng tích cực nhờ kết quả vận hành thuận lợi của các dự án hiện hữu, đồng thời bắt đầu ghi nhận đóng góp từ Công ty Cổ phần SD Trường Thành sau khi được hợp nhất vào HIO từ tháng 3/2026.

❖ **Hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý**

Đối với Công ty mẹ, hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý là nguồn đóng góp lợi nhuận gộp chủ yếu, chiếm trên 70% tổng lợi nhuận gộp trong các năm 2024 và 2025. Nguồn thu này chủ yếu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ quản lý, vận hành, giám sát kỹ thuật và hỗ trợ chuyên môn cho các dự án điện mặt trời mái nhà. Kết quả trên phản ánh vai trò của Công ty mẹ là đơn vị trung tâm trong công tác quản lý và vận hành các dự án, đồng thời cho thấy năng lực chuyên môn và kinh nghiệm quản lý của Công ty đã được khai thác hiệu quả để tạo nguồn thu ổn định.

Đối với hợp nhất, hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý duy trì kết quả tương đối ổn định trong các năm được trình bày. Mặc dù tỷ trọng thấp hơn so với hoạt động sản xuất điện, đây vẫn là nguồn thu bổ trợ có ý nghĩa, góp phần đa dạng hóa cơ cấu doanh thu.

❖ **Hoạt động cho thuê**

Hoạt động cho thuê chủ yếu phát sinh từ việc cho thuê khung giàn nhà xưởng tại các dự án điện mặt trời áp mái để các đơn vị địa phương thực hiện hoạt động canh tác dưới mái, bên cạnh một số hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị với quy mô nhỏ. Đây là hoạt động mang tính bổ

trợ, được triển khai nhằm tận dụng cơ sở hạ tầng hiện hữu của các dự án, không phải hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động cho thuê ghi nhận giá trị âm hoặc hòa vốn trong các năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026. Nguyên nhân chủ yếu là do mức giá cho thuê tại một số dự án chưa đủ bù đắp toàn bộ chi phí khấu hao và các chi phí liên quan đến tài sản cho thuê. Giá cho thuê giữa các dự án có sự khác biệt tùy thuộc vào vị trí địa lý, điều kiện canh tác, đặc điểm thổ nhưỡng và nhu cầu thuê tại từng địa phương. Trong đó, các dự án thuộc Công ty mẹ tại khu vực đồng bằng có hiệu quả cho thuê tốt hơn, trong khi một số dự án tại các công ty con ghi nhận mức giá cho thuê thấp hơn.

Tuy nhiên, việc triển khai hoạt động cho thuê vẫn giúp Công ty tận dụng hiệu quả tài sản hiện hữu, tạo thêm nguồn thu để bù đắp một phần chi phí khấu hao và chi phí vận hành phát sinh. Trong trường hợp không thực hiện cho thuê, Công ty vẫn phải ghi nhận các chi phí liên quan đến tài sản nhưng không phát sinh doanh thu tương ứng, dẫn đến hiệu quả sử dụng tài sản thấp hơn. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục rà soát và tối ưu phương án khai thác đối với từng dự án nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và cải thiện kết quả của hoạt động này.

10.1.5. Cơ cấu chi phí của Công ty

Bảng 12: Cơ cấu chi phí (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Giá vốn hàng bán	**20.725**	**73,99%**	**21.798**	**70,66%**	**12.267**	**67,05%**
1. Giá vốn bán điện	5.969	21,31%	6.471	20,98%	3.566	19,49%
2. Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	14.565	52,00%	15.147	49,10%	8.611	47,07%
3. Giá vốn cho thuê	191	0,68%	180	0,58%	90	0,49%
II. Chi phí tài chính	**1.105**	**3,95%**	**1.112**	**3,60%**	**736**	**4,02%**
III. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
IV. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**6.166**	**22,01%**	**7.774**	**25,20%**	**5.279**	**28,86%**
V. Chi phí khác	**15**	**0,05%**	**163**	**0,53%**	**12**	**0,07%**
Tổng cộng	**28.012(*)**	**100%**	**30.847**	**100%**	**18.294**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 13: Cơ cấu chi phí (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Giá vốn hàng bán	**67.237**	**67,72%**	**68.948**	**73,26%**	**53.112**	**71,73%**
1. Giá vốn bán điện	53.539	53,93%	57.387	60,98%	46.640	62,99%
2. Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	8.586	8,65%	8.869	9,42%	5.126	6,92%
3. Giá vốn cho thuê	5.113	5,15%	2.693	2,86%	1.346	1,82%
II. Chi phí tài chính	**22.865**	**23,03%**	**15.800**	**16,79%**	**14.334**	**19,36%**
III. Chi phí bán hàng	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
IV. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**7.941**	**8,00%**	**9.111**	**9,68%**	**6.494**	**8,77%**
V. Chi phí khác	**1.237**	**1,25%**	**247**	**0,26%**	**109**	**0,15%**
Tổng cộng	**99.280**	**100%**	**94.106**	**100%**	**74.048**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Tổng chi phí trong năm 2025 đạt 30,85 tỷ đồng, tăng 10,12% so với năm 2024. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty mẹ là chi phí cho Giá vốn hàng bán. Tổng giá vốn hàng bán năm 2024 và năm 2025 đạt giá trị lần lượt là 20,7 tỷ đồng (chiếm 74% tổng chi phí) và 21,80 tỷ đồng (chiếm 70,66% tổng chi phí). Giá vốn hàng bán của Công ty mẹ bao gồm Giá vốn bán điện, Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý và Giá vốn cho thuê. Sang đến 6 tháng đầu năm 2026, tổng chi phí Công ty mẹ đạt gần 18,30 tỷ đồng. Trong đó, giá vốn hàng bán đạt 12,27 tỷ đồng (chiếm 67,05% tổng chi phí).

Giá vốn bán điện bao gồm chi phí khấu hao hệ thống điện mặt trời, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài; trong đó, chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng lớn nhất. Hiện tại, hệ thống điện mặt trời được khấu hao theo phương pháp đường thẳng nên chi phí khấu hao thay đổi không đáng kể giữa các năm. Trong năm 2025, giá vốn bán điện là 6,47 tỷ đồng, tăng 8,41% so với năm 2024. Đến hết 6 tháng đầu năm 2026, giá vốn bán điện là đạt gần 3,57 tỷ đồng (chiếm 19,49% tổng chi phí).

Giá vốn hoạt động dịch vụ tư vấn, quản lý bao gồm chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác. Trong năm 2025 giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý đạt mức 15,15 tỷ đồng (chiếm 49,10% tổng chi phí), tăng 4% so với năm 2024. Sang đến năm 2026, giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý 6 tháng đầu năm là 8,61 tỷ đồng (chiếm 47,07% tổng chi phí)

Chi phí tài chính của Công ty mẹ bao gồm chi phí lãi vay và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (cụ thể là dự phòng khoản đầu tư tại công ty con hoạt động lỗ), trong đó, chủ yếu là chi

phí lãi vay. Năm 2025, chi phí tài chính đạt 1,11 tỷ đồng, tương đương với chi phí tài chính năm 2024. Sang 6 tháng đầu năm 2026, chi phí tài chính của Công ty mẹ là 736 triệu đồng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí thuê văn phòng,... Năm 2025 chi phí này đạt mức 7,77 tỷ đồng (chiếm 25,20% tổng chi phí), tăng 26,08% so với năm 2024. Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty mẹ trong 6 tháng đầu năm 2026 là 5,28 tỷ đồng (chiếm 28,86% tổng chi phí).

Tổng chi phí hợp nhất của Công ty năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 lần lượt đạt 99,28 tỷ đồng, 94,11 tỷ đồng và 74,05 tỷ đồng. Trong cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tương ứng 67,72%, 73,26% và 71,73% tổng chi phí qua các kỳ, chủ yếu là giá vốn hoạt động bán điện. Cụ thể, giá vốn bán điện năm 2024 đạt 53,50 tỷ đồng. Năm 2025, giá vốn bán điện tăng lên 57,39 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,19% so với năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2026, giá vốn bán điện hợp nhất đạt gần 46,64 tỷ đồng, chiếm 62,99% tổng chi phí hợp nhất. Mức tăng của giá vốn bán điện trong kỳ chủ yếu xuất phát từ việc Công ty hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành từ tháng 3/2026, làm gia tăng quy mô tài sản và sản lượng điện phát, qua đó kéo theo chi phí sản xuất điện hợp nhất tăng tương ứng trong 6 tháng đầu năm 2026.

Hoạt động tư vấn, quản lý được thực hiện tại Công ty mẹ như đã trình bày ở trên. Giá vốn hoạt động này năm 2024, năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 đạt mức lần lượt là 8,59 tỷ đồng (chiếm 8,65% tổng chi phí), 8,87 tỷ đồng (chiếm 9,42% tổng chi phí) và 5,13 tỷ đồng (chiếm 6,92% tổng chi phí). Tương tự với mức tỷ trọng nhỏ so với tổng chi phí là giá vốn hoạt động cho thuê khung giàn nhà xưởng tại các công ty con, đạt mức 5,15% trong năm 2024, 2,86% trong năm 2025 và 1,82% trong 6 tháng đầu năm 2026.

Ngoài giá vốn hàng bán, chi phí tài chính cũng là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty. Chi phí tài chính hợp nhất năm 2024 là 22,87 tỷ đồng, chiếm 23,03% tổng chi phí. Năm 2025, chi phí tài chính đạt 15,80 tỷ đồng, giảm 30,90% so với năm 2024 và chiếm 16,79% tổng chi phí. Trong 6 tháng đầu năm 2026, chi phí tài chính hợp nhất đạt 14,33 tỷ đồng, chiếm 19,36% tổng chi phí. Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay phục vụ đầu tư các dự án điện mặt trời. Mặc dù việc hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành từ tháng 3/2026 làm gia tăng quy mô dư nợ vay hợp nhất, qua đó làm tăng chi phí lãi vay trong kỳ, Công ty vẫn thực hiện trả nợ gốc theo đúng kế hoạch đối với các khoản vay hiện hữu. Trong các kỳ tiếp theo, cùng với tiến độ giảm dần dư nợ vay và việc tối ưu cơ cấu nguồn vốn, chi phí lãi vay dự kiến sẽ có xu hướng giảm, góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động tài chính của Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất năm 2025 là 9,11 tỷ đồng, tăng 14,73% so với năm 2024. Sang 6 tháng đầu năm 2026, chi phí quản lý doanh nghiệp hợp nhất đạt mức gần 6,49 tỷ đồng. Chi phí này phần lớn phát sinh từ Công ty mẹ như đã trình bày ở trên.

- **Các thông tin chi tiết về chi phí khác:**

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Thông tin về tình hình chậm nộp thuế
Chi phí khác	14.879.959	162.746.894	
Trong đó: Tiền chậm nộp thuế TNDN	*11.790.000*	*14.700.000*	*+ Năm 2024: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2023, được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2024 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2024).* *+ Năm 2025: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2024, được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2025 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2025).*

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đã nộp đầy đủ thuế TNDN đã kê khai từ năm 2024 trở về trước. Tính đến thời điểm lập bản cáo bạch này, Công ty đã hoàn thành việc nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
Chi phí khác	**1.237.241.547**	**247.288.431**	
Trong đó tiền chậm nộp thuế TNDN	935.136.186	85.294.676	*- Năm 2024: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2021,2022, 2023, trong đó:* *+ Tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2021,2022 phát sinh do công ty thực hiện tính toán lại thuế TNDN hiện hành phải nộp của các năm này.* *+ Tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2023 được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2024 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2024).* *- Năm 2025: Đây là khoản tiền chậm nộp thuế TNDN năm 2024, được tính chậm nộp từ ngày 31/01/2025 đến ngày nộp thuế TNDN (tháng 3/2025).*

Chi tiết tiền chậm nộp thuế TNDN đã nộp năm 2024 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số tiền
- Tiền chậm nộp thuế TNDN 2021	444.681.713
- Tiền chậm nộp thuế TNDN 2022	258.334.418
- Tiền chậm nộp thuế TNDN 2023	232.120.055
Tổng tiền chậm nộp thuế TNDN ghi nhận năm 2024	**935.136.186**

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đã nộp đầy đủ thuế TNDN đã kê khai từ năm 2024 trở về trước. Tính đến ngày lập bản cáo bạch này, Công ty đã nộp đầy đủ thuế TNDN đã kê khai năm 2025.

❖ **Thông tin về chi phí trả trước/chi phí chờ phân bổ của Công ty:**

- **Chi tiết các khoản chi phí trả trước của Công ty mẹ**

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Thuyết minh số 7 – Chi phí trả trước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
Ngắn hạn				
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	48.655.915	758.639.459	- *Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Đây là khoản tiền thuê trả trước có thời hạn dưới 12 tháng.	- *Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. - *Tại ngày 31/12/2025:* Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ. Dự kiến phân bổ xong trong năm 2026
Chi phí sửa chữa mái	-	482.960.932	- *Tại ngày 31/12/2025:* Đây là khoản chi phí sửa chữa phát sinh trong năm 2025, công ty thực hiện phân bổ trong vòng 12 tháng.	- *Tại ngày 31/12/2025:* Chi phí sửa chữa mái chờ phân bổ trong năm 2026. Dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu	315.000.000	315.000.000	- *Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Đây là khoản chi phí phát sinh từ hợp đồng tư vấn Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng ký ngày 28/02/2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhất Việt.	- *Tại ngày 31/12/2025:* Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu chờ phân bổ. - *Bổ sung thông tin sau ngày 31/12/2025:* Công ty đã ghi nhận là một khoản thặng dư vốn cổ phần căn cứ theo Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thặng dư vốn cổ phần đã được kiểm toán ngày 08/04/2026.
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	145.794.144	137.950.671	- *Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Đây là các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thí nghiệm điện, được công ty phân bổ với thời gian dưới 12 tháng.	- *Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. - *Tại ngày 31/12/2025:* Chi phí trả trước ngắn hạn khác chờ phân bổ. Công ty dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
TỔNG CỘNG	**509.450.059**	**1.694.551.062**		
Dài hạn				

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước, trong đó:	848.419.492	516.657.160	*- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Đây là khoản tiền thuê trả trước có thời hạn trên 12 tháng.	*- Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. *- Tại ngày 31/12/2025:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
	508.949.496	*198.404.040*	*Chi phí thuê mái phân bổ 24 tháng.*	*Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2027.*
	339.469.996	*318.253.120*	*Chi phí thuê mái phân bổ 240 tháng.*	*Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2040.*
Sửa chữa và cải tạo văn phòng	-	1.338.442.533	*- Tại ngày 31/12/2025:* Đây là chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng trụ sở chính công ty, có thời gian chờ phân bổ là 03 năm.	*- Tại ngày 31/12/2025:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Công ty dự kiến đến năm 2028 sẽ thực hiện phân bổ xong.
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.789.224	191.928.012	*- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Đây là các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí internet, quyền sử dụng phần mềm,...có thời gian phân bổ trên 12 tháng.	*- Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Các khoản chi phí trả trước có thời gian phân bổ từ trên 1 năm đến 3 năm, khoản cuối cùng dự kiến phân bổ hết vào năm 2027 *- Tại ngày 31/12/2025:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Các khoản chi phí trả trước có thời gian phân bổ từ trên 1 năm đến 3 năm, khoản cuối cùng dự kiến phân bổ hết vào năm 2028.
TỔNG CỘNG	**870.208.716**	**2.047.027.705**		

- **Chi tiết các khoản chi phí trả trước (Hợp nhất) năm 2024 và năm 2025**

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Thuyết minh số 7 – Chi phí trả trước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
Ngắn hạn				
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	724.952.347	1.457.967.416	*- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Đây là khoản tiền thuê trả trước có thời hạn dưới 12 tháng.	*- Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. *- Tại ngày 31/12/2025:* Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ. Công ty dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
Chi phí sửa chữa mái	-	482.960.932	*- Tại ngày 31/12/2025:* Đây là khoản chi phí sửa chữa nhỏ phát sinh trong năm 2025, công ty thực phân bổ trong vòng 12 tháng.	*- Tại ngày 31/12/2025:* Chi phí sửa chữa mái chờ phân bổ. Công ty dự kiến phân bổ xong trong năm 2026.
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	764.681.833	707.049.665	*- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Bao gồm 315.000.000 VND chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu (đã trình bày tại báo cáo riêng) và các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí bảo hiểm, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thí nghiệm điện, … được công ty phân bổ với thời gian dưới 12 tháng.	*- Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. *- Tại ngày 31/12/2025:* Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ, dự kiến phân bổ xong trong năm 2026, ngoại trừ khoản chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu Công ty. *Thông tin bổ sung sau ngày 31/12/2025*: Riêng đối với khoản chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu, Công ty đã ghi nhận là một khoản thặng dư vốn cổ phần căn cứ theo Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm và thặng dư vốn cổ phần đã được kiểm toán ngày 08/04/2026.
TỔNG CỘNG	**1.489.634.180**	**2.647.978.013**		
Dài hạn				
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.269.704.229	8.076.242.703		*- Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí trong năm 2025. *- Tại ngày 31/12/2025:*

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình khoản mục
				Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
Trong đó				
	854.164.496	*7.746.404.040*	*Các khoản thuê mái có thời gian phân bổ 24 tháng.*	*Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2027.*
	415.539.733	*329.838.663*	*Các khoản thuê mái, thuê đất có thời gian phân bổ từ 17-20 năm.*	*Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2040.*
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	1.338.442.533	*- Tại ngày 31/12/2025:* Đây là chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng trụ sở chính công ty, có thời gian chờ phân bổ là 03 năm.	*- Tại ngày 31/12/2025:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. Công ty dự kiến khoản cuối cùng phân bổ vào năm 2028.
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.089.502.976	866.387.266	*- Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025:* Đây là các khoản chi phí trả trước của công ty, như chi phí tài tài trợ các khoản vay chi phí internet, quyền sử dụng phần mềm, công cụ dụng cụ,...có thời gian phân bổ trên 12 tháng.	*- Tại ngày 31/12/2024:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận. *- Tại ngày 31/12/2025:* Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
TỔNG CỘNG	**2.359.207.205**	**10.281.072.502**		

- **Chi tiết các khoản chi phí chờ phân bổ (Hợp nhất) 6 tháng năm 2026**

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Thuyết minh số V6 – Chi phí chờ phân bổ:

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2026	Thông tin	Tình hình khoản mục
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn			
Chi phí thuê đất, thuê mái , thuê văn phòng	1.337.615.663	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là các khoản tiền thuê mái, thuê đất trả trước, thuê văn phòng có thời hạn trả trước 12 tháng và dưới 12 tháng.	- Tại ngày 30/06/2026: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
Chi phí sửa chữa mái	113.287.132	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là khoản chi phí sửa chữa nhỏ phát sinh trong năm 2025, công ty phân bổ trong vòng 12 tháng từ ngày 27/08/2025 đến ngày 26/08/2026.	- Tại ngày 30/06/2026: Chi phí sửa chữa mái phân bổ cho thời gian sau 30/06/2026 ghi nhận chờ phân bổ.

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2026	Thông tin	Tình hình khoản mục
Chi phí bảo hiểm	752.955.163	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là các khoản chi phí bảo hiểm cháy nổ tại các dự án điện mặt trời của Công ty. Chi phí bảo hiểm trả trước cho thời gian 12 tháng, khoản trả trước có thời gian phân bổ cuối cùng vào 31/03/2027.	- Tại ngày 30/06/2026: Chi phí bảo hiểm cháy nổ trả trước cho thời gian sau 30/06/2026 được ghi nhận chi phí chờ phân bổ và Công ty tiếp tục thực hiện phân bổ cho đến hết thời gian trả trước.
Các khoản chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	991.291.576	- Tại ngày 30/06/2026: Các khoản chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác báo gồm các khoản chi phí trả trước cho chu kỳ 12 tháng và dưới 12 tháng như chi phí quản lý vận hành đường dây, chi phí công cụ dụng cụ, phòng cháy chữa cháy, kiểm định, các chi phí internet và một số gói phần mềm, dịch vụ,...	- Tại 30/06/2026: Các khoản chi phí ghi nhận chờ phân bổ, công ty tiếp tục thực hiện phân bổ cho các kỳ tiếp theo,
Tổng cộng	**3.195.149.534**		
Chi phí chờ phân bổ dài hạn			
Chi phí thuê đất, thuê mái	18.463.312.014	- Tại 30/06/2026: Đây là khoản tiền thuê mái, thuê đất trả trước có thời hạn trên 12 tháng.	- Tại 30/06/2026: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
Trong đó	*5.704.131.312*	*+ Các khoản chi phí phí trả trước tiền thuê mai có thời gian phân bổ 35 tháng. Khoản chi phí chờ phân bổ có thời gian phân bổ cuối cùng vào 31/12/2027.*	
	307.644.682	*+ Khoản tiền thuê đất có thời gian phân bổ 20 năm đến 31/12/2040.*	
	12.451.536.020	*+ Tiền thuê đất của Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 trả trước trong 49 năm từ năm 2019 đến năm 2068.*	
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	10.444.460.325	- Đây là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện xây dựng Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 (Công ty cổ phần SD Trường Thành) còn lại sau khi khấu trừ với tiền thuê đất trả trước 50 năm được phê duyệt. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ đến hết thời gian sử dụng đất, tức năm 2068.	- Tại 30/06/2026: Các khoản tiền thuê trả trước ghi nhận chờ phân bổ.
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng	2.655.715.205	- Tại ngày 30/06/2026: Đây là các chi phí thi công sửa chữa nhà máy Thuận Minh 2 và sửa chữa, cải tạo văn phòng trụ sở chính công ty, có thời gian phân bổ trên 12 tháng.	- Tại 30/06/2026: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
Trong đó	*1.421.661.473*	*+ Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng có thời gian chờ phân bổ là 36 tháng,*	
	1.234.053.732	*+ Chi phí thi công, sửa chữa nhà máy Thuận Minh 2 có thời gian chờ phân bổ 36 tháng*	

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/06/2026	Thông tin	Tình hình khoản mục
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.259.097.556	- Tại 30/06/2026: Đây là các khoản chi phí trả trước của Công ty có thời hạn trên 12 tháng như quyền sửa dụng phần mềm, công cụ dụng cụ,internet, chi phí kiểm định...	- Tại 30/06/2026: Công ty đã tiến hành phân bổ chi phí theo thời gian phân bổ đã ghi nhận.
Tổng cộng	**32.822.585.100**		

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định năm 2025

Bảng 14: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	**53.073**	**32.378**	**61,01%**
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	229	153	66,59%
2. Máy móc, thiết bị	18.599	10.379	55,80%
3. Thiết bị văn phòng	102	18	17,65%
4. Phương tiện truyền dẫn	5.667	2.865	50,56%
5. Tấm pin mặt trời	28.476	18.963	66,59%
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	**53.073**	**32.378**	**61,01%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Helio Energy)

Bảng 15: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	**484.452**	**293.415**	**60,57%**
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	8.013	4.822	60,17%
2. Máy móc, thiết bị	149.570	80.871	54,07%
3. Thiết bị văn phòng	102	18	17,65%
4. Phương tiện truyền dẫn	85.770	44.125	51,45%
5. Tấm pin mặt trời	240.997	163.579	67,88%
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	**484.452**	**293.415**	**60,57%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Helio Energy)

Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là các tài sản hữu hình phục vụ hoạt động sản xuất điện mặt trời. Trong đó, tấm pin mặt trời và máy móc thiết bị (bao gồm các máy biến áp, thiết bị inverter và các thiết bị điện khác) là hai loại tài sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản cố định của Công ty, với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 tương ứng là 58,57% và 32,05% tại BCTC riêng; 55,75% và 27,56% tại BCTC hợp nhất. Các tài sản cố định hữu hình còn lại là

nhà cửa, vật kiến trúc (chủ yếu là hệ thống hàng rào, đường nội bộ, nhà điều khiển) và phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn (chủ yếu là hệ thống dây dẫn, hệ thống chống sét và các thiết bị khác) với giá trị còn lại chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 9,38% trong cơ cấu tài sản cố định tại BCTC riêng và 16,68% trong cơ cấu tài sản cố định tại BCTC hợp nhất.

10.2.2. Tài sản cố định năm 2026

Bảng 16: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	**53.228**	**30.446**	**57,20%**
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	229	145	63,25%
2. Máy móc, thiết bị	18.599	9.556	51,38%
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	257	153	59,34%
4. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5.667	2.578	45,50%
5. Tấm pin mặt trời	28.476	18.014	63,26%
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	**53.228**	**30.446**	**57,20%**

(Nguồn: BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 17: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	**1.370.295**	**814.177**	**59,42%**
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	241.843	154.223	63,77%
2. Máy móc, thiết bị	360.997	188.496	52,22%
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	257	153	59,34%
4. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	86.434	39.638	45,86%
5. Tấm pin mặt trời	680.651	431.667	63,42%
6. Tài sản cố định khác	112	-	-
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	**1.370.295**	**814.177**	**60,97%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Trong tháng 3 năm 2026, Công ty cổ phần SD Trường Thành chính thức trở thành công ty con của Công ty cổ phần Helio Energy, dẫn đến sự gia tăng đáng kể về quy mô tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm ngày 30/06/2026.

Mặc dù quy mô tài sản tăng mạnh do hợp nhất, cơ cấu tài sản nhìn chung không có sự biến động đáng kể. Tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo, trong đó tập trung chủ yếu vào hệ thống tấm pin mặt trời và máy móc thiết bị, bao gồm máy biến áp, thiết bị inverter và các thiết bị điện liên quan phục vụ hoạt động sản xuất và vận hành các dự án năng lượng.

- Chi tiết về ***khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (Mã số 02) trong Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:***

Nội dung	Giá trị	Ghi chú trích dẫn theo thuyết minh BCTC
Khấu hao TSCĐ phân bổ trong kỳ (a)	33.033.618.107	Thuyết minh V7 - Tài sản cố định
Khấu hao BĐS phân bổ trong kỳ (b)	1.197.457.856	Thuyết minh V8- Bất động sản đầu tư cho thuê
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ (c)	148.339.788	Thuyết minh V9 - Lợi thế thương mại
Lãii từ giao dịch mua rẻ (d)	71.849.025.004	Thuyết minh I.5a
Chỉ tiêu 02 - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư (02) = (a) + (b) + (c) - (d)	**(37.469.609.253)**	

10.2.3. Lợi thế thương mại

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025: Không phát sinh.

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Căn cứ theo Khoản 9 – Điều 10: Nguyên tắc chung khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất – Thông tư số 202/2014/TT-BTC – Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và đoạn 55 của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2005, Công ty ghi nhận lợi thế thương mại như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, cuối mỗi năm tài chính, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua (lãi từ giao dịch mua rẻ (lợi thế thương mại âm)), phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cụ thể thông tin về lợi thế thương mại công ty đang ghi nhận như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty	Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh	Giá trị phân bổ hàng năm	Giá trị còn lại tại 31/12/2024	Giá trị còn lại tại 31/12/2025	Năm thực hiện giao dịch hợp nhất kinh doanh	Thời gian phân bổ lợi thế thương mại
Công Ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	653.812.196	65.381.220	484.910.711	419.529.491	Năm 2022	10 năm
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Thành Thắng	817.205.281	81.720.528	606.093.917	524.373.389	Năm 2022	10 năm
Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Duy Đình	595.896.948	59.589.696	441.956.903	382.367.207	Năm 2022	10 năm
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	672.236.435	67.223.640	498.575.354	431.351.714	Năm 2022	10 năm
Công Ty TNHH Quang Trung Việt Nam	227.644.870	22.764.492	168.836.610	146.072.118	Năm 2022	10 năm
Tổng cộng	**2.966.795.730**	**296.679.576**	**2.200.373.495**	**1.903.693.919**		

10.2.4. Bất động sản đầu tư

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

Bất động sản đầu tư	BCTC 2025	BCTC 2024
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.382.833.161	2.382.833.161
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	2.382.833.161	2.382.833.161
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	635.422.176	476.566.632
- Hao mòn trong năm	158.855.544	158.855.544
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	794.277.720	635.422.176
Giá trị còn lại:	-	-
Số đầu năm	1.747.410.985	1.906.266.529
Số cuối năm	1.588.555.441	1.747.410.985

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng năng lượng Oscar thuê với thời gian cho thuê là 05 (*năm*) năm, từ năm 2023. Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản là 15 năm. Trong năm 2024 và năm 2025, Công ty không có hoạt động thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư.

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

Bất động sản đầu tư	BCTC 2025	BCTC 2024
Nguyên giá		
Số đầu năm	35.093.712.424	67.768.155.812
- Thanh lý, nhượng bán	-	(32.674.443.388)
Số cuối năm	35.093.712.424	35.093.712.424
Giá trị khấu hao lũy kế		
Số đầu năm	8.944.854.905	13.123.351.709
- Hao mòn trong năm	2.394.915.712	4.520.232.700
- Thanh lý, nhượng bán	-	(8.698.729.504)
Số cuối năm	11.339.770.617	8.944.854.905
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm	26.148.857.519	54.644.804.103
Số cuối năm	23.753.941.807	26.148.857.519

Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng năng

lượng Oscar thuê với thời gian cho thuê là 05 (*năm*) năm, Công ty mẹ cho thuê từ năm 2023, các công ty con cho thuê từ năm 2022. Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản là 15 năm.

Trong năm 2024, một số công ty con của Công ty đã thực hiện ký biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng cho thuê trước hạn và nhượng bán bất động sản đầu tư là hệ thống khung giàn nhà xưởng với giá nhượng bán là 28.900.000.000 VND (chưa bao gồm VAT), giá trị còn lại của bất động sản tại thời điểm thực hiện nhượng bán là 23.975.713.884 VND. Trong năm 2025, các công ty con của Công ty đã thu được toàn bộ số tiền liên quan đến nhượng bán bất động sản đầu tư.

10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và các công ty con chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, toàn bộ doanh thu và lợi nhuận của Công ty từ năm 2021 đến thời điểm hiện tại là tại thị trường trong nước.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Thực hiện theo định hướng chiến lược của HĐQT, Helio Energy đã tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo với kỳ vọng mang lại hiệu suất đầu tư cao.

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện M&A các công ty sở hữu các dự án điện mặt trời mái nhà. Đến năm 2026, Công ty tiếp tục mở rộng quy mô thông qua việc hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành – đơn vị sở hữu Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2. Các dự án này đều đã được công nhận vận hành thương mại trong giai đoạn 2019–2020 và được hưởng mức giá bán điện ưu đãi theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.

Bảng 18: Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2024 và 2025 của các công ty con trực tiếp của Công ty

STT	Công ty	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình hoạt động năm 2024	Tình hình hoạt động năm 2025
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
3	Công ty TNHH Omega Power 3	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lãi
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

STT	Công ty	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình hoạt động năm 2024	Tình hình hoạt động năm 2025
9	Công ty TNHH KCP Energy	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
19	Công ty TNHH Solar Việt	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
26	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Sản xuất điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Chi tiết các khoản Đầu tư tài chính năm 2024 và năm 2025 như sau:

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
Công ty	**Tỷ lệ sở hữu**	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Tỷ lệ sở hữu**	**Giá gốc**	**Dự phòng**		**Doanh thu thuần**	**Lợi nhuận sau thuế**	**Doanh thu thuần**	**Lợi nhuận sau thuế**
Đầu tư vào công ty con											
Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	10.037.500.000	-	0%	-	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	1.561.984.617	377.481.837	Đã thoái vốn từ tháng 10/2025	
Công ty TNHH Apollo Power 4 (*)	100%	10.095.000.000	(184.581.547)	100%	10.095.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	4.890.527.458	270.772.753	4.986.041.202	601.637.817
Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	10.050.000.000	-	100%	10.050.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.639.931.374	179.161.347	2.676.850.175	992.252.079
Công ty TNHH Omega Power 3 (**)	100%	10.100.000.000	(472.563.844)	100%	10.100.000.000	(61.363.532)	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.308.067.139	(131.942.090)	3.362.643.357	411.200.312
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	10.023.000.000	-	100%	10.023.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	1.288.995.180	207.354.379	1.258.868.405	588.571.089
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.943.163.862	566.695.741	2.576.816.835	1.063.410.755

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.965.368.754	600.156.228	2.562.543.835	1.008.662.890
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.910.246.329	558.217.901	2.486.071.140	459.535.720
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.984.005.431	513.601.660	2.598.648.408	645.359.070
Công ty TNHH KCP Energy	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.979.663.603	560.950.367	2.608.557.948	927.349.847
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.977.322.774	539.764.490	2.528.578.173	470.614.765
Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.033.320.761	606.234.510	2.566.613.679	496.904.963
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.895.011.950	554.128.854	2.488.952.247	905.745.682

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.901.546.681	557.094.745	2.505.953.429	962.356.345
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.937.946.472	575.300.000	2.530.527.457	500.521.742
Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.970.054.410	583.019.240	2.552.944.223	962.452.886
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.915.259.821	533.112.390	2.519.310.918	503.738.171
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.970.704.085	571.359.445	2.557.228.162	1.033.606.943
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.841.605.343	426.048.556	2.493.009.857	428.195.573
Công ty TNHH Solar Việt	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.883.892.189	454.766.833	2.498.217.463	430.177.189

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
Công ty	**Tỷ lệ sở hữu**	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Tỷ lệ sở hữu**	**Giá gốc**	**Dự phòng**		**Doanh thu thuần**	**Lợi nhuận sau thuế**	**Doanh thu thuần**	**Lợi nhuận sau thuế**
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.060.643.769	578.683.963	2.644.226.175	552.381.251
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	6.500.000.000	-	100%	6.500.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.069.899.139	565.337.391	2.656.923.028	691.343.173
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	6.000.000.000	-	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.011.815.366	635.524.641	2.829.738.686	563.325.142
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	6.000.000.000	-	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.970.637.965	619.909.265	2.797.290.040	537.980.807
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam (*)	100%	6.000.000.000	(113.691.902)	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.039.679.427	528.199.762	2.857.342.668	539.841.910
Công ty TNHH Carnation Việt Nam (*)	100%	6.000.000.000	(104.861.906)	100%	6.000.000.000	-	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3.014.434.056	500.620.788	2.830.087.355	511.172.970

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 31/12/2025			Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
Công ty	**Tỷ lệ sở hữu**	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Tỷ lệ sở hữu**	**Giá gốc**	**Dự phòng**		**Doanh thu thuần**	**Lợi nhuận sau thuế**	**Doanh thu thuần**	**Lợi nhuận sau thuế**
Tổng cộng đầu tư vào công ty con		**184.805.500.000**	**(875.699.199)**		**174.768.000.000**	**(61.363.532)**		**75.965.727.955**	**12.531.554.996**	**66.973.984.865**	**16.788.339.091**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác											
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha (***)	Chưa đầu tư			9,20%	46.000.000.000		Tái bảo hiểm	Chưa đầu tư		-	33.539.151
Tổng cộng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-		**46.000.000.000**	-				-	**33.539.151**

(*) Đến 31/12/2025, các công ty con của Công ty đã hoàn nhập toàn bộ dự phòng đã trích lập trước đó.

(**) Đến 31/12/2025, Công ty TNHH Omega Power 3 còn (61.363.532) VND chưa hoàn nhập dự phòng, công ty dự kiến sẽ hoàn nhập trong năm 2026.

(***) Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Alpha được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngày 19 tháng 11 năm 2025, do đó, trong năm 2025, Công ty này chưa phát sinh doanh thu thuần từ hoạt động sản suất kinh doanh chính, lợi nhuận sau thuế đến từ doanh thu tài chính của doanh nghiệp.

Cơ sở trích lập dự phòng:

Công ty thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng từ năm 2021 (Năm hợp nhất kinh doanh) theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 24/2022/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 25/05/2022. Đến năm 2024 và 2025, các công ty này có kết quả kinh doanh dương, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng theo lợi nhuận tăng lên từng năm, số trích lập dự phòng năm 2025 sẽ nhỏ hơn số trích lập dự phòng 2024.

Căn cứ hoàn nhập dự phòng: Theo điểm c, Khoản 1 điều 5 – thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày *08 tháng 08 năm 2019:*

"c) *Tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm nếu giá trị đầu tư thực tế của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp bị suy giảm so với giá thị trường thì doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này và các quy định sau:*

...

- Nếu số dự phòng phải trích lập kỳ này thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đã trích lập ở báo cáo năm trước đang ghi trên sổ kế toán, doanh nghiệp thực hiện hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm chi phí trong kỳ.

Về giá gốc đầu tư một số dự án có sự tương đồng: nguyên nhân xuất phát từ việc các công ty được đầu tư có đặc điểm dự án tương tự nhau về công suất, trang thiết bị và địa điểm triển khai. Trên cơ sở đó, Công ty thực hiện đánh giá các công ty này có giá trị tương đồng nhau, và thực hiện mua theo vốn điều lệ của từng công ty.

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Công ty	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết									
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	40,00%	3.933.000.000	40,00%	3.933.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.363.379.779	39.367.843	2.171.153.212	22.853.744
Công ty TNHH VVT Việt Nam	38,00%	3.337.000.000	38,00%	3.337.000.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.910.919.878	95.080.828	2.755.160.447	119.387.969
Công ty TNHH NVP Việt Nam	48,00%	4.225.100.000	48,00%	4.225.100.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.927.319.674	604.761.219	2.719.137.434	387.089.721
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	46,00%	4.018.200.000	46,00%	4.018.200.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.811.229.748	429.315.413	2.641.272.102	294.194.652

Công ty	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Lĩnh vực kinh doanh chính	Tình hình SXKD năm 2024		Tình hình SXKD năm 2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	47,00%	4.026.400.000	47,00%	4.026.400.000	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	2.751.577.589	412.272.956	2.554.934.725	244.490.744
Tổng cộng đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		**19.539.700.000**		**19.539.700.000**		**13.764.426.668**	**1.580.798.259**	**12.841.657.920**	**1.068.016.830**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha (*)	Chưa đầu tư		9,20%	46.000.000.000	Tái bảo hiểm	Chưa đầu tư		-	33.539.151
Tổng cộng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				**46.000.000.000**				-	**33.539.151**

(*) Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Alpha được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngày 19 tháng 11 năm 2025, do đó, trong năm 2025, Công ty này chưa phát sinh doanh thu thuần từ hoạt động sản suất kinh doanh chính, lợi nhuận sau thuế đến từ doanh thu tài chính của doanh nghiệp.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

- Chứng khoán kinh doanh tại Công ty: Công ty mua chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu An toàn Amber với giá mua đầu tư ban đầu là 20.865.980.000 VND.

Căn cứ theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC, do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là "Thông tư 99"):

" *1.2. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.*"

Căn cứ theo hướng dẫn trên, tại Mã số 121 – Chứng khoán kinh doanh công ty trình bày giá trị chứng khoán kinh doanh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ngoài ra, tại phần thuyết minh V2.a trong Báo cáo tài chính bán niêm năm 2026, công ty trình bày nội dung: " Là khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Amber, có giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026 theo thông báo của Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Amber là 23.860.024.741 VND" theo hướng dẫn của Thông tư 99 về Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo đó, khi trình bày Chứng khoán kinh doanh, Công ty phải thực hiện trình bày giá trị hợp lý, Cơ sở xác định giá trị hợp lý đối với chứng khoán kinh doanh tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 19: Các hợp đồng lớn của Công ty mẹ

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
						2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
1	Hợp đồng mua bán điện số 20/0211 của Điện lực Trảng Bom	Công ty Điện lực Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Điện	8,38 UScent /kWh	2.436	2.008	1.330	Tháng 12/2020	20 năm	Không có	Không có
2	Hợp đồng mua bán điện số 60598220003766	Công ty Điện lực Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 UScent /kWh	2.853	2.755	1.519	Tháng 12/2020	20 năm	Không có	Không có
3	Hợp đồng mua bán điện số 20/000198	Công ty Điện lực Bình Dương	TP. Hồ Chí Minh	Điện	8,38 UScent /kWh	2.174	2.507	1.383	Tháng 12/2020	20 năm	Không có	Không có
4	Hợp đồng mua bán điện số 164/2020/PCBRVT-ĐMTMN	Công ty Điện lực Vũng Tàu	TP. Hồ Chí Minh	Điện	8,38 UScent /kWh	2.338	2.139	1.090	Tháng 12/2020	20 năm	Không có	Không có
5	Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2026/HĐCN/LDM-HIO	Ông Lê Đức Mạnh		Cổ phần				80.189	Tháng 3/2026		Không có	Không có

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
						2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
6	Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2026/HĐCN/NHM-HIO	Ông Nguyễn Minh Hoàng		Cổ phần				70.806	Tháng 3/2026		Không có	Không có
7	Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2026/HĐCN/DXH-HIO	Ông Đào Xuân Hải		Cổ phần				59.005	Tháng 3/2026		Không có (****)	Không có

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Chú thích:

(*) Hợp đồng chưa xác định trước giá trị, doanh thu bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng theo sản lượng điện thực tế

(**) Mối quan hệ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

(***) Điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng.

(****) Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Minh Hoàng không có mối liên hệ với Công ty.

Bảng 20: Các hợp đồng lớn tại các Công ty con

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	Hợp đồng mua bán điện số 20/0254	Công ty Điện lực Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.283	2.294	1.264	12/25/2020	20 năm	Không có	Không có
		Hợp đồng mua bán điện số 25/HĐ-ĐLBTU	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực	TP. Hồ Chí Minh	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.594	2.680	1.488	12/10/2020	20 năm	Không có	Không có
2	Công ty TNHH Omega Power 3	Hợp đồng mua bán điện số 20/000268	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực	TP. Hồ Chí Minh	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.102	2.188	1.241	31/12/2020	20 năm	Không có	Không có
		Hợp đồng mua bán điện số 75740220002402	Công ty Điện lực Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Điện	8,38 Uscent /kWh	1.206	1.174	673	31/12/2020	20 năm	Không có	Không có
3	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Hợp đồng mua bán điện số 408/2020/HĐMBĐ-ĐMTMN	Công ty Điện lực Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	1.289	1.259	696	14/08/2020	20 năm	Không có	Không có

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
4	Công ty TNHH Ampire Power 4	Hợp đồng mua bán điện số 23/HĐ-ĐLBTU	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực	TP. Hồ Chí Minh	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.640	2.677	1.502	25/11/2020	20 năm	Không có	Không có
5	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304026/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.848	2.599	1.518	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
6	Công ty TNHH KCP Energy	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304031/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.844	2.609	1.521	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
7	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304027/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.779	2.519	1.493	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
8	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304025/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.802	2.531	1.496	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
9	Công ty TNHH TWO	Hợp đồng mua bán điện số	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.834	2.553	1.509	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
	Brothers Energy	PC12KK0303983/2020-HĐĐMT											
10	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303996/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.766	2.506	1.475	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
11	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304028/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.759	2.489	1.466	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
12	Công ty TNHH Mặt Trời Tuấn Anh	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304023/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.835	2.557	1.513	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
13	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304029/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.807	2.577	1.494	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
14	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304024/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.830	2.563	1.496	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
15	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304022/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.774	2.486	1.433	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
16	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0304030/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.897	2.567	1.551	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
17	Công ty TNHH Năng Lượng Thế Kỷ Mới	Hợp đồng mua bán điện số PC12KK0303984/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.841	2.529	1.529	28/12/2020	20 năm	Không có	Không có
18	Công ty TNHH Năng Lượng Thời Đại Mới	Hợp đồng mua bán điện số PC12HH0153276/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.929	2.644	1.529	25/12/2020	20 năm	Không có	Không có
19	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số PC12HH0153275/2020-HĐĐMT	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.938	2.657	1.559	25/12/2020	20 năm	Không có	Không có
20	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số 20/PC12II0426885	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.710	2.493	1.531	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có
21	Công ty TNHH Solar Việt	Hợp đồng mua bán điện số 20/PC12II0426886	Công ty Điện lực Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.752	2.498	1.541	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có
22	Công ty TNHH MTV	Hợp đồng mua bán điện số 220/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.872	2.690	1.535	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
	Năng lượng Hoàng Gia Phú		(từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)										
23	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số 209/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.874	2.690	1.534	25/12/2020	20 năm	Không có	Không có
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Hợp đồng mua bán điện số 215/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.831	2.657	1.519	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số 211/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.900	2.717	1.542	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
			ty Điện lực Lâm Đồng)										
26	Công Ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NVH Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số 23/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.525	2.365	1.396	02/11/2020	20 năm	Không có	Không có
27	Công Ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Thành Thắng	Hợp đồng mua bán điện số 22/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.460	2.220	1.275	02/11/2020	20 năm	Không có	Không có
28	Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Duy Đình	Hợp đồng mua bán điện số 227/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.554	2.333	1.250	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
29	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Hợp đồng mua bán điện số 172/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.522	2.268	1.243	19/12/2020	20 năm	Không có	Không có
30	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số 222/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.488	2.315	1.246	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có
31	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Hợp đồng mua bán điện số 223/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày 01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.416	2.299	1.231	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có
32	Công ty TNHH Quang	Hợp đồng mua bán điện số 225/2020	Công ty Điện lực Đắk Nông (từ ngày	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent /kWh	2.624	2.388	1.300	26/12/2020	20 năm	Không có	Không có

TT	Công ty	Tên hợp đồng	Đối tác	Địa điểm dự án	Sản phẩm	Đơn giá	Giá trị (triệu đồng) (*)			Thời điểm ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ (**)	Khác (***)
							2024	2025	6 tháng đầu năm 2026				
	Trung Việt Nam		01/07/2025 đổi chủ thể thành Công ty Điện lực Lâm Đồng)										
33	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Hợp đồng mua bán điện số 11/2018-NMĐMT-THUAN MINH 2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Tỉnh Lâm Đồng	Điện	9,35 Uscent /kWh	Chưa hợp nhất vào HIO		53.182(****)	9/11/2018	20 năm	Không có	Không có

Chú thích:

(*) Hợp đồng chưa xác định trước giá trị, doanh thu bán điện chốt tại thời điểm cuối tháng theo sản lượng điện thực tế

(**) Mối quan hệ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

(***) Điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng

(****) Tổng doanh thu của Công ty Cổ phần SD Trường Thành kể từ ngày hợp nhất (16/03/2026) đến ngày 30/06/2026 (được ghi nhận toàn bộ vào Doanh thu hợp nhất, không tính theo tỷ lệ sở hữu của Helio Energy tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành).

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 21: Các khách hàng lớn của Công ty mẹ

TT	Đối tác	Sản phẩm	Giá bán điện	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ GTGD/ DTT (*)			Mối quan hệ (**)
					2024	2025	6 tháng đầu năm 2026	
1	Công ty Điện lực Đồng Nai	Điện	8,38 Uscent/kWh	20 năm	2,0%	1,8%	1,2%	Không có
2	Công ty Điện lực Lâm Đồng	Điện	8,38 Uscent/kWh	20 năm	2,4%	2,5%	1,3%	Không có
3	Công ty Điện lực Bình Dương	Điện	8,38 Uscent/kWh	20 năm	1,8%	2,3%	1,2%	Không có
4	Công ty Điện lực Vũng Tàu	Điện	8,38 Uscent/kWh	20 năm	2,0%	2,0%	1,0%	Không có

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Chú thích:

(*) Tỷ lệ giá trị giao dịch của khách hàng lớn / doanh thu thuần hợp nhất của Công ty.

(**) Mối quan hệ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

Bảng 22: Các khách hàng lớn của Công ty con

STT	Công ty	Đối tác	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Tỷ lệ GTGD/ DTT (*)			Mối quan hệ (**)
					Năm 2024	Năm 2025	6 tháng 2026	
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty Điện lực Đồng Nai	20 năm	Điện	1,9%	2,1%	1,1%	Không có
		Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực	20 năm	Điện	2,2%	2,4%	1,3%	Không có
2	Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty Điện lực Đồng Nai	20 năm	Điện	1,0%	1,1%	0,6%	Không có
		Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực	20 năm	Điện	1,8%	2,0%	1,1%	Không có
3	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty Điện lực Lâm Đồng	20 năm	Điện	1,1%	1,1%	0,6%	Không có
4	Công ty TNHH Ampire Power 4	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực	20 năm	Điện	2,2%	2,4%	1,3%	Không có
5	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,4%	1,3%	Không có
6	Công ty TNHH KCP Energy	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,4%	1,3%	Không có
7	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,3%	2,3%	1,3%	Không có
8	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,3%	2,3%	1,3%	Không có
9	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,3%	1,3%	Không có
10	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,3%	2,3%	1,3%	Không có
11	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,3%	2,3%	1,3%	Không có
12	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,3%	1,3%	Không có

STT	Công ty	Đối tác	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Tỷ lệ GTGD/ DTT (*)			Mối quan hệ (**)
					Năm 2024	Năm 2025	6 tháng 2026	
13	Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,4%	1,3%	Không có
14	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,3%	1,3%	Không có
15	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,3%	2,3%	1,3%	Không có
16	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,3%	1,4%	Không có
17	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,4%	2,3%	1,3%	Không có
18	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,5%	2,4%	1,3%	Không có
19	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,5%	2,4%	1,4%	Không có
20	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,3%	2,3%	1,3%	Không có
21	Công ty TNHH Solar Việt	Công ty Điện lực Đắk Lắk	20 năm	Điện	2,3%	2,3%	1,3%	Không có
22	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty Điện lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,4%	1,4%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		1,1%	1,3%	Không có
23	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty Điện lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,4%	1,4%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		1,1%	1,3%	Không có
24	Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy	Công ty Điện lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,4%	1,3%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		1,1%	1,3%	Không có
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty Điện lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,4%	1,4%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		1,1%	1,3%	Không có
26	Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam	Công ty Điện Lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,1%	1,6%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		0,6%	1,2%	Không có
27		Công ty Điện Lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,1%	1,5%		Không có

STT	Công ty	Đối tác	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Tỷ lệ GTGD/ DTT (*)			Mối quan hệ (**)
					Năm 2024	Năm 2025	6 tháng 2026	
	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		0,6%	1,1%	Không có
28	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty Điện Lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,1%	1,5%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		0,6%	1,1%	Không có
29	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty Điện Lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,1%	1,5%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		0,6%	1,1%	Không có
30	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty Điện Lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,1%	1,5%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		0,6%	1,1%	Không có
31	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty Điện Lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,0%	1,5%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		0,6%	1,1%	Không có
32	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty Điện Lực Đắk Nông	20 năm	Điện	2,2%	1,5%		Không có
		Công ty Điện lực Lâm Đồng(***)		Điện		0,7%	1,1%	Không có
33	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Tập đoàn điện lực Việt Nam	20 năm	Điện	Chưa hợp nhất vào HIO		46,5%(****)	Không có

Chú thích:

(*) Tỷ lệ giá trị giao dịch của nhà cung cấp lớn / doanh thu thuần hợp nhất của Công ty

(**) Mối quan hệ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

(***) Thay đổi chủ thể kí kết hợp đồng do triển khai sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của Tổng công ty Điện lực miền Trung và Tổng công ty Điện lực miền Nam

(****) Tính trên doanh thu thuần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành kể từ thời điểm hợp nhất vào HIO ngày 16/03/2026.

Bảng 23: Nhà cung cấp lớn của Công ty mẹ

TT	Đối tác	Sản phẩm, dịch vụ	Thời gian thực hiện	Tỷ lệ GTGD/ DTT (*)			Mối quan hệ (**)
				2024	2025	6 tháng đầu năm 2026	
1	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng điện Huy Hoàng	Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng Hệ thống điện mặt trời mái nhà	2022-2026	1,0%	0,8%	0,4%	Không có
2	Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Trường Tiến	Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng Hệ thống điện mặt trời mái nhà	2022-2025	0,5%	0,5%	0,2%	Không có
3	Công ty TNHH Phú Gia Construction	Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng Hệ thống điện mặt trời mái nhà	2022-2025	1,4%	1,3%	0,6%	Không có
4	Công ty cổ phần đầu tư xây lắp LK	Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng Hệ thống điện mặt trời mái nhà	2022-2025	2,7%	2,7%	1,3%	Không có

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Chú thích:

(*) Tỷ lệ giá trị giao dịch của nhà cung cấp lớn / doanh thu thuần hợp nhất của Công ty.

(**) Mối quan hệ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Bảng 24: Nhà cung cấp lớn của Công ty con

STT	Công ty	Đối tác	Sản phẩm, dịch vụ	Thời gian thực hiện	Giá trị (triệu đồng)			Mối quan hệ
					Năm 2024	Năm 2025	6 tháng 2026	
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	576	576	290	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	432	432	216	Công ty mẹ
3	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	144	144	72	Công ty mẹ
4	Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
5	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
6	Công ty TNHH KCP Energy	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
7	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
8	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
9	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
10	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
11	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
12	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
13	Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
14	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
15	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ

STT	Công ty	Đối tác	Sản phẩm, dịch vụ	Thời gian thực hiện	Giá trị (triệu đồng)			Mối quan hệ
					Năm 2024	Năm 2025	6 tháng 2026	
16	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
17	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
18	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
19	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
20	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
21	Công ty TNHH Solar Việt	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
22	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
23	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
24	Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
26	Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
27	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
28	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
29	Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
30	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ

STT	Công ty	Đối tác	Sản phẩm, dịch vụ	Thời gian thực hiện	Giá trị (triệu đồng)			Mối quan hệ
					Năm 2024	Năm 2025	6 tháng 2026	
31	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
32	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty Cổ phần Helio Energy	Dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	2022-2026	288	288	144	Công ty mẹ
33	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Công ty Điện lực Lâm Đồng	Dịch vụ quản lý, vận hành đường dây 110kV	2022-2026	Chưa hợp nhất vào HIO		593	Không có
		Công ty dịch vụ bảo vệ CA Thăng Long	Dịch vụ bảo vệ	2022-2026			336	Không có

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

10.7. Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ chức đăng ký niêm yết so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Với định hướng phát triển luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên vì sự phát triển bền vững của xã hội, thêm vào đó, tận dụng lợi thế đã có kinh nghiệm trong việc đầu tư, xây dựng và vận hành các Dự án điện mặt trời, Helio Energy đặt mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh phát triển, mở rộng quy mô danh mục dự án đầu tư, đa dạng hóa các loại hình NLTT.

Tháng 11 năm 2022, Helio Energy trở thành Hội viên chính thức của Hội Điện lực Việt Nam. Sau 06 năm hoạt động, Công ty đã không ngừng mở rộng phát triển đa dạng các hoạt động trong ngành điện, tìm kiếm, tiếp cận và M&A các dự án hiệu quả với định hướng phát triển luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên vì sự phát triển bền vững của xã hội. Helio Energy luôn chú trọng phát triển hợp tác với các nhà thầu lớn, có uy tín để cập nhật, áp dụng những công nghệ tiên tiến, chất lượng trong lĩnh vực NLTT cho mỗi công trình của Công ty.

Tính đến thời điểm hiện tại, Helio Energy sở hữu tổng công suất phát điện 86,53 MWp tập trung tại các dự án điện mặt trời. Mặc dù quy mô công suất hiện nay còn khiêm tốn so với các doanh nghiệp đầu ngành và tổng công suất năng lượng tái tạo của Việt Nam, Công ty có lợi thế sở hữu danh mục dự án đã đi vào vận hành thương mại ổn định, các dự án đang được hưởng cơ chế giá bán điện ưu đãi (FIT) theo các chính sách khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo được áp dụng tại thời điểm đầu tư. Đây là nền tảng giúp Công ty duy trì khả năng tạo doanh thu và dòng tiền tương đối ổn định trong dài hạn.

Bên cạnh đó, thay vì tập trung phát triển dự án từ giai đoạn đầu với thời gian chuẩn bị đầu tư kéo dài và tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý, HIO ưu tiên chiến lược tìm kiếm và thực hiện M&A đối với các dự án đã hoàn thiện pháp lý hoặc đang vận hành thương mại. Chiến lược này giúp Công ty rút ngắn thời gian đầu tư, giảm thiểu rủi ro triển khai và nhanh chóng gia tăng quy mô công suất phát điện. Việc hoàn tất nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần SD Trường Thành trong năm 2026 là minh chứng cho định hướng phát triển này.

Nhìn chung, vị thế và lợi thế cạnh tranh của HIO trên thị trường năng lượng tái tạo được xây dựng trên các nền tảng sau:

Tiềm lực tài chính: tính đến thời điểm 30/06/2026, quy mô tổng tài sản Helio Energy đạt mức gần 1.258 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt 776 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu được cải thiện đáng kể với tỷ lệ tại 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026 lần lượt là đạt 0,99, 0,68 và 0,62. Tình hình tài chính khả quan tới từ việc Công ty đã vận hành tốt các Dự án hiện hữu từ đó đảm bảo nguồn lực và khả năng đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động M&A nhằm mục tiêu mở rộng quy mô, danh mục dự án.

Năng lực triển khai, đầu tư và vận hành dự án: trong quá trình vận hành danh mục dự án hiện hữu, Helio Energy luôn chú trọng phân bổ, tối ưu hóa trong sử dụng nguồn lực hợp lý với mục tiêu mang lại hiệu quả cao nhất. Ngoài ra, với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và chuyên môn cao, các quyết định đầu tư, M&A của Công ty luôn được đánh giá chi tiết, thận trọng, yêu cầu cao về đảm bảo rủi ro pháp lý, rủi ro vận hành và hiệu quả kinh tế của các dự án.

Hoạt động huy động vốn: hiện nay, ngoài khả năng huy động từ các nguồn vốn trong nước, Helio Energy đang tích cực mở rộng, tìm kiếm và làm việc với các nguồn vốn nước ngoài để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn trong giai đoạn đầu tư, M&A mở rộng danh mục dự án cũng như tái tài trợ với chi phí hợp lý sau khi tiếp nhận các dự án mới.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo thống kê từ Bộ Công thương, trong giai đoạn vừa qua, nhu cầu năng lượng của Việt Nam không ngừng tăng trưởng với tốc độ cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Sản lượng điện tăng gấp 3 lần sau 15 năm, từ 93 tỷ kWh vào năm 2011 lên tới 288 tỷ kWh năm 2025, tốc độ tăng trưởng sản lượng điện thương phẩm trung bình cả giai đoạn 2011-2025 đạt 8,4%/năm. Tuy nhiên hàng năm, Việt Nam vẫn phải nhập khẩu điện từ Trung Quốc và Lào để đáp ứng kịp thời nhu cầu điện năng ngày càng tăng cao, nhất là trong mùa khô.

Theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc cung cấp điện phải đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 10,0%/năm trong giai đoạn 2026-2030, khoảng 7,5%/năm trong giai đoạn 2031-2050 như sau:

- Điện thương phẩm vào năm 2030 khoảng 500,4 - 557,8 tỷ kWh; định hướng năm 2050 đạt khoảng 1.237,7- 1.375,1 tỷ kWh;
- Điện sản xuất và nhập khẩu vào năm 2030 khoảng 560,4 - 624,6 tỷ kWh; đến năm 2050 khoảng 1.360,1 - 1.511,1 tỷ kWh;
- Công suất cực đại năm 2030 khoảng 89.655 - 99.934 MW; đến năm 2050 đạt khoảng 205.732 - 228.570 MW.

Về cơ cấu nguồn điện, Cơ cấu tại Việt Nam đến năm 2030, định hướng năm 2050 như sau:

Bảng 25: Cơ cấu nguồn điện giai đoạn 2030 – 2050

Loại hình	Đơn vị tính	Năm 2030	Tỷ lệ	Năm 2050	Tỷ lệ
Điện gió trên bờ và gần bờ	MW	26.066 - 38.029	14,2 -16,1%	84.696 - 91.400	10,9%
Điện gió ngoài khơi	MW	6.000 - 17.032	3,3 - 7,2%	113.503 - 139.097	14,7 - 16,6%
Điện mặt trời	**MW**	**46.459 - 73.416**	**25,3 -31,1%**	**293.088 - 295.646**	**35,3 - 37,8%**
Điện sinh khối	MW	1.523 - 2.699	0,8 - 1,1%	4.829 - 6.960	0,6 - 0,8%
Điện sản xuất từ rác	MW	1.441 - 2.137	0,8 - 0,9%	1.784 -2.137	0,2 - 0,3%
Nhiệt điện sinh khối /amoniac	MW	0	0%	25.798	3,1 – 3,3%
Điện địa nhiệt và năng lượng mới khác	MW	45	0,1%	464	0,1%

Loại hình	Đơn vị tính	Năm 2030	Tỷ lệ	Năm 2050	Tỷ lệ
Thủy điện	MW	33.294 - 34.667	14,7 - 18,2%	40.624	4,8 - 5,2%
Điện hạt nhân	MW	4.000 - 6.400	2,2 - 2,7%	10.500 - 14.000	1,4 - 1,7%
Nguồn lưu trữ	MW	10.000 - 16.300	5,5 - 6,9%	95.983 - 96.120	11,5 - 12,4%
Nhiệt điện than	MW	31.055	13,1 - 16,9%	0	0%
Nhiệt điện khí trong nước	MW	10.861 - 14.930	5,9 - 6,3%	14.930	1,7 - 1,9%
Nhiệt điện LNG	MW	22.524	9,5 - 12,3%	28.663 - 39.717	3,6 - 4,8%
Nguồn điện linh hoạt	MW	2.000 - 3.000	1,1 - 1,3%	21.333 - 38.641	2,8 - 4,6%
Thủy điện tích năng	MW	2.400 - 6.000	1,3 - 2,5%	20.691 - 21.327	2,5% - 2,7%
Nhập khẩu điện	MW	9.360 - 12.100	4,0 - 5,1%	14.688	1,8 - 1,9%
Tổng	**MW**	**183.291 -236.363**	**100%**	**774.503 - 838.681**	**100%**

(Nguồn: Quy hoạch điện VIII điều chỉnh)

Có thể thấy, xu hướng tại Việt Nam là chuyển dịch sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, đặc biệt là điện mặt trời khi loại hình này dự kiến sẽ là loại hình sản xuất điện chủ yếu tại Việt Nam vào năm 2050.

Để đáp ứng nhu cầu điện trên, Việt Nam cần bổ sung thêm khoảng hơn 18.000 MW/năm, trong khi các nguồn năng lượng truyền thống như thủy điện đã dần cạn kiệt tiềm năng khai thác (chỉ còn dư địa cho thủy điện nhỏ <30MW phát triển), điện than phải đối mặt với những khó khăn tài chính đầy thách thức do tác động tiêu cực đến môi trường và cam kết toàn cầu về cắt giảm khí thải tại hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu (COP26) gần đây. Theo đó, NLTT sẽ tăng trưởng mạnh mẽ do nhận được sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngoài ra, các tổ chức tín dụng tại Việt Nam cũng đã ban hành các chính sách ưu đãi dưới hình thức các gói "tín dụng xanh" dành cho các doanh nghiệp, cá nhân muốn vay vốn đầu tư vào lĩnh vực NLTT. Với lãi suất ưu đãi và thủ tục đơn giản, các gói "tín dụng xanh" này sẽ góp phần thúc đẩy lĩnh vực NLTT tại Việt Nam phát triển ngày càng mạnh mẽ.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Phát triển nguồn sản xuất điện từ năng lượng mặt trời đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới đặc biệt quan tâm, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Thủ tướng Chính

phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg và Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam. Tính đến cuối năm 2025, tổng công suất đặt nguồn điện toàn hệ thống đạt gần 87.600 MW, tăng xấp xỉ 6.400 MW so với năm 2024, trong đó tổng công suất các nguồn điện NLTT đạt 24.453MW chiếm tỉ trọng 27,9%. Quy mô hệ thống điện Việt Nam đứng thứ 2 khu vực ASEAN về công suất nguồn điện.

Việt Nam là một trong các nước có tiềm năng lớn về phát triển NLTT như thủy điện, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sinh khối, năng lượng địa nhiệt,... Cụ thể, nước ta nằm trong khu vực cận nhiệt đới gió mùa, với bờ biển dài hơn 3.000 km. Việt Nam cũng được xem là một quốc gia có tiềm năng rất lớn về năng lượng mặt trời, đặc biệt ở các vùng miền Trung và miền Nam của đất nước với tổng số giờ nắng trong năm trung bình cả nước dao động trong khoảng 2.000-2.600 giờ/năm, cường độ bức xạ mặt trời trung bình khoảng 4,6 kWh/m2/ngày, là những địa điểm lý tưởng cho các Dự án điện mặt trời. Năng lượng mặt trời ở Việt Nam có sẵn quanh năm, khá ổn định và phân bố rộng rãi trên các vùng miền khác nhau của đất nước. Đặc biệt, số ngày nắng trung bình trên các tỉnh của miền Trung và miền Nam là khoảng 300 ngày/năm. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc khai thác và sử dụng NLTT còn hạn chế. Sự phát triển của NLTT mới rầm rộ trong khoảng thời gian trở lại đây khi có những quyết định của Thủ tướng về cơ chế hỗ trợ giá FIT. Ngày 11/04/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg thiết lập cơ chế giá FIT cho điện mặt trời, tạo nền tảng cho sự hình thành và phát triển của thị trường năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Tiếp đó, ngày 06/04/2020, Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg được ban hành nhằm duy trì và điều chỉnh cơ chế khuyến khích, qua đó gia tăng sức hấp dẫn của phân khúc điện mặt trời, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà. Các chính sách này được xem là những dấu mốc quan trọng, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của thị trường điện mặt trời tại Việt Nam. Nhờ đó, hoạt động đầu tư và lắp đặt điện mặt trời đã nhận được sự quan tâm ngày càng lớn từ các doanh nghiệp và người dân trong những năm gần đây.

Quy hoạch điện VIII điều chỉnh do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 15/04/2025 cũng nêu rõ tiềm năng điện mặt trời của Việt Nam khoảng 963.000 MW (mặt đất khoảng 837.400 MW, mặt nước khoảng 77.400 MW và mái nhà khoảng 48.200 MW). Từ nay đến năm 2030, tổng công suất các nguồn điện mặt trời dự kiến đạt 46.459 - 73.416 MW; định hướng đến năm 2050, tổng công suất 293.088 - 295.646 MW.

Do vậy, định hướng phát triển của Helio Energy là phù hợp so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

10.8. Hoạt động marketing

Trong bối cảnh hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, Công ty định hướng công tác marketing theo hướng xây dựng hình ảnh doanh nghiệp gắn với phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. Theo đó, bên cạnh việc truyền thông nội bộ và nâng cao nhận diện thương hiệu, Công ty chú trọng triển khai các hoạt động hướng tới cộng đồng tại các địa bàn có dự án. Công ty đã thực hiện một số hoạt động như:

- Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương;
- Tham gia các hoạt động xã hội, gây quỹ cộng đồng;
- Kết hợp với địa phương thực hiện các chương trình từ thiện, hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Các hoạt động này góp phần tăng cường sự gắn kết giữa Công ty và cộng đồng, đồng thời đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, nâng cao hình ảnh doanh nghiệp thân thiện, có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

Không chỉ tại các địa phương nơi đặt dự án, năm 2025 Công ty đã phối hợp cùng các đơn vị đồng tài trợ triển khai dự án "Đưa điện đến trường" tại xã Trà Tập, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Trà Tập, thành phố Đà Nẵng). Dự án đã hoàn thành lắp đặt hệ thống điện mặt trời độc lập gồm 22 tấm pin năng lượng mặt trời, hệ thống pin lưu trữ, tủ điện và các thiết bị phụ trợ kèm theo, phục vụ nhu cầu sử dụng điện cơ bản tại điểm trường và 37 hộ dân tại làng Tăk Pổ. Bên cạnh đó, dự án cũng được triển khai tại hai điểm trường khác trên địa bàn xã Trà Tập là Lăng Lương (thôn 7) và Ngọc Nầm (thôn 2), góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và giảng dạy cho giáo viên, học sinh và người dân khu vực. Sau khi hoàn thành, hệ thống đã được bàn giao cho địa phương quản lý và vận hành. Hoạt động này không chỉ mang lại giá trị thiết thực cho cộng đồng mà còn góp phần lan tỏa hình ảnh doanh nghiệp gắn với phát triển bền vững trong lĩnh vực năng lượng.

Trong quá trình triển khai dự án, Công ty cũng chú trọng tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo các tiêu chuẩn trong nước và từng bước tiếp cận các thông lệ quốc tế, qua đó góp phần xây dựng môi trường sống bền vững cho cộng đồng tại khu vực hoạt động.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động marketing theo hướng gắn với trách nhiệm xã hội, phù hợp với định hướng phát triển và đặc thù ngành nghề, đồng thời tăng cường quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, nâng cao uy tín và vị thế của Công ty trong lĩnh vực năng lượng tái tạo.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Nhằm bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ, Công ty đã tiến hành nộp tờ khai đăng ký nhãn hiệu vào ngày 25/10/2023 và hiện đang được Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định hình thức, thẩm định nội dung của tờ khai.

Mẫu nhãn hiệu như sau:

HelioEnergy

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trước nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao cho phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn năng lượng truyền thống đang ngày càng cạn kiệt và khai thác quá mức gây hại đến môi trường, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của cuộc sống con người. Xu hướng năng lượng "xanh" đang trở nên phổ biến và là nguồn bù đắp điện thiếu hụt quan trọng. Nhận thức được tiềm năng tăng trưởng của ngành NLTT, Công ty luôn chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm dịch vụ mới. Trong giai đoạn từ năm 2022 đến nay, Công ty đã thực hiện nghiên cứu việc đầu tư phát triển thêm các loại hình NLTT bao gồm điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện rác, địa nhiệt, thủy triều, và đồng thời tiến hành phương án M&A các doanh nghiệp sở hữu các Dự án năng lượng tái tạo đáp ứng thủ tục pháp lý, vận hành ổn định, có tiềm năng sinh lời hấp dẫn.

Kiên định với Tầm nhìn và Chiến lược đã đặt ra, Helio Energy đang ngày càng quyết tâm khẳng định vị thế với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam

trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến tiếp tục gia tăng đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo nhằm mở rộng quy mô, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững dài hạn của Công ty.

10.11. Chiến lược kinh doanh

a, Tổng quan về chiến lược kinh doanh

Ngắn hạn

Trong giai đoạn ngắn hạn, Helio Energy tập trung củng cố nền tảng hoạt động và tối ưu hiệu quả danh mục dự án hiện hữu trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, với trọng tâm là điện mặt trời. Công ty ưu tiên nâng cao hiệu quả vận hành thông qua việc tối ưu hóa công tác quản lý kỹ thuật, tăng cường bảo trì bảo dưỡng theo hướng chủ động và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong giám sát và điều khiển từ xa. Các giải pháp này nhằm tối đa hóa sản lượng khai thác, hạn chế sự cố và đảm bảo vận hành ổn định, an toàn. Đồng thời, Công ty chú trọng kiểm soát chi phí vận hành, tối ưu cấu trúc chi phí nhằm cải thiện biên lợi nhuận và hiệu quả tổng thể của từng dự án.

Song song với việc nâng cao hiệu quả nội tại, Công ty triển khai mở rộng danh mục đầu tư theo hướng thận trọng và có chọn lọc, ưu tiên các dự án có nền tảng pháp lý rõ ràng, khả năng triển khai nhanh và hiệu quả tài chính phù hợp. Hoạt động M&A được sử dụng như một công cụ trọng tâm nhằm gia tăng quy mô công suất và mở rộng danh mục tài sản trong ngắn hạn. Công ty cũng chủ động phát triển mạng lưới đối tác trong và ngoài nước nhằm tiếp cận nguồn cơ hội tiềm năng, đồng thời tận dụng kinh nghiệm, công nghệ và năng lực triển khai từ các đối tác chiến lược để nâng cao hiệu quả đầu tư và vận hành.

Bên cạnh hoạt động đầu tư, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng chuẩn hóa và minh bạch, tăng cường kiểm soát rủi ro và nâng cao năng lực điều hành. Đặc biệt, việc triển khai niêm yết cổ phiếu được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này, góp phần nâng cao uy tín trên thị trường vốn và tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn lực tài chính cho các kế hoạch phát triển trong tương lai.

Dài hạn

Trong dài hạn, Công ty định hướng phát triển theo mô hình doanh nghiệp năng lượng tái tạo với danh mục tài sản đa dạng và linh hoạt, bao gồm điện mặt trời, điện gió và các loại hình năng lượng sạch khác, phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng và định hướng phát triển bền vững của Việt Nam và khu vực.

Trọng tâm chiến lược dài hạn là xây dựng danh mục tài sản có chất lượng cao và cấu trúc tối ưu, thông qua việc cân bằng giữa các dự án quy mô lớn và các mô hình phân tán. Cách tiếp cận này không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro tập trung theo khu vực và nguồn phát điện, mà còn tạo ra sự ổn định về sản lượng và dòng tiền, đồng thời nâng cao khả năng thích ứng với biến động của thị trường điện và môi trường chính sách. Trên cơ sở đó, Công ty hướng tới hình thành một danh mục tài sản với cơ cấu tối ưu và khả năng tạo dòng tiền bền vững, làm nền tảng cho tăng trưởng dài hạn.

Bên cạnh việc mở rộng quy mô tài sản, Công ty định hướng chuyển dịch dần từ mô hình đầu tư đơn thuần sang mô hình phát triển nền tảng năng lượng, trong đó mở rộng phạm vi hoạt động trong chuỗi giá trị ngành. Cụ thể, Công ty từng bước phát triển các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như quản lý vận hành, tư vấn và phát triển dự án, qua đó không chỉ đa dạng hóa nguồn thu mà còn nâng cao năng lực kiểm soát toàn bộ vòng đời dự án, từ giai đoạn phát triển, triển khai đến vận hành khai thác.

Song song với định hướng trên, Công ty chủ động theo dõi, cập nhật và thích ứng với sự thay đổi của khung chính sách và cấu trúc thị trường điện, bao gồm các cơ chế như đấu thầu, mua bán điện trực tiếp (DPPA) và thị trường điện cạnh tranh. Việc sẵn sàng tham gia và tận dụng các cơ chế này được kỳ vọng sẽ mở ra dư địa tăng trưởng mới, đồng thời nâng cao tính linh hoạt trong mô hình kinh doanh và khả năng tối ưu hóa doanh thu trong dài hạn. Công ty cũng đồng thời chú trọng nghiên cứu và đánh giá khả năng ứng dụng các giải pháp công nghệ

trong lĩnh vực năng lượng, bao gồm công nghệ tấm pin hiệu suất cao, hệ thống lưu trữ năng lượng và các nền tảng quản lý vận hành thông minh. Việc nghiên cứu và từng bước tích hợp các công nghệ này được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu suất khai thác, tối ưu chi phí, đồng thời cải thiện khả năng dự báo, quản lý rủi ro và độ tin cậy của hệ thống trong dài hạn.

Thông qua việc kết hợp giữa mở rộng danh mục tài sản, nâng cao chất lượng vận hành, phát triển chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ, Công ty hướng tới xây dựng nền tảng tăng trưởng bền vững với khả năng mở rộng quy mô hiệu quả, tối ưu hóa dòng tiền và gia tăng giá trị dài hạn cho cổ đông, qua đó từng bước khẳng định vị thế trên thị trường năng lượng tái tạo.

b, Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Nguồn vốn:

- Công ty hiện có vốn điều lệ 420 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 1.258 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn và tiền, các khoản tương đương tiền duy trì ở mức hợp lý, đảm bảo khả năng thanh khoản. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là nguồn nội lực quan trọng phục vụ tái đầu tư và mở rộng hoạt động.
- Công ty hiện đang vận hành danh mục các dự án điện mặt trời với tổng công suất 86,53 Mwp, hoạt động ổn định, tạo nguồn doanh thu và dòng tiền tương đối bền vững.
- Ngoài ra, Công ty còn ghi nhận thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính và các con ty con, công ty liên kết góp phần bổ sung nguồn lợi nhuận và đa dạng hóa nguồn thu.
- Công ty có khả năng huy động vốn thông qua phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ, phục vụ nhu cầu đầu tư và mở rộng quy mô trong các giai đoạn tiếp theo.
- Để triển khai chiến lược phát triển, Công ty có thể sử dụng linh hoạt các nguồn vốn, bao gồm vốn tự có, vốn vay từ các tổ chức tín dụng và nguồn vốn huy động từ cổ đông, nhằm đảm bảo hiệu quả tài chính và khả năng triển khai dự án.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng có thể hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước thông qua các hình thức liên doanh, liên kết, góp vốn hoặc M&A nhằm tối ưu nguồn lực và mở rộng danh mục dự án.
- Trong thời gian tới, Công ty định hướng triển khai niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), qua đó nâng cao tính minh bạch, thanh khoản và khả năng huy động vốn, tạo nền tảng cho việc mở rộng quy mô và phát triển bền vững.

Nguồn nhân lực:

- Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố nền tảng trong việc triển khai chiến lược phát triển. Trong bối cảnh quy mô hoạt động ngày càng mở rộng, Công ty tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành và phát triển các dự án năng lượng tái tạo.
- Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự, đặc biệt là đội ngũ kỹ thuật và quản lý dự án. Đồng thời, Công ty từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự theo hướng chuẩn hóa, xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc gắn với mục tiêu sản xuất kinh doanh, qua đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả vận hành.
- Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, ổn định và gắn kết nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong dài hạn.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

- Về Giấy phép hoạt động chuyên ngành:

+ Đối với các Dự án điện mặt trời mái nhà hiện tại: Căn cứ Điều 33.1.(b) Luật Điện lực hiện hành năm 2024; Điều 21.2 Nghị định 61/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực và Điều 5.4 Thông tư số 18/2020/TT-BCT Quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời do Bộ Công thương ban hành ngày 17/07/2020, các Dự án điện mặt trời mái nhà hiện tại của Công ty Cổ phần Helio Energy và các Công ty con thuộc trường hợp được miễn trừ Giấy phép hoạt động điện lực.

+ Đối với Dự án Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2: Tại thời điểm ngày 22/11/2019 – thời điểm công ty được cấp Giấy phép hoạt động Điện lực, căn cứ Điều 32.1 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) và Điều 3 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/09/2019, Nhà máy điện có công suất trên 01 MW để bán điện cho tổ chức, cá nhân khác không thuộc trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực và bắt buộc phải xin để cấp giấy phép hoạt động điện lực. Các quy định hiện hành tại Điều 30 Luật Điện lực 2024 và Điều 21 Nghị định 61/2025/NĐ-CP đều vẫn kế thừa các nội dung nêu trên. Công ty Cổ phần SD Trường Thành đã được Bộ Công thương cấp Giấy phép hoạt động Điện lực số 371/GP-ĐTĐL ngày 22/11/2019.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Helio Energy không có ngành nghề kinh doanh khác thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố cốt lõi quyết định năng lực vận hành và mở rộng quy mô của Công ty Cổ phần Helio Energy. Trong bối cảnh Công ty liên tục gia tăng quy mô thông qua đầu tư và M&A, việc phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao, có khả năng thích ứng và quản lý hệ thống dự án được xác định là ưu tiên chiến lược.

Tổng số lao động của toàn Công ty tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026 lần lượt là 40, 47 và 75 người.

Quy mô nhân sự của Công ty có xu hướng tăng mạnh trong giai đoạn gần đây, gắn liền với quá trình mở rộng quy mô và danh mục dự án. Điều này giúp tăng cường năng lực vận hành, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới.

Bảng 26: Cơ cấu người lao động tại Công ty

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
I	**Phân loại theo trình độ chuyên môn**	**40**	**100%**	**47**	**100%**	**75**	**100%**
1	Trên Đại học	3	7,50%	3	6,38%	5	6,67%
2	Đại học	34	85,00%	41	87,23%	32	42,67%
3	Cao đẳng, trung cấp	3	7,50%	3	6,38%	22	29,33%
4	Đối tượng khác	0	0,00%	0	0,00%	16	21,33%

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
II	**Phân loại theo thời hạn hợp đồng**	**40**	**100%**	**47**	**100%**	**75**	**100%**
1	Hợp đồng lao động thường xuyên	40	100%	47	100%	75	100%
2	Hợp đồng lao động thời vụ	0	0%	0	0%	0	0%
III	**Phân loại theo giới tính**	**46**	**100%**	**47**	**100%**	**75**	**100%**
1	Nam	29	63,04%	27	57,45%	53	70,67%
2	Nữ	17	36,96%	20	42,55%	22	29,33%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

11.2.1. Chính sách tuyển dụng

Với phương châm nhân lực là nền tảng quan trọng nhất tạo nên thành công cho Công ty, Helio Energy đã và đang xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp cùng với những chính sách đãi ngộ, định hướng lộ trình thăng tiến để thu hút nhân sự có năng lực cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh.

Việc tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập, đảm bảo nhân viên mới có đạo đức tốt, đủ trình độ, kỹ năng nghiệp vụ, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng, hòa đồng với tập thể, gắn bó lâu dài với Công ty.

11.2.2. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân sự là một trong các công tác ưu tiên của Helio Energy. Chính sách đào tạo của Helio Energy luôn gắn liền với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự thành thạo về nghiệp vụ và chuyên nghiệp trong phong cách làm việc.

Công ty đã và đang tiếp tục triển khai hoạt động đào tạo cho các CBNV theo các hình thức tổ chức tập trung tại Công ty, cử cán bộ tham dự các khóa học chuyên môn do các đơn vị bên ngoài tổ chức. Với mục tiêu xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, kỹ năng tốt, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, Helio Energy đã thường xuyên thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kỹ năng cho CBNV. Các hoạt động tọa đàm, hội thảo, trao đổi nội bộ được tổ chức thường xuyên, tạo cơ hội chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm của cán bộ nhân viên trong nội bộ Công ty. Các khóa học đào tạo, tọa đàm nội bộ của Công ty tập trung mục tiêu trang bị kỹ năng, kiến thức cần thiết, sát với nhu cầu công việc của cán bộ nhân viên.

11.2.3. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Helio Energy luôn đảm bảo lợi ích cho nhân sự về lương, phụ cấp hoàn thành công việc và các khoản phúc lợi khác, tạo điều kiện cho CBNV yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

11.2.4. Chế độ đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Với mục tiêu con người là cốt lõi của Doanh nghiệp, Công ty luôn quan tâm đến các chế độ chính sách cho người lao động nhằm đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động được

ổn định. Công tác nghiên cứu, tham gia hoàn thiện các cơ chế, chính sách được thực hiện nghiêm túc và đầy đủ, đảm bảo việc công khai các nội dung thông tin cho người lao động.

Định kỳ hàng năm, Helio Energy tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ người lao động góp phần xây dựng đội ngũ CBNV khỏe về thể chất, đảm đương và hoàn thành tốt mọi công việc. Công ty luôn kịp thời thăm hỏi động viên CBNV lúc ốm đau, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách dành cho người lao động do Nhà nước ban hành như tham gia đóng bảo hiểm, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ.

11.2.5. Các chế độ khác

Ngoài các chế độ chính sách nêu trên, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được phụ cấp xăng xe, phụ cấp chuyên môn.

Đồng thời, Công ty luôn chú trọng phát triển và duy trì các hoạt động ngoại khóa như sinh hoạt tập thể, thể thao, tổ chức du lịch, nghỉ mát cho CBNV nhằm tái tạo sức lao động, tạo sự đoàn kết gắn bó trong Công ty.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Trong những năm vừa qua, Công ty đang tập trung đầu tư phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nên Đại hội đồng cổ đông quyết định chưa thực hiện chi trả cổ tức. Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định được sử dụng để tái đầu tư phục vụ kế hoạch phát triển kinh doanh.

Giai đoạn tới, Công ty sẽ lên kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông, sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác đến hạn phải trả. Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết

Cho đến ngày phát hành Bản cáo bạch này, Tổ chức đăng ký niêm yết không có những cam kết nhưng chưa thực hiện mà có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty như Hợp đồng thuê sử dụng đất, Trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

Công ty không có nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty và việc niêm yết cổ phiếu.

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Cho đến ngày phát hành Bản cáo bạch này, Công ty cam kết *"không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích"* theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Công ty Cổ phần Helio Energy cam kết rằng Công ty và Người đại diện theo pháp luật của Công ty không bị xử lý vi phạm do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

(a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 27: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng trưởng 2025/2024	6 tháng đầu năm 2026
1	Tổng giá trị tài sản	253.384	265.488	4,78%	470.918
2	Doanh thu thuần	33.678	33.306	(1,10%)	17.133
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.912	15.399	160,47%	1.362
4	Lợi nhuận khác	119	(124)	(204,01%)	(12)
5	Lợi nhuận trước thuế	6.031	15.275	153,27%	1.350
6	Lợi nhuận sau thuế	4.947	14.670	196,53%	1.350
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%
8	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	0%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Bảng 28: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng trưởng 2025/2024	6 tháng đầu năm 2026
1	Tổng giá trị tài sản	505.483	447.578	(11,46%)	1.257.814
2	Doanh thu thuần	119.299	109.611	(8,12%)	114.327
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.869	16.275	(28,83%)	41.041
4	Lợi nhuận khác	4.519	100	(97,78%)	71.741
5	Lợi nhuận trước thuế	27.388	16.375	(40,21%)	112.782
6	Lợi nhuận sau thuế	21.079	13.555	(35,69%)	108.585
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%
8	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	0%

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

Tại ngày 31/12/2025, tổng giá trị tài sản của Công ty mẹ và giá trị tài sản hợp nhất của Công ty lần lượt đạt mức 265,49 tỷ đồng và 447,58 tỷ đồng. Trong tháng 3 năm 2026, Helio Energy đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 210 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng, đồng thời nhận chuyển nhượng 59,32% cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành, qua đó đơn vị này chính thức trở thành công ty con của Công ty. Việc tăng vốn và hợp nhất đã làm gia tăng đáng kể quy mô tổng tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026. Tính đến 30/06/2026, tổng giá trị tài sản của Công ty mẹ và giá trị tài sản hợp nhất của Công ty lần lượt đạt mức 474 tỷ đồng và 1.258 tỷ đồng. Trong đó, tài sản dài hạn là chủ yếu, chiếm khoảng 98,42% tổng tài sản Công ty mẹ và khoảng 80,57% tổng tài sản hợp nhất. Tài sản dài hạn của Công ty mẹ chủ yếu là đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con và các đơn vị khác có giá trị khoảng 431 tỷ đồng. Tài sản dài hạn hợp nhất chủ yếu là các hệ thống điện mặt trời (tấm pin mặt trời, máy biến áp, khung giàn, dây điện,…).

Trong năm 2024 - 2025, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thuần của Công ty mẹ (bao gồm hoạt động bán điện và dịch vụ quản lý vận hành) được duy trì tương đối ổn định. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2024 đạt 33,68 tỷ đồng, năm 2025 đạt 33,31 tỷ đồng. Cùng với đó, lợi nhuận sau thuế năm 2024 và năm 2025 có giá trị lần lượt là 4,95 tỷ đồng và 14,67 tỷ đồng, trong đó mức tăng trưởng trong năm 2025 chủ yếu đến từ nguồn cổ tức được chia từ các công ty con. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 17,13 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,35 tỷ đồng.

Đối với toàn Công ty, năm 2025 ghi nhận doanh thu thuần đạt 109,61 tỷ đồng. Mặc dù điều kiện thời tiết không thuận lợi, ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng điện, Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp vận hành phù hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực, qua đó vẫn duy trì lợi nhuận sau thuế dương, đạt 13,55 tỷ đồng. Sang 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 114,33 tỷ đồng và 108,58 tỷ đồng.

Kể từ Quý I năm 2026, sau khi Helio Energy hoàn tất nhận chuyển nhượng 59,32% cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành – đơn vị sở hữu Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, quy mô hoạt động của Công ty được mở rộng đáng kể, dự kiến đóng góp tích cực vào tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế. Qua đó, Công ty không chỉ tạo nền tảng để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra mà còn từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động và khả năng tạo dòng tiền ổn định trong trung và dài hạn.

(b) Các chỉ tiêu khác: không có.

(c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: chi tiết theo Phần V mục 3 - Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty *(trang 91 của Bản cáo bạch này)*.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

1.2.1. Thuận lợi

- Công ty có đội ngũ Ban lãnh đạo và nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao;
- Công ty luôn thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống tấm pin – thiết bị sản xuất và truyền tải điện đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, thông suốt;
- Tiềm năng phát triển điện mặt trời ở nước ta tương đối lớn, đặc biệt là ở khu vực miền Trung và miền Nam, nơi có mức độ bức xạ mặt trời cao và số giờ nắng trung bình trong năm lớn;

- Nhà nước, Chính phủ đã đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển năng lượng sạch, quyết tâm đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050, thực hiện các cam kết tại Hội nghị Thượng đỉnh COP26 – NET ZERO, hứa hẹn sự phát triển bùng nổ trong tương lai của ngành NLTT tại Việt Nam;
- Ngày 15/04/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 768/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong đó ưu tiên phát triển mạnh các nguồn NLTT phục vụ sản xuất điện, đạt tỷ lệ khoảng 28 - 36% vào năm 2030 và định hướng lên đến 74 - 75% đến năm 2050;
- Công ty được hưởng một số ưu đãi trong phát triển điện mặt trời như:
  + Toàn bộ điện năng sản xuất từ các Dự án điện mặt trời hiện tại của Công ty và các công ty con được bán với mức giá ưu đãi trong 20 năm theo Quyết định 11/2017/QĐ-TTg và Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam;
  + Các ngân hàng tại Việt Nam luôn đồng hành, hỗ trợ, cung cấp giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo thông qua hình thức "tín dụng xanh" nhằm khuyến khích phát triển nguồn năng lượng sạch.

1.2.2. Khó khăn

- Đặc thù hoạt động sản xuất của các dự án NLTT phụ thuộc lớn vào thời tiết. Diễn biến thời tiết, thiên tai không thể dự báo trước gây ảnh hưởng tới năng suất, khả năng phát điện tại các dự án;
- Áp lực lạm phát của nền kinh tế toàn cầu ở mức cao, lãi suất vay vốn trong nước có xu hướng điều chỉnh tăng cao gây ảnh hưởng, khó khăn cho doanh nghiệp;

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025: Không có.

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Helio Energy sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo các quy định của pháp luật và đúng quy định tại Điều lệ của Công ty.

Bảng 29: Vốn điều lệ, nguồn vốn

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	Vốn điều lệ	210.000	210.000	420.000	210.000	210.000	420.000
II	Tổng nguồn vốn	253.384	265.488	470.918	505.483	447.578	1.257.814
1	Nợ phải trả	31.949	31.069	26.742	251.591	181.735	481.670
2	Vốn chủ sở hữu	221.435	234.419	444.177	253.891	265.843	776.144

(Nguồn: BCTC (riêng và hợp nhất) năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC (riêng và hợp nhất) bán niên năm 2026 đã soát xét của Công ty Cổ phần Helio Energy)

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao tài sản tại BCTC riêng và BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 được ước tính như sau:

Bảng 30: Khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)	
	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
Nhà cửa, vật kiến trúc	15	10 - 49
Máy móc, thiết bị	10 – 15	08 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	03 – 05
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10	07 – 10
Tấm pin mặt trời	15	15 - 20
Tài sản cố định khác	-	06

(Nguồn: BCTC (riêng và hợp nhất) bán niên năm 2026 đã soát xét của Công ty)

Việc trích khấu hao tài sản cố định của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 31: Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	18,5	20,2	20,9

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Thu nhập bình quân của người lao động Công ty trong năm 2025 là 20,2 triệu đồng/người/tháng. Hiện tại, Công ty không thu thập được các nguồn thông tin về mức lương bình quân của các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra so sánh. Tuy nhiên, so với mức lương tối thiểu vùng và thu nhập bình quân tại địa bàn thành phố Hà Nội và một số tỉnh thành nơi công ty đang thực hiện triển khai các dự án, mức lương của Công ty được đánh giá là cạnh tranh, thu hút được người lao động.

Cụ thể, theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ 01/01/2026, mức lương tối thiểu vùng tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh là 5.310.000 đồng/tháng (đối với vùng I), còn tại các tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, mức lương tối thiểu vùng là 4.140.000 đồng/tháng (đối với vùng III) và 3.700.000 đồng/tháng (đối với vùng IV). Về thu nhập bình quân trên đầu người, tính chung cả năm 2025, thu nhập bình quân của người lao động cả nước là 8,4 triệu đồng/tháng, trong đó thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị là 10,1 triệu đồng/tháng, khu vực nông thôn là 7,3 triệu đồng/tháng (theo Thông cáo báo chí Tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2025 của Cục thống kê[*]).

[*] Nguồn: https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-dan-so-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2025/

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

2.1.4. Tình hình công nợ

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 32: Các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**14.579**	**5.218**	**4.157**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.056	4.540	3.320
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.492	637	806
3	Phải thu ngắn hạn khác	30	53	51
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(12)	(20)
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**830**	**740**	**740**
1	Phải thu dài hạn khác	830	740	740
Tổng cộng		**15.409**	**5.958**	**4.897**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

❖ **Chi tiết các khoản phải thu khác của Công ty mẹ**

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi tiết khoản mục phải thu khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Phải thu khác	31/12/2024	31/12/2025	Thông tin	Tình hình thu hồi
Ngắn hạn	29.935.001	52.916.488	*- Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025*: Đây là các khoản đặt cọc nhằm đảm bảo các hợp đồng như thuê máy in, hợp đồng vận chuyển,...	Công ty sẽ thu hồi các khoản tiền đặt cọc này vào kỳ thuê cuối cùng/hoặc khi kết thúc hợp đồng. Công ty dự kiến thu hồi trong năm 2026, sau khi các hợp đồng kết thúc thời gian hiệu lực
Dài hạn	830.000.000	740.000.000	*- Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025:* Đây là các khoản đặt cọc nhằm đảm bảo các hợp đồng thuê mái, thuê văn phòng của công ty.	Công ty sẽ thu hồi các khoản tiền đặt cọc này vào kỳ thuê cuối cùng/hoặc khi kết thúc hợp đồng.
Trong đó:				
	400.000.000	*400.000.000*	*+ Đây là khoản đặt cọc nhằm đảm bảo hợp đồng thuê mái*	*+ Dự kiến thu hồi vào kỳ cuối cùng của hợp đồng vào năm 2040*

Phải thu khác	31/12/2024	31/12/2025	Thông tin	Tình hình thu hồi
	-	*340.000.000*	*+ Đây là khoản đặt cọc nhằm đảm bảo hợp đồng thuê văn phòng*	*+ Dự kiến thu hồi sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng vào năm 2030.*
	430.000.000	-		*+ Hợp đồng đã kết thúc năm 2025. Trong năm 2025, Công ty đã thu hồi lại khoản cọc.*

Đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đặt cọc: Các khoản đặt cọc nhằm bảo đảm hiệu lực thực hiện của các hợp đồng, hiện các hợp đồng vẫn đang được thực hiện, do đó, Ban Điều hành đánh giá chưa có dấu hiệu cho thấy phải thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng các khoản phải thu khác này.

Bảng 33: Các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**58.065**	**13.732**	**164.644**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	42.102(*)	13.054	163.275
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.733	637	1.236
3	Phải thu ngắn hạn khác	14.230	153	420
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(112)	(287)
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**8.094**	**10.983**	**10.983**
1	Phải thu dài hạn khác	8.094	10.983	10.983
Tổng cộng		**66.159**	**24.715**	**175.914**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

(*) Tại ngày 31/12/2024, Phải thu ngắn hạn của khách hành – Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng Oscar là 28.079.700.012 VND. Trong đó bao gồm:

+ Khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng nhượng bán hệ thống khung giàn là 25.245.000.000 VND, công ty đã thu toàn bộ số tiền này trong năm 2025;

+ Khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng cho thuê khung giàn nhà xưởng là 2.834.700.012 VND, công ty đã thu số tiền 1.892.000.000 VND trong năm 2025

+ Tính đến thời điểm lập bản cáo bạch này, Công ty đã hoàn thành việc thu toàn bộ số tiền còn lại là 942.700.012 VND.

❖ **Chi tiết các khoản phải thu khác (Hợp nhất)**

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Thuyết minh số 8 – Phải thu khác:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình thu hồi
Ngắn hạn				
Các khoản đặt cọc	14.125.000.000	51.000.000	- *Tại ngày 31/12/2024*: Bao gồm các khoản đặt cọc để đảm cho việc ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản tại các dự án điện mặt trời trên mái nhà và một số khoản đặt cọc khác. - *Tại ngày 31/12/2025*: Các khoản đặt cọc để đảm bảo cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ như thuê thiết bị văn phòng, dịch vụ vận chuyển,... có thời hạn cung cấp dịch vụ không quá 12 tháng.	- *Tại ngày 31/12/2024*: Số tiền đặt cọc đảm bảo hợp đồng mua bán tài sản năm 2024 đã được thu hồi trong năm 2025. Các khoản đặt cọc khác tiếp tục được duy trì nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng. - *Tại ngày 31/12/2025*: Các khoản đặt cọc khá tiếp tục được duy trì nhằm đảm bảo thực hiện hợp đồng. Công ty dự kiến thu hồi trong năm 2026, sau khi các hợp đồng kết thúc thời gian hiệu lực.
Khác (*)	104.935.001	101.916.488	- *Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025*: Chủ yếu là tiền đặt cọc thuê mái nhà của dự án công ty đã ngừng triển khai.	- *Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025*: Công ty đang trong quá trình thu hồi khoản tiền này.
TỔNG CỘNG	**14.229.935.001**	**152.916.488**		
Dài hạn				
Đặt cọc thuê mái nhà, thuê đất	8.093.600.000	10.982.800.000	- *Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025*: Đây là các khoản tiền đặt cọc nhằm đảm bảo thực hiện cho các hợp đồng thuê đất, thuê mái nhà,... có thời hạn thuê trên 12 tháng.	- *Tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 31/12/2025*: Các khoản đặt cọc sẽ được hoàn trả cho công ty sau khi các hợp đồng kết thúc thời gian thuê/hoặc khấu trừ tiền đặt cọc vào kỳ thuê cuối cùng.
Trong đó:				

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025	Thông tin	Tình hình thu hồi
	5.253.600.000	*8.642.800.000*	*+ Đây là các khoản tiền đặt cọc nhằm đảm bảo thực hiện cho các hợp đồng thuê đất, thuê mái nhà,... có thời hạn thuê trên 12 tháng*	*+ Dự kiến thu hồi sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng với hợp đồng có thời hạn muộn nhất vào năm 2030.*
	2.340.000.000	*2.340.000.000*	*+ Đây là các khoản tiền đặt cọc nhằm đảm bảo thực hiện cho các hợp đồng thuê đất, thuê mái nhà,... có thời hạn thuê trên 12 tháng*	*+ Dự kiến thu hồi sau khi kết thúc thời hạn hợp đồng với hợp đồng có thời hạn muộn nhất vào năm 2040*
	500.000.000	-	*+ Đây là các khoản tiền đặt cọc nhằm đảm bảo thực hiện cho các hợp đồng thuê đất, thuê mái nhà,... có thời hạn thuê trên 12 tháng*	*+ Hợp đồng đã kết thúc năm 2025. Trong năm 2025, Công ty đã thu hồi lại khoản cọc.*
TỔNG CỘNG	**8.093.600.000**	**10.982.800.000**		

Đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đặt cọc: Các khoản đặt cọc nhằm bảo đảm hiệu lực thực hiện của các hợp đồng, hiện các hợp đồng vẫn đang được thực hiện, do đó, Ban Điều hành đánh giá không có dấu hiệu cho thấy phải thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng các khoản phải thu khác nà

(*) Đối với khoản phải thu khác, tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025, công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để thu hồi tiền, công ty đánh giá chưa có đủ các bằng chứng để thực hiện trích lập dự phòng theo căn cứ tại điểm b, khoản 1 Điều 6 Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tuy nhiên, tại thời điểm 30/06/2026, Công ty đã thu hồi thêm được bằng chứng về việc đối tượng phải thu có trạng thái "NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký". Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo căn cứ tại điểm c, khoản 2, Điều 6 – Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 trong Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã soát xét của Công ty.

❖ **Về Các khoản phải thu chưa trích lập dự phòng**

Chính sách trích lập dự phòng của công ty áp dụng như sau:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo kết quả kinh doanh hợp hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được

hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Căn cứ khoản 1.4 Điều 45 – Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày *22 tháng 12 năm 2014 – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp:*

"1.4. Nguyên tắc kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

a) Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

b) Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

c) Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ...

- Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành.

- Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật."

Căn cứ theo chính sách trên:

+ Tại ngày 31/12/2024: Công ty không có các khoản phải thu quá hạn trên 06 không có khả năng thu hồi và công ty không tiến hành trích lập dự phòng.

+ Trong năm 2025, công ty thực hiện trích lập như sau:

Tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Công ty	Hàng hóa dịch vụ	Giá trị hàng hóa/dịch vụ đã bao gồm VAT	Số đã thu	Số còn phải thu	Dự phòng phải thu ngắn hạn đã trích lập
1	SYS Energy Pte, LTD	Chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo	40.844.520	-	40.844.520	12.253.356
	Tổng cộng		**40.844.520**	**-**	**40.844.520**	**12.253.356**

Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị tính: VND

STT	Công ty	Hàng hóa dịch vụ	Giá trị hàng hóa/dịch vụ đã bao gồm VAT	Số đã thu	Số còn phải thu	Dự phòng phải thu ngắn hạn đã trích lập
1	SYS Energy Pte, LTD	Chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo	374.247.014	-	374.247.014	112.274.104
	Tổng cộng		**374.247.014**	**-**	**374.247.014**	**112.274.104**

- **Chi tiết các khoản nợ xấu trong BCTC hợp nhất bán niên 2026 đã soát xét của Công ty**

- Thông tin về Nợ xấu:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Thời gian quá hạn**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Phải thu khác hàng						
SYS Energy Pte, LTD						
Phải thu tiền bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	01 – 02 năm	374.247.014	(187.123.516)	6 tháng – 01 năm	374.247.014	(112.274.104)
Phải thu khác						
Công ty TNHH Sản xuất Nội thất Mỹ - Đặt cọc thuê mái	Không có khả năng thu hồi	100.000.000	(100.000.000)	Không có khả năng thu hồi	100.000.000	-
Cộng		**474.247.014**	**(287.123.516)**		**474.247.014**	**(112.274.104)**

Trong đó:

+ Đối với khoản công nợ phải thu của công ty SYS Energy Pte, LTD, Công ty hiện vẫn đang tích cực làm việc với đối tác để thúc đẩy quá trình thanh toán và chưa có thông tin hoặc văn bản chính thức thể hiện việc đối tác từ chối thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản công nợ này. Tuy nhiên, do Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo nguyên tắc kế toán và quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty thực hiện đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu và trích lập dự phòng theo quy định. Theo đó, Công ty vẫn tiếp tục ghi nhận và trích lập dự phòng theo tuổi nợ theo quy định tại Điều 6 – Thông ty 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (Sau đây gọi tắt là "Thông tư 48").

+ Đối với khoản công nợ Phải thu khác, tại thời điểm 30/06/2026, Công ty đã thu thập thêm được bằng chứng về việc đối tượng phải thu có trạng thái "NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký". Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo căn cứ tại điểm c, khoản 2, Điều 6 –Thông tư 48. Công ty đánh giá khoản công nợ này không có khả năng thu hồi và sẽ thực hiện xử lý tài chính theo hướng dẫn tại Khoản 4 – Điều 6 – Thông tư 48.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 34: Các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Nợ ngắn hạn**	**10.429**	**15.389**	**14.362**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	256	1.737	591
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.577	949	295
3	Phải trả người lao động	390	1.027(*)	185
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.508	1.796	2.085
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	73	70	163
6	Phải trả ngắn hạn khác	-	2.700	2.429
7	Vay ngắn hạn	5.390	5.840	6.260
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	235	1.270	2.355
II	**Nợ dài hạn**	**21.520**	**15.680**	**12.380**
1	Vay dài hạn	21.520	15.680	12.380
Tổng cộng		**31.949**	**31.069**	**26.742**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

❖ **Chi tiết khoản vay cá nhân tại Công ty mẹ:** Không có

Bảng 35: Các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Nợ ngắn hạn**	**76.098**	**75.770**	**168.171**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	1.467	2.434	1.652
2	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.905	2.098	4.707
3	Phải trả người lao động	390	1.027(*)	185
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.411	2.395	3.016
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	73	70	169
6	Phải trả ngắn hạn khác	-	-	2.242
7	Vay ngắn hạn	65.617	66.476	147.361(**)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	235	1.270	8.839
II	**Nợ dài hạn**	**175.493**	**105.964**	**313.499(**)**
1	Vay dài hạn	175.144	105.757	313.499(**)
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	349	207	-
Tổng cộng		**251.591**	**181.735**	**481.670(**)**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

(*) Khoản phải trả người lao động tại ngày 31/12/2025 tăng so với năm trước chủ yếu do Công ty đã thực hiện trích trước chi phí thưởng tháng lương thứ 13 của năm 2025 theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khoản thưởng này được chi trả vào tháng 01/2026 nên vẫn được ghi nhận là khoản phải trả người lao động tại thời điểm cuối năm. Trong khi đó, khoản thưởng tương ứng của năm 2024 đã được chi trả trước ngày 31/12/2024.

(**) Nợ phải trả tại ngày 30/06/2026 tăng so với thời điểm 31/12/2025 chủ yếu do trong tháng 3/2026, Công ty đã hoàn tất giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần SD Trường Thành và phản ánh toàn bộ tài sản, nợ phải trả và các khoản mục khác của Công ty Cổ phần SD Trường Thành lên Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên.

❖ **Chi tiết các khoản vay cá nhân tại Công ty:**

Tại BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét của Công ty: Không phát sinh.

Tại BCTC hợp nhất năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét:

Đơn vị tính: đồng

Thông tin hợp đồng vay	Dư nợ tại ngày 31/12/2024	Dư nợ tại ngày 31/12/2025	Dư nợ tại ngày 30/06/2026	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay
Vay cá nhân						
Hợp đồng vay bà Mai Thị Dương	520.000.000	100.000.000	-	Dưới 1 năm	10%	Nhằm mục đích phục vụ hoạt động của công ty.
Hợp đồng vay bà Đỗ Thị Trang	-	40.000.000	-	Dưới 1 năm	10%	Nhằm mục đích phục vụ hoạt động của công ty.
Hợp đồng vay bà Vũ Thị Loan	-	200.000.000	-	Dưới 1 năm	10%	Nhằm mục đích phục vụ hoạt động của công ty.
Tổng cộng	**520.000.000**	**340.000.000**	-			

Tại thời điểm vay, các cá nhân trên không phải là người nội bộ, người liên quan và cổ đông của Công ty.

Dư nợ khoản vay cá nhân ghi nhận trên báo cáo tài chính của Công ty tại 31/12/2024 và 31/12/2025 các khoản vay tín chấp từ cá nhân với thời hạn cho vay 1 năm, lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 10%/năm và lãi vay được trả cuối kỳ. Các khoản vay được sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ nhu cầu thanh toán hoạt động vận hành tại các Công ty con. Việc huy động nguồn vốn từ cá nhân được các Công ty con thực hiện trên cơ sở cân nhắc nhu cầu sử dụng vốn thực tế và tính hiệu quả trong quản trị dòng tiền ngắn hạn. So với các hình thức vay khác, các khoản vay tín chấp cá nhân có ưu điểm về thủ tục linh hoạt, thời gian giải ngân nhanh và không yêu cầu tài sản bảo đảm, qua đó giúp các Công ty con chủ động bổ sung nguồn vốn kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn**

Công ty hiện không có khoản nợ phải trả quá hạn, các khoản nợ phải trả đều được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

❖ **Sự kiện liên quan đến Nợ tiềm tàng được và Khoản phải thu Công ty Mua bán điện ("EPTC") được thuyết minh tại mục VII.1 và V.3 Bản thuyết minh BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026**

1. Nợ tiềm tàng:

a. Nợ tiềm tàng:

Nợ tiềm tàng liên quan đến quá trình xử lý sản lượng điện giai đoạn COD–CCA với các cơ quan có thẩm quyền (được thuyết minh tại khoản VII.1 Bản thuyết minh BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026).

- Tóm tắt thông tin về sự kiện phát sinh:

+ Ngày 09/11/2018, Công ty cổ phần SD Trường Thành ("SDTT") và Tập đoàn điện lực Việt Nam ("EVN") đã ký hợp đồng mua bán điện được sản xuất từ Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 số 11/2018/HĐ-NMĐMT-THUANMINH2 với giá mua bán điện là 9,35 Uscents/kWh ("FIT"), (tương đương 2.356,76 đồng/kWh theo tỷ giá quy đổi tại ngày 30/06/2026) với thời hạn 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại;

+ Ngày 28/06/2019, SDTT nhận được công văn công nhận ngày vận hành thương mại ("COD"). Căn cứ theo khoản 2 Điều 15 Thông tư số 16/2017/TT-BCT của Bộ Công thương, và khoản 1 Điều 12 Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, theo đó SDTT đủ điều kiện phát điện và được thanh toán với giá FIT là 9,35 UScent/kWh kể từ ngày COD;

+ Ngày 21/09/2022, SDTT nhận được công văn của Cục điện lực và năng lượng tái tạo – Bộ công thương Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành Hạng mục công trình, công trình xây dựng ("CCA");

+ Sản lượng điện phát từ ngày COD đến ngày CCA được Công ty cổ phần SD Trường Thành tổng hợp căn cứ theo Biên bản giao nhận điện năng đã ký với Công ty mua bán điện thuộc EVN ("EPTC") là 212.216.236 kWh;

+ Trong kỳ sản lượng từ ngày COD (28/06/2019) đến trước tháng 01/2025, SDTT thực hiện xuất hóa đơn bán điện cho EPTC theo mức giá FIT 9,35 UScent/kWh và đã được EPTC thanh toán đầy đủ theo mức giá này. Trong giai đoạn này, EPTC thực hiện đúng Hợp đồng đã ký, nghiệm thu và thanh toán đầy đủ sản lượng điện cho SDTT với giá FIT, đồng thời SDTT xuất đầy đủ hóa đơn cho EPTC;

+ Ngày 18/03/2025, SDTT và EPTC đã có buổi họp rà soát việc thực hiện Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2. Nội dung rà soát nhằm để đưa ra ý kiến về điều kiện được hưởng giá FIT ưu đãi, mà không bao gồm các vấn đề khác của Hợp đồng mua bán điện. Cụ thể, EPTC viện dẫn các căn cứ pháp lý, gồm Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 11/2024; và Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12/12/2024 của Bộ Công Thương về tháo gỡ vướng mắc cho các dự án điện năng lượng tái tạo. Theo đó, EPTC đề nghị thực hiện thanh toán tiền điện kể từ kỳ tháng 01/2025 theo nguyên tắc áp dụng mức giá tương đương giá FIT hoặc giá trần của khung giá chuyển tiếp có hiệu lực tại thời điểm dự án có văn bản kiểm tra công tác nghiệm thu;

+ Do đó, kể từ kỳ sản lượng tháng 01/2025 đến thời điểm lập báo cáo tài chính soát xét bán niên 2026, SDTT vẫn xuất hóa đơn bán điện cho EPTC theo mức giá FIT 9,35 UScent/kWh, tuy nhiên EPTC chỉ đang tạm thanh toán tiền điện theo mức giá trần của khung giá chuyển tiếp, tương đương 1.184,9 VND/kWh, chưa bao gồm thuế GTGT;

+ Theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2026 giữa SDTT và EVN/EPTC về phương án tháo gỡ vướng mắc đối với sản lượng điện đã phát sinh trong giai đoạn từ thời điểm COD đến thời điểm hoàn thành CCA (212.216.236 kWh) của Dự án Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, EVN/EPTC đã đưa ra các ý kiến như sau: Phương án mua bán điện cho sản lượng thu hồi: Kể từ thời điểm hợp đồng mua bán điện sửa đổi, bổ sung có hiệu lực, EVN sẽ thanh toán cho SDTT sản lượng điện năng giao nhận với giá 1.184,9 VND/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT) cho tới khi sản lượng lũy kế bằng sản lượng thu hồi nêu trên (212.216.236 kWh). Kể từ thời điểm sản lượng lũy kế bằng sản lượng thu hồi, EVN thanh toán sản lượng điện năng giao nhận theo quy định tại hợp đồng đã ký kết với giá FIT 9,35 UScent/kWh.

- Đánh giá:

+ Về hoạt động của Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, tại ngày lập công văn này, Nhà máy vẫn đang hoạt động bình thường, thực hiện giao nhận điện năng qua Biên bản giao nhận điện năng ký hàng tháng với EPTC và thực hiện xuất hóa đơn GTGT bán điện cho EPTC với giá 9,35 Uscents/kWh.

+ Căn cứ theo phương án ghi nhận tại Biên bản làm việc ngày 15/6/2026, sau khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng và có hiệu lực, SDTT không có bất kỳ nghĩa vụ nợ phải trả nào được ghi nhận với EPTC liên quan đến giá bán điện được áp dụng cho sản lượng điện phát từ thời điểm COD đến thời điểm CCA. Đồng thời, SDTT sẽ bán cho EPTC tổng sản lượng là 212.216.236 kWh với giá 1.184,9 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT).

+ Sau khi bán đủ cho EPTC sản lượng trên, SDTT sẽ tiếp tục bán điện theo mức giá FIT 9,35Uscent/kWh theo quy định tại Hợp đồng mua bán điện đã ký kết cho đến hết thời hạn hiệu lực hợp đồng.

+ Về mặt hạch toán kế toán, việc ghi nhận doanh thu bán điện theo mức giá mới chỉ áp dụng kể từ thời điểm phụ lục hợp đồng có hiệu lực, không điều chỉnh lại doanh thu và kết quả kinh doanh đã ghi nhận trên Báo cáo tài chính các kỳ trước.

b. Khoản phải thu:

Khoản phải thu ngắn hạn phản ánh công nợ EPTC chưa thanh toán cho SDTT, được thuyết minh tại khoản V.3 Bản thuyết minh BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2026.

- Tóm tắt thông tin:

+ Trong giai đoạn từ tháng 01/2025 đến tháng 06/2026, SDTT xuất hóa đơn bán điện cho EPTC theo mức giá FIT 9,35 UScent/kWh, tương ứng với tổng sản lượng điện là 108.718.442 kWh căn cứ theo Biên bản giao nhận điện năng đã ký với EPTC. Tuy nhiên, EPTC đang thanh toán theo mức giá 1.184,9 VND/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT) trong thời gian chờ ký Phụ lục hợp đồng mua bán điện, dẫn đến chênh lệch giữa giá trị hóa đơn đã xuất và số tiền thực tế được thanh toán, từ đó hình thành khoản phải thu tồn đọng với EPTC.

Chi tiết số liệu liên quan được tổng hợp trong bảng dưới đây:

Nội dung sự kiện từ T1/2025 - T6/2026	**Sản lượng/Số tiền**
Sản lượng điện xuất hóa đơn	108.718.442 kWh
Tổng giá trị hóa đơn theo giá FIT 9,35 UScent/kWh	275.080.085.230 VND
EPTC đã thanh toán theo giá tạm tính 1.184,9 VND/kWh	139.126.120.484 VND
Chênh lệch giá FIT chưa thanh toán	**135.953.964.746 VND**
Trong đó:	
- Số quá thời hạn thanh toán 30 ngày theo Hợp đồng (*)	*120.979.684.698 VND*
- Số chưa quá hạn thanh toán theo Hợp đồng (*)	*14.974.280.048 VND*
Số dư khoản phải thu EPTC trên BCTC 30/06/2026	**149.966.125.983 VND**
Trong đó:	
Chênh lệch giá FIT chưa thanh toán	*135.953.964.746 VND*
Tiền điện tháng 05–06/2026 chưa thanh toán tại ngày 30/06/2026 (theo mức giá tạm tính 1.184,9 VND/kWh)	*14.012.161.237 VND(**)*

(*) Theo Hợp đồng mua bán điện ký ngày 09/11/2018 giữa SDTT và EVN, Bên mua điện có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền ghi trên hóa đơn cho Bên bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác từ Bên bán

(**) Khoản tiền này đã được EPTC thanh toán đầy đủ cho SDTT sau thời điểm lập BCTC

+ Theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2026 giữa SDTT và EVN/EPTC, EVN/EPTC đã đưa ra ý kiến: "*Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày hai bên ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực, Bên Mua sẽ cam kết thanh toán toàn bộ số tiền Bên mua giữ lại từ kỳ thanh toán tháng 01/2025 đến thời điểm hợp đồng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực và Bên mua không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi chậm trả nào.*"

- Đánh giá:

Theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính (Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp), Phụ lục II, Tài khoản 229 – Dự phòng tổn thất tài sản, Mục 1.1(c) quy định về việc trích lập dự phòng như sau: "c) *Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu khi có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp khó có khả năng thu hồi hoặc không có khả năng thu hồi được một phần hoặc toàn bộ khoản phải thu của doanh nghiệp.*". Căn cứ theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2026, SDTT đã được EVN/EPTC cam kết thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ từ kỳ thanh toán tháng 01/2025 đến thời điểm hợp đồng sửa đổi.

Trên cơ sở các thông tin nêu trên, Ban điều hành Công ty đánh giá khoản phải thu này chưa có bằng chứng cho thấy doanh nghiệp khó có khả năng thu hồi theo quy định. Do đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng tại kỳ 30/06/2026. Quan điểm này cũng đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C — đơn vị kiểm toán độc lập — xem xét trong quá trình soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2026 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của các Cơ quan Quản lý Nhà nước.

Bảng 36: Các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Thuế Giá trị gia tăng	364	364	261	261	272	341
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.084	4.405(*)	605	1.754	0	4.340
3	Thuế Thu nhập cá nhân	129	136	83	83	23	26
Tổng cộng		**1.577**	**4.905**	**949**	**2.098**	**295**	**4.707**

(Nguồn: BCTC (riêng và hợp nhất) năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC (riêng và hợp nhất) bán niên năm 2026 đã soát xét của Công ty Cổ phần Helio Energy)

(*) Theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định 132/2020/NĐ-CP của Chính Phủ quy định: *"Tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết:*

a) Tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế;

b) Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a khoản này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản này. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ;"

Căn cứ vào quy định trên Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau.

Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó.

Tại ngày 31/12/2024 tổng chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau 18.967.330.730 VND, Công ty và các công ty con đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 1.855.871.731 VND.

2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định pháp luật và theo Điều lệ của Công ty. Chi tiết các quỹ tại Helio Energy như sau:

Bảng 37: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	235	235	1.270	1.270	2.355	8.839
2	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	8.332	-	8.415	-	8.415
Tổng cộng		**235**	**8.567**	**1.270**	**9.686**	**2.355**	**17.254**

(Nguồn: BCTC (riêng và hợp nhất) năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC (riêng và hợp nhất) bán niên năm 2026 đã soát xét của Công ty Cổ phần Helio Energy)

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Nhờ công tác quản trị rủi ro hiệu quả của đội ngũ Ban lãnh đạo và phòng ban chuyên trách của Công ty, dự kiến sẽ không có biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng		BCTC hợp nhất	
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	Lần	2,83	0,51	1,39	0,52
Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)*	Lần	2,81	0,51	1,39	0,52
2. Cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,13	0,12	0,5	0,41
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,14	0,13	0,99	0,68
3. Năng lực hoạt động					
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,13	0,13	0,23	0,23

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng		BCTC hợp nhất	
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)					
Vòng quay vốn lưu động *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)*	Vòng	1,14	1,78	1,21	1,51
Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	Vòng	60,32	238,18	195,71	753,38
4. Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) *(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)*	%	14,69	44,05	17,67	12,37
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) *(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)*	%	1,94	5,65	4,01	2,84
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) *(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)*	%	2,26	6,44	8,65	5,22
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	236	699	923	645

(Nguồn: Dựa trên số liệu theo BCTC (riêng và hợp nhất) năm 2024, 2025 đã được kiểm toán)

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Không có.

Bảng 39: Các chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của Công ty

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Lợi nhuận sau thuế	65.258.502.068	78.395.687.947
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	107.408.691.393	119.277.107.669
3	Vốn chủ sở hữu trước điều chỉnh	253.891.331.054	265.843.458.223
Trong đó	*Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*	-	-
	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông công ty mẹ	*253.891.331.054*	*265.843.458.223*
4	Vốn chủ sở hữu sau điều chỉnh	729.048.526.001	741.000.653.170
Trong đó	*Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*	*193.308.169.943*	*193.308.169.943*

TT	Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2025
	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông công ty mẹ	*535.740.356.058*	*547.692.483.227*

(Nguồn: Dựa trên số liệu theo Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Helio Energy)

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu bình quân được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát (CĐKKS).
Trong đó:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{\text{VCSH tại 31/12/2024 sau điều chỉnh theo BC tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (không bao gồm lợi ích của CĐKKS)} + \text{VCSH tại 31/12/2025 sau điều chỉnh theo BC tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (không bao gồm lợi ích của CĐKKS)}}{2}$$

$$\text{ROE 2025} = \frac{78.395.687.947}{(535.740.356.058+547.692.483.227):2} = 14{,}47\%$$

❖ **Đánh giá các chỉ tiêu tài chính của Công ty**

- **Về khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh trên Báo cáo tài chính riêng giảm từ 2,83 lần năm 2024 xuống 0,51 lần năm 2025; trên Báo cáo tài chính hợp nhất giảm từ 1,39 lần xuống 0,52 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2025 Công ty tập trung các hoạt động đầu tư dài hạn, làm gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn và giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản tại thời điểm cuối kỳ. Mặc dù các hệ số thanh toán giảm so với năm trước, Công ty vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, các dự án điện mặt trời tiếp tục tạo doanh thu và dòng tiền thường xuyên từ hoạt động bán điện. Đồng thời, việc hoàn tất nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần SD Trường Thành - đơn vị sở hữu dự án đã đi vào vận hành thương mại - được đánh giá là yếu tố hỗ trợ tích cực cho khả năng tạo dòng tiền và năng lực thanh toán của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.

- **Về cơ cấu vốn**

Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty hợp nhất giảm từ 0,50 lần năm 2024 xuống 0,41 lần năm 2025, trong khi hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 0,99 lần xuống 0,68 lần. Diễn biến này cho thấy mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay của Công ty đã giảm, đồng thời năng lực tự chủ tài chính được cải thiện. Với đặc thù ngành điện mặt trời đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư ban đầu lớn và thời gian thu hồi vốn dài, việc duy trì hệ số nợ ở mức dưới 1 lần vốn chủ sở hữu được đánh giá là phù hợp, góp phần hạn chế rủi ro tài chính và tạo dư địa cho các kế hoạch đầu tư trong tương lai.

Sau khi hoàn tất giao dịch nhận chuyển nhượng SD Trường Thành, quy mô vốn chủ sở hữu, tổng tài sản và năng lực tài chính của Công ty được mở rộng đáng kể. Điều này tạo cơ sở để Công ty nâng cao năng lực huy động vốn, đồng thời duy trì cơ cấu vốn cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát rủi ro tài chính.

- **Về năng lực hoạt động**

Các chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động của Công ty duy trì tương đối ổn định trong giai đoạn 2024 - 2025. Đây là đặc điểm phù hợp với mô hình hoạt động của doanh nghiệp năng lượng tái tạo khi phần lớn tài sản được đầu tư vào các dự án điện có vòng đời khai thác dài và khả năng tạo doanh thu ổn định trong nhiều năm.

Đối với vòng quay hàng tồn kho, chỉ tiêu này ở mức rất cao do Công ty không phát sinh lượng hàng tồn kho đáng kể trong quá trình hoạt động. Do đó, chỉ tiêu này không mang nhiều ý nghĩa đánh giá hiệu quả hoạt động như đối với các doanh nghiệp sản xuất hoặc thương mại thông thường. Việc bổ sung SD Trường Thành - dự án đã hoàn thành đầu tư và đang trong giai đoạn khai thác thương mại - giúp Công ty gia tăng quy mô tài sản đồng thời bổ sung nguồn doanh thu ổn định. Qua đó, hiệu quả khai thác tài sản và hiệu quả sử dụng nguồn lực của Công ty được đánh giá có cơ sở để cải thiện trong thời gian tới.

- **Về khả năng sinh lời**

Các chỉ tiêu ROS, ROA, ROE và EPS của Công ty duy trì ở mức tích cực trong giai đoạn 2024 - 2025. Mặc dù hoạt động sản xuất điện năm 2025 chịu ảnh hưởng nhất định từ điều kiện thời tiết và bức xạ mặt trời, Công ty vẫn duy trì khả năng tạo lợi nhuận trên doanh thu, tài sản và vốn chủ sở hữu ở mức phù hợp với đặc thù ngành.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C:

3.1. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2024

Theo báo cáo kiểm toán độc lập số 13664222/E-68360680 ngày 03/03/2025 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, kết luận của kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."*

Vấn đề khác: *"Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.*

3.2. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

Theo báo cáo kiểm toán độc lập số 13664222/E-68360680 - HN ngày 03/03/2025 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, kết luận của kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*

Vấn đề khác: *"Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.*

3.3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2025

Theo báo cáo kiểm toán độc lập số 13664222/E-68672455 ngày 18/03/2026 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, kết luận của kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng."*

3.4. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

Theo báo cáo kiểm toán độc lập số 13664222/E-68672455 - HN ngày 18/03/2026 của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam, kết luận của kiểm toán viên: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."*

3.5. Ý kiến của tổ chức soát xét thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026

Theo báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 2.0532/26/TC-AC ngày 20/07/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, kết luận của kiểm toán viên: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Helio Energy tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ."*

Vấn đề khác

"Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 22 tháng 8 năm 2025 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vào ngày 18 tháng 3 năm 2026 với ý kiến chấp nhận toàn phần."

3.6. Ý kiến của tổ chức soát xét thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026

Theo báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 2.0533/26/TC-AC ngày 20/07/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, kết luận của kiểm toán viên: *"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp*

nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ."

Vấn đề khác

"Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 22 tháng 8 năm 2025 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vào ngày 18 tháng 3 năm 2026 với ý kiến chấp nhận toàn phần."

3.7. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 40: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực tế năm 2025	Năm 2026		Thực tế 6 tháng năm 2026
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2025	
Doanh thu thuần (triệu đồng)	109.611	227.116	107,20%	114.327
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	13.555	57.473	324,00%	108.585
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,37%	25,31%	104,63%	94,98%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát)	5,22%	9,79%	69,15%	23,48%
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	0%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026 được xây dựng trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án hiện hữu và việc hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần SD Trường Thành sau khi Công ty hoàn tất nhận chuyển nhượng vào tháng 3 năm 2026.

Trên cơ sở mở rộng quy mô tài sản vận hành, gia tăng tổng công suất khai thác và phát huy hiệu quả từ các dự án hiện hữu, Công ty đặt kế hoạch doanh thu thuần đạt 227.116 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 57.473 triệu đồng trong năm 2026. Bên cạnh yếu tố gia tăng quy mô hoạt động, Công ty tiếp tục tập trung nâng cao hiệu quả quản lý vận hành, tối ưu hóa chi phí và khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có nhằm cải thiện chất lượng tăng trưởng và nâng cao hiệu quả sinh lời.

Đối với chính sách phân phối lợi nhuận, Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức trong năm 2026. Trong giai đoạn hiện nay, Ban lãnh đạo ưu tiên sử dụng nguồn lợi nhuận giữ lại để củng cố năng lực tài chính, nâng cao khả năng tự chủ về nguồn vốn và tạo dư địa cho các kế

hoạch đầu tư, mở rộng hoạt động trong tương lai. Chính sách này phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Công ty, đồng thời góp phần tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông thông qua việc gia tăng quy mô tài sản, năng lực tạo dòng tiền và hiệu quả hoạt động trong các năm tiếp theo.

3.8. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2026

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026.

3.9. Căn cứ để đạt được kế hoạch nêu trên

3.9.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

(a) Hoạt động sản xuất điện

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty được xây dựng trên cơ sở các dự án điện mặt trời hiện hữu đã đi vào vận hành thương mại ổn định và duy trì sản lượng điện tương đối ổn định trong các năm gần đây. Các dự án điện mặt trời áp mái của Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và các đơn vị thành viên theo quy định hiện hành, với thời hạn hợp đồng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Đây là cơ sở quan trọng giúp Công ty duy trì nguồn doanh thu tương đối ổn định trong suốt vòng đời dự án.

Bên cạnh danh mục các dự án điện mặt trời áp mái hiện hữu, trong tháng 3/2026 Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần SD Trường Thành và ghi nhận là công ty con. SD Trường Thành là đơn vị sở hữu Nhà máy Điện mặt trời Thuận Minh 2 đã đi vào vận hành thương mại ổn định, duy trì kết quả hoạt động tích cực trong các năm gần đây. Việc hợp nhất SD Trường Thành được kỳ vọng sẽ góp phần gia tăng quy mô tài sản, doanh thu và lợi nhuận hợp nhất của Công ty từ năm 2026, đồng thời nâng cao năng lực tạo dòng tiền và hiệu quả hoạt động của HIO trong dài hạn.

Để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026, Công ty tập trung triển khai các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý vận hành, bảo trì bảo dưỡng thiết bị thông qua việc chuẩn hoá quy trình vận hành; thực hiện đầy đủ và hiệu quả công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, liên tục;
- Nâng cao hiệu suất hoạt động của các Dự án thông qua việc tăng cường ứng dụng công nghệ trong giám sát và quản lý vận hành, giảm thiểu sự cố, tối ưu hoá hiệu suất vận hành;
- Đảm bảo tuân thủ và kiểm soát rủi ro thông qua việc tuân thủ quy định của pháp luật, hợp đồng mua bán điện và các yêu cầu của cơ quan quản lý; tăng cường công tác an toàn lao động và quản lý rủi ro.

(b) Hoạt động đầu tư

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, đặc biệt đối với các dự án điện mặt trời, điện gió,... Đây là ưu tiên hàng đầu của Công ty với mục tiêu tăng quy mô, đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, tối đa hóa nguồn lực doanh nghiệp, nhằm mở rộng thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh, đem lại lợi nhuận cho Công ty cũng như tối đa hóa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan;

- Phát triển quan hệ sâu rộng, tìm kiếm các đối tác tiềm năng và phù hợp thực hiện các giao dịch nhằm tối ưu, tái cấu trúc danh mục hiện hữu hoặc hợp tác đầu tư vào các dự án liên quan tới năng lượng tái tạo như mua bán tài sản, mua bán phần vốn góp/cổ phần của các công ty sở hữu dự án hoặc hệ thống điện.

(c) Dịch vụ quản lý vận hành và dịch vụ tư vấn thực hiện dự án điện

- Tăng cường các hoạt động marketing, tìm kiếm khách hàng tiềm năng có nhu cầu sử dụng dịch vụ;
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng trước, trong và sau khi thực hiện các hợp đồng.

(d) Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự thông qua việc tăng cường đào tạo, phát triển chuyên môn và kỹ năng quản lý; xây dựng đội ngũ nhân sự nòng cốt đáp ứng yêu cầu vận hành và phát triển;
- Hoàn thiện hệ thống quản trị và đánh giá hiệu quả thông qua việc xây dựng và chuẩn hóa hệ thống quản trị; từng bước hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu quả công việc gắn với mục tiêu sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng chính sách thu hút và giữ chân nhân tài thông qua việc hoàn thiện cơ chế lương, thưởng và chế độ đãi ngộ; tạo môi trường làm việc ổn định, chuyên nghiệp và gắn kết

(e) Triển khai việc niêm yết cổ phiếu

- Trong năm 2026, Ban Tổng Giám đốc xác định việc triển khai niêm yết cổ phiếu của Công ty là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc sẽ tập trung chỉ đạo, điều phối các bộ phận chuyên môn chủ động phối hợp với các đơn vị tư vấn, cổ đông và cơ quan quản lý có thẩm quyền để hoàn thiện các điều kiện, hồ sơ và thủ tục cần thiết, hướng tới thực hiện niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh của Công ty theo đúng lộ trình đề ra.
- Việc niêm yết không chỉ góp phần nâng cao tính minh bạch, năng lực quản trị và uy tín của Công ty trên thị trường vốn, mà còn tạo nền tảng quan trọng để mở rộng khả năng huy động vốn, phục vụ chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tới.

3.9.2. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

- Hoàn thiện hệ thống quản trị và quy trình nội bộ: Chuẩn hóa quy trình vận hành, đầu tư, tài chính và nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số: Tăng cường giám sát vận hành, phân tích dữ liệu và số hóa quản lý để tối ưu hiệu suất và tiết kiệm chi phí.
- Tối ưu tài chính và nâng cao hiệu quả đầu tư: Kiểm soát chi phí, tối ưu cấu trúc vốn; nâng cao chất lượng thẩm định và lựa chọn dự án đầu tư.
- Phát triển thị trường và mở rộng quan hệ đối tác: Đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng khách hàng dịch vụ và hợp tác với các đối tác chiến lược.

- Phát triển nguồn nhân lực và tăng cường quản trị rủi ro: Nâng cao chất lượng nhân sự, hoàn thiện cơ chế đãi ngộ; đồng thời đảm bảo tuân thủ và kiểm soát rủi ro trong toàn bộ hoạt động quản lý, hoạt động vận hành.

3.10. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đã tiến hành thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Helio Energy tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Helio Energy đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Tổ chức tư vấn và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh tính tới thời điểm hiện tại, năng lực của Công ty Cổ phần Helio Energy, dự báo tình hình kinh tế và triển vọng của ngành trong thời gian tới, trường hợp không có biến động bất thường trong hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt cho rằng kế hoạch lợi nhuận của Công ty Cổ phần Helio Energy dự kiến cho năm 2026 là khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư cần tự mình nghiên cứu kỹ các thông tin và cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Helio Energy hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 21/10/2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo đó, đến thời điểm hiện tại cổ phiếu của cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Hiện nay, Công ty có 01 *(một)* cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Helio Power

- Tên cổ đông lớn: Công ty Cổ phần Helio Power.
- Năm thành lập: 2016.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107581205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/09/2016, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 15/09/2025.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).
- Người đại diện theo pháp luật: Phan Thành Đạt - chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Người đại diện quản lý cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Helio Power tại Helio Energy: Bùi Tuấn Dương – chức vụ: Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc.
- Số lượng cổ phần nắm giữ tại Helio Energy:

Bảng 41: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

TT	Cổ đông lớn/Người có liên quan của cổ đông lớn	Mối quan hệ của người liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại thời điểm 06/07//2026		
1	Công ty Cổ phần Helio Power		29.112.000 cổ phần	29.112.000 cổ phần	69,314%
1.1	Hoàng Thế Anh	Chủ tịch HĐQT	10.000 cổ phần	10.000 cổ phần	0,024%
1.2	Phan Thành Đạt	TGĐ – TV HĐQT	1.050.000 cổ phần	1.050.000 cổ phần	2,500%
1.3	Bùi Tuấn Dương	Phó TGĐ – TV HĐQT	10.000 cổ phần	10.000 cổ phần	0,024%
1.4	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	KTT	11.300 cổ phần	11.300 cổ phần	0,027%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy)

- Hợp đồng, giao dịch giữa cổ đông lớn và Helio Energy: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3. Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Hiện tại Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên, thông tin chi tiết như sau:

Bảng 42: Danh sách Hội đồng quản trị đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Phan Thành Đạt	Chủ tịch HĐQT	Người phụ trách quản trị Công ty, thành viên HĐQT không điều hành
2	Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT	Phó Tổng Giám đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc
4	Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán, thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập HĐQT	Thành viên Ủy ban kiểm toán, thành viên HĐQT không điều hành

Thông tin chi tiết:

*3.1.1. Ông **Phan Thành Đạt** - Chủ tịch HĐQT*

- Họ và tên: Phan Thành Đạt
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 10/2005 đến tháng 10/2009:	Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội	Chuyên viên
- Từ tháng 10/2009 đến tháng 06/2017:	Ngân hàng TMCP An Bình – Hội sở	Trưởng bộ phận khách hàng
- Từ tháng 08/2017 đến tháng 03/2022:	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli	Tổng Giám đốc
- Từ tháng 09/2018 đến tháng 01/2023:	Công ty Cổ phần SD Trường Thành.	Thành viên HĐQT - Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 09/2021 đến tháng 04/2022:	+ Công ty TNHH Two Brothers Energy; + Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú; + Công ty TNHH KCP Energy; + Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh; + Công ty TNHH Mặt trời Đỏ Việt; + Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh; + Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ; + Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh; + Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt; + Công ty TNHH Zon Power Việt Nam; + Công ty TNHH Dahlia Việt Nam; + Công ty TNHH New Power Việt Nam; + Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới; + Công ty TNHH Orchid Việt Nam; + Công ty TNHH Sol Power Việt Nam; + Công ty TNHH Solar Việt; + Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới.	Chủ tịch công ty -Tổng Giám đốc
- Từ tháng 11/2021 đến tháng 03/2022:	+ Công ty TNHH Carnation Việt Nam; + Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú; + Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy; + Công ty TNHH Green Up Power.	Chủ tịch công ty -Tổng Giám đốc
- Từ tháng 03/2019 đến tháng 04/2021:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên HĐQT
- Từ tháng 04/2021 đến tháng 03/2023:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	Thành viên độc lập HĐQT
- Từ tháng 01/2021 đến nay:	Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 03/2021 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Power	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
- Từ tháng 06/2020 đến tháng 04/2024:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Tổng Giám đốc
- Từ tháng 11/2021 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Thành viên HĐQT
- Từ tháng 02/2023 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Người phụ trách quản trị Công ty
- Từ tháng 04/2024 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người phụ trách quản trị Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
  + Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2.
  + Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Helio Power.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 06/07/2026:
  + Sở hữu cá nhân: 1.050.000 cổ phần (tương đương 2,500% số cổ phần đang lưu hành).
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
  + Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Helio Power sở hữu: 29.112.000 cổ phần (tương đương 69,314% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Công ty Cổ phần Helio Power - xem chi tiết tại Phần VI mục 2 – Thông tin về cổ đông lớn *(trang 96 của Bản cáo bạch này)*.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Phan Thành Đạt và những người có liên quan: Không có.
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	6 tháng đầu năm 2026 (đồng)
1	Thù lao	102.500.000	120.000.000	60.000.000
2	Tiền lương	223.789.739	-	-
3	Các lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Xem chi tiết tại Phần VI mục 3 tiểu mục 3.4 *(trang 109 của Bản cáo bạch này).*

*3.1.2. Ông **Bùi Tuấn Dương** - Thành viên HĐQT*

- Họ và tên: Bùi Tuấn Dương
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1991
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015:	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Techcombank	Chuyên viên
- Từ tháng 05/2017 đến tháng 10/2021:	Công ty Cổ phần Helio Power	Trưởng phòng Đầu tư
- Từ tháng 11/2021 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Power	Phó Tổng Giám đốc
- Từ tháng 12/2021 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Power	Thành viên HĐQT
- Từ tháng 08/2022 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
- Từ tháng 03/2023 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Người được ủy quyền công bố thông tin

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Helio Power.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 06/07/2026:
  + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần (tương đương 0,024% số cổ phần đang lưu hành)
  + Sở hữu đại diện: đại diện cho Công ty Cổ phần Helio Power: 29.112.000 cổ phần (tương đương 69,314% số cổ phần đang lưu hành)

+ Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Helio Power sở hữu: 29.112.000 cổ phần (tương đương 69,314% số cổ phần đang lưu hành).

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Công ty Cổ phần Helio Power - xem chi tiết tại Phần VI mục 2 - Thông tin về cổ đông lớn *(trang 96 của Bản cáo bạch này)*.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Bùi Tuấn Dương và những người có liên quan: Không có.
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	6 tháng đầu năm 2026 (đồng)
1	Thù lao	60.000.000	60.000.000	30.000.000
2	Tiền lương	615.129.900	850.641.600	614.198.000
3	Các lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

*3.1.3. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh** - Thành viên HĐQT*

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế – Tài chính – Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 10/2010 đến tháng 08/2018:	Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 10/2018 đến tháng 06/2021:	Công ty Cổ phần Helio Power	Kế toán tổng hợp
- Từ tháng 06/2021 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Power	Kế toán trưởng
- Từ tháng 10/2021 đến tháng 08/2022:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Thành viên HĐQT
- Từ tháng 08/2022 đến tháng 06/2024:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Kế toán trưởng
- Từ tháng 06/2024 nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Tổng Giám đốc
- Từ tháng 03/2026 đến nay:	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty
- Từ tháng 04/2026 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Thành viên HĐQT

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
  + Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Helio Power
  + Chủ tịch HĐQT - Giám đốc tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 06/07/2026:
  + Sở hữu cá nhân: 11.300 cổ phần (tương đương 0,027% số cổ phần đang lưu hành)
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành)
  + Sở hữu của người có liên quan: Công ty Cổ phần Helio Power sở hữu: 29.112.000 cổ phần (tương đương 69,314% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Công ty Cổ phần Helio Power - xem chi tiết tại Phần VI mục 2 – Thông tin về cổ đông lớn *(trang 96 của Bản cáo bạch này)*.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh và những người có liên quan: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	6 tháng đầu năm 2026 (đồng)
1	Thù lao	-	-	12.000.000
2	Tiền lương	629.605.667	909.658.000	658.522.620
3	Các lợi ích khác	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không

3.1.4. Bà Phạm Thị Thu Trang - Thành viên độc lập HĐQT

- Họ và tên: Phạm Thị Thu Trang
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1987
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Luật sư, Thạc sĩ Luật Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 01/2011 đến tháng 06/2014:	Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	Chuyên gia pháp chế
- Từ tháng 06/2014 đến tháng 11/2022:	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Chuyên viên pháp lý
- Từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2024:	Tập đoàn Vingroup – Công ty CP	Chuyên viên pháp lý cao cấp
- Từ tháng 12/2024 đến tháng 03/2026:	Công ty Cổ phần Phát triển Trạm sạc Toàn cầu V-Green	Trưởng phòng Pháp chế
- Từ tháng 03/2026 đến nay:	Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings	Giám đốc Pháp chế

- Từ tháng 04/2026 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Thành viên độc lập HĐQT – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán .
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
  + Giám đốc Pháp chế tại Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 06/07/2026:
  + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
  + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Phạm Thị Thu Trang và những người có liên quan: Không.
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*):

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	6 tháng đầu năm 2026 (đồng)
1	Thù lao	-	-	12.000.000
2	Tiền lương	-	-	-
3	Các lợi ích khác	-	-	-

Chú thích:
(*) Bà Phạm Thị Thu Trang bắt đầu trở thành người nội bộ của Công ty từ tháng 4 năm 2026.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

3.1.5. Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thành viên độc lập HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Minh Hoàng

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1995
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 12/2018 đến tháng 08/2020:	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Giao dịch viên
- Từ tháng 09/2020 đến tháng 07/2022:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber	Chuyên viên M&A
- Từ tháng 07/2022 đến tháng 03/2025:	Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings	Chuyên viên chính Ban Đầu tư
- Từ tháng 03/2025 đến tháng 02/2026:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Giám đốc quan hệ khách hàng
- Từ tháng 08/2021 đến nay	Công ty TNHH I Capital	Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Từ tháng 02/2025 đến nay	Công ty TNHH Amber Golf	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
- Từ tháng 03/2026 đến nay:	Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings	Phó Ban Đầu tư
- Từ tháng 04/2026 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Thành viên độc lập HĐQT – Thành viên Ủy ban kiểm toán

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên độc lập HĐQT – Thành viên Ủy ban kiểm toán.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
  + Chủ tịch Hội đồng thành viên tại Công ty TNHH I Capital
  + Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc tại Công ty TNHH Amber Golf
  + Phó Ban Đầu tư tại Công ty Cổ phần Amber Capital Holdings
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 06/07/2026:
  + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Nguyễn Minh Hoàng và những người có liên quan: Không phát sinh tính từ thời điểm ông Nguyễn Minh Hoàng trở thành người nội bộ của Công ty.
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (*):

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)	6 tháng đầu năm 2026 (đồng)
1	Thù lao	-	-	12.000.000
2	Tiền lương	-	-	-
3	Các lợi ích khác	-	-	-

Chú thích:

(*) Ông Nguyễn Minh Hoàng bắt đầu trở thành người nội bộ của Công ty từ tháng 4 năm 2026.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Không

3.2. Ủy ban kiểm toán

Bảng 43: Danh sách Ủy ban kiểm toán đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên Ủy ban kiểm toán

Thông tin chi tiết:

*3.2.1. Bà **Phạm Thị Thu Trang** – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán*

Xem chi tiết tại phần VI – tiểu mục 3.1 – Hội đồng quản trị *(trang 97 của Bản cáo bạch này)*.

*3.2.2. Ông **Nguyễn Minh Hoàng** – Thành viên Ủy ban kiểm toán*

Xem chi tiết tại phần VI – tiểu mục 3.1 – Hội đồng quản trị *(trang 97 của Bản cáo bạch này).*

3.3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Bảng 44: Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
2	Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Thị Trang	Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết:

3.3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh – Tổng Giám đốc

Xem chi tiết tại Phần VI - tiểu mục 3.1 – Hội đồng quản trị *(trang 97 của Bản cáo bạch này).*

*3.3.2. Ông **Bùi Tuấn Dương** - Phó Tổng Giám đốc*

Xem chi tiết tại Phần VI - tiểu mục 3.1 – Hội đồng quản trị *(trang 97 của Bản cáo bạch này).*

*3.3.3. Bà **Lê Thị Trang** – Kế toán trưởng*

- Họ và tên: Lê Thị Trang
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1993
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
- Từ tháng 06/2016 đến tháng 04/2018:	Công ty cổ phần Nhất Nam	Chuyên viên kế toán
- Từ tháng 04/2018 đến tháng 06/2020:	Công ty cổ phần Helio Power	Kế toán tổng hợp
- Từ tháng 04/2020 đến nay:	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Kế toán trưởng
- Từ tháng 06/2020 đến tháng 07/2022:	Công ty cổ phần Helio Energy	Kế toán trưởng
- Từ tháng 08/2021 đến tháng 06/2024:	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Kế toán trưởng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Công ty TNHH KCP Energy	
- Từ tháng 09/2021 đến nay:	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Kế toán trưởng
- Từ tháng 08/2022 đến tháng 06/2024:	Công ty cổ phần Helio Energy	Phó Ban Kế toán
- Từ tháng 10/2022 đến tháng 06/2024:	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Kế toán trưởng
- Từ tháng 10/2022 đến nay:	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Kế toán trưởng
- Từ tháng 11/2022 đến nay:	Công ty cổ phần Điện gió Hướng Linh 2	Kế toán trưởng
- Từ tháng 01/2023 đến tháng 6/2024:	Công ty cổ phần SD Trường Thành	Kế toán trưởng
- Từ tháng 06/2024 đến nay:	Công ty Cổ phần Helio Energy	Kế toán trưởng
- Từ tháng 07/2025 đến nay	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Kế toán trưởng
- Từ tháng 07/2025 đến nay	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Kế toán trưởng
- Từ tháng 07/2025 đến nay	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Kế toán trưởng
- Từ tháng 07/2025 đến nay	Công ty TNHH Solar Việt	Kế toán trưởng
- Từ tháng 08/2025 đến nay:	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Kế toán trưởng
- Từ tháng 03/2026 đến nay:	Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Trưởng ban Kiểm soát

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
  + Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Helio Bình Thuận
  + Kế toán trưởng tại Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú
  + Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam
  + Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Điện gió Hướng Linh 2
  + Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Orchid Việt Nam

+ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh
+ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ
+ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới
+ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Solar Việt
+ Trưởng Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 06/07/2026:
  + Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần (tương đương 0,007% số cổ phần đang lưu hành)
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành)
  + Sở hữu của người có liên quan:
    - Bà Lê Thị Phương: 1.000 cổ phần (tương đương 0,002% số cổ phần đang lưu hành);
    - Ông Trương Văn Đương: 13.100 cổ phần (tương đương 0,031% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
  + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Lê Thị Trang và những người có liên quan: Không có.
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng) (*)	Năm 2025 (đồng)	6 tháng đầu năm 2026 (đồng)
1	Thù lao	-	-	-
2	Tiền lương	271.760.692	580.578.462	359.897.860
3	Các lợi ích khác	-	-	-

Chú thích:

(*) Năm 2024: Bà Lê Thị Trang bắt đầu trở thành người nội bộ của Công ty từ tháng 06

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của Công ty: Xem chi tiết tại Phần VI mục 3 tiểu mục 3.4 *(trang 109 của Bản cáo bạch này).*

3.4. Lợi ích liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng tại các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Helio Energy hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Helio Energy

3.4.1. Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2

- Hoạt động chính của doanh nghiệp: sản xuất điện
  + Về phân khúc khách hàng mục tiêu: Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2 và Helio Energy, các công ty con đều có khách hàng chung là Tập đoàn Điện lực Việt Nam,

các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tuy nhiên, theo quy định tại Hợp đồng mua bán điện của mỗi công ty, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ tiến hành thanh toán toàn bộ sản lượng điện được xác nhận phát lên lưới hay được hiểu là toàn bộ sản lượng điện được sản xuất ra sẽ được Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai mua toàn bộ.

+ Về địa bàn hoạt động: Địa bàn hoạt động và dự án của Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2 là ở tỉnh Quảng Trị còn Helio Energy và các công ty con hiện tại không có dự án tại tỉnh Quảng Trị.
+ Về sản phẩm, dịch vụ: mặc dù cùng sử dụng năng lượng tái tạo để sản xuất điện nhưng Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2 sử dụng năng lượng gió còn Helio Energy và các công ty con sử dụng năng lượng mặt trời.

Từ những nội dung nêu trên có thể khẳng định không có sự cạnh tranh, xung đột lợi ích giữa Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2 với Helio Energy và các công ty con.

- Mối quan hệ của thành viên HĐQT, thành viên Ủy ban kiểm toán, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và người liên quan của họ với Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2 hiện tại như sau:

+ Ông Phan Thành Đạt – Chủ tịch Hội đồng quản trị Helio Energy
  - Chức vụ tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2: Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT.
  - Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2: 67.900 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu: 1%.
+ Bà Lê Thị Trang – Kế toán trưởng Helio Energy
  - Chức vụ tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2: Kế toán trưởng.
  - Số lượng cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 2: 0 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu: 0%.

3.5. Phương án kiểm soát xung đột lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan, bao gồm có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Helio Energy phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác không được biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên trong đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Mã cổ phiếu: HIO

4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 42.000.000 cổ phiếu.

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết

***5.1.* Hạn chế chuyển nhượng theo quy định đối với tổ chức đăng ký niêm yết**

Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên SGDCK, Căn cứ theo điểm đ Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán: "*Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ*", như sau:

Bảng 45: Danh mục cổ đông hạn chế chuyển nhượng theo quy định với tổ chức đăng ký niêm yết

TT	Họ và tên	Chức vụ nắm giữ tại HIO	Số cổ phiếu sở hữu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 06 tháng tiếp theo
1	Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người phụ trách quản trị Công ty	1.050.000	1.050.000	525.000
2	Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin	10.000	10.000	5.000
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng giám đốc	11.300	11.300	5.650

4	Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	3.000	3.000	1.500
5	Công ty Cổ phần Helio Power	Cổ đông lớn, người có liên quan của Ông Phan Thành Đạt - Chủ tịch HĐQT	29.112.000	29.112.000	14.556.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Helio Energy

***5.2.* Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập theo quy định pháp luật**

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định về cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập: *"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó"*, Công ty Cổ phần Helio Energy được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy CNĐKDN số 0109204765 cấp lần đầu ngày 02/06/2020, do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2026. Do vậy, sau ngày 02/06/2023, tất cả các cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

***5.3.* Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông mua cổ phiếu nhà đầu tư không đặt mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng và hạn chế chuyển nhượng của cổ đông mua cổ phiếu trong đợt chào bán chứng khoán riêng lẻ theo quy định của pháp luật**

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định: "*Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Những người có quyền lợi liên quan đến việc phân phối cổ phiếu không được tham gia biểu quyết. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán*".

Danh sách cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của cổ đông mua cổ phiếu dôi dư nhà đầu tư không đặt mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2026 theo Nghị quyết hội đồng quản trị số 04/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026, cụ thể số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông là 4.960.385 cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng từ ngày 10/03/2026 đến hết ngày 10/03/2027, cụ thể :

STT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
1	Hồ Nam Phong	1.700.000	Từ ngày 10/03/2026 đến hết ngày 10/03/2027
2	Đỗ Tuấn Dũng	1.960.385	
3	Nguyễn Lê Nam Hải	1.300.000	
Tổng cộng		**4.960.385**	

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu HIO được xác định dựa trên các phương pháp tính giá sau:

- Phương pháp 1: Phương pháp giá trị sổ sách;

- Phương pháp 2: Phương pháp giá theo thị trường là bình quân giá tham chiếu của ít nhất 30 (Ba mươi) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch UPCOM trên SGDCK Hà Nội.
- Phương pháp 3: Phương pháp giá tính theo giá phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu gần nhất.

a. Phương pháp 1: Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của cổ phiếu HIO được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2025	30/06/2026
Vốn chủ sở hữu	Đồng	265.843.458.223	776.143.619.736
Số lượng cổ phần	Cổ phần	21.000.000	42.000.000
Giá trị sổ sách 1 cổ phần	Đồng	12.659	13.635

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét của Công ty cổ phần Helio Energy)

b. Phương pháp 2: Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá theo thị trường là bình quân giá tham chiếu của ít nhất 30 (Ba mươi) phiên giao dịch gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch UPCOM trên SGDCK Hà Nội

Phương pháp bình quân giá thị trường xác định giá trị cổ phiếu HIO dựa trên giá giao dịch thực tế của cổ phiếu HIO trên thị trường UPCoM. Theo phương pháp này, giá trị cổ phiếu được xác định bằng mức giá tham chiếu bình quân của 30 phiên giao dịch liên tiếp trong giai đoạn từ ngày 06/08/2026 đến ngày 21/09/2026, tương ứng 7.500 đồng/cổ phiếu (làm tròn đến số hàng trăm).

c. Phương pháp 3: Định giá cổ phiếu theo giá phát hành trong đợt chào bán cổ phiếu gần nhất (Quý I năm 2026)

Ngày 11/03/2026, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán thêm 21.000.000 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 210 tỷ đồng.

**** Tổng hợp định giá cổ phiếu HIO theo 3 phương pháp nêu trên:***

Chỉ tiêu	Phương pháp giá trị sổ sách	Phương pháp bình quân giá trị trường	Phương pháp định giá theo đợt chào bán gần nhất
Giá trị cổ phiếu HIO	13.635	7.500	10.000

Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX): Hội đồng quản trị Công ty sẽ ban hành nghị quyết thông qua lựa chọn phương pháp tính giá và xác định giá tham chiếu cụ thể cho ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty tại HSX, đồng thời báo cáo HSX và công bố thông tin theo quy định.

7. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7.1. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán:

- Nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Thu nhập từ cổ tức:

- Theo Nghị định Số: 253/2026/NĐ-CP - *Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân*, thu nhập của cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập đầu tư vốn và chịu thuế suất thuế toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế 5%. Trường hợp cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư sẽ phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

7.2. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán:

- Doanh nghiệp trong nước: theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 ban hành ngày 14/06/2025 có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, thu nhập chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 ban hành ngày 14/06/2025 có hiệu lực từ ngày 01/10/2025.

(Phần dưới của trang này được cố tình để trống)

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

❖ **Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2025**

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: : Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

Website: https://www.ey.com/vi_vn

❖ **Đơn vị kiểm toán Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm 2024 và Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2026**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: 40 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 37 367 879 Fax: (024) 37 367 869

Website: https://a-c.com.vn/vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 1, 117-119-121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 6255 6586 Fax: (028) 6255 6580

Website: *https://www.vfs.com.vn*

3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về việc đăng ký niêm yết

Với tư cách là Tổ chức tư vấn về việc đăng ký nêm yết của Công ty Cổ phần Helio Energy, Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt đăng ký niêm yết.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Helio Energy hiện đang giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM với mã chứng khoán HIO. Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện đăng ký niêm yết 42 triệu cổ phiếu trên SGDCK thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đăng ký niêm yết dự kiến trong năm 2026.

Với dấu hiệu phục hồi tích cực và triển vọng phát triển ổn định trong dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam cùng với khả năng duy trì lợi nhuận của Công ty Cổ phần Helio Energy trong những năm qua. Tổ chức tư vấn nhận thấy rằng khả năng hoàn thành đợt đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Helio Energy trên SGDCK thành phố Hồ Chí Minh có thể hoàn thành đúng kế hoạch đề ra.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư cần tự mình nghiên cứu kỹ các thông tin và cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

X. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 23 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHAN THÀNH ĐẠT

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ NGỌC QUỲNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI TUẤN DƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ TRANG

CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN

PHẠM THỊ THU TRANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH THỊ LAN

XI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Thông tin các công ty con của Helio Energy
2. Phụ lục II: Thông tin các công ty liên kết gián tiếp của Helio Energy
3. Phụ lục III: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Helio Energy.
4. Phụ lục IV: Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy.
5. Phụ lục V:
   - Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã kiểm toán năm 2024;
   - Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã kiểm toán năm 2025;
   - Báo cáo tài chính bán niên (riêng và hợp nhất) đã soát xét năm 2026;
   - Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm 2024, 2025;
6. Phụ lục VI: Các tài liệu khác

PHỤ LỤC 01. THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Đính kèm Bản cáo bạch về việc Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh)

I. Công ty con trực tiếp

1. Công ty TNHH Apollo Power 4

- Tên Công ty: Công ty TNHH Apollo Power 4.
- Ngày thành lập: 12/05/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109179524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/05/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Apollo Power 4: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Apollo Power 4 tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

2. Công ty TNHH Omega Power 3

- Tên Công ty: Công ty TNHH Omega Power 3.
- Ngày thành lập: 07/07/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109254933 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/07/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Omega Power 3: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Omega Power 3 tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.

- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

3. Công ty TNHH Helio Bình Thuận

- Tên Công ty: Công ty TNHH Helio Bình Thuận.
- Ngày thành lập: 09/04/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3401203411 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 09/04/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Minh Tiến, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Helio Bình Thuận: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Helio Bình Thuận tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

4. Công ty TNHH Ampire Power 4

- Tên Công ty: Công ty TNHH Ampire Power 4.
- Ngày thành lập: 07/07/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109254965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/07/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Ampire Power 4: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Ampire Power 4 tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

5. Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh.
- Ngày thành lập: 14/09/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 14/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

6. Công ty TNHH KCP Energy

- Tên Công ty: Công ty TNHH KCP Energy.
- Ngày thành lập: 14/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 14/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/05/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH KCP Energy: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH KCP Energy tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

7. Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt

- Tên Công ty: Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

8. Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú.
- Ngày thành lập: 14/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700252 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 14/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/05/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

9. Công ty TNHH Two Brothers Energy

- Tên Công ty: Công ty TNHH Two Brothers Energy.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700781 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Two Brothers Energy: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Two Brothers Energy tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

10. Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh

- Tên Công ty: Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

11. Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ

- Tên Công ty: Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700189 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 25/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.

- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

12. Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh

- Tên Công ty: Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh.
- Ngày thành lập: 09/10/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001703158 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 09/10/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

13. Công ty TNHH Bước tiến mới Việt

- Tên Công ty: Công ty TNHH Bước tiến mới Việt.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700799 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Bước tiến mới Việt: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Bước tiến mới Việt tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ từ 22/10/2021 đến nay.

14. Công ty TNHH Dahlia Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Dahlia Việt Nam.
- Ngày thành lập: 14/09/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 14/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Dahlia Việt Nam: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Dahlia Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: từ 22/10/2021 đến nay.

15. Công ty TNHH Zon Power Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Zon Power Việt Nam.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700767 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 46, Thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Zon Power Việt Nam: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Zon Power Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

16. Công ty TNHH New Power Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH New Power Việt Nam.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001701016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH New Power Việt Nam: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH New Power Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

17. Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới.
- Ngày thành lập: 14/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 14/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

18. Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới.
- Ngày thành lập: 05/10/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001702450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 05/10/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30/07/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

19. Công ty TNHH Sol Power Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Sol Power Việt Nam.
- Ngày thành lập: 05/10/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001702549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 05/10/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Sol Power Việt Nam: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Sol Power Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

20. Công ty TNHH Orchid Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Orchid Việt Nam.
- Ngày thành lập: 14/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 14/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Orchid Việt Nam: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Orchid Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.

- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

21. Công ty TNHH Solar Việt

- Tên Công ty: Công ty TNHH Solar Việt.
- Ngày thành lập: 11/09/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001700365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 11/09/2020, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Solar Việt: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Solar Việt tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

22. Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú

- Tên Công ty: Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú.
- Ngày thành lập: 08/05/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400419886 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 08/05/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/05/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng Hoàng Gia Phú tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

23. Công ty TNHH Carnation Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Carnation Việt Nam.
- Ngày thành lập: 08/05/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400419893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 08/05/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/05/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Carnation Việt Nam: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Carnation Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

24. Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy

- Tên Công ty: Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy.
- Ngày thành lập: 08/05/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400419847 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 08/05/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18/05/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Một thành viên Nghiêm Brothers Energy tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

25. Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam.
- Ngày thành lập: 08/05/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400419854 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 08/05/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 18/05/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng).

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam: 100%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến nay.

26. Công ty Cổ phần SD Trường Thành

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần SD Trường Thành.
- Ngày thành lập: 20/09/2017.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107998006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/09/2017, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19/03/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành: 59,32%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần SD Trường Thành tại Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%
- Thời gian nắm giữ: Từ 16/03/2026 đến nay.

Ngoài ra, tháng 10/2025, Helio Energy đã chuyển nhượng phần vốn góp tại:

Công ty TNHH Apollo Power 2

- Tên Công ty: Công ty TNHH Apollo Power 2.
- Ngày thành lập: 12/05/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109179482 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/05/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2024: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy tại Công ty TNHH Apollo Power 2 hiện tại: 0%.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Apollo Power 2 tại Công ty Cổ phần Helio Energy hiện tại: 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 22/10/2021 đến 14/10/2025.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con không còn sở hữu bất kỳ phần vốn góp nào tại Công ty TNHH Apollo Power 2.

II. Công ty con gián tiếp

1. Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam.

- Tên Công ty: Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam.
- Ngày thành lập: 04/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109210527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy: 0%, Công ty TNHH Ampire Power 4 sở hữu 40%, Công ty TNHH KCP Energy sở hữu 30%, Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam sở hữu 30%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Đầu tư năng lượng NVH Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 31/05/2022 đến nay.

2. Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng.
- Ngày thành lập: 09/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109215074 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%,

Công ty TNHH Helio Bình Thuận sở hữu 40%, Công ty TNHH Omega Power 3 sở hữu 35%, Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh sở hữu 25%.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 31/05/2022 đến nay.

3. Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình.
- Ngày thành lập: 23/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Two Brothers Energy sở hữu 34%, Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Anh sở hữu 34%, Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Mỹ sở hữu 32%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 13/05/2022 đến nay.

4. Công ty TNHH Duy Đình Solar

- Tên Công ty: Công ty TNHH Duy Đình Solar.
- Ngày thành lập: 23/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 17/09/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 7, xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Duy Đình Solar là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Bước tiến mới Việt sở hữu 34%, Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh sở hữu 34%, Công ty TNHH Dahlia Việt Nam sở hữu 32%.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Duy Đình Solar tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 16/05/2022 đến nay.

5. Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam.
- Ngày thành lập: 24/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5C, ngách 445/10 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Năng lượng thế kỷ mới sở hữu 34%, Công ty TNHH Zon Power Việt Nam sở hữu 34%, Công ty TNHH New Power Việt Nam sở hữu 32%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 31/05/2022 đến nay.

6. Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam.
- Ngày thành lập: 04/08/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109295249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 1, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Orchid Việt Nam sở hữu 34%, Công ty TNHH Solar Việt sở hữu 34%, Công ty TNHH Năng lượng thời đại mới sở hữu 32%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là 0%.

- Thời gian nắm giữ: Từ 31/05/2022 đến nay.

7. Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam.
- Ngày thành lập: 20/08/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109317534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/08/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/05/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, ngõ 1126, đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Sol Power Việt Nam sở hữu 34%, Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam sở hữu 28%, Công ty TNHH Carnation Việt Nam sở hữu 28%, Công ty TNHH Helio Bình Thuận sở hữu 10%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là 0%.
- Thời gian nắm giữ: Từ 16/05/2022 đến nay.

PHỤ LỤC 02

THÔNG TIN CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT GIÁN TIẾP CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Đính kèm Bản cáo bạch về việc Niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh)

1. Công ty TNHH VVT Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH VVT Việt Nam.
- Ngày thành lập: 24/07/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109283412 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/07/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/ 2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH VVT Việt Nam hiện tại là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu: 0%, Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú sở hữu 12%, Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy sở hữu: 11%, Công ty TNHH Ampire Power 4 sở hữu 15%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH VVT Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

2. Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam.
- Ngày thành lập: 04/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109210534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam hiện tại là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Helio Bình Thuận sở hữu 40%.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

3. Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn.
- Ngày thành lập: 24/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt sở hữu 36%, Công ty TNHH Apollo Power 4 sở hữu 10%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

4. Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam.
- Ngày thành lập: 12/08/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109306500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/08/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/08/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5C, ngách 445/10 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú sở hữu 36%, Công ty TNHH Omega Power 3 sở hữu 11%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

5. Công ty TNHH NVP Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH NVP Việt Nam.

- Ngày thành lập: 11/08/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109301929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/08/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 23/10/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bon Bu M'Lanh B, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH NVP Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam sở hữu 24%, Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam sở hữu 24%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH NVP Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

6. Công ty TNHH Khởi Duy Solar

- Tên Công ty: Công ty TNHH Khởi Duy Solar.
- Ngày thành lập: 24/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237085 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 10/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5/Dãy D, Ngõ 319 Đường Tam Trinh, Tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Khởi Duy Solar là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 46%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Khởi Duy Solar tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

7. Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam.
- Ngày thành lập: 23/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 7, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 45%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

8. Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam.
- Ngày thành lập: 24/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109238762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 47%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

9. Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam.
- Ngày thành lập: 23/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Đăk Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 45%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

10. Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Vĩnh Hữu

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Vĩnh Hữu.
- Ngày thành lập: 24/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5/Dãy D, Ngõ 319 Đường Tam Trinh, Tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Vĩnh Hữu là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 48%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Vĩnh Hữu tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

11. Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar

- Tên Công ty: Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar.
- Ngày thành lập: 24/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109238057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 47%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

12. Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam.
- Ngày thành lập: 12/08/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109305306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/08/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 Tòa Nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 48%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

13. Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam.
- Ngày thành lập: 23/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 5 TT149, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 45%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

14. Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Khởi Duy

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Khởi Duy.
- Ngày thành lập: 24/06/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109238755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 29/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Thuận Nam, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Khởi Duy là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 49%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Khởi Duy tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

15. Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam.
- Ngày thành lập: 21/07/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109276768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/07/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, Số 164 Đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 43%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

16. Công ty TNHH Đầu tư phát triển DTH Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Đầu tư phát triển DTH Việt Nam.
- Ngày thành lập: 22/07/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109278691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/07/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 Tòa Nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Đầu tư phát triển DTH Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 44%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Đầu tư phát triển DTH Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

17. Công ty TNHH NDT Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH NDT Việt Nam.
- Ngày thành lập: 24/07/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109282592 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/07/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH NDT Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 47%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH NDT Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

18. Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam.
- Ngày thành lập: 20/08/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109317460 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/08/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 43%.

- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

19. Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam.
- Ngày thành lập: 05/08/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109295640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa Nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 44%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Năng lượng mặt trời NHY Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

20. Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam.
- Ngày thành lập: 23/06/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109237247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23/06/2020, Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02/07/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 15, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 44%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

21. Công ty TNHH NHY Việt Nam

- Tên Công ty: Công ty TNHH NHY Việt Nam.
- Ngày thành lập: 05/08/2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109296066 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2020, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/06/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4 Tòa nhà Vimeco Lô E9, Đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ theo Giấy ĐKDN: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/06/2026: 9.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại Công ty TNHH NHY Việt Nam là: Công ty Cổ phần Helio Energy sở hữu 0%, Công ty Cổ phần SD Trường Thành sở hữu 49%.
- Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty TNHH NHY Việt Nam tại Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con hiện tại là: 0%.

BẢN SAO

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0109204756

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 06 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 30 tháng 03 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HELIO ENERGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HELIO ENERGY.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *02432263333* Số Fax:

Thư điện tử: *info@helioenergy.vn* Website: *https://helioenergy.vn*

3. Vốn điều lệ: 420.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 42.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: PHAN THÀNH ĐẠT Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *20/02/1983* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *001083017029*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *15 ngách 2/45 Nguyên Hồng, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7780 2 - 03/202 6 Quyển số: SCT/BS
Ngày: 19-10-2026

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

S.Đ.K.H.Đ: 82 - C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT
P. PHƯƠNG LIỆT - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hà Quý Sáng

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

BẢN SAO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 07)

Mã số: HIO.ĐL.01

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Helio Energy và tờ trình số 05/2026/HIO/TTr-HĐQT ngày 18/04/2026)

Hà Nội, 2026

QUÁ TRÌNH BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI		
Lần	**Ngày ban hành**	**Tóm tắt nội dung**
1	29/08/2022	Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy - Ban hành lần thứ nhất.
2	05/09/2022	Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy - Sửa đổi, bổ sung lần thứ hai.
3	31/10/2022	Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy - Sửa đổi, bổ sung lần thứ ba.
4	15/04/2024	Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy - Sửa đổi, bổ sung lần thứ tư.
5	19/04/2025	Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy - Sửa đổi, bổ sung lần thứ năm.
6	11/03/2026	Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy - Sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu.
7	18/04/2026	Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy - Sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy.

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 3
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty 3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 3
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 3
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 3
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 5
Điều 10. Thu hồi cổ phần 5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 6
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 6
Điều 12. Quyền của cổ đông 6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 10
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 12
Điều 17. Thay đổi các quyền 12
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 14
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 20

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 26
Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị 27
Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 28
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty 28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 29
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý 29
Điều 35. Người điều hành Công ty 29
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 29
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 30
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 30
Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán 30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán 30
Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 31
Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 31
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 32
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 32
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 33
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 33
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 33
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 34
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 34
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 34
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 34
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 35
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 35
Điều 48. Năm tài chính 35

Điều 49. Chế độ kế toán 35

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 36

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 36

Điều 51. Báo cáo thường niên 36

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 36

Điều 52. Kiểm toán 36

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 36

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 36

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 37

Điều 54. Giải thể công ty 37

Điều 55. Gia hạn hoạt động 37

Điều 56. Thanh lý 37

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 38

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 38

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 38

Điều 58. Điều lệ công ty 38

XXI. NGÀY HIỆU LỰC 38

Điều 59. Ngày hiệu lực 38

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2026

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2026 và Tờ trình số 05/2026/HIO/TTr-HĐQT ngày 18/04/2026.*

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty;

h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị thành viên Ban Tổng Giám đốc có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;

i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

k. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

l. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% *(năm phần trăm)* trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

m. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY**
   - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HELIO ENERGY JOINT STOCK COMPANY**
   - Tên Công ty viết tắt: **HELIO ENERGY., JSC**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
   - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
   - Điện thoại: 0243 226 3333.
   - Fax:
   - E-mail: info@helioenergy.vn.
   - Website: https://helioenergy.vn.
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 *(một)* người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 12 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

   Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

   Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 *(ba mươi)* ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định cho người lao động; Không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông; Đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **420.000.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tỷ đồng)*.

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 42.000.000 *(Bốn mươi hai triệu)* cổ phần với mệnh giá là 10.000 *(mười nghìn)* đồng/cổ phần.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung sau:

   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

   b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

   c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

   d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

   e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

   f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

   g. Nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
   a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
   b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 *(bảy)* ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình theo quy định pháp luật và quy định của Công ty;
   f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại (nếu có) tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
   h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
   i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
   j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
   k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có quyền sau đây:

a. Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b. Quyền khác như cổ đông phổ thông. Tuy nhiên cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền sau đây:

a. Nhận cổ tức theo mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.

b. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;

c. Quyền khác như cổ đông phổ thông. Tuy nhiên cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi theo quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có quyền sau đây:

a. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

b. Quyền khác như cổ đông phổ thông. Tuy nhiên cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, trừ trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông và có nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi quy định tại khoản 5 Điều 114 và khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% *(năm phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra sẽ do Ủy ban kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 *(ba)* ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% *(mười phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật được Chủ toạ cuộc họp chấp thuận.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 *(bốn)* tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 *(sáu)* tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% *(năm phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% *(mười phần trăm)* tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán về kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

o. Quyết định mua lại trên 10% *(mười phần trăm)* tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

p. Quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% *(sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% *(bảy mươi lăm phần trăm)*

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% *(bảy mươi lăm phần trăm)* tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi cuộc họp có sự tham dự của tối thiểu 02 *(hai)* cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 *(một phần ba)* giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

   a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 *(mười)* ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 *(hai mươi)* ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

   c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

   d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

   e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

   f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

   g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 *(hai mươi mốt)* ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

   c. Phiếu biểu quyết;

   d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% *(năm phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 *(ba)* ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số chứng thực cá nhân hợp pháp (Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu) đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

   b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% *(năm phần trăm)* cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

   c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% *(năm mươi phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 *(ba mươi)* ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% *(ba mươi ba phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 *(hai mươi)* ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

   a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

   b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không có người trong Hội đồng quản trị có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 *(ba)* ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Khi xét thấy cần thiết, Công ty có thể áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến. Trường hợp này, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% *(sáu mươi lăm phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% *(năm mươi phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức được quy định tại khoản 2 Điều này hoặc bầu dồn phiếu tuỳ theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Với hình thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ 02 *(hai)* ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% *(năm mươi)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% *(một trăm phần trăm)* tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% *(bảy mươi lăm phần trăm)* tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% *(bảy mươi lăm phần trăm)* tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về mọi vấn đề hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 *(mười)* ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
   f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
   a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 *(hai mươi tư)* giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% *(năm mươi phần trăm)* tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 *(chín mươi)* ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc Nhóm cổ đông sở hữu từ 05% *(năm phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 *(mười)* ngày trước ngày khai mạc họp Đại

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Quyền đề cử, ứng cử ứng viên Hội đồng quản trị của cổ đông/nhóm cổ đông như sau:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/ nhóm cổ đông	Số lượng ứng viên tối đa được đề cử	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/ nhóm cổ đông	Số lượng ứng viên tối đa được đề cử
Từ 10% đến dưới 20%	1	Từ 60% đến dưới 70%	6
Từ 20% đến dưới 30%	2	Từ 70% đến dưới 80%	7
Từ 30% đến dưới 40%	3	Từ 80% đến dưới 90%	8
Từ 40% đến dưới 50%	4	Từ 90% trở lên	9
Từ 50% đến dưới 60%	5		

Số lượng ứng viên đề cử này có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông để phù hợp với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 *(ba)* năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% *(một phần trăm)* tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 *(năm)* năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 *(hai)* nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 *(sáu)* tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 *(ba)* người và nhiều nhất là 11 *(mười một)* người. Số lượng thành viên cụ thể được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 *(năm)* năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 *(hai)* nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo quy định sau:

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

+ Có tối thiểu 01 *(một)* thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 *(ba)* đến 05 *(năm)* thành viên;
+ Có tối thiểu 02 (hai) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 (sáu) đến 08 (tám) thành viên;
+ Có tối thiểu 03 *(ba)* thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 *(chín)* đến 11 *(mười một)* thành viên.

- Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:
  + Có tối thiểu 01 *(một)* thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 *(ba)* đến 05 *(năm)* thành viên;
  + Có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 (sáu) đến 08 (tám) thành viên;
  + Có tối thiểu 03 *(ba)* thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 *(chín)* đến 11 *(mười một)* thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
   d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
   e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Điều lệ này, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

   f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 *(mười)* ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 *(bảy)* ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 *(một)* người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 *(một)* lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 *(năm)* người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 *(hai)* thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 *(bảy)* ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 *(ba)* ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 *(ba phần tư)* tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 *(bảy)*

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử hoặc các hình thức khác tuỳ theo thực tế.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 *(một)* giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Thời gian, địa điểm họp;
   c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
   d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
   e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
   f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
   g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên và thành phần của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 *(một)* người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 *(một)* thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 *(năm)* năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

   b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

   c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

   d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

   e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

   f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

   g. Tuyển dụng lao động;

   h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

   i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 *(hai)* thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

   b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 *(ba)* năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 *(hai)* lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp [Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
   a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
   b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
   c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
   d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% *(năm mươi phần trăm)* trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

   a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% *(ba mươi lăm phần trăm)* trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% *(năm phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
   b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 *(bảy)* tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% *(sáu mươi lăm phần trăm)* trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 *(sáu)* tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 *(hai)* thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 *(một)* thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 *(một)* công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
   c. Nợ thuế;
   d. Các khoản nợ khác của Công ty;

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

   a. Cổ đông với Công ty;

   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 *(ba mươi)* ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 *(sáu)* tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định, ủy quyền đối với nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể (nếu có).

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 *(hai mươi mốt)* mục 59 *(năm mươi chín)* Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Helio Energy nhất trí thông qua ngày 18 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Trong trường hợp có sự điều chỉnh của pháp luật khiến cho các quy định tại Điều lệ này không còn phù hợp, Công ty sẽ điều chỉnh lại Điều lệ này trong thời gian sớm nhất. Trong khoảng thời gian chưa điều chỉnh, quy định của pháp luật hiện hành sẽ được ưu tiên áp dụng.

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

3. Điều lệ được lập thành 02 *(hai)* bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 *(một phần hai)* tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Phan Thành Đạt

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực:.....Quyển số:.....SCT/BS
Ngày: 08-01-2026 (19-10-2026)

Người thực hiện chứng thực

S.Đ.K.H.Đ: 82 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT
P. PHƯƠNG LIỆT - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

Tài liệu này chứa các thông tin là tài sản của Helio Energy. Cấm sao chép, in ấn dưới mọi hình thức nếu không được sự cho phép của Helio Energy.

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Building a better working world

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 41

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC – Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 3 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con .

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 13664222/E-68360680

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") được lập ngày 3 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Lê Đức Trường	Lê Minh Tùng
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 08013-03/2026 Quyển số: -SCT/BS
Ngày: 19-10-2026
Người thực hiện chứng thực

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**29.462.754.568**	**29.764.153.013**
110	***I. Tiền***	***4***	***14.224.667.716***	***3.357.152.990***
111	1. Tiền		14.224.667.716	3.357.152.990
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***14.578.611.523***	***23.640.905.747***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	13.056.248.522	22.602.925.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.492.428.000	1.034.437.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		29.935.001	3.543.747
140	***III. Hàng tồn kho***		***150.025.270***	***537.095.181***
141	1. Hàng tồn kho		150.025.270	537.095.181
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***509.450.059***	***2.228.999.095***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	509.450.059	922.409.024
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.306.590.071
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**223.921.595.374**	**226.639.177.596**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***830.000.000***	***830.000.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	830.000.000	830.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***36.544.174.872***	***40.710.756.156***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	36.544.174.872	40.710.756.156
222	Nguyên giá		53.073.074.935	53.073.074.935
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.528.900.063)	(12.362.318.779)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***9***	***1.747.410.985***	***1.906.266.529***
231	1. Nguyên giá		2.382.833.161	2.382.833.161
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(635.422.176)	(476.566.632)
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***10***	***183.929.800.801***	***182.606.106.154***
251	1. Đầu tư vào công ty con		184.805.500.000	184.805.500.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(875.699.199)	(2.199.393.846)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***870.208.716***	***586.048.757***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	870.208.716	586.048.757
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**253.384.349.942**	**256.403.330.609**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**31.949.173.440**	**39.109.521.991**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***10.429.173.440***	***12.199.521.991***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	256.060.942	1.935.323.793
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.577.458.264	902.432.167
314	3. Phải trả người lao động		389.500.000	1.042.388.159
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	2.507.960.527	3.239.377.872
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		73.250.000	-
320	6. Vay ngắn hạn	15	5.390.000.000	5.080.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	14	234.943.707	-
330	***II. Nợ dài hạn***		***21.520.000.000***	***26.910.000.000***
338	1. Vay dài hạn	15	21.520.000.000	26.910.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**221.435.176.502**	**217.293.808.618**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***16***	***221.435.176.502***	***217.293.808.618***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*210.000.000.000*	*210.000.000.000*
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.435.176.502	7.293.808.618
421a	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*6.487.926.830*	*2.452.334.695*
421b	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*4.947.249.672*	*4.841.473.923*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**253.384.349.942**	**256.403.330.609**

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	33.677.752.790	39.181.532.882
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	17	33.677.752.790	39.181.532.882
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	20.725.105.541	22.591.132.979
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		12.952.647.249	16.590.399.903
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		231.205.583	2.172.798
22	7. Chi phí tài chính	19	1.105.463.320	3.628.784.193
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*2.428.821.967*	*2.920.828.013*
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	6.166.407.310	7.220.858.997
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		5.911.982.202	5.742.929.511
31	11. Thu nhập khác		134.063.099	855.467.001
32	12. Chi phí khác		14.879.959	910.078.318
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 - 32]		119.183.140	(54.611.317)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		6.031.165.342	5.688.318.194
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.083.915.670	846.844.271
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		4.947.249.672	4.841.473.923

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**6.031.165.342**	**5.688.318.194**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư		4.325.436.828	4.307.395.829
03	(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng		(1.323.694.647)	707.444.180
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(230.372.009)	(2.172.798)
06	Chi phí lãi vay	19	2.428.821.967	2.920.828.013
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**11.231.357.481**	**13.621.813.418**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.368.884.295	(9.807.365.316)
10	Giảm hàng tồn kho		387.069.911	425.497.240
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.548.604.753)	1.387.554.593
12	Giảm chi phí trả trước		128.799.006	846.338.768
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.432.580.871)	(2.922.119.794)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(846.844.271)	(64.971.345)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(570.938.081)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**15.717.142.717**	**3.486.747.564**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(102.201.818)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		230.372.009	4.582.172.798
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**230.372.009**	**4.479.970.980**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.080.000.000)	(4.790.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(5.080.000.000)**	**(4.790.000.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**10.867.514.726**	**3.176.718.544**
60	**Tiền đầu năm**		**3.357.152.990**	**180.434.446**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**14.224.667.716**	**3.357.152.990**

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 40 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40 người).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC – Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.16 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	222.611.000	289.556.000
Tiền gửi ngân hàng	14.002.056.716	3.067.596.990
TỔNG CỘNG	**14.224.667.716**	**3.357.152.990**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	7.068.728.522	5.657.005.000
- *Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai*	*163.070.424*	*199.778.000*
- *Công ty Điện lực Bình Thuận*	*157.958.981*	*224.615.746*
- *Công ty Điện lực Bình Dương*	*159.738.091*	*173.140.274*
- *Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu*	*133.881.026*	*178.830.980*
- *Khác*	*6.454.080.000*	*4.880.640.000*
Phải thu từ các bên liên quan (*Thuyết minh số 23*)	5.987.520.000	16.945.920.000
TỔNG CỘNG	**13.056.248.522**	**22.602.925.000**

5.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	710.988.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Điện Huy Hoàng	252.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	129.440.000	404.500.000
Công ty TNHH Phú Gia Construction	400.000.000	629.937.000
TỔNG CỘNG	**1.492.428.000**	**1.034.437.000**

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	48.655.915	887.161.037
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	460.794.144	35.247.987
TỔNG CỘNG	**509.450.059**	**922.409.024**
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	848.419.492	567.717.168
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.789.224	18.331.589
TỔNG CỘNG	**870.208.716**	**586.048.757**

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các khoản đặt cọc	830.000.000	830.000.000
TỔNG CỘNG	**830.000.000**	**830.000.000**
Trong đó:		
Phải thu dài hạn từ các bên khác	*830.000.000*	*400.000.000*
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	*430.000.000*

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện truyền dẫn*	*Tấm pin mặt trời*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Số cuối năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	45.998.004	4.930.909.898	16.026.269	1.653.219.573	5.716.165.035	12.362.318.779
- Khấu hao trong năm	15.271.800	1.644.641.364	34.067.268	574.184.472	1.898.416.380	4.166.581.284
Số cuối năm	61.269.804	6.575.551.262	50.093.537	2.227.404.045	7.614.581.415	16.528.900.063
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	183.079.036	13.667.817.702	86.175.549	4.013.603.009	22.760.080.860	40.710.756.156
Số cuối năm	167.807.236	12.023.176.338	52.108.281	3.439.418.537	20.861.664.480	36.544.174.872

Công ty đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tấm pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tấm pin và một số tài sản khác) với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 36,5 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 40,6 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Số đầu năm	2.382.833.161
Số cuối năm	2.382.833.161
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	476.566.632
- Khấu hao trong năm	158.855.544
Số cuối năm	635.422.176
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	1.906.266.529
Số cuối năm	1.747.410.985

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Công ty TNHH Apollo Power 2	10.037.500.000	-	10.037.500.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	(184.581.547)	10.095.000.000	(455.354.300)
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(472.563.844)	10.100.000.000	(340.621.754)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Cong ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(41.127.831)
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(114.915.603)
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	(113.691.902)	6.000.000.000	(641.891.664)
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	(104.861.906)	6.000.000.000	(605.482.694)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam				
TỔNG CỘNG	**184.805.500.000**	**(875.699.199)**	**184.805.500.000**	**(2.199.393.846)**

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty Cổ phần Amber Capital	168.687.750	168.687.750	769.781.575	769.781.575
Phải trả đối tượng khác	87.373.192	87.373.192	1.165.542.218	1.165.542.218
TỔNG CỘNG	**256.060.942**	**256.060.942**	**1.935.323.793**	**1.935.323.793**
Trong đó:				
Phải trả cho các bên khác	*256.060.942*	*256.060.942*	*1.165.542.218*	*1.165.542.218*
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 23)	-	-	*769.781.575*	*769.781.575*

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	-	364.438.238	-	364.438.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	846.844.271	1.083.915.670	846.844.271	1.083.915.670
Thuế thu nhập cá nhân	55.587.896	433.806.210	360.289.750	129.104.356
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
TỔNG CỘNG	**902.432.167**	**1.888.160.118**	**1.213.134.021**	**1.577.458.264**

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.943.292.449	2.327.375.132
Chi phí lãi vay	23.243.836	27.002.740
Các khoản trích trước khác	541.424.242	885.000.000
TỔNG CỘNG	**2.507.960.527**	**3.239.377.872**

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	805.881.788	-
Sử dụng trong năm	(570.938.081)	-
Số cuối năm	234.943.707	-

15. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		*Số phát sinh trong năm*		*Phân loại lại theo lịch trả nợ*		*Số cuối năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn								
Vay dài hạn đến hạn trả	5.080.000.000	5.080.000.000	-	5.080.000.000	5.390.000.000	-	5.390.000.000	5.390.000.000
	5.080.000.000	**5.080.000.000**	**-**	**5.080.000.000**	**5.390.000.000**	**-**	**5.390.000.000**	**5.390.000.000**
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	26.910.000.000	26.910.000.000	-	-	-	5.390.000.000	21.520.000.000	21.520.000.000
	26.910.000.000	**26.910.000.000**	**-**	**-**	**-**	**5.390.000.000**	**21.520.000.000**	**21.520.000.000**
TỔNG CỘNG	**31.990.000.000**	**31.990.000.000**	**-**	**5.080.000.000**	**5.390.000.000**	**5.390.000.000**	**26.910.000.000**	**26.910.000.000**

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	21.210.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029.	7,8% - 8,0%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	5.700.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027.	8,88% - 9,15%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	**26.910.000.000**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*5.390.000.000*			
Vay dài hạn	*21.520.000.000*			

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước			
Số đầu năm	210.000.000.000	2.452.334.695	212.452.334.695
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.841.473.923	4.841.473.923
Số cuối năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
Năm sau			
Số đầu năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.947.249.672	4.947.249.672
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	210.000.000.000	11.435.176.502	221.435.176.502

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

16.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Tổng giá trị (VND)	*Cổ phiếu thường*	*Tổng giá trị (VND)*	*Cổ phiếu thường*
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	**210.000.000.000**	**21.000.000**	**210.000.000.000**	**21.000.000**

16.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
	Số cổ phần	*Số cổ phần*
Cổ phiếu đã được duyệt	**21.000.000**	**21.000.000**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**33.677.752.790**	**39.181.532.882**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	*23.764.045.720*	*29.452.405.600*
Doanh thu bán điện	*9.800.957.070*	*9.729.127.282*
Doanh thu cho thuê	*112.750.000*	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**33.677.752.790**	**39.181.532.882**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*19.208.390.970*	*20.495.432.682*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	*14.469.361.820*	*18.686.100.200*

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	14.564.963.972	16.626.767.177
Giá vốn bán điện	5.969.172.836	5.964.365.802
Giá vốn cho thuê	190.968.733	-
TỔNG CỘNG	**20.725.105.541**	**22.591.132.979**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	2.428.821.967	2.920.828.013
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(1.323.694.647)	707.444.180
Chi phí tài chính khác	336.000	512.000
TỔNG CỘNG	**1.105.463.320**	**3.628.784.193**

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên quản lý	2.221.884.766	2.572.282.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.067.268	16.026.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.803.208.758	4.511.029.585
Chi phí khác	107.246.518	121.520.543
TỔNG CỘNG	**6.166.407.310**	**7.220.858.997**

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân công	9.087.323.392	10.843.084.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.325.436.828	4.157.080.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.889.414.594	14.448.747.657
Chi phí khác	201.776.038	373.975.299
TỔNG CỘNG	**26.503.950.852**	**29.822.888.289**

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 *Chi phí thuế TNDN*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.083.915.670	846.844.271
TỔNG CỘNG	**1.083.915.670**	**846.844.271**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**6.031.165.342**	**5.688.318.194**
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận		
Chi phí không được trừ	109.879.959	189.175.476
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	(721.466.951)	(972.038.952)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(671.233.362)
Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất 20%	**5.419.578.350**	**4.234.221.356**
Chi phí thuế TNDN	**1.083.915.670**	**846.844.271**

22.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") từ ngày 15 tháng 4 năm 2024/Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/ Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Kế toán trưởng đến ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng từ ngày 11 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Amber Capital	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Apollo Power 2	Công ty con
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Cong ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 12 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 8 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 13 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	578.203.600	576.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	432.000.000	432.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	420.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Không còn là bên liên quan	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	146.422.000	144.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	217.238.740	871.880.200
Công ty TNHH Alpha Solar 2	217.238.740	864.720.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	218.258.740	864.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
TỔNG CỘNG	**14.469.361.820**	**18.686.100.200**

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Năm nay*	*Năm trước*
Mua hàng và sử dụng hàng hóa		
Công ty Cổ phần Amber Capital	467.883.870	1.955.574.328
Công ty TNHH Alpha Solar 4	2.455.800	9.823.200
TỔNG CỘNG	**470.339.670**	**1.965.397.528**

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 5.1)* - *Cung cấp dịch vụ*		
Công ty TNHH Apollo Power 4	311.040.000	469.440.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Omega Power 3	233.280.000	352.080.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Solar Việt	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH KCP Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	155.520.000	234.720.000

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 5.1) - Cung cấp dịch vụ* (tiếp theo)		
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	155.520.000	234.720.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	77.760.000	117.360.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	77.760.000	117.360.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
TỔNG CỘNG	**5.987.520.000**	**16.945.920.000**
Phải thu khác *(Thuyết minh số 7) – Đặt cọc thuê văn phòng*		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	430.000.000
TỔNG CỘNG	**-**	**430.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 11) – Mua dịch vụ*		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quans	769.781.575
TỔNG CỘNG	**-**	**769.781.575**

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao Hội đồng Quản trị	**257.500.000**	**300.000.000**
Bà Nguyễn Thị Lan	35.000.000	120.000.000
Ông Phan Thành Đạt	102.500.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**1.740.285.998**	**1.913.859.267**
Ông Phan Thành Đạt	223.789.739	790.286.503
Ông Bùi Tuấn Dương	615.129.900	576.238.697
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	629.605.667	547.334.067
Bà Lê Thị Trang	271.760.692	-
Thù lao Ban Kiểm soát	**132.000.000**	**132.000.000**
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	**2.129.785.998**	**2.345.859.267**

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận sản xuất điện;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*9.800.957.070*	*23.764.045.720*	*112.750.000*	*33.677.752.790*
Tổng doanh thu	9.800.957.070	23.764.045.720	112.750.000	33.677.752.790
Kết quả				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	*3.831.784.234*	*9.199.081.748*	*(78.218.733)*	*12.952.647.249*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				*(6.921.481.907)*
Lợi nhuận thuần trước thuế				*6.031.165.342*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				*(1.083.915.670)*
Lợi nhuận thuần sau thuế				4.947.249.672
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*4.500.805.593*	-	*158.855.544*	*4.659.661.137*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*223.018.308.240*	*13.934.028.000*	*1.747.410.985*	*238.699.747.225*
Tài sản không phân bổ (ii)				*14.684.602.717*
Tổng tài sản				253.384.349.942
Công nợ bộ phận	*54.710.231*	*1.943.292.449*	*73.250.000*	*2.071.252.680*
Công nợ không phân bổ (iii)				*29.877.920.760*
Tổng công nợ				31.949.173.440

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*9.729.127.282*	*29.452.405.600*	-	*39.181.532.882*
Tổng doanh thu	9.729.127.282	29.452.405.600	-	39.181.532.882
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	*3.764.761.480*	*12.825.638.423*	-	16.590.399.903
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				*(10.902.081.709)*
Lợi nhuận thuần trước thuế				*5.688.318.194*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				*(846.844.271)*
Lợi nhuận thuần sau thuế				4.841.473.923
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*4.502.312.886*	-	*158.855.544*	*4.661.168.430*
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (*)				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*227.461.352.091*	*23.237.662.686*	*1.917.162.842*	*252.616.177.619*
Tài sản không phân bổ (ii)				*3.787.152.990*
Tổng tài sản				256.403.330.609
Công nợ bộ phận	*459.747.958*	*3.015.865.132*	*13.122.000*	*3.488.735.090*
Công nợ không phân bổ (iii)				*35.620.786.901*
Tổng công nợ				39.109.521.991

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng phúc lợi.

(*) Một số công nợ bộ phận, công nợ không phân bổ đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày số liệu cho năm nay.

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	3.094.383.427	3.134.318.012
Từ 1 – 5 năm	5.946.788.826	6.508.844.537
Trên 5 năm	8.907.925.582	9.404.824.997
TỔNG CỘNG	**17.949.097.835**	**19.047.987.546**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	186.000.000	116.250.000
Từ 1 – 5 năm	480.500.000	736.250.000
TỔNG CỘNG	**666.500.000**	**852.500.000**

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty đã nộp bổ sung hồ sơ về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tới Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 01/2025/HIO-ĐKCB. Số lượng cổ phiếu phổ thông được đăng ký chào bán thêm là 21.000.000, tương đương với 100% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng từ Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty dự kiến chào bán qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày của báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Theo Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024; Nghị quyết số 14/2024/HIO/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 01/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 210.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 49

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2024
	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người đại diện theo pháp luật

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 13664222/E-68360680 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 3 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường	Lê Minh Tùng
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 8015 Quyển số 01/2026/TP/CC-SCT/BS
Ngày: 19-10-2026
Người thực hiện chứng thực

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**105.993.229.700**	**90.935.463.791**
110	***I. Tiền***	***4***	***32.285.088.317***	***17.299.326.829***
111	1. Tiền		32.285.088.317	17.299.326.829
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***-***	***22.800.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	22.800.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***58.065.335.289***	***23.051.512.033***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	42.101.975.734	21.856.456.515
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	1.733.424.554	1.089.907.751
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.229.935.001	105.147.767
140	***IV. Hàng tồn kho***		***150.025.270***	***537.095.181***
141	1. Hàng tồn kho		150.025.270	537.095.181
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***15.492.780.824***	***27.247.529.748***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	1.489.634.180	2.675.102.226
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.003.146.644	24.572.427.522
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**399.489.278.117**	**455.386.314.167**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***8.093.600.000***	***2.855.000.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	8.093.600.000	2.855.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***338.421.065.888***	***378.157.042.371***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	338.421.065.888	378.157.042.371
222	Nguyên giá		493.147.313.989	493.147.313.989
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(154.726.248.101)	(114.990.271.618)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***9***	***26.148.857.519***	***54.644.804.103***
231	1. Nguyên giá		35.093.712.424	67.768.155.812
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(8.944.854.905)	(13.123.351.709)
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***19.894.526.437***	***15.002.288.849***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	10	19.894.526.437	15.002.288.849
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***6.931.228.273***	***4.727.178.844***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	2.359.207.205	1.938.674.658
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	2.371.647.573	-
269	3. Lợi thế thương mại	11	2.200.373.495	2.788.504.186
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**505.482.507.817**	**546.321.777.958**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**251.591.176.763**	**312.703.326.096**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***76.098.051.571***	***74.337.604.752***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.466.893.671	3.721.808.239
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.905.339.186	1.487.908.304
314	3. Phải trả người lao động		389.500.000	1.042.388.159
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.411.125.007	4.531.866.656
318	5. Doanh thu chưa thực hiện		73.250.000	915.833.394
320	6. Vay ngắn hạn	16	65.617.000.000	62.637.800.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	234.943.707	-
330	***II. Nợ dài hạn***		***175.493.125.192***	***238.365.721.344***
338	1. Vay dài hạn	16	175.143.705.058	237.562.083.738
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	24.3	349.420.134	803.637.606
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**253.891.331.054**	**233.618.451.862**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***17***	***253.891.331.054***	***233.618.451.862***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*210.000.000.000*	*210.000.000.000*
420	2. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.331.664.665	8.331.664.665
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.559.666.389	15.286.787.197
421a	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*14.480.905.409*	*5.213.264.849*
421b	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*21.078.760.980*	*10.073.522.348*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**505.482.507.817**	**546.321.777.958**

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (Trình bày lại)*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	119.299.308.527	124.049.023.312
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	18.1	119.299.308.527	124.049.023.312
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	67.237.104.406	70.174.440.178
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		52.062.204.121	53.874.583.134
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	993.709.167	2.378.719.251
22	7. Chi phí tài chính	20	22.864.974.380	36.047.171.426
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*22.337.945.816*	*35.978.911.475*
24	8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	10	619.237.588	(195.761.453)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	7.941.121.990	8.189.062.759
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		22.869.054.506	11.821.306.747
31	12. Thu nhập khác	22	5.755.882.421	1.189.622.339
32	13. Chi phí khác	22	1.237.241.547	1.082.860.042
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]	22	4.518.640.874	106.762.297
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		27.387.695.380	11.928.069.044
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	9.134.799.445	1.442.855.071
52	17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.3	(2.825.865.045)	411.691.625
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		21.078.760.980	10.073.522.348
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		21.078.760.980	10.073.522.348
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.004	441
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	1.004	441

Đỗ Thị Trang
Người lập biểu

Lê Thị Trang
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**27.387.695.380**	**11.928.069.044**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		44.844.339.874	45.898.785.414
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.529.437.730)	(2.179.938.408)
06	Chi phí lãi vay	20	22.337.945.816	35.978.911.475
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**88.040.543.340**	**91.625.827.525**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(7.328.142.378)	2.830.055.691
10	Giảm hàng tồn kho		387.069.911	425.497.240
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(3.792.999.670)	789.662.427
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		764.935.499	(226.354.896)
14	Tiền lãi vay đã trả		(22.971.016.818)	(36.023.178.082)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(6.162.425.661)	(1.459.981.013)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(570.938.081)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**48.367.026.142**	**57.961.528.892**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		-	(102.201.818)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.545.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(48.530.000.000)
24	Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác		-	48.530.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.273.000.000)	(32.006.700.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.800.000.000	9.296.041.745
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		985.914.026	1.999.367.764
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**26.057.914.026**	**(20.813.492.309)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		204.740.227.106	43.796.802.656
34	Tiền trả nợ gốc vay		(264.179.405.786)	(102.375.717.528)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(59.439.178.680)**	**(58.578.914.872)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**14.985.761.488**	**(21.430.878.289)**
60	**Tiền đầu năm**		**17.299.326.829**	**38.730.205.118**
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**32.285.088.317**	**17.299.326.829**

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 17 tháng 4 năm 2024.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 40 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 46 người).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2024: 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

Các công ty con trực tiếp:

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con trực tiếp: (tiếp theo)

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Cư Ê Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con gián tiếp

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	100%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắk Hòa, Huyện Đắk Song, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	100%	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	100%	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Kim Thư, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	100%	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Huyện Đắk Song, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	100%	Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	100%	Thôn 1, Xã Đắk Búk So, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	100%	Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các công ty liên kết gián tiếp

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH VVT Việt Nam	38%	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn	46%	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	47%	Số 5C, ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH NVP Việt Nam	48%	Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Đắk R-Tih, Huyện Tuy Đức, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
5	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	40%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắk Hòa, Huyện Đắk Song, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Công ty nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các công ty con gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp này thông qua các công ty con trực tiếp.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào Vốn khác của chủ sở hữu.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty và các công ty con là ở Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	3.463.228.000	3.476.342.000
Tiền gửi ngân hàng	28.821.860.317	13.822.984.829
TỔNG CỘNG	**32.285.088.317**	**17.299.326.829**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	41.324.375.734	13.248.856.515
- Công ty Điện lực Đắk Lắk	*2.035.056.283*	*3.292.796.065*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	*28.079.700.012*	*942.699.996*
- Công ty Điện lực Đắk Nông	*1.728.031.552*	*2.273.261.994*
- Khác	*9.481.587.887*	*6.740.098.460*
Phải thu từ các bên liên quan (*Thuyết minh số 25*)	777.600.000	8.607.600.000
TỔNG CỘNG	**42.101.975.734**	**21.856.456.515**

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	710.988.000	-
Công ty TNHH Phú Gia Construction	400.000.000	629.937.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	252.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	129.440.000	404.500.000
Khác	240.996.554	55.470.751
TỔNG CỘNG	**1.733.424.554**	**1.089.907.751**

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	724.952.347	1.726.001.746
Chi phí bảo hiểm	95.841.258	340.580.708
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	668.840.575	608.519.772
TỔNG CỘNG	**1.489.634.180**	**2.675.102.226**
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.269.704.229	794.561.421
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.089.502.976	1.144.113.237
TỔNG CỘNG	**2.359.207.205**	**1.938.674.658**

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Các khoản đặt cọc (*)	14.125.000.000	100.000.000
Khác	104.935.001	5.147.767
TỔNG CỘNG	**14.229.935.001**	**105.147.767**
Dài hạn		
Các khoản đặt cọc	8.093.600.000	2.855.000.000
TỔNG CỘNG	**8.093.600.000**	**2.855.000.000**
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn từ các bên khác	*14.229.935.001*	*105.147.767*
Phải thu dài hạn từ các bên khác	*8.093.600.000*	*2.425.000.000*
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	*430.000.000*

(*) Các khoản đặt cọc tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản đặt cọc để đảm bảo cho việc ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản tại các dự án điện mặt trời mái nhà và một số khoản đặt cọc khác.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện truyền dẫn*	*Tấm pin mặt trời*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
Số cuối năm	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	1.889.624.565	41.483.960.178	16.026.269	23.957.512.953	47.643.147.653	114.990.271.618
- Khấu hao trong năm	658.037.284	14.347.939.210	34.067.268	9.063.209.278	15.632.723.443	39.735.976.483
Số cuối năm	2.547.661.849	55.831.899.388	50.093.537	33.020.722.231	63.275.871.096	154.726.248.101
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	6.166.118.543	111.388.456.057	86.175.549	62.690.935.197	197.825.357.025	378.157.042.371
Số cuối năm	5.508.081.259	97.040.516.847	52.108.281	53.627.725.919	182.192.633.582	338.421.065.888

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tấm pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tấm pin và một số tài sản khác) với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 337,8 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 377,4 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 16.

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Số đầu năm	67.768.155.812
- Thanh lý, nhượng bán	(32.674.443.388)
Số cuối năm	35.093.712.424
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	13.123.351.709
- Hao mòn trong năm	4.520.232.700
- Thanh lý, nhượng bán	(8.698.729.504)
Số cuối năm	8.944.854.905
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	54.644.804.103
Số cuối năm	26.148.857.519

Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty và các công ty con chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 26,1 tỷ VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là 54,6 tỷ VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 16.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND

	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam (i)	*Công ty TNHH VVT Việt Nam (ii)*	*Công ty TNHH NVP Việt Nam*	*Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn (iii)*	*Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam (iv)*	*Tổng cộng*
Giá trị đầu tư:						
Số đầu năm	3.000.000.000	2.070.000.000	4.225.100.000	3.018.200.000	2.953.400.000	15.266.700.000
- Tăng giá trị đầu tư	933.000.000	1.267.000.000	-	1.000.000.000	1.073.000.000	4.273.000.000
Số cuối năm	3.933.000.000	3.337.000.000	4.225.100.000	4.018.200.000	4.026.400.000	19.539.700.000
Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:						
Số đầu năm	(72.420.170)	(223.901.235)	21.483.337	11.359.305	(932.388)	(264.411.151)
- Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	(451.510)	25.262.083	290.285.385	158.210.655	145.930.975	619.237.588
Số cuối năm	(72.871.680)	(198.639.152)	311.768.722	169.569.960	144.998.587	354.826.437
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	2.927.579.830	1.846.098.765	4.246.583.337	3.029.559.305	2.952.467.612	15.002.288.849
Số cuối năm	3.860.128.320	3.138.360.848	4.536.868.722	4.187.769.960	4.171.398.587	19.894.526.437

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do các công ty này chưa niêm yết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết cũng như tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

(i) Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/HBT/QĐ-CT ngày 19 tháng 9 năm 2024, Công ty TNHH Helio Bình Thuận - một công ty con trực tiếp của Công ty đã thực hiện mua lại phần vốn góp được chào bán của thành viên khác của Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam, dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này tăng từ 30% lên 40%.

(ii) Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/AMPIRE4/QĐ-CT ngày 25 tháng 9 năm 2024, Công ty TNHH Ampire Power 4 - một công ty con trực tiếp của Công ty đã thực hiện mua lại phần vốn góp được chào bán của thành viên khác của Công ty TNHH VVT Việt Nam, dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này tăng từ 23% lên 38%.

(iii) Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/APOLLO4/QĐ-CT ngày 25 tháng 9 năm 2024, Công ty TNHH Apollo Power 4 - một công ty con trực tiếp của Công ty đã thực hiện mua lại phần vốn góp được chào bán của thành viên khác của Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn, dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này tăng từ 36% lên 46%.

(iv) Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/OMEGA3/QĐ-CT ngày 25 tháng 9 năm 2024, Công ty TNHH Omega Power 3 - một công ty con trực tiếp của Công ty đã thực hiện mua lại phần vốn góp được chào bán của thành viên khác của Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam, dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty này tăng từ 36% lên 47%.

11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng, giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	751.281.389	915.828.524	647.669.883	723.925.653	274.368.838	3.313.074.287
- Giảm khác	(97.469.193)	(98.623.243)	(51.772.935)	(51.689.218)	(46.723.968)	(346.278.557)
Số cuối năm	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Phân bổ lũy kế:						
Số đầu năm	118.952.888	145.006.184	102.547.732	114.621.563	43.441.734	524.570.101
- Phân bổ trong năm	75.128.139	91.582.851	64.766.988	72.392.566	27.436.884	331.307.428
- Giảm khác	(25.179.542)	(25.477.671)	(13.374.675)	(13.353.048)	(12.070.358)	(89.455.294)
Số cuối năm	168.901.485	211.111.364	153.940.045	173.661.081	58.808.260	766.422.235
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	632.328.501	770.822.340	545.122.151	609.304.090	230.927.104	2.788.504.186
Số cuối năm	484.910.711	606.093.917	441.956.903	498.575.354	168.836.610	2.200.373.495

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AMA	563.112.000	563.112.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ CA Thăng Long	231.903.215	231.903.215	-	-
Công ty Cổ phần Amber Capital	168.687.750	168.687.750	769.781.575	769.781.575
Công ty Cổ phần Năng lượng NCC	-	-	429.510.000	429.510.000
Phải trả đối tượng khác	503.190.706	503.190.706	2.522.516.664	2.522.516.664
TỔNG CỘNG	**1.466.893.671**	**1.466.893.671**	**3.721.808.239**	**3.721.808.239**
Trong đó:				
Phải trả các bên khác	*1.466.893.671*	*1.466.893.671*	*2.952.026.664*	*2.952.026.664*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	-	*769.781.575*	*769.781.575*

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	-	364.438.238	-	364.438.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.432.320.408	9.134.799.445	6.162.425.661	4.404.694.192
Thuế thu nhập cá nhân	55.587.896	452.907.760	372.288.900	136.206.756
Các loại thuế khác	-	74.000.000	74.000.000	-
TỔNG CỘNG	**1.487.908.304**	**10.026.145.443**	**6.608.714.561**	**4.905.339.186**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	2.048.453.449	2.432.536.132
Chi phí lãi vay	271.750.712	904.821.714
Các khoản trích trước khác	1.090.920.846	1.194.508.810
TỔNG CỘNG	**3.411.125.007**	**4.531.866.656**

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	805.881.788	-
Sử dụng trong năm	(570.938.081)	-
Số cuối năm	**234.943.707**	**-**

16. VAY

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	*Số đầu năm*		*Số phát sinh trong năm*		*Phân loại lại theo lịch trả nợ*		*Số cuối năm*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn									
Vay cá nhân	*16.1*	865.000.000	865.000.000	6.835.000.000	7.180.000.000	-	-	520.000.000	520.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	*16.2*	61.772.800.000	61.772.800.000	53.165.318.680	107.792.074.680	57.950.956.000	-	65.097.000.000	65.097.000.000
		62.637.800.000	**62.637.800.000**	**60.000.318.680**	**114.972.074.680**	**57.950.956.000**	**-**	**65.617.000.000**	**65.617.000.000**
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng và công ty tài chính	*16.2*	237.562.083.738	237.562.083.738	144.739.908.426	149.207.331.106	-	57.950.956.000	175.143.705.058	175.143.705.058
		237.562.083.738	**237.562.083.738**	**144.739.908.426**	**149.207.331.106**	**-**	**57.950.956.000**	**175.143.705.058**	**175.143.705.058**
TỔNG CỘNG		**300.199.883.738**	**300.199.883.738**	**204.740.227.106**	**264.179.405.786**	**57.950.956.000**	**57.950.956.000**	**240.760.705.058**	**240.760.705.058**

16.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp từ cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 6 năm 2025. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này 10%/năm, lãi vay trả cuối kỳ.

16. VAY (tiếp theo)

16.2 *Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn*

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	92.784.500.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	53.889.908.426	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 8 năm 2032. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	45.234.493.976	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,8% - 8,4%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.

16. VAY (tiếp theo)

16.2 *Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn* (tiếp theo)

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	30.591.802.656	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2030. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,8% - 9,4%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	12.040.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,9% - 8,0%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	5.700.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,88% - 9,15%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	**240.240.705.058**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*65.097.000.000*			
Vay dài hạn	*175.143.705.058*			

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	210.000.000.000	8.331.664.665	5.213.264.849	223.544.929.514
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.073.522.348	10.073.522.348
Số cuối năm	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862
Năm nay				
Số đầu năm	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	21.078.760.980	21.078.760.980
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	210.000.000.000	8.331.664.665	35.559.666.389	253.891.331.054

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

17.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Tổng giá trị (VND)	*Cổ phiếu thường*	*Tổng giá trị (VND)*	*Cổ phiếu thường*
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	**210.000.000.000**	**21.000.000**	**210.000.000.000**	**21.000.000**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

17.4 *Cổ phiếu*

	Năm nay	*Năm trước*
	Số cổ phần	*Số cổ phần*
Cổ phiếu đã được duyệt	**21.000.000**	**21.000.000**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 1 tháng 1 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

18. DOANH THU

18.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**119.299.308.527**	**124.049.023.312**
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	*100.487.685.023*	*99.665.400.946*
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	*14.111.420.120*	*19.512.405.600*
Doanh thu cho thuê	*4.700.203.384*	*4.871.216.766*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**119.299.308.527**	**124.049.023.312**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*114.482.572.307*	*115.314.039.612*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	*4.816.736.220*	*8.734.983.700*

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi từ tiền gửi và các khoản đầu tư	993.709.167	2.378.719.251
TỔNG CỘNG	**993.709.167**	**2.378.719.251**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn bán điện	53.538.671.869	55.484.748.893
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	8.585.523.073	9.615.691.328
Giá vốn hoạt động cho thuê	5.112.909.464	5.073.999.957
TỔNG CỘNG	**67.237.104.406**	**70.174.440.178**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	22.337.945.816	35.978.911.475
Chi phí tài chính khác	527.028.564	68.259.951
TỔNG CỘNG	**22.864.974.380**	**36.047.171.426**

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên quản lý	2.221.884.766	2.572.282.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.645.196	134.604.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.810.011.643	4.697.746.232
Phân bổ lợi thế thương mại	588.130.691	438.335.914
Chi phí khác	168.449.694	346.093.816
TỔNG CỘNG	**7.941.121.990**	**8.189.062.759**

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**5.755.882.421**	**1.189.622.339**
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.924.286.116	-
Thu nhập từ hoạt động nông nghiệp	-	800.000.000
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo	300.156.630	368.128.304
Các khoản khác	531.439.675	21.494.035
Chi phí khác	**1.237.241.547**	**1.082.860.042**
Chi phí cho hoạt động nông nghiệp	-	900.902.842
Tiền chậm nộp thuế TNDN	935.136.186	-
Các khoản khác	302.105.361	181.957.200
LỢI NHUẬN KHÁC	**4.518.640.874**	**106.762.297**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân công	9.087.323.392	10.843.084.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	44.844.339.874	45.748.470.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.569.021.917	21.160.895.759
Chi phí khác	289.979.214	621.948.572
TỔNG CỘNG	**74.790.664.397**	**78.374.399.250**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế ngoại trừ:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại một số huyện thuộc các tỉnh Đắk Nông được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025).
- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**27.387.695.380**	**11.928.069.044**
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	2.554.007.865	8.366.580.277
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	(5.234.221.039)	(1.200.700.011)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	963.500.469	(594.612.646)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cấn trừ lỗ năm trước		
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(671.233.362)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	**25.670.982.675**	**17.828.103.302**
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	*21.923.690.295*	*7.076.816.762*
Thu nhập chịu thuế suất 10%	*199.561.353*	*192.386.060*
Thu nhập được miễn, giảm thuế	*3.547.731.027*	*10.558.900.480*
Chi phí thuế TNDN trước điều chỉnh năm trước	**4.404.694.192**	**1.434.601.958**
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	4.730.105.253	8.253.113
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**9.134.799.445**	**1.442.855.071**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty và các công ty con đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước thể hiện như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi vay không được khấu trừ	1.855.871.731	-	1.855.871.731	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	415.314.391	-	415.314.391	-
Chênh lệch khấu hao tài sản	100.461.451	-	100.461.451	-
	2.371.647.573	**-**		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	-	176.437.440	(176.437.440)	109.968.747
Các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con	349.420.134	627.200.166	(277.780.032)	301.722.878
	349.420.134	**803.637.606**		
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			***2.825.865.045***	***(411.691.625)***

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.4 *Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định*

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty và các công ty con có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2024*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024*
2021	2026	10.454.104.292	(5.731.405.387)	-	4.722.698.905
2022	2027	6.168.877.024	(680.196.920)	-	5.488.680.104
2023	2028	7.740.804.147	(23.318.744)	-	7.717.485.403
2024	2029	1.038.466.318	-	-	1.038.466.318
TỔNG CỘNG		**25.402.251.781**	**(6.434.921.051)**	**-**	**18.967.330.730**

Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và các công ty con. Một số công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty và các công ty con đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trị giá 1.855.871.731 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với khoản chi phí lãi vay không được trừ nói trên (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND).

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") từ ngày 15 tháng 4 năm 2024/Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch HĐQT đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/ Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc từ ngày 11 tháng 6 năm 2024 Kế toán trưởng đến ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng từ ngày 11 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Amber Capital	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 15 tháng 4 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 20 tháng 3 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 12 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 8 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp từ ngày 13 tháng 12 năm 2023
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 19 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 20 tháng 6 năm 2024
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Bên liên quan khác đến ngày 13 tháng 6 năm 2024

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Helio Power	420.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	218.258.740	864.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	217.238.740	871.880.200
Công ty TNHH Alpha Solar 2	217.238.740	877.603.500
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	144.000.000	291.500.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	288.000.000	291.500.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	144.000.000	291.500.000
TỔNG CỘNG	**4.816.736.220**	**8.734.983.700**
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	467.883.870	1.955.574.328
Công ty TNHH Alpha Solar 4	2.455.800	9.823.200
Công ty TNHH Alpha Solar 3	1.407.312	5.629.250
TỔNG CỘNG	**471.746.982**	**1.971.026.778**

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 1 tháng 1 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu khách hàng ngắn hạn** (Thuyết minh số 5.1) – Cung cấp dịch vụ*		
Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NNL Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	155.520.000	375.480.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	155.520.000	313.920.000
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	466.560.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	313.920.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	375.480.000
TỔNG CỘNG	**777.600.000**	**8.607.600.000**

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu khác** (Thuyết minh số 7) - Đặt cọc thuê văn phòng*		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	430.000.000
TỔNG CỘNG	**-**	**430.000.000**
***Phải trả người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 12) – Mua dịch vụ*		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	769.781.575
TỔNG CỘNG	**-**	**769.781.575**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao của Hội đồng Quản trị	**257.500.000**	**300.000.000**
Bà Nguyễn Thị Lan	35.000.000	120.000.000
Ông Phan Thành Đạt	102.500.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**1.740.285.998**	**1.913.859.267**
Ông Phan Thành Đạt	223.789.739	790.286.503
Ông Bùi Tuấn Dương	615.129.900	576.238.697
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	629.605.667	547.334.067
Bà Lê Thị Trang	271.760.692	-
Thù lao của Ban Kiểm soát	**132.000.000**	**132.000.000**
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	**2.129.785.998**	**2.345.859.267**

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.078.760.980	10.073.522.348
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(805.881.788)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**21.078.760.980**	**9.267.640.560**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**21.000.000**	**21.000.000**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.004	441
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.004	441

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận sản xuất điện;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Điều chỉnh*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*100.487.685.023*	*14.111.420.120*	*4.700.203.384*	-	*119.299.308.527*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	*9.652.625.600*	-	*(9.652.625.600)*	-
Tổng doanh thu	100.487.685.023	23.764.045.720	4.700.203.384	(9.652.625.600)	119.299.308.527
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	*46.949.013.154*	*5.525.897.047*	*(412.706.080)*	-	*52.062.204.121*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					*(24.674.508.741)*
Lợi nhuận thuần trước thuế					*27.387.695.380*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					*(9.134.799.445)*
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại					*2.825.865.045*
Lợi nhuận thuần sau thuế					21.078.760.980
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*40.724.278.923*	-	*4.520.232.700*	-	*45.244.511.623*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	*392.972.174.841*	*8.324.108.000*	*54.228.557.531*	-	*455.524.840.372*
Tài sản không phân bổ (ii)					*49.957.667.445*
Tổng tài sản					505.482.507.817
Công nợ bộ phận	*1.224.742.486*	*1.985.716.691*	*73.250.000*	-	*3.283.709.177*
Công nợ không phân bổ (iii)					*248.307.467.586*
Tổng công nợ					251.591.176.763

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Điều chỉnh*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*99.665.400.946*	*19.512.405.600*	*4.871.216.766*	*-*	*124.049.023.312*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*-*	*9.940.000.000*	*-*	*(9.940.000.000)*	*-*
Tổng doanh thu	99.665.400.946	29.452.405.600	4.871.216.766	*(9.940.000.000)*	124.049.023.312
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế và thu nhập/(chi phí) không phân bổ của bộ phận	*44.180.652.053*	*9.896.714.272*	*(202.783.191)*	*-*	*53.874.583.134*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					*(41.946.514.090)*
Lợi nhuận thuần trước thuế					*11.928.069.044*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					*(1.442.855.071)*
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					*(411.691.625)*
Lợi nhuận thuần sau thuế					10.073.522.348
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*41.807.994.687*	*-*	*4.794.447.978*	*-*	*46.602.442.665*
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 (*)					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	*472.553.916.825*	*14.899.342.686*	*55.081.365.457*	*-*	*542.534.624.968*
Tài sản không phân bổ (ii)					*3.787.152.990*
Tổng tài sản					546.321.777.958
Công nợ bộ phận	*6.123.192.188*	*3.015.865.132*	*13.122.000*	*-*	*9.152.179.320*
Công nợ không phân bổ (iii)					*303.551.146.776*
Tổng công nợ					312.703.326.096

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản trả trước và phải thu khác.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quỹ khen thưởng phúc lợi và thuế TNDN hoãn lại phải trả.

(*) Một số công nợ bộ phận, công nợ không phân bổ đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày số liệu kỳ này.

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty và các công ty con thuê văn phòng, thuê đất, thuê mái nhà và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	18.588.789.861	4.938.891.675
Từ 1 – 5 năm	22.345.046.646	16.103.854.349
Trên 5 năm	31.863.155.293	38.121.659.956
TỔNG CỘNG	**72.796.991.800**	**59.164.405.980**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	5.042.999.990	4.647.166.667
Từ 1 – 5 năm	5.040.500.000	13.920.000.000
TỔNG CỘNG	**10.083.499.990**	**18.567.166.667**

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần SD Trường Thành.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty đã nộp bổ sung hồ sơ về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng tới Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 01/2025/HIO-ĐKCB. Số lượng cổ phiếu phổ thông được đăng ký chào bán thêm là 21.000.000, tương đương với 100% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng từ Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty dự kiến chào bán qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày của báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Theo Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng đã được thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024; Nghị quyết số 14/2024/HIO/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Nghị quyết số 01/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 1 năm 2025, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến là 210.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng cổ phần của của Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 3 tháng 3 năm 2025

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

EY

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 42

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con .

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 13664222/E-68672455

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7809 Quyển số: 03/2026 -SCT/BS
Ngày: 19-10-2026
NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

S.Đ.K.H.Đ: 82 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT
P. PHƯƠNG LIỆT - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**7.924.504.091**	**29.462.754.568**
110	***I. Tiền***	***5***	***979.321.266***	***14.224.667.716***
111	1. Tiền		979.321.266	14.224.667.716
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***5.217.620.854***	***14.578.611.523***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	4.539.871.369	13.056.248.522
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		637.086.353	1.492.428.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		52.916.488	29.935.001
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(12.253.356)	-
140	***III. Hàng tồn kho***		***33.010.909***	***150.025.270***
141	1. Hàng tồn kho		33.010.909	150.025.270
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***1.694.551.062***	***509.450.059***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.694.551.062	509.450.059
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**257.563.743.014**	**223.921.595.374**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***740.000.000***	***830.000.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác		740.000.000	830.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***32.377.593.588***	***36.544.174.872***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	32.377.593.588	36.544.174.872
222	Nguyên giá		53.073.074.935	53.073.074.935
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(20.695.481.347)	(16.528.900.063)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***9***	***1.588.555.441***	***1.747.410.985***
231	1. Nguyên giá		2.382.833.161	2.382.833.161
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(794.277.720)	(635.422.176)
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***10***	***220.706.636.468***	***183.929.800.801***
251	1. Đầu tư vào công ty con		174.768.000.000	184.805.500.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.000.000.000	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(61.363.532)	(875.699.199)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***2.150.957.517***	***870.208.716***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	2.047.027.705	870.208.716
263	2. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		103.929.812	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**265.488.247.105**	**253.384.349.942**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**31.069.243.344**	**31.949.173.440**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***15.389.243.344***	***10.429.173.440***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	1.736.956.155	256.060.942
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	948.734.515	1.577.458.264
314	3. Phải trả người lao động		1.027.067.747	389.500.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	1.796.436.726	2.507.960.527
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		69.750.000	73.250.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	2.700.000.000	-
320	7. Vay ngắn hạn	15	5.840.000.000	5.390.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	14	1.270.298.201	234.943.707
330	***II. Nợ dài hạn***		***15.680.000.000***	***21.520.000.000***
338	1. Vay dài hạn	15	15.680.000.000	21.520.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**234.419.003.761**	**221.435.176.502**
410	***I. Vốn cổ phần***	***16***	***234.419.003.761***	***221.435.176.502***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*210.000.000.000*	*210.000.000.000*
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.419.003.761	11.435.176.502
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*9.748.875.624*	*6.487.926.830*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*14.670.128.137*	*4.947.249.672*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**265.488.247.105**	**253.384.349.942**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	33.306.114.754	33.677.752.790
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	17.1	33.306.114.754	33.677.752.790
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	21.797.845.327	20.725.105.541
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		11.508.269.427	12.952.647.249
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	12.777.148.430	231.205.583
22	7. Chi phí tài chính	19	1.112.209.750	1.105.463.320
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*1.906.545.417*	*2.428.821.967*
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.774.394.785	6.166.407.310
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		15.398.813.322	5.911.982.202
31	11. Thu nhập khác		38.785.510	134.063.099
32	12. Chi phí khác		162.746.894	14.879.959
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(123.961.384)	119.183.140
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		15.274.851.938	6.031.165.342
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	604.723.801	1.083.915.670
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		14.670.128.137	4.947.249.672

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**15.274.851.938**	**6.031.165.342**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	8,9	4.325.436.828	4.325.436.828
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(802.082.311)	(1.323.694.647)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.777.148.430)	(230.372.009)
06	Chi phí lãi vay	19	1.906.545.417	2.428.821.967
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**7.927.603.442**	**11.231.357.481**
09	Giảm các khoản phải thu		9.438.737.313	10.368.884.295
10	Giảm hàng tồn kho		13.084.549	387.069.911
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		3.309.135.553	(2.548.604.753)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.361.919.992)	128.799.006
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.912.720.075)	(2.432.580.871)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(1.083.915.670)	(846.844.271)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(570.938.081)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**15.330.005.120**	**15.717.142.717**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(46.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.814.648.430	230.372.009
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư**		**(23.185.351.570)**	**230.372.009**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.390.000.000)	(5.080.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(5.390.000.000)**	**(5.080.000.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(13.245.346.450)**	**10.867.514.726**
60	**Tiền đầu năm**		**14.224.667.716**	**3.357.152.990**
70	**Tiền cuối năm**	**5**	**979.321.266**	**14.224.667.716**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 47 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025 là 40 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Thuận Nam, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 18 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 năm
Tấm pin mặt trời	15 năm

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và khách hàng và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty chắc chắn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.17 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1. *Thoái vốn toàn bộ trong Công ty TNHH Apollo Power 2, công ty con*

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Apollo Power 2 cho một cá nhân với giá 11.000.000.000 VND, qua đó, Công ty TNHH Apollo Power 2 không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

4.2. *Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha*

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha ("Công ty Alpha"). Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Alpha là kinh doanh Tái Bảo Hiểm.

5. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	42.426.000	222.611.000
Tiền gửi ngân hàng	936.895.266	14.002.056.716
TỔNG CỘNG	**979.321.266**	**14.224.667.716**

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	2.868.031.369	7.068.728.522
- Công ty Điện lực Lâm Đồng	*270.275.567*	*157.958.981*
- Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH	*197.481.228*	*163.070.424*
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	*209.409.378*	*159.738.091*
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu	*145.323.608*	*133.881.026*
- Khác	*2.045.541.588*	*6.454.080.000*
Phải thu từ các bên liên quan (*Thuyết minh số 23*)	1.671.840.000	5.987.520.000
TỔNG CỘNG	**4.539.871.369**	**13.056.248.522**
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	(12.253.356)	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuế mái trả trước	758.639.459	48.655.915
Chi phí sửa chữa mái	482.960.932	-
Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu	315.000.000	315.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	137.950.671	145.794.144
TỔNG CỘNG	**1.694.551.062**	**509.450.059**
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuế mái trả trước	516.657.160	848.419.492
Sửa chữa và cải tạo văn phòng	1.338.442.533	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	191.928.012	21.789.224
TỔNG CỘNG	**2.047.027.705**	**870.208.716**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện truyền dẫn*	*Tấm pin mặt trời*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Số cuối năm	229.077.040	18.598.727.600	102.201.818	5.666.822.582	28.476.245.895	53.073.074.935
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	61.269.804	6.575.551.262	50.093.537	2.227.404.045	7.614.581.415	16.528.900.063
- Khấu hao trong năm	15.271.800	1.644.641.364	34.067.268	574.184.472	1.898.416.380	4.166.581.284
Số cuối năm	76.541.604	8.220.192.626	84.160.805	2.801.588.517	9.512.997.795	20.695.481.347
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	167.807.236	12.023.176.338	52.108.281	3.439.418.537	20.861.664.480	36.544.174.872
Số cuối năm	152.535.436	10.378.534.974	18.041.013	2.865.234.065	18.963.248.100	32.377.593.588

Công ty đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tấm pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tấm pin và một số tài sản khác) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Số đầu năm	2.382.833.161
Số cuối năm	2.382.833.161
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	635.422.176
- Khấu hao trong năm	158.855.544
Số cuối năm	794.277.720
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	1.747.410.985
Số cuối năm	1.588.555.441

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 15.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Apollo Power 2	-	-	10.037.500.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	-	10.095.000.000	(184.581.547)
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(61.363.532)	10.100.000.000	(472.563.844)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(113.691.902)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	-	6.000.000.000	(104.861.906)
TỔNG CỘNG	**174.768.000.000**	**(61.363.532)**	**184.805.500.000**	**(875.699.199)**

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha (i)	46.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	**46.000.000.000**	**-**	**-**	**-**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(i) Trong năm, Công ty đã góp vốn đầu tư 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty Cổ phần S-Home Việt Nam	945.517.936	945.517.936	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Lk	494.515.200	494.515.200	-	-
Công ty Cổ phần Amber Capital	-	-	168.687.750	168.687.750
Phải trả đối tượng khác	296.923.019	296.923.019	87.373.192	87.373.192
TỔNG CỘNG	**1.736.956.155**	**1.736.956.155**	**256.060.942**	**256.060.942**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	364.438.238	1.266.253.491	1.369.693.568	260.998.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.083.915.670	604.723.801	1.083.915.670	604.723.801
Thuế thu nhập cá nhân	129.104.356	558.337.317	604.429.120	83.012.553
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
TỔNG CỘNG	**1.577.458.264**	**2.436.314.609**	**3.065.038.358**	**948.734.515**

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.499.367.548	1.943.292.449
Chi phí lãi vay	17.069.178	23.243.836
Các khoản trích trước khác	280.000.000	541.424.242
TỔNG CỘNG	**1.796.436.726**	**2.507.960.527**

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	234.943.707	-
Trích lập trong năm	1.686.300.878	805.881.788
Sử dụng trong năm	(650.946.384)	(570.938.081)
Số cuối năm	**1.270.298.201**	**234.943.707**

15. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phát sinh trong năm*		*Phân loại lại theo lịch trả nợ*		*Số cuối năm*
	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	*Tăng*	*Giảm*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả	5.390.000.000	-	5.390.000.000	5.840.000.000	-	5.840.000.000
	5.390.000.000	**-**	**5.390.000.000**	**5.840.000.000**	**-**	**5.840.000.000**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng và công ty tài chính	21.520.000.000	-	-	-	5.840.000.000	15.680.000.000
	21.520.000.000	**-**	**-**	**-**	**5.840.000.000**	**15.680.000.000**
TỔNG CỘNG	**26.910.000.000**	**-**	**5.390.000.000**	**5.840.000.000**	**5.840.000.000**	**21.520.000.000**

15. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	17.550.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 6 năm 2029.	7,1% - 7,9%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của các dự án điện mặt trời trên mái nhà và quyền khai thác, quản lý dự án đầu tư.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (tên cũ là Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực)	3.970.000.000	Gốc và lãi trả hàng tháng với khoản gốc vay cuối cùng được thanh toán vào tháng 11 năm 2027.	8,8%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	**21.520.000.000**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*5.840.000.000*			
Vay dài hạn	*15.680.000.000*			

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước			
Số đầu năm	210.000.000.000	7.293.808.618	217.293.808.618
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.947.249.672	4.947.249.672
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	210.000.000.000	11.435.176.502	221.435.176.502
Năm nay			
Số đầu năm	210.000.000.000	11.435.176.502	221.435.176.502
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	14.670.128.137	14.670.128.137
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.686.300.878)	(1.686.300.878)
Số cuối năm	210.000.000.000	24.419.003.761	234.419.003.761

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

16.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Tổng giá trị (VND)	*Cổ phiếu thường*	*Tổng giá trị (VND)*	*Cổ phiếu thường*
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	**210.000.000.000**	**21.000.000**	**210.000.000.000**	**21.000.000**

16.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
	Số cổ phần	*Số cổ phần*
Cổ phiếu đã được duyệt	**21.000.000**	**21.000.000**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

17. DOANH THU

17.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**33.306.114.754**	**33.677.752.790**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	*23.708.330.280*	*23.764.045.720*
Doanh thu bán điện	*9.408.284.474*	*9.800.957.070*
Doanh thu cho thuê	*189.500.000*	*112.750.000*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**33.306.114.754**	**33.677.752.790**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*22.121.564.754*	*19.208.390.970*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	*11.184.550.000*	*14.469.361.820*

17.2 *Doanh thu tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.800.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	962.500.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	14.648.430	231.205.583
TỔNG CỘNG	**12.777.148.430**	**231.205.583**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	15.147.102.608	14.564.963.972
Giá vốn bán điện	6.470.670.299	5.969.172.836
Giá vốn cho thuê	180.072.420	190.968.733
TỔNG CỘNG	**21.797.845.327**	**20.725.105.541**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	1.906.545.417	2.428.821.967
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(814.335.667)	(1.323.694.647)
Chi phí tài chính khác	20.000.000	336.000
TỔNG CỘNG	**1.112.209.750**	**1.105.463.320**

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên quản lý	2.786.670.531	2.221.884.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.067.268	34.067.268
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	12.253.356	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.901.835.698	3.803.208.758
Chi phí khác	39.567.932	107.246.518
TỔNG CỘNG	**7.774.394.785**	**6.166.407.310**

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân công	11.429.447.658	9.087.323.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	4.325.436.828	4.325.436.828
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	12.253.356	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.725.309.571	12.889.414.594
Chi phí khác	79.792.699	201.776.038
TỔNG CỘNG	**29.572.240.112**	**26.503.950.852**

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty được quy định theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ("Luật số 67") do Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Theo đó, thuế suất TNDN cho Công ty là 17% lợi nhuận chịu thuế (năm 2024: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 *Chi phí thuế TNDN*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	604.723.801	1.083.915.670
TỔNG CỘNG	**604.723.801**	**1.083.915.670**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**15.274.851.938**	**6.031.165.342**
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận		
Chi phí không được trừ	82.346.894	109.879.959
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.800.000.000)	-
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	-	(721.466.951)
Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất 20%	**-**	**5.419.578.350**
Lợi nhuận chịu thuế theo thuế suất 17%	**3.557.198.832**	**-**
Chi phí thuế TNDN	**604.723.801**	**1.083.915.670**

22.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/ Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng
Công ty TNHH Apollo Power 2	Công ty con đến ngày 14 tháng 10 năm 2025
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Cong ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đinh	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đinh Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đinh Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Apollo Power 4	576.000.000	578.203.600
Công ty TNHH Omega Power 3	432.000.000	432.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	298.725.000	288.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	299.550.000	288.000.000
Công ty TNHH Duy Đỉnh Việt Nam	299.825.000	288.000.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	299.825.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đỉnh	300.650.000	288.000.000
Công ty TNHH Duy Đỉnh Solar	300.925.000	288.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	301.200.000	288.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	288.000.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	300.925.000	288.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	300.375.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	300.100.000	288.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	298.450.000	288.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	108.000.000	146.422.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	144.000.000	144.000.000
Công ty Cổ phần Helio Power	-	420.000.000

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	218.258.740
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
TỔNG CỘNG	**11.184.550.000**	**14.469.361.820**

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Năm nay*	*Năm trước*
Mua hàng và sử dụng hàng hóa		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	467.883.870
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	2.455.800
TỔNG CỘNG	**-**	**470.339.670**
Lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	1.050.000.000	-
Công ty TNHH Two Brother Energy	900.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	900.000.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	850.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	850.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	850.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	800.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng thời đại mới	700.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	700.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	650.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	650.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	550.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	550.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	550.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brother	500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ việt	400.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	350.000.000	-
TỔNG CỘNG	**11.800.000.000**	**-**
Tạm ứng phân chia lợi nhuận		
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Hoàng Gia Phú	500.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	500.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	400.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	300.000.000	-
TỔNG CỘNG	**2.700.000.000**	**-**

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 1 tháng 1 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn của khách hàng** (Thuyết minh số 6) - Cung cấp dịch vụ*		
Công ty TNHH Apollo Power 4	51.840.000	311.040.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Omega Power 3	38.880.000	233.280.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Solar Việt	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH KCP Energy	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	51.840.000	155.520.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Duy Đinh Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đinh	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Duy Đinh Solar	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	25.920.000	155.520.000
Công ty TNHH Apollo Power 2	Không còn là bên liên quan	77.760.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	25.920.000	77.760.000
TỔNG CỘNG	**1.671.840.000**	**5.987.520.000**

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả khác ngắn hạn *(Mã số 319) – Phải trả liên quan đến tạm ứng phân chia lợi nhuận*		
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Hoàng Gia Phú	500.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	500.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	400.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	300.000.000	-
TỔNG CỘNG	**2.700.000.000**	**-**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao Hội đồng Quản trị	**240.000.000**	**257.500.000**
Bà Nguyễn Thị Lan	-	35.000.000
Ông Phan Thành Đạt	120.000.000	102.500.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**2.340.878.062**	**1.740.285.998**
Ông Phan Thành Đạt	-	223.789.739
Ông Bùi Tuấn Dương	850.641.600	615.129.900
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	909.658.000	629.605.667
Bà Lê Thị Trang	580.578.462	271.760.692
Thù lao Ban Kiểm soát	**132.000.000**	**132.000.000**
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	**2.712.878.062**	**2.129.785.998**

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận sản xuất điện;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*9.408.284.474*	*23.708.330.280*	*189.500.000*	*33.306.114.754*
Tổng doanh thu	9.408.284.474	23.708.330.280	189.500.000	33.306.114.754
Kết quả				
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	*2.937.614.175*	*8.561.227.672*	*9.427.580*	*11.508.269.427*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				*3.766.582.511*
Lợi nhuận thuần trước thuế				*15.274.851.938*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				*(604.723.801)*
Lợi nhuận thuần sau thuế				14.670.128.137
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.549.579.565	-	158.855.544	4.708.435.109
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*212.185.239.325*	*4.342.214.585*	*1.588.555.441*	*218.116.009.351*
Tài sản không phân bổ (ii)				*47.372.237.754*
Tổng tài sản				265.488.247.105
Công nợ bộ phận	*114.041.302*	*2.021.882.748*	*356.819.178*	*2.492.743.228*
Công nợ không phân bổ (iii)				*28.576.500.116*
Tổng công nợ				31.069.243.344

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*9.800.957.070*	*23.764.045.720*	*112.750.000*	*33.677.752.790*
Tổng doanh thu	9.800.957.070	23.764.045.720	112.750.000	33.677.752.790
Kết quả				
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	*3.831.784.234*	*9.199.081.748*	*(78.218.733)*	*12.952.647.249*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)				*(6.921.481.907)*
Lợi nhuận thuần trước thuế				*6.031.165.342*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				*(1.083.915.670)*
Lợi nhuận thuần sau thuế				4.947.249.672
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*4.500.805.593*	-	*158.855.544*	*4.659.661.137*
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*223.018.308.240*	*13.934.028.000*	*1.747.410.985*	*238.699.747.225*
Tài sản không phân bổ (ii)				*14.684.602.717*
Tổng tài sản				253.384.349.942
Công nợ bộ phận	*54.710.231*	*1.943.292.449*	*73.250.000*	*2.071.252.680*
Công nợ không phân bổ (iii)				*29.877.920.760*
Tổng cộng nợ				31.949.173.440

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, phải thu khác, chi phí trả trước, thuế GTGT được khấu trừ và đầu tư tài chính dài hạn.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quỹ khen thưởng phúc lợi.

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	2.995.497.471	3.094.363.427
Từ 1 – 5 năm	9.190.862.625	5.946.788.826
Trên 5 năm	7.342.000.089	8.907.925.582
TỔNG CỘNG	**19.528.360.185**	**17.949.097.835**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	169.090.909	186.000.000
Từ 1 – 5 năm	169.090.909	480.500.000
TỔNG CỘNG	**338.181.818**	**666.500.000**

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để nhận chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 04/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Helio Energy với tổng số 21.000.000 cổ phiếu chào bán, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 2044/UBCK-QLCB của Uỷ ban chứng khoán nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty, theo đó, Công ty đã thực hiện phân phối 21.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số lượng cổ phiếu chào bán.

Theo Nghị quyết số 05/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành. Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng vào ngày 16 tháng 3 năm 2026 với tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần SD Trường Thành là 59,32% vốn điều lệ.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BẢN SAO

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

EY

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Helio Energy

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 45

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 08011-03/2026 Quyển số: ....-SCT/BS
Ngày: 19-10-2026

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT
CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 13664222/E-68672455 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Đức Trường	Lê Minh Tùng
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**39.579.595.048**	**105.993.229.700**
110	***I. Tiền***	***5***	***13.951.804.186***	***32.285.088.317***
111	1. Tiền		13.951.804.186	32.285.088.317
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***13.731.886.917***	***58.065.335.289***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	13.054.158.180	42.101.975.734
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	637.086.353	1.733.424.554
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	152.916.488	14.229.935.001
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(112.274.104)	-
140	***III. Hàng tồn kho***		***33.010.909***	***150.025.270***
141	1. Hàng tồn kho		33.010.909	150.025.270
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***11.862.893.036***	***15.492.780.824***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	2.647.978.013	1.489.634.180
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.214.915.023	14.003.146.644
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**407.998.541.176**	**399.489.278.117**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***10.982.800.000***	***8.093.600.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	10.982.800.000	8.093.600.000
220	***II. Tài sản cố định***		***293.415.048.481***	***338.421.065.888***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	293.415.048.481	338.421.065.888
222	Nguyên giá		484.452.101.846	493.147.313.989
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(191.037.053.365)	(154.726.248.101)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***10***	***23.753.941.807***	***26.148.857.519***
231	1. Nguyên giá		35.093.712.424	35.093.712.424
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.339.770.617)	(8.944.854.905)
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***11***	***66.385.078.617***	***19.894.526.437***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		20.385.078.617	19.894.526.437
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.000.000.000	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***13.461.672.271***	***6.931.228.273***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	10.281.072.502	2.359.207.205
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	1.172.976.038	2.371.647.573
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		103.929.812	-
269	4. Lợi thế thương mại	12	1.903.693.919	2.200.373.495
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**447.578.136.224**	**505.482.507.817**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**181.734.678.001**	**251.591.176.763**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***75.770.451.604***	***76.098.051.571***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.434.359.599	1.466.893.671
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.098.072.770	4.905.339.186
314	3. Phải trả người lao động		1.027.067.747	389.500.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.395.303.287	3.411.125.007
318	5. Doanh thu chưa thực hiện		69.750.000	73.250.000
320	6. Vay ngắn hạn	17	66.475.600.000	65.617.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.270.298.201	234.943.707
330	***II. Nợ dài hạn***		***105.964.226.397***	***175.493.125.192***
338	1. Vay dài hạn	17	105.757.205.058	175.143.705.058
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.3	207.021.339	349.420.134
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**265.843.458.223**	**253.891.331.054**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***18***	***265.843.458.223***	***253.891.331.054***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*210.000.000.000*	*210.000.000.000*
420	2. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.415.375.558	8.331.664.665
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.428.082.665	35.559.666.389
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*33.873.365.511*	*14.480.905.409*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*13.554.717.154*	*21.078.760.980*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**447.578.136.224**	**505.482.507.817**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (Trình bày lại)*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	109.611.227.676	119.299.308.527
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19	109.611.227.676	119.299.308.527
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	68.948.346.468	67.237.104.406
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		40.662.881.208	52.062.204.121
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		32.191.523	993.709.167
22	7. Chi phí tài chính	21	15.799.585.200	22.864.974.380
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*15.427.819.997*	*22.337.945.816*
24	8. Lãi trong công ty liên kết	11	490.552.180	619.237.588
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	9.111.253.198	7.941.121.990
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		16.274.786.513	22.869.054.506
31	12. Thu nhập khác	23	347.753.310	5.755.882.421
32	13. Chi phí khác	23	247.288.431	1.237.241.547
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]	23	100.464.879	4.518.640.874
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		16.375.251.392	27.387.695.380
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	1.764.261.498	9.134.799.445
52	17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	25	1.056.272.740	(2.825.865.045)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		13.554.717.154	21.078.760.980
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		13.554.717.154	21.078.760.980
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	645	923
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	645	923

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**16.375.251.392**	**27.387.695.380**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		42.256.313.211	44.844.339.874
03	Các khoản dự phòng		112.274.104	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(486.705.246)	(6.529.437.730)
06	Chi phí lãi vay	21	15.427.819.997	22.337.945.816
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**73.684.953.458**	**88.040.543.340**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		17.612.362.979	(7.328.142.378)
10	Giảm hàng tồn kho		13.084.549	387.069.911
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		152.862.570	(3.792.999.670)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(9.296.094.016)	764.935.499
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.495.045.970)	(22.971.016.818)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.404.694.192)	(6.162.425.661)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(570.938.081)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**62.267.429.378**	**48.367.026.142**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		25.245.000.000	6.545.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(46.000.000.000)	(4.273.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.155.994.968	22.800.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.191.523	985.914.026
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư**		**(15.566.813.509)**	**26.057.914.026**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		64.684.316.852	204.740.227.106
34	Tiền trả nợ gốc vay		(129.718.216.852)	(264.179.405.786)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(65.033.900.000)**	**(59.439.178.680)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(18.333.284.131)**	**14.985.761.488**
60	**Tiền đầu năm**		**32.285.088.317**	**17.299.326.829**
70	**Tiền cuối năm**	**5**	**13.951.804.186**	**32.285.088.317**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 47 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025 là 40 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

Các công ty con trực tiếp:

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Thuận Nam, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Các công ty con trực tiếp: (tiếp theo)

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con gián tiếp:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	100%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắk Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	100%	Số 34, Ngõ 214, Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	100%	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	100%	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	100%	Số 5C, Ngách 445/10, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	100%	Thôn 1, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	100%	Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các công ty liên kết gián tiếp

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH VVT Việt Nam	38%	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn	46%	Tầng 1, Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	47%	Số 5C, Ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH NVP Việt Nam	48%	Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	40%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắk Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Công ty nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các công ty con gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp này thông qua các công ty con trực tiếp.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty và công ty con đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện truyền dẫn	6 - 10 năm
Tấm pin mặt trời	15 - 20 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và khách hàng và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty và các công ty con là ở Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1. *Thoái vốn toàn bộ trong Công ty TNHH Apollo Power 2, công ty con*

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Apollo Power 2 cho một cá nhân với giá 11.000.000.000 VND, qua đó, Công ty TNHH Apollo Power 2 không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

4.2. *Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha*

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha ("Công ty Alpha"). Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Alpha là kinh doanh Tái Bảo Hiểm.

5. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	2.303.815.000	3.463.228.000
Tiền gửi ngân hàng	11.647.989.186	28.821.860.317
TỔNG CỘNG	**13.951.804.186**	**32.285.088.317**

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	12.717.198.180	41.324.375.734
- Công ty Điện lực Đắk Lắk – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	*2.960.140.353*	*2.035.056.283*
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	*3.450.700.012*	*28.079.700.012*
- Công ty Điện lực Lâm Đồng – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	*2.490.985.130*	*1.954.456.283*
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	*810.316.951*	*2.303.386.129*
- Khác	*3.005.055.734*	*6.951.777.027*
Phải thu từ các bên liên quan (*Thuyết minh số 26*)	336.960.000	777.600.000
TỔNG CỘNG	**13.054.158.180**	**42.101.975.734**
Dự phòng phải thu khó đòi	(112.274.104)	-

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Phú Gia Construction	467.328.960	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	113.260.000	129.440.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	252.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	710.988.000
Khác	56.497.393	240.996.554
TỔNG CỘNG	**637.086.353**	**1.733.424.554**

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.457.967.416	724.952.347
Chi phí sửa chữa mái	482.960.932	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	707.049.665	764.681.833
TỔNG CỘNG	**2.647.978.013**	**1.489.634.180**
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	8.076.242.703	1.269.704.229
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.338.442.533	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	866.387.266	1.089.502.976
TỔNG CỘNG	**10.281.072.502**	**2.359.207.205**

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Các khoản đặt cọc	51.000.000	14.125.000.000
Khác	101.916.488	104.935.001
TỔNG CỘNG	**152.916.488**	**14.229.935.001**
Dài hạn		
Đặt cọc thuê mái nhà, thuê đất	10.982.800.000	8.093.600.000
TỔNG CỘNG	**10.982.800.000**	**8.093.600.000**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện truyền dẫn*	*Tấm pin mặt trời*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
- Giảm do thoái vốn công ty con	(42.453.301)	(3.302.910.507)	-	(878.682.804)	(4.471.165.531)	(8.695.212.143)
Số cuối năm	8.013.289.807	149.569.505.728	102.201.818	85.769.765.346	240.997.339.147	484.452.101.846
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	2.547.661.849	55.831.899.388	50.093.537	33.020.722.231	63.275.871.096	154.726.248.101
- Khấu hao trong năm	657.329.728	14.273.874.702	34.067.268	9.041.242.208	15.558.204.017	39.564.717.923
- Giảm do thoái vốn công ty con	(13.443.564)	(1.407.225.690)	-	(417.374.292)	(1.415.869.113)	(3.253.912.659)
Số cuối năm	3.191.548.013	68.698.548.400	84.160.805	41.644.590.147	77.418.206.000	191.037.053.365
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	5.508.081.259	97.040.516.847	52.108.281	53.627.725.919	182.192.633.582	338.421.065.888
Số cuối năm	4.821.741.794	80.870.957.328	18.041.013	44.125.175.199	163.579.133.147	293.415.048.481

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tấm pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tấm pin và một số tài sản khác) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Số đầu năm	35.093.712.424
Số cuối năm	35.093.712.424
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	8.944.854.905
- Hao mòn trong năm	2.394.915.712
Số cuối năm	11.339.770.617
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	26.148.857.519
Số cuối năm	23.753.941.807

Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty và các công ty con chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

11.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	*Công ty TNHH VVT Việt Nam*	*Công ty TNHH NVP Việt Nam*	*Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn*	*Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam*	*Tổng cộng*
Giá trị đầu tư:						
Số đầu năm	3.933.000.000	3.337.000.000	4.225.100.000	4.018.200.000	4.026.400.000	19.539.700.000
Số cuối năm	3.933.000.000	3.337.000.000	4.225.100.000	4.018.200.000	4.026.400.000	19.539.700.000
Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:						
Số đầu năm	(72.871.680)	(198.639.152)	311.768.722	169.569.960	144.998.587	354.826.437
- Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	9.141.498	45.367.427	185.803.066	135.329.540	114.910.649	490.552.180
Số cuối năm	(63.730.182)	(153.271.725)	497.571.788	304.899.500	259.909.236	845.378.617
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	3.860.128.320	3.138.360.848	4.536.868.722	4.187.769.960	4.171.398.587	19.894.526.437
Số cuối năm	3.869.269.818	3.183.728.275	4.722.671.788	4.323.099.500	4.286.309.236	20.385.078.617

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty này chưa niêm yết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết cũng như tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN *(tiếp theo)*

11.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm				*Số đầu năm*			
	Tỷ lệ lợi ích (%)	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ lợi ích (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Giá trị ghi sổ*	*Dự phòng*
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	9,2%	9,2%	46.000.000.000	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			**46.000.000.000**	-			-	-

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha. Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha là kinh doanh tái bảo hiểm.

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng, giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Duy Đinh Việt Nam*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Số cuối năm	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Phân bổ lũy kế:						
Số đầu năm	168.901.485	211.111.364	153.940.045	173.661.081	58.808.260	766.422.235
- Phân bổ trong năm	65.381.220	81.720.528	59.589.696	67.223.640	22.764.492	296.679.576
Số cuối năm	234.282.705	292.831.892	213.529.741	240.884.721	81.572.752	1.063.101.811
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	484.910.711	606.093.917	441.956.903	498.575.354	168.836.610	2.200.373.495
Số cuối năm	419.529.491	524.373.389	382.367.207	431.351.714	146.072.118	1.903.693.919

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công Ty Cổ Phần S-Home Việt Nam	945.517.936	945.517.936	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	494.515.200	494.515.200	-	-
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AMA	290.088.000	290.088.000	563.112.000	563.112.000
Công ty Cổ phần Amber Capital	-	-	168.687.750	168.687.750
Phải trả đối tượng khác	704.238.463	704.238.463	735.093.921	735.093.921
TỔNG CỘNG	**2.434.359.599**	**2.434.359.599**	**1.466.893.671**	**1.466.893.671**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Giảm do thoái vốn công ty con*	*Số cuối năm*
Thuế giá trị gia tăng	364.438.238	1.266.253.491	1.369.693.568	-	260.998.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.404.694.192	1.764.261.498	4.404.694.192	10.199.442	1.754.062.056
Thuế thu nhập cá nhân	136.206.756	558.337.317	611.531.520	-	83.012.553
Thuế môn bài	-	79.000.000	79.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	**4.905.339.186**	**3.667.852.306**	**6.464.919.280**	**10.199.442**	**2.098.072.770**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	1.604.528.548	2.048.453.449
Chi phí lãi vay	204.524.739	271.750.712
Các khoản trích trước khác	586.250.000	1.090.920.846
TỔNG CỘNG	**2.395.303.287**	**3.411.125.007**

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	234.943.707	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.686.300.878	805.881.788
Sử dụng trong năm	(650.946.384)	(570.938.081)
Số cuối năm	**1.270.298.201**	**234.943.707**

17. VAY

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Phân loại lại theo lịch trả nợ		Giảm do thoái vốn công ty con	Số cuối năm
		Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giảm	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn								
Vay cá nhân	17.1	520.000.000	2.440.000.000	2.620.000.000	-	-	-	340.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	17.2	65.097.000.000	5.484.300.000	74.123.600.000	70.522.900.000	-	845.000.000	66.135.600.000
		65.617.000.000	**7.924.300.000**	**76.743.600.000**	**70.522.900.000**	-	**845.000.000**	**66.475.600.000**
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng và công ty tài chính	17.2	175.143.705.058	56.760.016.852	52.974.616.852	-	70.522.900.000	2.649.000.000	105.757.205.058
		175.143.705.058	**56.760.016.852**	**52.974.616.852**	-	**70.522.900.000**	**2.649.000.000**	**105.757.205.058**
TỔNG CỘNG		**240.760.705.058**	**64.684.316.852**	**129.718.216.852**	**70.522.900.000**	**70.522.900.000**	**3.494.000.000**	**172.232.805.058**

17.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp từ cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 7 năm 2026. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 10%/năm, lãi vay trả cuối kỳ.

17. VAY (tiếp theo)

17.2 *Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn*

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	59.999.500.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	13.260.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 10 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	33.840.493.976	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,1% - 7,9%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.

17. VAY (tiếp theo)

17.2 *Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn* (tiếp theo)

Bên cho vay	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực – Chi nhánh Hà Nội (tên cũ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực – Chi nhánh Hà Nội)	26.807.008.426	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 8 năm 2032. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	10,5%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Mê	24.435.802.656	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2030. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,4%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	9.580.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,6% - 7,9%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (tên cũ Công ty Tài chính Cổ phần Điện)	3.970.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,88%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	**171.892.805.058**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*66.135.600.000*			
Vay dài hạn	*105.757.205.058*			

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	21.078.760.980	21.078.760.980
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	210.000.000.000	8.331.664.665	35.559.666.389	253.891.331.054
Năm nay				
Số đầu năm	210.000.000.000	8.331.664.665	35.559.666.389	253.891.331.054
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	13.554.717.154	13.554.717.154
- Thoái vốn công ty con	-	83.710.893	-	83.710.893
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.686.300.878)	(1.686.300.878)
Số cuối năm	210.000.000.000	8.415.375.558	47.428.082.665	265.843.458.223

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

18.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Tổng giá trị (VND)	*Cổ phiếu thường*	*Tổng giá trị (VND)*	*Cổ phiếu thường*
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	**210.000.000.000**	**21.000.000**	**210.000.000.000**	**21.000.000**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Năm nay	*Năm trước*
	Số cổ phần	*Số cổ phần*
Cổ phiếu đã được duyệt	**21.000.000**	**21.000.000**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 1 tháng 1 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**109.611.227.676**	**119.299.308.527**
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	*93.105.388.920*	*100.487.685.023*
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	*14.023.455.280*	*14.111.420.120*
Doanh thu cho thuê	*2.482.383.476*	*4.700.203.384*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**109.611.227.676**	**119.299.308.527**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*108.111.552.676*	*114.482.572.307*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	*1.499.675.000*	*4.816.736.220*

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn bán điện	57.387.176.353	53.538.671.869
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	8.868.539.731	8.585.523.073
Giá vốn hoạt động cho thuê	2.692.630.384	5.112.909.464
TỔNG CỘNG	**68.948.346.468**	**67.237.104.406**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	15.427.819.997	22.337.945.816
Chi phí tài chính khác	371.765.203	527.028.564
TỔNG CỘNG	**15.799.585.200**	**22.864.974.380**

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên quản lý	2.786.670.531	2.221.884.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.645.196	152.645.196
Dự phòng phải thu khó đòi	112.274.104	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.675.855.359	4.810.011.643
Phân bổ lợi thế thương mại	296.679.576	588.130.691
Chi phí khác	87.128.432	168.449.694
TỔNG CỘNG	**9.111.253.198**	**7.941.121.990**

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**347.753.310**	**5.755.882.421**
Lãi thanh lý tài sản	-	4.924.286.116
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo	346.194.086	300.156.630
Các khoản khác	1.559.224	531.439.675
Chi phí khác	**247.288.431**	**1.237.241.547**
Tiền chậm nộp thuế TNDN	85.294.676	935.136.186
Các khoản khác	161.993.755	302.105.361
LỢI NHUẬN KHÁC	**100.464.879**	**4.518.640.874**

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân công	11.429.447.658	9.087.323.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	42.256.313.211	44.844.339.874
Dự phòng phải thu khó đòi	112.274.104	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.134.211.494	20.569.021.917
Chi phí khác	127.353.199	289.979.214
TỔNG CỘNG	**78.059.599.666**	**74.790.664.397**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con được quy định theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ("Luật số 67") do Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Theo đó, Công ty và các công ty con áp dụng các mức thuế suất theo Luật số 67 ban hành khi lập báo cáo tài chính hợp nhất này là 15% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm không quá 3 tỷ VND, và 17% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm từ trên 3 tỷ VND đến không quá 50 tỷ VND, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng (trước đó là tỉnh Đắk Nông) được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025).
- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là tỉnh Bình Thuận) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**16.375.251.392**	**27.387.695.380**
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	695.243.655	2.554.007.865
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	(5.925.180.716)	(5.234.221.039)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	1.294.914.240	963.500.469
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	**12.440.228.571**	**25.670.982.675**
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	*21.923.690.295*
Thu nhập chịu thuế suất 17%	*9.035.484.380*	-
Thu nhập chịu thuế suất 15%	*494.751.835*	-
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	*199.561.353*
Thu nhập chịu thuế suất 10% và giảm 50%	*2.666.656.372*	-
Thu nhập chịu thuế suất 17% và giảm 50%	*243.335.984*	-
Thu nhập được miễn, giảm thuế	-	*3.547.731.027*
Chi phí thuế TNDN trước điều chỉnh năm trước	**1.764.261.498**	**4.404.694.192**
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	-	4.730.105.253
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.764.261.498**	**9.134.799.445**

25.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty và các công ty con đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước thể hiện như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi vay không được khấu trừ	661.838.012	1.855.871.731	(1.194.033.719)	1.855.871.731
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	386.198.319	415.314.391	(29.116.073)	415.314.391
Chênh lệch khấu hao tài sản	124.939.707	100.461.451	24.478.256	100.461.451
	1.172.976.038	**2.371.647.573**		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(176.437.440)
Các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con	207.021.339	349.420.134	(142.398.795)	(277.780.032)
	207.021.339	**349.420.134**		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			***(1.056.272.740)***	***2.825.865.045***

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VTT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Năm nay*	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Helio Power	-	420.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	301.200.000	288.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	300.375.000	288.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	300.100.000	288.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	299.550.000	288.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	298.450.000	288.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	218.258.740
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
TỔNG CỘNG	**1.499.675.000**	**4.816.736.220**
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	467.883.870
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	2.455.800
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	1.407.312
TỔNG CỘNG	**-**	**471.746.982**

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 1 tháng 1 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu khách hàng ngắn hạn** (Thuyết minh số 6.1) – Cung cấp dịch vụ*		
Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NNL Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	155.520.000
TỔNG CỘNG	**336.960.000**	**777.600.000**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao của Hội đồng Quản trị	**240.000.000**	**257.500.000**
Bà Nguyễn Thị Lan	-	35.000.000
Ông Phan Thành Đạt	120.000.000	102.500.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**2.340.878.062**	**1.740.285.998**
Ông Phan Thành Đạt	-	223.789.739
Ông Bùi Tuấn Dương	850.641.600	615.129.900
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	909.658.000	629.605.667
Bà Lê Thị Trang	580.578.462	271.760.692
Thù lao của Ban Kiểm soát	**132.000.000**	**132.000.000**
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	**2.712.878.062**	**2.129.785.998**

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước (Trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.554.717.154	21.078.760.980
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.686.300.878)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**13.554.717.154**	**19.392.460.102**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**21.000.000**	**21.000.000**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	645	923
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	645	923

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận sản xuất điện;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Điều chỉnh*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*93.105.388.920*	*14.023.455.280*	*2.482.383.476*	*-*	*109.611.227.676*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*-*	*9.684.875.000*	*-*	*(9.684.875.000)*	*-*
Tổng doanh thu	*93.105.388.920*	*23.708.330.280*	*2.482.383.476*	*(9.684.875.000)*	*109.611.227.676*
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế	*35.718.212.567*	*5.154.915.549*	*(210.246.908)*	*-*	*40.662.881.208*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					*(24.287.629.816)*
Lợi nhuận thuần trước thuế					*16.375.251.392*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					*(1.764.261.498)*
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại					*(1.056.272.740)*
Lợi nhuận thuần sau thuế					13.554.717.154
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*44.021.048.357*	*-*	*2.394.915.712*	*-*	*46.415.964.069*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	355.515.081.362	2.978.743.421	3.712.672.922	*-*	*362.206.497.705*
Tài sản không phân bổ (ii)					*85.371.638.519*
Tổng tài sản					447.578.136.224
Công nợ bộ phận	*578.501.315*	*2.021.882.748*	*234.097.933*	*-*	*2.834.481.996*
Công nợ không phân bổ (iii)					*178.900.196.005*
Tổng công nợ					181.734.678.001

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Điều chỉnh*	*Tổng cộng*
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*100.487.685.023*	*14.111.420.120*	*4.700.203.384*	-	*119.299.308.527*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	*9.652.625.600*	-	*(9.652.625.600)*	-
Tổng doanh thu	100.487.685.023	23.764.045.720	4.700.203.384	(9.652.625.600)	119.299.308.527
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế và thu nhập/(chi phí) không phân bổ của bộ phận	*46.949.013.154*	*5.525.897.047*	*(412.706.080)*	-	*52.062.204.121*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					*(24.674.508.741)*
Lợi nhuận thuần trước thuế					*27.387.695.380*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					*(9.134.799.445)*
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					*2.825.865.045*
Lợi nhuận thuần sau thuế					21.078.760.980
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*40.724.278.923*	-	*4.520.232.700*	-	*45.244.511.623*
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	*392.972.174.841*	*8.324.108.000*	*54.228.557.531*	-	*455.524.840.372*
Tài sản không phân bổ (ii)					*49.957.667.445*
Tổng tài sản					505.482.507.817
Công nợ bộ phận	*1.224.742.486*	*1.985.716.691*	*73.250.000*	-	*3.283.709.177*
Công nợ không phân bổ (iii)					*248.307.467.586*
Tổng công nợ					251.591.176.763

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản trả trước và phải thu khác.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quỹ khen thưởng phúc lợi và thuế TNDN hoãn lại phải trả.

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty và các công ty con thuê văn phòng, thuê đất, thuê mái nhà và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	5.761.960.562	18.588.789.861
Từ 1 – 5 năm	26.895.607.555	22.345.046.646
Trên 5 năm	24.918.813.419	31.863.155.293
TỔNG CỘNG	**57.576.381.536**	**72.796.991.800**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	4.290.999.990	5.042.999.990
Từ 1 - 5 năm	2.644.250.000	5.040.500.000
TỔNG CỘNG	**6.935.249.990**	**10.083.499.990**

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để nhận chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần SD Trường Thành.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 04/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Helio Energy với tổng số 21.000.000 cổ phiếu chào bán, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 2044/UBCK-QLCB của Uỷ ban chứng khoán nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty, theo đó, Công ty đã thực hiện phân phối 21.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số lượng cổ phiếu chào bán.

Theo Nghị quyết số 05/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành. Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng vào ngày 16 tháng 3 năm 2026 với tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần SD Trường Thành là 59,32% vốn điều lệ.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BẢN SAO

bakertilly
A&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as **Baker Tilly A&C** is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
HELIO ENERGY

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Thông tin chung	2
3.	Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
5.	Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10
7.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	11 - 12
8.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	13 - 40

****

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành hệ thống điện mặt trời mái nhà.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 2263333

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán

Các thành viên Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ban Kiểm soát (Kết thúc nhiệm kỳ ngày 18 tháng 4 năm 2026)

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch Ủy ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thanh Đạt

Ngày 20 tháng 7 năm 2026

Số: 2.0532/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo Pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Helio Energy tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 22 tháng 8 năm 2025 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vào ngày 18 tháng 3 năm 2026 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 0 8 0 0 0 8 Quyển số: 0 3 / 2 0 2 6 SCT/BS
Ngày: 19 -10- 2026
NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thu Hiền

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**5.691.529.001**	**7.924.504.091**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**243.431.226**	**979.321.266**
1. Tiền	111		243.431.226	979.321.266
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**4.156.826.375**	**5.217.620.854**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.319.699.695	4.539.871.369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		806.171.552	637.086.353
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135		51.377.388	52.916.488
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.4	(20.422.260)	(12.253.356)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**278.620.896**	**33.010.909**
1. Hàng tồn kho	141		278.620.896	33.010.909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**1.012.650.504**	**1.694.551.062**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.5a	1.012.650.504	1.694.551.062
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**465.226.761.950**	**257.563.743.014**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**740.000.000**	**740.000.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		740.000.000	740.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**30.445.976.831**	**32.377.593.588**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	30.445.976.831	32.377.593.588
- *Nguyên giá*	*222*		*53.228.167.528*	*53.073.074.935*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(22.782.190.697)*	*(20.695.481.347)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- *Nguyên giá*	*228*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- *Nguyên giá*	*234*		-	-
- *Giá trị khấu hao lũy kế*	*235*		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.7**	**1.509.127.669**	**1.588.555.441**
- Nguyên giá	241		2.382.833.161	2.382.833.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(873.705.492)	(794.277.720)
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**430.768.000.000**	**220.706.636.468**
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2	384.768.000.000	174.768.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2	46.000.000.000	46.000.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2	-	(61.363.532)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**270**		**1.763.657.450**	**2.150.957.517**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.5b	1.685.447.458	2.047.027.705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		78.209.992	103.929.812
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**470.918.290.951**	**265.488.247.105**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**26.741.768.999**	**31.069.243.344**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**14.361.768.999**	**15.389.243.344**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	590.901.096	1.736.956.155
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.9	294.513.471	948.734.515
5. Phải trả người lao động	315		185.114.803	1.027.067.747
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.10	2.084.694.056	1.796.436.726
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		162.750.000	69.750.000
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.11	2.429.120.000	2.700.000.000
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.12a	6.260.000.000	5.840.000.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.13	2.354.675.573	1.270.298.201
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**12.380.000.000**	**15.680.000.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.12b	12.380.000.000	15.680.000.000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.14**	**444.176.521.952**	**234.419.003.761**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		420.000.000.000	210.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*420.000.000.000*	*210.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(508.500.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.685.021.952	24.419.003.761
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*23.334.626.389*	*9.748.875.624*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*1.350.395.563*	*14.670.128.137*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**470.918.290.951**	**265.488.247.105**

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17.133.035.625	17.133.557.172
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.133.035.625	17.133.557.172
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.266.942.837	11.556.499.218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.866.092.788	5.577.057.954
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	2.510.766.107	4.800.091
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	735.690.770	467.183.455
Trong đó: chi phí đi vay	24		797.054.302	1.023.297.813
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5,279.112.417	3.963.992.309
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.362.055.708	1.150.682.281
12. Thu nhập khác	31		400.780	37.983.714
13. Chi phí khác	32		12.060.925	17.741.700
14. Lợi nhuận khác	40		(11.660.145)	20.242.014
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.350.395.563	1.170.924.295
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	-	207.173.219
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.350.395.563	963.751.076
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	-	-

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***1.350.395.563***	***1.170.924.295***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6; 7	2.166.137.122	2.162.718.414
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 5	(53.194.628)	(556.114.358)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.3	(2.500.000.000)	(4.800.091)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	797.054.302	1.023.297.813
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***1.760.392.359***	***3.796.026.073***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.052.625.575	(12.062.988.770)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(219.890.167)	(345.454)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.227.100.731	272.579.031
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		1.043.480.805	(597.148.699)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(800.336.565)	(1.029.737.375)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.9	(604.723.801)	(1.083.915.670)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(650.946.384)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***2.807.702.553***	***(10.705.530.864)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(155.092.593)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(210.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	4.800.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(210.155.092.593)***	***4.800.091***

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.14	209.491.500.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12a	(2.880.000.000)	(2.640.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***206.611.500.000***	***(2.640.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(735.890.040)**	**(13.340.730.773)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**979.321.266**	**14.224.667.716**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**243.431.226**	**883.936.943**

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh gồm: Sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành hệ thống điện mặt trời mái nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty
Công ty có 26 Công ty con sở hữu trực tiếp. Hoạt động kinh doanh chính của các Công ty con là sản xuất điện mặt trời.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng	59,32%	59,32%	59,32%
Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 42 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 47 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Thông tin khác

Công ty được chấp nhận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSDC ngày 16 tháng 08 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "HIO" theo Quyết định số 1077/QĐ/SGDHN ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 10 năm 2023.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng quy định của chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Người đại diện theo Pháp luật đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập dự phòng bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (36 tháng).

Chi phí thuê hoạt động

Chi phí thuê đất, mái nhà, văn phòng làm việc phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước (3-240 tháng).

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tấm pin mặt trời	15

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, dự phòng tổn thất được lập và ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các kỳ sau, nếu mức tổn thất cần trích lập thấp hơn số dự phòng đã lập, phần chênh lệch được hoàn nhập và ghi nhận vào thu nhập trong kỳ. Số hoàn nhập không vượt quá số đã trích lập trước đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được trình bày theo số thuần tại chỉ tiêu "Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Cơ sở hạ tầng (hệ thống khung giàn nhà xưởng)	15

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được ký kết và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận theo sản lượng điện hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Giá bán điện được quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ, công ty con, các công ty con khác trong cùng Tập đoàn và công ty liên kết của công ty con.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	44.380.000	42.426.000
Tiền gửi không kỳ hạn	199.051.226	936.895.266
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	*14.048.692*	*581.295.736*
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*173.277.685*	*308.720.454*
- Các ngân hàng, tổ chức khác	*11.724.849*	*46.879.076*
Cộng	**243.431.226**	**979.321.266**

2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***384.768.000.000***	***510.472.787.944***	-	***174.768.000.000***	***205.601.213.757***	***(61.363.532)***
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	210.000.000.000	296.658.778.440	-	-	-	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	10.527.243.869	-	10.095.000.000	10.417.056.270	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	10.179.586.971	-	10.100.000.000	9.938.636.468	(61.363.532)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	10.407.171.461	-	10.023.000.000	10.589.926.025	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	11.311.616.804	-	10.050.000.000	11.036.536.267	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	8.246.689.760	-	6.500.000.000	7.846.109.267	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	8.597.950.638	-	6.500.000.000	8.148.475.652	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	8.653.958.215	-	6.500.000.000	8.206.033.926	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	8.367.500.803	-	6.500.000.000	7.927.255.759	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	8.589.538.145	-	6.500.000.000	8.136.579.474	-
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	8.681.313.234	-	6.500.000.000	8.249.684.112	-
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	8.293.658.240	-	6.500.000.000	7.874.024.615	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	8.543.150.146	-	6.500.000.000	8.089.594.074	-
Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	6.500.000.000	8.732.224.726	-	6.500.000.000	8.298.755.299	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	8.560.885.867	-	6.500.000.000	8.126.177.439	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	8.746.378.381	-	6.500.000.000	8.338.629.202	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	8.523.542.936	-	6.500.000.000	8.032.308.016	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	8.787.500.789	-	6.500.000.000	8.306.667.254	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	8.317.606.623	-	6.500.000.000	7.838.137.784	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	8.539.585.371	-	6.500.000.000	8.064.062.838	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	8.542.170.239	-	6.500.000.000	8.043.857.765	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	8.614.962.986	-	6.500.000.000	8.109.548.758	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	6.618.708.757	-	6.000.000.000	6.607.721.952	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	6.427.945.684	-	6.000.000.000	6.406.311.064	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	6.542.149.178	-	6.000.000.000	6.542.974.469	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	6.460.969.681	-	6.000.000.000	6.426.150.008	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	***46.000.000.000***		-	***46.000.000.000***	***46.003.085.602***	-
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha (i)	46.000.000.000		-	46.000.000.000	46.003.085.602	-
Cộng	**430.768.000.000**		-	**220.768.000.000**	**251.604.299.359**	**(61.363.532)**

(i) Công ty chưa xác định được giá trị thu hồi của khoản đầu tư này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ do chưa thu thập được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026.

Số lượng cổ phần/phần vốn góp nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần SD Trường Thành (i)	17.795.102 CP	59,32%	-	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10 tỷ VND	100%	10 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Omega Power 3	10 tỷ VND	100%	10 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10 tỷ VND	100%	10 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Ampire Power 4	10 tỷ VND	100%	10 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH KCP Energy	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Anh	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Mỹ	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Solar Việt	6,5 tỷ VND	100%	6,5 tỷ VND	100%
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6 tỷ VND	100%	6 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6 tỷ VND	100%	6 tỷ VND	100%
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6 tỷ VND	100%	6 tỷ VND	100%
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6 tỷ VND	100%	6 tỷ VND	100%
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	4.600.000 CP	9,2%	4.600.000 CP	9,2%

(i) Trong kỳ, Công ty đã mua 17.795.102 cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành với giá mua là 210.000.000.000 VND (11.801 VND/cổ phần).

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có của bên được đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Cơ sở xác định là Báo cáo tài chính hợp nhất của bên được đầu tư - nếu bên được đầu tư là công ty mẹ, hoặc Báo cáo tài chính riêng - nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, kết quả kinh doanh trong kỳ có lãi, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	61.363.532	875.699.199
Hoàn nhập dự phòng	(61.363.532)	(556.114.358)
Số cuối kỳ	**-**	**319.584.841**

Giao dịch với các công ty con

Giao dịch giữa Công ty với các công ty con được trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***1.632.960.000***	-	***1.671.840.000***	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	51.840.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	38.880.000	-	38.880.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	12.960.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Anh	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Mỹ	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	25.920.000	-	51.840.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Solar	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	77.760.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH VVT Việt Nam	25.920.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	25.920.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH NVP Việt Nam	25.920.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam (i)	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu (i)	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam (i)	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH NHY Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH NDT Việt Nam (i)	77.760.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Khởi Duy Solar (i)	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy (i)	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam (i)	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam (i)	25.920.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	***1.686.739.695***	***(20.422.260)***	***2.868.031.369***	***(12.253.356)***
Công ty Điện lực Lâm Đồng (ii)	225.735.990	-	270.275.567	-
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (ii)	208.797.055	-	197.481.228	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương (ii)	229.068.205	-	209.409.378	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu (ii)	191.733.925	-	145.323.608	-
Các khách hàng khác	831.404.520	(20.422.260)	2.045.541.588	(12.253.356)
Cộng	**3.319.699.695**	**(20.422.260)**	**4.539.871.369**	**(12.253.356)**

(i) Khoản phải thu các đối tượng là bên liên quan từ nửa cuối tháng 6 năm 2026 (Xem thuyết minh VII.2b), số dư công nợ đầu kỳ của các đối tượng này được trình bày ở dòng "*Các khách hàng khác*".

(ii) Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện với các Công ty Điện lực được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

4. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
SYS Energy Pte, LTD – Phải thu tiền bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	01 – 02 năm	40.844.520	(20.422.260)	6 tháng – 01 năm	40.844.520	(12.253.356)
Cộng		**40.844.520**	**(20.422.260)**		**40.844.520**	**(12.253.356)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.253.356	-
Trích lập dự phòng bổ sung	8.168.904	-
Số cuối kỳ	**20.422.260**	**-**

Lý do trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Khoản phải thu quá hạn.

5. Chi phí chờ phân bổ

5a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng (i)	567.937.946	758.639.459
Chi phí sửa chữa mái	113.287.132	482.960.932
Chi phí tư vấn chào bán cổ phiếu	-	315.000.000
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	331.425.426	137.950.671
Cộng	**1.012.650.504**	**1.694.551.062**

5b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, thuê mái nhà (i)	350.775.994	516.657.160
Chi phí sửa chữa văn phòng (i)	1.115.368.779	1.338.442.533
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	219.302.685	191.928.012
Cộng	**1.685.447.458**	**2.047.027.705**

(i) Xem Thuyết minh IV.5.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tấm pin mặt trời	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	229.077.040	18.598.727.600	5.666.822.582	102.201.818	28.476.245.895	53.073.074.935
Mua trong kỳ	-	-	-	155.092.593	-	155.092.593
Số cuối kỳ	**229.077.040**	**18.598.727.600**	**5.666.822.582**	**257.294.411**	**28.476.245.895**	**53.228.167.528**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	76.541.604	8.220.192.626	2.801.588.517	84.160.805	9.512.997.795	20.695.481.347
Khấu hao trong kỳ	7.635.900	822.320.682	287.092.236	20.452.342	949.208.190	2.086.709.350
Số cuối kỳ	**84.177.504**	**9.042.513.308**	**3.088.680.753**	**104.613.147**	**10.462.205.985**	**22.782.190.697**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	152.535.436	10.378.534.974	2.865.234.065	18.041.013	18.963.248.100	32.377.593.588
Số cuối kỳ	**144.899.536**	**9.556.214.292**	**2.578.141.829**	**152.681.264**	**18.014.039.910**	**30.445.976.831**
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tấm pin năng lượng mặt trời	28.476.245.895	(10.462.205.985)	18.014.039.910
Khung giá đỡ tấm pin	6.498.537.740	(2.374.142.199)	4.124.395.541
Tài sản cố định hữu hình khác	18.253.383.893	(9.945.842.513)	8.307.541.380
Cộng	**53.228.167.528**	**(22.782.190.697)**	**30.445.976.831**

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 30.293.295.567 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

7. Bất động sản đầu tư cho thuê

Là hệ thống khung giàn nhà xưởng cho thuê:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	2.382.833.161	(794.277.720)	1.588.555.441
Khấu hao trong kỳ	-	(79.427.772)	(79.427.772)
Số cuối kỳ	**2.382.833.161**	**(873.705.492)**	**1.509.127.669**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 1.509.127.669 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần S-Home Việt Nam	-	945.517.936
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	161.066.000	494.515.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	294.000.000	28.000.000
Các nhà cung cấp khác	135.835.096	268.923.019
Cộng	**590.901.096**	**1.736.956.155**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	260.998.161	777.477.887	(766.689.859)	271.786.189
Thuế thu nhập doanh nghiệp	604.723.801	-	(604.723.801)	-
Thuế thu nhập cá nhân	83.012.553	479.693.809	(539.979.080)	22.727.282
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.650.000	(8.650.000)	-
Cộng	**948.734.515**	**1.265.821.696**	**(1.920.042.740)**	**294.513.471**

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 17%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	**Năm trước**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.350.395.563	1.170.924.295
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	54.060.925	47.741.700
• *Các khoản điều chỉnh tăng*	*54.060.925*	*47.741.700*
• *Các khoản điều chỉnh giảm*	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.404.456.488	1.218.665.995
Thu nhập được miễn thuế (lợi nhuận được chia)	(2.500.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	***(1.095.543.512)***	***1.218.665.995***
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	17%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	**207.173.219**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.500.907.141	1.499.367.548
Lãi vay phải trả	13.786.915	17.069.178
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	570.000.000	280.000.000
Cộng	**2.084.694.056**	**1.796.436.726**

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Phải trả các bên liên quan	***1.029.440.000***	***2.700.000.000***
Tạm ứng lợi nhuận	200.000.000	2.700.000.000
Công ty TNHH Apollo Power 4	-	*400.000.000*
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	-	*300.000.000*
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	-	*500.000.000*
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	*100.000.000*	*500.000.000*
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	-	*500.000.000*
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	*100.000.000*	*500.000.000*
Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng (i)	829.440.000	-
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH NHY Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH NDT Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	*51.840.000*	-

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	*51.840.000*	-
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	*51.840.000*	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	*51.840.000*	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***1.399.680.000***	-
Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng	1.399.680.000	-
Cộng	**2.429.120.000**	**2.700.000.000**

(i) Khoản nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng quản lý vận hành của các công ty là bên liên quan kể từ nửa cuối tháng 6 năm 2026, không có số dư đầu kỳ.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

12. Vay

12a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	4.160.000.000	4.040.000.000
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	2.100.000.000	1.800.000.000
Cộng	**6.260.000.000**	**5.840.000.000**

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.840.000.000	5.390.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	3.300.000.000	2.880.000.000
Số tiền vay đã trả	(2.880.000.000)	(2.640.000.000)
Số cuối kỳ	**6.260.000.000**	**5.630.000.000**

12b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (i)	11.410.000.000	13.510.000.000
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (ii)	970.000.000	2.170.000.000
Cộng	**12.380.000.000**	**15.680.000.000**

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm để đầu tư các hệ thống điện mặt trời mái nhà với lãi suất 7,1%-8,1%/năm, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 6 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.6), quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện (xem Thuyết minh số V.3) và 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ).

(ii) Vay Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực để thực hiện dự án "Nhà kho chứa nông sản kết hợp hệ thống điện mặt trời mái nhà" tại tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng) với lãi suất 9,4%-10,1%năm, thời hạn vay 84 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.3, V.6 và V.7).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	15.570.000.000	4.160.000.000	11.410.000.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	3.070.000.000	2.100.000.000	970.000.000	-
Cộng	**18.640.000.000**	**6.260.000.000**	**12.380.000.000**	**-**
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	17.550.000.000	4.040.000.000	13.510.000.000	-
Vay dài hạn tổ chức khác	3.970.000.000	1.800.000.000	2.170.000.000	-
Cộng	**21.520.000.000**	**5.840.000.000**	**15.680.000.000**	**-**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối kỳ
Kỳ này			
Vay dài hạn Ngân hàng	13.510.000.000	(2.100.000.000)	11.410.000.000
Vay dài hạn tổ chức khác	2.170.000.000	(1.200.000.000)	970.000.000
Cộng	**15.680.000.000**	**(3.300.000.000)**	**12.380.000.000**
Kỳ trước			
Vay dài hạn Ngân hàng	17.550.000.000	(1.980.000.000)	15.570.000.000
Vay dài hạn tổ chức khác	3.970.000.000	(900.000.000)	3.070.000.000
Cộng	**21.520.000.000**	**(2.880.000.000)**	**18.640.000.000**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.270.298.201	234.943.707
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.084.377.372	1.686.300.878
Số cuối kỳ	**2.354.675.573**	**1.921.244.585**

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	-	11.435.176.502	221.435.176.502
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	963.751.076	963.751.076
Trích lập các quỹ	-	-	(1.686.300.878)	(1.686.300.878)
Số dư cuối kỳ trước	**210.000.000.000**	**-**	**10.712.626.700**	**220.712.626.700**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	-	24.419.003.761	234.419.003.761
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (i)	210.000.000.000	-	-	210.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(508.500.000)	-	(508.500.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	1.350.395.563	1.350.395.563
Trích lập các quỹ	-	-	(1.084.377.372)	(1.084.377.372)
Số dư cuối kỳ này	**420.000.000.000**	**(508.500.000)**	**24.685.021.952**	**444.176.521.952**

(i) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 15/4/2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 19/4/2025, trong kỳ, Công ty đã chào bán thêm 21.000.000 cổ phiếu phổ thông ra công chúng, thu được 210.000.000.000 VND. Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu đã được sử dụng để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (Thuyết minh V.2). Ngày 16/3/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty. Ngày 30/3/2026, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 420.000.000.000 VND.

14b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	42.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	42.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2026 như sau:

		VND
• Trích quỹ khen thưởng	:	1.084.377.372

15. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

15a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.896.497.470	2.995.497.471
Trên 1 năm đến 5 năm	7.772.544.061	9.190.862.625
Trên 5 năm	7.407.826.332	7.342.000.089
Cộng	**18.076.867.863**	**19.528.360.185**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên chủ yếu bao gồm:

- Các hợp đồng thuê mái nhà đặt hệ thống năng lượng mặt trời. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ năm 2020.
- Thuê 372 m2 diện tích văn phòng tại trụ sở chính. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

15b. Tài sản cầm cố, thế chấp

Tài sản cầm cố, thế chấp là các Dự án Điện mặt trời, có thời gian thế chấp từ khi ký hợp đồng thế chấp đến khi thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm và có văn bản xác nhận đồng ý chấm dứt hợp đồng thế chấp (thông thường gắn với thời gian của khoản vay), cụ thể:

	Giá trị còn lại cuối kỳ	Bên nhận cầm cố, thế chấp
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.6)	***30.293.295.567***	
Dự án Điện mặt trời Nam Thành Lợi	7.596.365.861	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm
Dự án Điện mặt trời Tân Phước Khanh	8.128.129.242	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm
Dự án Điện mặt trời Vinh Quang	7.907.219.885	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm
Dự án Điện mặt trời Minifarm	6.661.580.579	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực
Bất động sản đầu tư (xem Thuyết minh số V.7)	***1.509.127.669***	
Hệ thống khung giàn nhà xưởng Dự án Điện mặt trời Minifarm	1.509.127.669	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực
Cộng	**31.802.423.236**	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	11.717.633.640	12.055.478.400
Doanh thu bán điện	5.322.401.985	4.981.578.772
Doanh thu cho thuê tài sản	93.000.000	96.500.000
Cộng	**17.133.035.625**	**17.133.557.172**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh số VII.2b.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	8.610.579.092	8.358.617.741
Giá vốn bán điện	3.566.327.535	3.107.845.267
Giá vốn cho thuê tài sản	90.036.210	90.036.210
Cộng	**12.266.942.837**	**11.556.499.218**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	10.766.107	4.800.091
Lợi nhuận được chia	2.500.000.000	-
Cộng	**2.510.766.107**	**4.800.091**

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	797.054.302	1.023.297.813
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(61.363.532)	(556.114.358)
Cộng	**735.690.770**	**467.183.455**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.043.154.848	1.476.392.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.033.634	17.033.634
Dự phòng phải thu khó đòi	8.168.904	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.210.755.031	2.456.685.987
Các chi phí khác	-	13.880.117
Cộng	**5.279.112.417**	**3.963.992.309**

6. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	7.522.713.366	6.263.527.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.166.137.122	2.162.718.414
Dự phòng phải thu khó đòi	8.168.904	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.849.035.862	7.077.898.796
Chi phí khác	-	16.346.447
Cộng	**17.546.055.254**	**15.520.491.527**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	186.000.000	169.090.909
Trên 1 năm đến 5 năm	108.500.000	169.090.909
Trên 5 năm	-	-
Cộng	**294.500.000**	**338.181.818**

Các khoản thu tiền cho thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê hệ thống khung giàn nhà xưởng tại Dự án Điện Mặt trời Minifarm tại xã Hàm Thạnh, tỉnh Lâm Đồng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2023.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	614.198.000	30.000.000	644.198.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên Hội đồng quản trị từ 18/4/2026 kiêm Tổng Giám đốc	658.522.620	12.000.000	670.522.620
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ 18/4/2026	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán từ 18/4/2026	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đến 18/4/2026	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Minh Đức	Trưởng BKS đến 18/4/2026	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS đến 18/4/2026	-	10.800.000	10.800.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên BKS đến 18/4/2026	-	10.800.000	10.800.000
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	359.897.860	-	359.897.860
Cộng		**1.632.618.480**	**183.600.000**	**1.816.218.480**
Kỳ trước				
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	430.169.100	30.000.000	460.169.100
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	458.117.933	-	458.117.933
Ông Trần Minh Đức	Trưởng BKS	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	295.798.987	-	295.798.987
Cộng		**1.184.086.020**	**186.000.000**	**1.370.086.020**

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Công ty con trực tiếp từ 16/3/2026
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty Cổ phần Công nghệ EC	Bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	***5.858.203.600***	***5.676.825.000***
Công ty TNHH Apollo Power 4	290.203.600	288.000.000
Công ty TNHH Omega Power 3	216.000.000	216.000.000
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	72.000.000	72.000.000
Công ty TNHH Ampire Power 4	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH KCP Energy	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Two Brothers Energy	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Anh	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Điện Mặt trời Nhật Mỹ	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Bước tiến mới Việt	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH New Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Solar Việt	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	144.000.000	156.925.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	144.000.000	155.825.000
Công ty TNHH Duy Đình Solar	144.000.000	156.925.000
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	144.000.000	155.825.000
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	144.000.000	156.925.000
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	144.000.000	154.725.000
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	144.000.000	157.200.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	144.000.000	155.550.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	144.000.000	156.375.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	144.000.000	156.100.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	144.000.000	154.450.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH NHY Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH NDT Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Khởi Duy Solar (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 2 (Bên liên quan đến 14/10/2025)	-	72.000.000
Lợi nhuận được chia	***2.500.000.000***	
Công ty TNHH Apollo Power 4	400.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	500.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	400.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	500.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	400.000.000	-

(i) Các đối tượng là bên liên quan từ nửa cuối tháng 6 năm 2026 nên giao dịch phát sinh kỳ trước không được trình bày trong bảng này.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.3 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành
- Lĩnh vực sản xuất điện
- Lĩnh vực cho thuê tài sản

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.717.633.640	5.322.401.985	93.000.000	17.133.035.625
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***11.717.633.640***	***5.322.401.985***	***93.000.000***	***17.133.035.625***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.107.054.548	1.756.074.450	2.963.790	4.866.092.788
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(5.279.112.417)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(413.019.629)
Doanh thu hoạt động tài chính				2.510.766.107
Chi phí tài chính				(735.690.770)
Thu nhập khác				400.780
Chi phí khác				(12.060.925)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***1.350.395.563***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	***155.092.593***	-	***155.092.593***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	***2.529.021.078***	***79.427.772***	***2.608.448.850***
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	12.055.478.400	4.981.578.772	96.500.000	17.133.557.172
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***12.055.478.400***	***4.981.578.772***	***96.500.000***	***17.133.557.172***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.696.860.659	1.873.733.505	6.463.790	5.577.057.954
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(3.963.992.309)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.613.065.645
Doanh thu hoạt động tài chính				4.800.091
Chi phí tài chính				(467.183.455)
Thu nhập khác				37.983.714
Chi phí khác				(17.741.700)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(207.173.219)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***963.751.076***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	-	***2.270.791.589***	***79.427.772***	***2.350.219.361***

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.009.785.812	417.980.328.077	1.509.127.669	422.499.241.558
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				48.419.049.393
Tổng tài sản				***470.918.290.951***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.185.093.141	89.903.522	162.750.000	4.437.746.663
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				22.304.022.336
Tổng nợ phải trả				***26.741.768.999***

	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.342.214.585	212.185.239.325	1.588.555.441	218.116.009.351
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				47.372.237.754
Tổng tài sản				***265.488.247.105***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.021.882.748	114.041.302	356.819.178	2.492.743.228
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				28.576.500.116
Tổng nợ phải trả				***31.069.243.344***

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Người đại diện theo pháp luật đã thực hiện các giả định và ước tính quan trọng có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính. Các giả định và ước tính quan trọng được Người đại diện theo pháp luật đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Ước tính dưới đây được Người đại diện theo pháp luật xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế, với thời gian khấu hao áp dụng cho từng nhóm tài sản được trình bày tại Thuyết minh IV.6 và IV.7. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 55.611.000.689 VND, giá trị còn lại là 31.955.104.500 VND.

Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính thời gian sử dụng hữu ích phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật, điều kiện vận hành, mức độ hao mòn của từng nhóm tài sản, mức điều chỉnh ước tính và thời điểm phát sinh thay đổi. Do các yếu tố này khác nhau giữa từng nhóm tài sản, Người đại diện theo pháp luật không có cơ sở phù hợp để áp dụng một giả định chung nhằm xác định một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ảnh hưởng cụ thể sẽ được xác định khi Công ty có đầy đủ căn cứ để điều chỉnh ước tính.

Việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của một nhóm tài sản sẽ làm thay đổi chi phí khấu hao của kỳ phát sinh thay đổi và các kỳ tương lai bị ảnh hưởng trong thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản đó. Thay đổi này (nếu có) sẽ được ghi nhận phi hồi tố theo quy định về thay đổi ước tính kế toán.

Người đại diện theo pháp luật đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với toàn bộ tài sản cố định của Công ty và không có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của Tài sản cố định.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và xem xét lại thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản khác biệt lớn so với các dự kiến trước đó;
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật;
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi kỳ lập báo cáo theo quy định;
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BẢN SAO

bakertilly
A & C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as **Baker Tilly A&C** is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN
HELIO ENERGY

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Thông tin chung	2
3.	Báo cáo của Người đại diện theo Pháp luật	3
4.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
5.	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	6 - 9
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	10
7.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	11 - 12
8.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	13 - 47

****

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành hệ thống điện mặt trời mái nhà.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 2263333

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán

Các thành viên Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ban Kiểm soát (Kết thúc nhiệm kỳ ngày 18 tháng 4 năm 2026)

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch Ủy ban	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của Người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật,

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thành Đạt
Ngày 20 tháng 7 năm 2026

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn

bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 2.0533/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2026, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 22 tháng 8 năm 2025 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vào ngày 18 tháng 3 năm 2026 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 7782 - 03/2026 Quyển số: 02 -SCT/BS
Ngày: 19-10-2026
Người thực hiện chứng thực

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thu Hiền

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**244.379.648.756**	**39.579.595.048**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**32.431.512.243**	**13.951.804.186**
1. Tiền	111		32.431.512.243	13.951.804.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**20.865.980.000**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	20.865.980.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		-	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**164.643.998.596**	**13.731.886.917**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	163.274.560.903	13.054.158.180
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.236.413.370	637.086.353
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135		420.147.839	152.916.488
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(287.123.516)	(112.274.104)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**473.704.056**	**33.010.909**
1. Hàng tồn kho	141		473.704.056	33.010.909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		**-**	**-**
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**25.964.453.861**	**11.862.893.036**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.6a	3.195.149.534	2.647.978.013
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		22.769.304.327	9.214.915.023
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.013.434.269.116**	**407.998.541.176**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.982.800.000**	**10.982.800.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.4	10.982.800.000	10.982.800.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**814.176.581.640**	**293.415.048.481**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	814.176.581.640	293.415.048.481
- *Nguyên giá*	*222*		*1.370.294.767.296*	*484.452.101.846*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(556.118.185.656)*	*(191.037.053.365)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- *Nguyên giá*	*228*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- *Nguyên giá*	*234*		-	-
- *Giá trị khấu hao lũy kế*	*235*		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	**240**	**V.8**	**22.556.483.951**	**23.753.941.807**
- Nguyên giá	241		35.093.712.424	35.093.712.424
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.537.228.473)	(11.339.770.617)
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**		**172.037.037**	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		172.037.037	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**129.781.674.782**	**66.385.078.617**
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	83.781.674.782	20.385.078.617
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	46.000.000.000	46.000.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**270**		**35.764.691.706**	**13.461.672.271**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.6b	32.822.585.100	10.281.072.502
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.108.542.483	1.172.976.038
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		78.209.992	103.929.812
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279	V.9	1.755.354.131	1.903.693.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**1.257.813.917.872**	**447.578.136.224**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**481.670.298.136**	**181.734.678.001**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**168.170.893.078**	**75.770.451.604**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.652.304.570	2.434.359.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.11	4.706.717.720	2.098.072.770
5. Phải trả người lao động	315		185.114.803	1.027.067.747
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.12	3.016.470.583	2.395.303.287
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		169.191.750	69.750.000
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.13	2.241.721.000	-
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.14a	147.360.600.000	66.475.600.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	8.838.772.652	1.270.298.201
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**313.499.405.058**	**105.964.226.397**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.14b	313.499.405.058	105.757.205.058
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	207.021.339
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.16**	**776.143.619.736**	**265.843.458.223**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		420.000.000.000	210.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*420.000.000.000*	*210.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(508.500.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.415.375.558	8.415.375.558
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		144.771.198.902	47.428.082.665
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*46.343.705.293*	*33.873.365.511*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*98.427.493.609*	*13.554.717.154*
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		203.465.545.276	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.257.813.917.872**	**447.578.136.224**

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phạm Thành Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	114.326.807.337	59.673.123.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.326.807.337	59.673.123.805
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53.111.929.899	35.170.117.338
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.214.877.438	24.503.006.467
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22		257.256.236	15.301.121
8. Chi phí tài chính	23	VI.3	14.333.714.946	8.420.919.044
Trong đó: chi phí đi vay	24		14.273.420.664	8.230.304.762
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	6.493.757.525	4.864.591.004
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27	V.2b	396.596.165	532.733.725
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.041.257.368	11.765.531.265
13. Thu nhập khác	31	VI.5	71.849.426.039	346.951.512
14. Chi phí khác	32		108.565.929	88.341.133
15. Lợi nhuận khác	40		71.740.860.110	258.610.379
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.782.117.478	12.024.141.644
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.339.836.320	1.041.667.933
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(142.587.784)	687.975.087
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		108.584.868.942	10.294.498.624
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		98.427.493.609	10.294.498.624
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.157.375.333	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	3.407	451
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	3.407	451

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***112.782.117.478***	***12.024.141.644***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.7	(37.469.609.253)	21.213.785.886
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	174.849.412	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(626.861.795)	(548.034.846)
- Chi phí đi vay	06	VI.3	14.273.420.664	8.230.304.762
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***89.133.916.506***	***40.920.197.446***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.084.350.586)	(18.045.468.940)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(194.604.791)	(345.454)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(880.289.997)	253.427.311
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		2.646.789.470	(9.947.878.794)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(14.027.292.741)	(8.242.127.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(5.089.532.115)	(4.404.694.192)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(650.946.384)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***54.853.689.362***	***533.110.377***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(155.092.593)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	25.245.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		79.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	I.5a; V.2b	(264.817.854.342)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		230.265.630	15.301.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(185.742.681.305)***	***25.260.301.121***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.16	209.491.500.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	26.906.608.426	63.884.316.852
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(87.029.408.426)	(95.375.416.852)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***149.368.700.000***	***(31.491.100.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**18.479.708.057**	**(5.697.688.502)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**13.951.804.186**	**32.285.088.317**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**32.431.512.243**	**26.587.399.815**

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phạm Thành Đạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh gồm: Sản xuất và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành hệ thống điện mặt trời mái nhà.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 33 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về cấu trúc Tập đoàn

Mua công ty con

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Công ty đã ký 3 hợp đồng với 3 cổ đông của Công ty Cổ phần SD Trường Thành để nhận chuyển nhượng 17.795.102 cổ phần (tương đương 59,32% vốn điều lệ) với tổng giá mua 210.000.000.000 VND.

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

Tài sản	***836.373.063.302***
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.182.145.658
Chứng khoán kinh doanh	20.865.980.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	127.893.285.840
Trả trước cho người bán ngắn hạn	92.322.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	79.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	327.797.005
Hàng tồn kho	220.368.536
Chi phí trả trước ngắn hạn	696.939.255
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20.243.594.964
Tài sản cố định hữu hình	553.640.058.673
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	172.037.037
Chi phí trả trước dài hạn	25.038.534.334
Nợ phải trả	***361.215.868.355***
Phải trả người bán ngắn hạn	537.894.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.336.013.457
Phải trả người lao động	215.320.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.840.153.837
Phải trả ngắn hạn khác	52.389.480
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.500.000.000

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.484.097.079
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	281.250.000.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	***475.157.194.947***
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	***193.308.169.943***
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	***281.849.025.004***
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	***210.000.000.000***
(Lãi từ giao dịch mua rẻ) [(b) – (a)]	**(71.849.025.004)**

(*) Theo Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo, Giá trị vốn chủ sở hữu của SD Trường Thành tại thời điểm 16/03/2026 được xác định là 479.023.000.000 VND. Chênh lệch tăng so với giá trị ghi sổ là 3.865.805.053 VND, tương đương 0,81%.

Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thẩm định giá tăng không đáng kể so với giá trị ghi sổ. Do đó, giá trị hợp lý được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

Giá phí hợp nhất kinh doanh chênh lệch nhỏ hơn so với giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua, do giá mua đã được các bên thỏa thuận và ấn định từ năm 2024, không có thay đổi tại thời điểm thực tế giao dịch chuyển nhượng cổ phần (tháng 3/2026).

Tiền chi thuần để mua công ty con:	
Trả bằng tiền	210.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền của công ty con tại ngày mua	(8.182.145.658)
Tiền chi thuần	**201.817.854.342**

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Hoạt động kinh doanh chính của các Công ty con là sản xuất điện mặt trời.

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần SD Trường Thành	Thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng	59,32%	0%	59,32%	0%
Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Số 34, ngõ 214 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Thôn 7, xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Thôn 1, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 8, ngõ 1126 đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%	100%

5c. Danh sách các Công ty liên kết gián tiếp được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Hoạt động kinh doanh chính của các Công ty liên kết là sản xuất điện mặt trời.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 phố Bằng B, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội	47,00%	47,00%	47,00%	47,00%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Tầng 1, tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	46,00%	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Thôn Bon Bu M'Lanh B, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Số 5 TT149, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, thành phố Hà Nội	26,69%	0%	45,00%	0%
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	Thôn Đăk Tiên, xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng	26,69%	0%	45,00%	0%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu	Số 5/Dãy D, ngõ 319 đường Tam Trinh, tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội	28,47%	0%	48,00%	0%
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	Thôn Thuận Nam, xã Thuận An, tỉnh Lâm Đồng	27,88%	0%	47,00%	0%
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam	Tầng 4 tòa Nhà Vimeco Lô E9, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	28,47%	0%	48,00%	0%
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội	27,88%	0%	47,00%	0%
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	thôn 7, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng	26,69%	0%	45,00%	0%
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Tầng 4 tòa Nhà Vimeco Lô E9, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	29,07%	0%	49,00%	0%
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	27,88%	0%	47,00%	0%
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	25,51%	0%	43,00%	0%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Tầng 1, tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	26,10%	0%	44,00%	0%
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Thôn 15, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng	26,10%	0%	44,00%	0%
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Số 5/Dãy D, ngõ 319 đường Tam Trinh, tổ 50, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội	27,29%	0%	46,00%	0%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Thôn Thuận Nam, xã Thuận Hạnh, tỉnh Lâm Đồng	29,07%	0%	49,00%	0%
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Tầng 1, tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	25,51%	0%	43,00%	0%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Tầng 4 tòa Nhà Vimeco Lô E9, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	26,10%	0%	44,00%	0%

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 75 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 47 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Thông tin khác

Công ty được chấp nhận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSDC ngày 16 tháng 08 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "HIO" theo Quyết định số 1077/QĐ/SGDHN ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 10 năm 2023.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99"), phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính ("Thông tư 43"), cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Người đại diện theo Pháp luật đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất được ban hành theo Thông tư 202 và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 43, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời từ chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trong quá trình nắm giữ, Tập đoàn không tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Việc thay đổi phương pháp tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh sẽ được xử lý như thay đổi chính sách kế toán.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Tập đoàn vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tập đoàn tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn như sau:

Chi phí sửa chữa nhà máy, cải tạo văn phòng

Chi phí sửa chữa nhà máy, cải tạo văn phòng được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (36 tháng).

Chi phí thuê hoạt động

Chi phí thuê đất, mái nhà, văn phòng làm việc phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước (3-240 tháng).

Tiền thuê đất trả trước tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (49 năm). Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo Hợp đồng thuê đất số 13/HĐTĐ ký với UBND tỉnh Bình Thuận (Nay là UBND tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 23 tháng 01 năm 2019 trong thời hạn 49 năm (Tiền thuê đất được miễn giảm trong thời gian 14 năm 7 tháng, từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 6 năm 2034).

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Các chi phí giải phóng mặt bằng tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng đến năm 2068, tương ứng với thời hạn thuê đất của dự án Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 49
Máy móc và thiết bị	8 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 10

Loại tài sản cố định	Số năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tấm pin mặt trời	15 - 20
Tài sản cố định khác	6

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, dự phòng tổn thất được lập và ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các kỳ sau, nếu mức tổn thất cần trích lập thấp hơn số dự phòng đã lập, phần chênh lệch được hoàn nhập và ghi nhận vào thu nhập trong kỳ. Số hoàn nhập không vượt quá số đã trích lập trước đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được trình bày theo số thuần tại chỉ tiêu "Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Cơ sở hạ tầng (hệ thống khung giàn nhà xưởng)	15

9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành từ chênh lệch giữa giá phí để thực hiện giao dịch sáp nhập với giá trị ghi sổ của tài sản thuần trên Báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp bị sáp nhập khi giao dịch sáp nhập được thực hiện giữa các bên dưới sự kiểm soát chung.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được ký kết và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận theo sản lượng điện hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Giá bán điện được quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

- Công ty mẹ của Công ty và công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.737.693.000	2.303.815.000
Tiền gửi không kỳ hạn	29.693.819.243	11.647.989.186
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	*23.606.906.403*	*10.649.078.649*
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*5.644.842.074*	*814.504.063*
- Các ngân hàng, tổ chức khác	*442.070.766*	*184.406.474*
Cộng	**32.431.512.243**	**13.951.804.186**

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư vào Quỹ đầu tư trái phiếu an toàn Amber của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber, có giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 theo thông báo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber là 23.860.024.741 VND.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị sở hữu	Giá gốc	Lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	3.933.000.000	(2.839.923)	3.930.160.077	3.933.000.000	(63.730.182)	3.869.269.818
Công ty TNHH VVT Việt Nam	3.337.000.000	(133.541.590)	3.203.458.410	3.337.000.000	(153.271.725)	3.183.728.275
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	4.026.400.000	317.399.260	4.343.799.260	4.026.400.000	259.909.236	4.286.309.236
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	4.018.200.000	403.707.341	4.421.907.341	4.018.200.000	304.899.500	4.323.099.500
Công ty TNHH NVP Việt Nam	4.225.100.000	599.020.267	4.824.120.267	4.225.100.000	497.571.788	4.722.671.788
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	4.000.000.000	11.429.253	4.011.429.253	-	-	
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	4.000.000.000	3.457.333	4.003.457.333	-	-	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu	4.000.000.000	4.381.387	4.004.381.387	-	-	
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	4.000.000.000	4.860.680	4.004.860.680	-	-	
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam	3.900.000.000	3.502.751	3.903.502.751	-	-	
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	3.900.000.000	4.495.264	3.904.495.264	-	-	-

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị sở hữu	Giá gốc	Lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị sở hữu
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	3.900.000.000	4.697.830	3.904.697.830	-	-	-
Công ty TNHH NHY Việt Nam	4.000.000.000	437.762	4.000.437.762	-	-	-
Công ty TNHH NDT Việt Nam	4.000.000.000	2.019.423	4.002.019.423	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	3.900.000.000	3.065.145	3.903.065.145	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	3.900.000.000	2.775.062	3.902.775.062	-	-	-
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	4.000.000.000	2.752.950	4.002.752.950	-	-	-
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	3.900.000.000	4.233.501	3.904.233.501	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	3.800.000.000	2.426.706	3.802.426.706	-	-	-
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	3.900.000.000	2.415.139	3.902.415.139	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	3.900.000.000	1.279.241	3.901.279.241	-	-	-
Cộng	**82.539.700.000**	**1.241.974.782**	**83.781.674.782**	**19.539.700.000**	**845.378.617**	**20.385.078.617**

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Số đầu năm	Mua trong năm	Phần lãi/(lỗ) trong kỳ	Số cuối kỳ
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	3.869.269.818	-	60.890.259	3.930.160.077
Công ty TNHH VVT Việt Nam	3.183.728.275	-	19.730.135	3.203.458.410
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	4.286.309.236	-	57.490.024	4.343.799.260
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	4.323.099.500	-	98.807.841	4.421.907.341
Công ty TNHH NVP Việt Nam	4.722.671.788	-	101.448.479	4.824.120.267
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	-	4.000.000.000	11.429.253	4.011.429.253
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	-	4.000.000.000	3.457.333	4.003.457.333
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu	-	4.000.000.000	4.381.387	4.004.381.387
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	-	4.000.000.000	4.860.680	4.004.860.680
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam	-	3.900.000.000	3.502.751	3.903.502.751
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	-	3.900.000.000	4.495.264	3.904.495.264
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	-	3.900.000.000	4.697.830	3.904.697.830
Công ty TNHH NHY Việt Nam	-	4.000.000.000	437.762	4.000.437.762
Công ty TNHH NDT Việt Nam	-	4.000.000.000	2.019.423	4.002.019.423
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	-	3.900.000.000	3.065.145	3.903.065.145
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	-	3.900.000.000	2.775.062	3.902.775.062
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	-	4.000.000.000	2.752.950	4.002.752.950
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	-	3.900.000.000	4.233.501	3.904.233.501
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	-	3.800.000.000	2.426.706	3.802.426.706
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	-	3.900.000.000	2.415.139	3.902.415.139
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	-	3.900.000.000	1.279.241	3.901.279.241
Cộng	**20.385.078.617**	**63.000.000.000**	**396.596.165**	**83.781.674.782**

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Giao dịch giữa Tập đoàn với các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	46.000.000.000		-	46.000.000.000	46.003.085.602	-
Cộng	**46.000.000.000**		**-**	**46.000.000.000**	**46.003.085.602**	**-**

Tập đoàn nắm giữ 4.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha, tương đương 9,2% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

Tập đoàn chưa xác định được giá trị thu hồi của khoản đầu tư tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do chưa thu thập được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 của đơn vị đầu tư.

Giá trị có thể thu hồi
Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong vốn chủ sở hữu thực có của bên được đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Cơ sở xác định là Báo cáo tài chính hợp nhất của bên được đầu tư - nếu bên được đầu tư là công ty mẹ, hoặc Báo cáo tài chính riêng - nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
Không có biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***777.600.000***	**-**	***336.960.000***	**-**
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	77.760.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH VVT Việt Nam	25.920.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	-	25.920.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	25.920.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH NVP Việt Nam	25.920.000	-	77.760.000	-
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam [ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam [ii]	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu [ii]	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar [ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam [ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam [ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam [ii]	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH NHY Việt Nam [ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH NDT Việt Nam [ii]	77.760.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam[ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam[ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam [ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH Khởi Duy Solar [ii]	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy [ii]	25.920.000	-	-	-
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam [ii]	51.840.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam [ii]	25.920.000	-	-	-

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các khách hàng khác	***162.496.960.903***	***(187.123.516)***	***12.717.198.180***	***(112.274.104)***
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam[(i)] [(iii)]	149.966.125.983	-	-	-
Công ty Điện lực Đắk Lắk - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung [(iii)]	4.788.178.748	-	2.960.140.353	-
Công ty Điện lực Lâm Đồng [(iii)]	2.766.447.835	-	2.490.985.130	-
Công ty Điện lực Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam [(iii)]	517.933.145	-	480.788.044	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương [(iii)]	905.034.225	-	810.316.951	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Vũng Tàu [(iii)]	191.733.925	-	145.323.608	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng Oscar	2.196.700.028	-	3.450.700.012	-
Các khách hàng khác	1.164.807.014	(187.123.516)	2.378.944.082	(112.274.104)
Cộng	**163.274.560.903**	**(187.123.516)**	**13.054.158.180**	**(112.274.104)**

(i) Theo Biên bản làm việc ngày 18/3/2025 giữa Công ty Cổ phần SD Trường Thành (SDTT) và Công ty Mua bán điện (EPTC) (EVN) về việc rà soát việc thực hiện Hợp đồng mua bán điện Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, EPTC viện dẫn các căn cứ pháp lý, gồm Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 11/2024; và mục 4, điểm 2.2 Báo cáo số 321/BC-BCT ngày 12/12/2024 của Bộ Công Thương về tháo gỡ vướng mắc cho các dự án điện năng lượng tái tạo, như sau: *"Đối với các dự án đang được hưởng giá FIT có vi phạm theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền do không đáp ứng đủ điều kiện được hưởng giá FIT thì không được hưởng giá FIT ưu đãi mà phải xác định lại giá mua bán điện theo quy định; thu hồi lại các khoản giá FIT ưu đãi đã được hưởng không đúng thông qua bù trừ thanh toán tiền mua điện".* Theo đó, EPTC đề nghị trong thời gian chờ hướng dẫn/kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền, EPTC thực hiện tạm thanh toán tiền điện kể từ kỳ tháng 01/2025 theo nguyên tắc áp dụng mức giá tương đương giá FIT hoặc giá trần của khung giá chuyển tiếp có hiệu lực tại thời điểm dự án có văn bản kiểm tra công tác nghiệm thu. Sau khi có kết luận, hai bên sẽ sửa đổi Hợp đồng (nếu có) và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2026 giữa SDTT và (EPTC) (EVN) về phương án tháo gỡ vướng mắc Dự án Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2, EPTC có ý kiến như sau: *"Trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày hai bên ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực, Bên Mua sẽ cam kết thanh toán toàn bộ số tiền Bên mua giữ lại từ kỳ thanh toán tháng 01/2025 đến thời điểm hợp đồng sửa đổi, bổ sung có hiệu lực và Bên mua không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi chậm trả nào"*. Đến thời điểm lập báo cáo này, SDTT và EPTC vẫn chưa thực hiện ký kết hợp đồng sửa đổi, bổ sung.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này (ngày 20/7/2026), EPTC còn phải thanh toán cho SDTT là 151.107.712.699 VND. Trong đó, tính đến ngày 30/6/2026, số dư đã quá hạn thanh toán (30 ngày kể từ ngày Bên mua nhận hóa đơn hợp lệ) là 120.979.684.698 VND.

(ii) Khoản phải thu các đối tượng là bên liên quan từ nửa cuối tháng 6 năm 2026 (Xem thuyết minh VII.2b), số dư công nợ đầu kỳ của các đối tượng này được trình bày ở dòng *"Các khách hàng khác"*.

(iii) Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

4. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản đặt cọc thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng.

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khác hàng						
SYS Energy Pte, LTD – Phải thu tiền bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	01 – 02 năm	374.247.014	(187.123.516)	6 tháng – 01 năm	374.247.014	(112.274.104)
Phải thu khác						
Công ty TNHH Sản xuất Nội thất Mỹ - Đặt cọc thuê mái	Không có khả năng thu hồi	100.000.000	(100.000.000)	Không có khả năng thu hồi	100.000.000	-
Cộng		**474.247.014**	**(287.123.516)**		**474.247.014**	**(112.274.104)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	112.274.104	-
Trích lập dự phòng bổ sung	174.849.412	-
Số cuối kỳ	**287.123.516**	**-**

Lý do trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Khoản công nợ đã quá hạn thanh toán và không có khả năng thu hồi.

6. Chi phí chờ phân bổ

6a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, thuê mái nhà, thuê văn phòng (i)	1.337.615.663	1.457.967.416
Chi phí sửa chữa mái	113.287.132	482.960.932
Chi phí bảo hiểm	752.955.163	94.385.813
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	991.291.576	612.663.852
Cộng	**3.195.149.534**	**2.647.978.013**

6b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất, thuê mái nhà (i)	18.463.312.014	8.076.242.703
Chi phí giải phóng mặt bằng (i)	10.444.460.325	-
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng (i)	2.655.715.205	1.338.442.533
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.259.097.556	866.387.266
Cộng	**32.822.585.100**	**10.281.072.502**

(i) Xem Thuyết minh IV.6.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tấm pin mặt trời	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	8.013.289.807	149.569.505.728	85.769.765.346	102.201.818	240.997.339.147	-	484.452.101.846
Mua trong kỳ	-	-	-	155.092.593	-	-	155.092.593
Tăng do hợp nhất kinh doanh	233.830.052.417	211.427.152.669	664.207.000	-	439.653.909.063	112.251.708	885.687.572.857
Số cuối kỳ	**241.843.342.224**	**360.996.658.397**	**86.433.972.346**	**257.294.411**	**680.651.248.210**	**112.251.708**	**1.370.294.767.296**
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	664.207.000	-	-	112.251.708	776.458.708
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số đầu năm	3.191.548.013	68.698.548.400	41.644.590.147	84.160.805	77.418.206.000	-	191.037.053.365
Khấu hao trong kỳ	3.442.624.484	11.224.765.456	4.487.670.502	20.452.342	13.858.105.323	-	33.033.618.107
Tăng do hợp nhất kinh doanh	80.985.781.705	92.577.285.576	664.207.000	-	157.707.988.195	112.251.708	332.047.514.184
Số cuối kỳ	**87.619.954.202**	**172.500.599.432**	**46.796.467.649**	**104.613.147**	**248.984.299.518**	**112.251.708**	**556.118.185.656**
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	4.821.741.794	80.870.957.328	44.125.175.199	18.041.013	163.579.133.147	-	293.415.048.481
Số cuối kỳ	**154.223.388.022**	**188.496.058.965**	**39.637.504.697**	**152.681.264**	**431.666.948.692**	-	**814.176.581.640**
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tấm pin năng lượng mặt trời	680.651.248.210	(248.984.299.518)	431.666.948.692
Khung giá đỡ tấm pin	183.934.980.133	(68.322.008.000)	115.612.972.133
Tài sản cố định hữu hình khác	505.708.538.953	(238.811.878.138)	266.896.660.815
Cộng	**1.370.294.767.296**	**556.118.185.656**	**814.176.581.640**

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 788.610.111.536 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

8. Bất động sản đầu tư cho thuê

Là hệ thống khung giàn nhà xưởng cho thuê:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	35.093.712.424	(11.339.770.617)	23.753.941.807
Khấu hao trong kỳ	-	(1.197.457.856)	(1.197.457.856)
Số cuối kỳ	**35.093.712.424**	**(12.537.228.473)**	**22.556.483.951**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 15.347.891.237 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. Lợi thế thương mại

	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Số cuối kỳ	**653.812.196**	**817.205.281**	**595.896.948**	**672.236.435**	**227.644.870**	**2.966.795.730**
Số đã phân bổ						
Số đầu năm	234.282.705	292.831.892	213.529.741	240.884.721	81.572.752	1.063.101.811
Phân bổ trong kỳ	32.690.610	40.860.264	29.794.848	33.611.820	11.382.246	148.339.788
Số cuối kỳ	**266.973.315**	**333.692.156**	**243.324.589**	**274.496.541**	**92.954.998**	**1.211.441.599**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	419.529.491	524.373.389	382.367.207	431.351.714	146.072.118	1.903.693.919
Số cuối kỳ	**386.838.881**	**483.513.125**	**352.572.359**	**397.739.894**	**134.689.872**	**1.755.354.131**

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***18.360.000***	-
Công ty Cổ phần Công nghệ EC	18.360.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	***1.633.944.570***	***2.434.359.599***
Công ty Cổ phần S-Home Việt Nam	-	945.517.936
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	161.066.000	494.515.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	294.000.000	28.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ CA Thăng Long	397.921.668	227.360.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	445.611.648	-
Các nhà cung cấp khác	335.345.254	738.966.463
Cộng	**1.652.304.570**	**2.434.359.599**

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	260.998.161	846.327.423	(766.689.859)	-	340.635.725
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.754.062.056	4.339.836.320	(5.089.532.115)	3.335.470.059	4.339.836.320
Thuế thu nhập cá nhân	83.012.553	485.138.100	(542.448.376)	543.398	26.245.675
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	27.261.323	(27.261.323)	-	-
Cộng	**2.098.072.770**	**5.698.563.166**	**(6.425.931.673)**	**3.336.013.457**	**4.706.717.720**

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, năm 2026 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20%. Riêng đối với các công ty con mới thành lập và thực hiện dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn sẽ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty Cổ phần SD Trường Thành được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm (từ năm 2019) đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu tiên kể từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2019) và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023).
- Các Công ty con có dự án điện mặt trời mái nhà tại Xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng (trước là tỉnh Bình Thuận) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023).
- Các Công ty con có dự án điện mặt trời mái nhà tại một số xã khác thuộc tỉnh Lâm Đồng được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu tiên kể từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.870.704.029	1.604.528.548
Lãi vay phải trả	450.652.662	204.524.739
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	695.113.892	586.250.000
Cộng	**3.016.470.583**	**2.395.303.287**

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan – Nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng [1]	***829.440.000***	-
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu	51.840.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	51.840.000	-
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH NHY Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH NDT Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	51.840.000	-

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	51.840.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	51.840.000	-
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	51.840.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	51.840.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	***1.412.281.000***	-
Đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng quản lý vận hành	1.399.680.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.601.000	
Cộng	**2.241.721.000**	-

(i) Khoản nhận đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng quản lý vận hành của các công ty là bên liên quan kể từ nửa cuối tháng 6 năm 2026, không có số dư đầu kỳ.

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay

14a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	***340.000.000***
Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.14b)	***147.360.600.000***	***66.135.600.000***
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long	39.044.600.000	32.886.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	89.490.000.000	8.220.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình	2.640.000.000	2.580.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	6.156.000.000	6.156.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	7.930.000.000	8.190.000.000
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	2.100.000.000	1.800.000.000
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực - Chi nhánh Hà Nội	-	6.303.600.000
Cộng	**147.360.600.000**	**66.475.600.000**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Kỳ này			
Số đầu năm	340.000.000	66.135.600.000	66.475.600.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	780.000.000	-	780.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	78.350.500.000	78.350.500.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.120.000.000)	(64.625.500.000)	(65.745.500.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	67.500.000.000	67.500.000.000
Số cuối kỳ	**-**	**147.360.600.000**	**147.360.600.000**

	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Kỳ trước			
Số đầu năm	520.000.000	65.097.000.000	65.617.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	1.640.000.000	5.484.300.000	7.124.300.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	37.105.100.000	37.105.100.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(995.000.000)	(41.405.800.000)	(42.400.800.000)
Số cuối kỳ	**1.165.000.000**	**66.280.600.000**	**67.445.600.000**

14b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	***312.529.405.058***	***83.083.796.632***
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long	28.407.108.426	27.113.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	262.080.493.976	25.620.493.976
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình	5.680.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	15.201.802.656	18.279.802.656
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	1.160.000.000	5.070.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	***970.000.000***	***22.673.408.426***
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	970.000.000	2.170.000.000
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực - Chi nhánh Hà Nội	-	20.503.408.426
Cộng	**313.499.405.058**	**105.757.205.058**

Các khoản vay dài hạn tại các Công ty trong Tập đoàn nhằm mục đích đầu tư các Dự án Điện mặt trời mái nhà bao gồm:

Ngân hàng	*Kỳ hạn*	*Lãi suất/năm*	*Tài sản đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 8/2032	6,6%-10,5%	- Các Dự án hình thành từ vốn vay - Quyền tài sản phát sinh từ Dự án - Quyền khai thác và quản lý Dự án - Toàn bộ vốn góp của Công ty mẹ tại một số Công ty con
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7/2031	7,1%-9,2%	- Các Dự án hình thành từ vốn vay - Quyền tài sản phát sinh từ Dự án - Quyền khai thác và quản lý Dự án - Toàn bộ vốn góp của Công ty mẹ tại một số Công ty con - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty) - Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị và các bất động sản khác thuộc Dự án Nhà máy điện mặt trời Thuận Minh 2 - 60% cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6/2029	8,5%-9,2%	- Các Dự án hình thành từ vốn vay - Quyền tài sản phát sinh từ Dự án - Quyền khai thác và quản lý Dự án - Toàn bộ vốn góp của Công ty mẹ tại một số Công ty con
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6/2030	8,9%	- Các Dự án hình thành từ vốn vay - Quyền tài sản phát sinh từ Dự án - Quyền sử dụng đất của bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 10/2027	7%-11,6%	- Các Dự án hình thành từ vốn vay - Quyền tài sản phát sinh từ Dự án - Toàn bộ phần vốn góp tại một số Công ty con gián tiếp - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11/2027	9,4%-10,1%	- Các Dự án hình thành từ vốn vay - Quyền tài sản phát sinh từ Dự án

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	457.790.005.058	145.260.600.000	305.549.105.058	6.980.300.000
Vay dài hạn tổ chức khác	3.070.000.000	2.100.000.000	970.000.000	-
Cộng	**460.860.005.058**	**147.360.600.000**	**306.519.105.058**	**6.980.300.000**
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	141.115.796.632	58.032.000.000	83.083.796.632	-
Vay dài hạn tổ chức khác	30.777.008.426	8.103.600.000	17.522.908.426	5.150.500.000
Cộng	**171.892.805.058**	**66.135.600.000**	**100.606.705.058**	**5.150.500.000**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức khác	Cộng
Kỳ này			
Số đầu năm	83.083.796.632	22.673.408.426	105.757.205.058
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	26.126.608.426	-	26.126.608.426
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(77.150.500.000)	(1.200.000.000)	(78.350.500.000)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(780.500.000)	(20.503.408.426)	(21.283.908.426)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	281.250.000.000	-	281.250.000.000
Số cuối kỳ	**312.529.405.058**	**970.000.000**	**313.499.405.058**
Kỳ trước			
Số đầu năm	171.173.705.058	3.970.000.000	175.143.705.058
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	26.290.608.426	30.469.408.426	56.760.016.852
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(30.351.500.000)	(6.753.600.000)	(37.105.100.000)
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(52.104.016.852)	(870.600.000)	(52.974.616.852)
Số cuối kỳ	**115.008.796.632**	**26.815.208.426**	**141.824.005.058**

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.270.298.201	234.943.707
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.084.377.372	1.686.300.878
Tăng do hợp nhất kinh doanh	6.484.097.079	-
Số cuối kỳ	**8.838.772.652**	**1.921.244.585**

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	-	8.331.664.665	35.559.666.389	-	253.891.331.054
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	10.294.498.624	-	10.294.498.624
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.686.300.878)	-	(1.686.300.878)
Số dư cuối kỳ trước	**210.000.000.000**	**-**	**8.331.664.665**	**44.167.864.135**	**-**	**262.499.528.800**
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	-	8.415.375.558	47.428.082.665	-	265.843.458.223
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (i)	210.000.000.000	-	-	-	-	210.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(508.500.000)	-	-	-	(508.500.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	98.427.493.609	10.157.375.333	108.584.868.942
Trích lập các quỹ ở Công ty mẹ	-	-	-	(1.084.377.372)	-	(1.084.377.372)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	193.308.169.943	193.308.169.943
Số dư cuối năm nay	**420.000.000.000**	**(508.500.000)**	**8.415.375.558**	**144.771.198.902**	**203.465.545.276**	**776.143.619.736**

(i) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 15/4/2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 19/4/2025, trong kỳ, Công ty đã chào bán thêm 21.000.000 cổ phiếu phổ thông ra công chúng, thu được 210.000.000.000 VND. Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu đã được sử dụng để nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (Thuyết minh V.2). Ngày 16/3/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty. Ngày 30/3/2026, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 420.000.000.000 VND.

16b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	42.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	42.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2026 như sau:

		VND
• Trích quỹ khen thưởng	:	1.084.377.372

17. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

17a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.422.026.561	5.761.960.562
Trên 1 năm đến 5 năm	24.717.836.425	26.895.607.555
Trên 5 năm	24.899.964.868	24.918.813.419
Cộng	**55.039.827.854**	**57.576.381.536**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên chủ yếu bao gồm:

- Các hợp đồng thuê mái nhà đặt hệ thống năng lượng mặt trời. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn 20 năm tính từ năm 2020.
- Thuê 372 m2 diện tích văn phòng tại trụ sở chính Công ty mẹ. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

17b. Tài sản cầm cố, thế chấp

Tài sản cầm cố, thế chấp là các Dự án Điện mặt trời tại các Công ty trong Tập đoàn, có thời gian thế chấp từ khi ký hợp đồng thế chấp đến khi thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm và có văn bản xác nhận đồng ý chấm dứt hợp đồng thế chấp (thông thường gắn với thời gian của khoản vay), cụ thể:

	Giá trị còn lại cuối kỳ	Bên nhận cầm cố, thế chấp
Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.7)	***788.610.111.536***	
Dự án Điện mặt trời Thuận Minh 2	540.135.330.394	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm
Các Dự án Điện mặt trời khác	45.707.749.310	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm
Các Dự án Điện mặt trời khác	118.617.243.725	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long
Các Dự án Điện mặt trời khác	14.513.048.526	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình
Các Dự án Điện mặt trời khác	29.649.553.718	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê
Các Dự án Điện mặt trời khác	33.325.605.284	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk
Các Dự án Điện mặt trời khác	6.661.580.579	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực
Bất động sản đầu tư (xem Thuyết minh số V.8)	***15.347.891.237***	
Hệ thống khung giàn nhà xưởng Dự án Điện mặt trời Minifarm	1.509.127.669	Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực
Hệ thống khung giàn nhà xưởng các Dự án Điện mặt trời khác	4.881.482.392	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê
Hệ thống khung giàn nhà xưởng các Dự án Điện mặt trời khác	8.957.281.176	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk
Cộng	**803.958.002.773**	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	106.123.935.559	51.271.578.667
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	6.963.430.040	7.158.603.400
Doanh thu cho thuê tài sản	1.239.441.738	1.242.941.738
Cộng	**114.326.807.337**	**59.673.123.805**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.2b.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	46.639.598.427	28.922.141.982
Giá vốn cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	5.126.016.282	4.901.660.166
Giá vốn cho thuê tài sản	1.346.315.190	1.346.315.190
Cộng	**53.111.929.899**	**35.170.117.338**

3. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	14.273.420.664	8.230.304.762
Chi phí tài chính khác	60.294.282	190.614.282
Cộng	**14.333.714.946**	**8.420.919.044**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.186.938.717	1.476.392.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.322.598	76.322.598
Dự phòng phải thu khó đòi	174.849.412	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.907.285.010	3.149.655.930
Phân bổ lợi thế thương mại	148.339.788	148.339.788
Các chi phí khác	22.000	13.880.117
Cộng	**6.493.757.525**	**4.864.591.004**

5. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi mua rẻ hợp nhất kinh doanh	71.849.025.004	-
Thu nhập khác	401.035	346.951.512
Cộng	**71.849.426.039**	**346.951.512**

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	98.427.493.609	10.294.498.624
Trích quỹ khen thưởng	-	(823.559.890)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	98.427.493.609	9.470.938.734
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	28.889.503	21.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**3.407**	**451**

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.000.000	21.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 24 tháng 4 năm 2026	7.889.503	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	**28.889.503**	**21.000.000**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Số trích quỹ được trừ được tính theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025 so với cả năm 2025. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 490 VND xuống còn 451 VND.

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	9.415.842.003	6.263.527.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	34.379.415.751	21.213.785.886
Dự phòng phải thu khó đòi	174.849.412	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.635.558.258	12.541.048.139
Chi phí khác	22.000	16.346.447
Cộng	**59.605.687.424**	**40.034.708.342**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2026 giữa Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("SDTT") và Công ty Mua bán điện ("EPTC") về phương án tháo gỡ vướng mắc Dự án Nhà máy điện Thuận Minh 2, EPTC đã đưa ra các ý kiến như sau:

- Sản lượng điện thu hồi là sản lượng từ thời điểm Dự án được công nhận ngày vận hành thương mại (COD - ngày 27/6/2019) đến thời điểm ngày Dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản thông báo chấp nhận kết quả nghiệm thu công trình xây dựng và cho phép đưa vào sử dụng (CCA – ngày 21/9/2022). SDTT đã thống kê sản lượng thu hồi trên (212.216.236 kWh) và gửi cho EPTC nhưng chưa nhận được đối soát và ký xác nhận.
- Phương án mua bán điện cho sản lượng thu hồi: Kể từ thời điểm hợp đồng mua bán điện sửa đổi, bổ sung có hiệu lực, EVN sẽ thanh toán cho SDTT sản lượng điện năng giao nhận với giá 1.184,9 VND/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT) cho tới khi sản lượng điện lũy kế bằng sản lượng điện thu hồi nêu trên. Kể từ thời điểm sản lượng điện lũy kế bằng sản lượng điện thu hồi nêu trên, EVN thanh toán sản lượng điện năng giao nhận theo quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Nội dung của biên bản làm việc là phương án được EPTC ghi nhận để tổng hợp và báo cáo các cấp có thẩm quyền. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn chưa nhận được bất kỳ kết luận chính thức nào của các cấp có thẩm quyền liên quan tới vấn đề nêu trên. Do đó, Tập đoàn chưa đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này lên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.429.216.862	4.290.999.990
Trên 1 năm đến 5 năm	489.700.638	2.644.250.000
Trên 5 năm	12.883.500	-
Cộng	**4.931.801.000**	**6.935.249.990**

Các khoản thu tiền cho thuê hoạt động ở trên chủ yếu là tiền thuê hệ thống khung giàn nhà xưởng tại các Dự án Điện Mặt trời. Các hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	614.198.000	30.000.000	644.198.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên Hội đồng quản trị từ 18/4/2026 kiêm Tổng Giám đốc	658.522.620	12.000.000	670.522.620
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ 18/4/2026	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán từ 18/4/2026	-	12.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đến 18/4/2026	-	18.000.000	18.000.000
Ông Trần Minh Đức	Trưởng BKS đến 18/4/2026	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS đến 18/4/2026	-	10.800.000	10.800.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên BKS đến 18/4/2026	-	10.800.000	10.800.000
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	359.897.860	-	359.897.860
Cộng		**1.632.618.480**	**183.600.000**	**1.816.218.480**
Kỳ trước				
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	430.169.100	30.000.000	460.169.100
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	458.117.933	-	458.117.933
Ông Trần Minh Đức	Trưởng BKS	-	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	295.798.987	-	295.798.987
Cộng		**1.184.086.020**	**186.000.000**	**1.370.086.020**

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ của công ty
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 17/6/2026
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 18/6/2026
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp từ 19/6/2026
Công ty Cổ phần Công nghệ EC	Bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	***1.104.000.000***	***779.675.000***
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	144.000.000	157.200.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	144.000.000	155.550.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	144.000.000	156.375.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	144.000.000	156.100.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	144.000.000	154.450.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Vĩnh Hữu (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Vĩnh Hữu Solar (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư NTS Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH NHY Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH NDT Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Khởi Duy Solar (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam (i)	24.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam (i)	24.000.000	-
Mua dịch vụ	***59.500.000***	-
Công ty Cổ phần Công nghệ EC	59.500.000	-

(i) Các đối tượng là bên liên quan từ nửa cuối tháng 6 năm 2026 nên giao dịch phát sinh kỳ trước không được trình bày trong bảng này.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các Thuyết minh số V.3, V.10 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

4a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất điện
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành
- Lĩnh vực cho thuê tài sản

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	106.123.935.559	6.963.430.040	1.239.441.738	114.326.807.337
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***106.123.935.559***	***6.963.430.040***	***1.239.441.738***	***114.326.807.337***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	59.484.337.132	1.837.413.758	(106.873.452)	61.214.877.438
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.493.757.525)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				54.721.119.913
Doanh thu hoạt động tài chính				257.256.236
Chi phí tài chính				(14.333.714.946)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				396.596.165
Thu nhập khác				71.849.426.039
Chi phí khác				(108.565.929)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.339.836.320)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				142.587.784
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***108.584.868.942***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	***155.092.593***	-	-	***155.092.593***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	***36.004.718.514***	-	***1.197.457.856***	***37.202.176.370***
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	51.271.578.667	7.158.603.400	1.242.941.738	59.673.123.805
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***51.271.578.667***	***7.158.603.400***	***1.242.941.738***	***59.673.123.805***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22.349.436.685	2.256.943.234	(103.373.452)	24.503.006.467
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.864.591.004)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				19.638.415.463
Doanh thu hoạt động tài chính				15.301.121
Chi phí tài chính				(8.420.919.044)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				532.733.725
Thu nhập khác				346.951.512
Chi phí khác				(88.341.133)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.041.667.933)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(687.975.087)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***10.294.498.624***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn	***21.991.188.265***	-	***1.197.457.856***	***23.188.646.121***

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực sản xuất điện	Lĩnh vực dịch vụ tư vấn, quản lý vận hành	Lĩnh vực cho thuê tài sản	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.127.494.186.805	2.374.331.552	24.940.307.477	1.154.808.825.834
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				103.005.092.038
Tổng tài sản				***1.257.813.917.872***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.575.882.779	1.955.973.141	279.191.748	5.811.047.668
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				475.859.250.468
Tổng nợ phải trả				***481.670.298.136***
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	355.515.081.362	2.978.743.421	3.712.672.922	362.206.497.705
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				85.371.638.519
Tổng tài sản				***447.578.136.224***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	578.501.315	2.021.882.748	234.097.933	2.834.481.996
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				178.900.196.005
Tổng nợ phải trả				***181.734.678.001***

4b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Người đại diện theo pháp luật đã thực hiện các giả định và ước tính quan trọng có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính hợp nhất. Các giả định và ước tính quan trọng được Người đại diện theo pháp luật đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Ước tính dưới đây được Người đại diện theo pháp luật xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định

Tập đoàn ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế, với thời gian khấu hao áp dụng cho từng nhóm tài sản được trình bày tại Thuyết minh IV.7 và IV.8. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 1.405.388.479.720 VND, giá trị còn lại là 836.733.065.591 VND.

Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính thời gian sử dụng hữu ích phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật, điều kiện vận hành, mức độ hao mòn của từng nhóm tài sản, mức điều chỉnh ước tính và thời điểm phát sinh thay đổi. Do các yếu tố này khác nhau giữa từng nhóm tài sản, Người đại diện theo pháp luật không có cơ sở phù hợp để áp dụng một giả định chung nhằm xác định một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ảnh hưởng cụ thể sẽ được xác định khi Công ty có đầy đủ căn cứ để điều chỉnh ước tính.

Việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của một nhóm tài sản sẽ làm thay đổi chi phí khấu hao của kỳ phát sinh thay đổi và các kỳ tương lai bị ảnh hưởng trong thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản đó. Thay đổi này (nếu có) sẽ được ghi nhận phi hồi tố theo quy định về thay đổi ước tính kế toán.

Người đại diện theo pháp luật đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với toàn bộ tài sản cố định của Tập đoàn và không có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của Tài sản cố định.

Người đại diện theo pháp luật thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và xem xét lại thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản khác biệt lớn so với các dự kiến trước đó;
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật;
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi kỳ lập báo cáo theo quy định;
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 20 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt

BẢN SAO

BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2 - 3
3.	Báo cáo đảm bảo độc lập về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước	4 - 6
4.	Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	7 - 10
5.	Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước năm 2024	11
6.	Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính năm 2024	12 - 20

****

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là " Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 2263333

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất điện.

Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban điều hành, quản lý của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch Ủy ban	Ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2022
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	Ngày 11 tháng 6 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định cung cấp dịch vụ đảm bảo hợp lý về Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Người đại diện theo Pháp luật

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm:

- Xây dựng các tiêu chí phù hợp được áp dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, đảm bảo:
  - Thông tin tài chính chưa điều chỉnh được chiết xuất từ nguồn thông tin phù hợp;
  - Các điều chỉnh theo quy ước có thể trực tiếp quy cho một sự kiện hoặc giao dịch trực tiếp; Được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế; và nhất quán với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng của đơn vị và chính sách kế toán của đơn vị theo khuôn khổ đó;
  - Cách trình bày và thuyết minh là đầy đủ và thích hợp giúp cho đối tượng sử dụng hiểu được các thông tin được công bố;
  - Nhất quán và không mâu thuẫn với pháp luật và các quy định có liên quan;
  - Không gây ra hiểu nhầm về các thông tin tài chính theo quy ước.
- Thuyết minh và trình bày đầy đủ về các tiêu chí được áp dụng;
- Tổng hợp các thông tin tài chính theo quy ước trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng.

Người đại diện theo Pháp luật cam kết đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm nêu trên trong việc lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Phê duyệt Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước

Người đại diện theo Pháp luật phê duyệt Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước đính kèm. Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước đã được lập và trình bày phù hợp với các tiêu chí được áp dụng (như trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước).

Người đại diện theo pháp luật

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phan Thành Đạt
Ngày 22 tháng 4 năm 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 07522 Quyển số: 01/2026 SCT/BS
Ngày: 20-10-2026
Người thực hiện chứng thực

S.Đ.K.H.Đ: 82 - C.T.H.D - VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT - P. PHƯƠNG LIỆT - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 16-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn

bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 2.0468/26/TC-AC

BÁO CÁO ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP VỀ TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Chúng tôi đã hoàn thành hợp đồng dịch vụ đảm bảo nhằm báo cáo về việc tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước do Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") lập ngày 22 tháng 4 năm 2026, từ trang 07 đến trang 20 bao gồm: Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh theo quy ước cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Các tiêu chí áp dụng mà Công ty đã sử dụng làm cơ sở để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 02 năm 2022 và trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Thông tin tài chính theo quy ước đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổng hợp để minh họa ảnh hưởng của sự kiện được trình bày tại Thuyết minh VI.2.1 đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên nếu giả định là sự kiện này đã diễn ra tại ngày 01 tháng 01 năm 2024. Thông tin về tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã được Người đại diện theo pháp luật chiết xuất từ Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, mà báo cáo kiểm toán đã được phát hành.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với thông tin tài chính theo quy ước

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước dựa trên cơ sở các tiêu chí áp dụng (như trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước).

Tính độc lập của Kiểm toán viên và kiểm soát chất lượng

Chúng tôi đã tuân thủ quy định về tính độc lập và các quy định về đạo đức nghề nghiệp khác của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, được hình thành trên cơ sở các nguyên tắc đạo đức cơ bản gồm tính chính trực, tính khách quan, năng lực chuyên môn và tính thận trọng, tính bảo mật và tư cách nghề nghiệp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C áp dụng Chuẩn mực kiểm soát chất lượng số 1 - Kiểm soát chất lượng doanh nghiệp thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo và các dịch vụ liên quan khác và do đó, duy trì một hệ thống kiểm soát chất lượng toàn diện bao gồm các chính sách và thủ tục được văn bản hóa liên quan đến việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực nghề nghiệp và các yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan.

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH1 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, về việc liệu các thông tin tài chính theo quy ước đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, có dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng đã nêu hay không.

Chúng tôi đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3420 – "Hợp đồng dịch vụ đảm bảo về báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch". Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện các thủ tục để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các thông tin tài chính theo quy ước đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng đã nêu hay không.

Cho mục đích của hợp đồng dịch vụ đảm bảo này, chúng tôi không có trách nhiệm phải sửa đổi, bổ sung hoặc phát hành lại báo cáo hoặc ý kiến về bất cứ thông tin tài chính quá khứ nào được sử dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Chúng tôi cũng không có trách nhiệm thực hiện các thủ tục kiểm toán hoặc soát xét các thông tin tài chính được sử dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Mục đích của thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch chỉ là để minh họa ảnh hưởng của sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu đến thông tin tài chính chưa điều chỉnh của Công ty nếu giả định sự kiện đã xảy ra hoặc giao dịch đã thực hiện tại một ngày trước đó được chọn cho mục đích minh họa. Do đó, chúng tôi không cung cấp bất cứ sự đảm bảo nào đối với kết quả thực tế của sự kiện hoặc giao dịch tại ngày lập thông tin tài chính theo quy ước như đã trình bày.

Hợp đồng dịch vụ đảm bảo hợp lý để báo cáo về việc liệu thông tin tài chính theo quy ước có được tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng hay không, bao gồm việc thực hiện các thủ tục để đánh giá liệu các tiêu chí được Người đại diện theo pháp luật sử dụng để tổng hợp các thông tin tài chính theo quy ước có cung cấp một cơ sở hợp lý cho việc trình bày những ảnh hưởng đáng kể trực tiếp của sự kiện hoặc giao dịch, và để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về việc liệu:

- Các điều chỉnh theo quy ước có liên quan có phản ánh thích hợp sự ảnh hưởng đến những tiêu chí đó hay không;

- Các thông tin tài chính theo quy ước có phản ánh việc áp dụng đúng đắn các điều chỉnh đó đối với các thông tin tài chính chưa điều chỉnh hay không.

Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, dựa trên những hiểu biết của chúng tôi về đặc điểm của Công ty, các sự kiện hoặc giao dịch liên quan đến việc tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ.

Hợp đồng dịch vụ cũng bao gồm việc đánh giá cách thức trình bày tổng thể thông tin tài chính theo quy ước.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, thông tin tài chính theo quy ước đã được tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng (như trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1
Người được ủy quyền

Vũ Tuấn Nghĩa – Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2024)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (BCĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh			Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
					Điều chỉnh theo quy ước 01	Điều chỉnh theo quy ước 02	Điều chỉnh theo quy ước 03	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**105.993.229.700**	**257.522.433.258**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	**-**	**363.515.662.958**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**32.285.088.317**	**8.182.145.658**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	**-**	**40.467.233.975**
1. Tiền	111		32.285.088.317	8.182.145.658	210.000.000.000	(210.000.000.000)	-	40.467.233.975
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**20.865.980.000**	**-**	**-**	**-**	**20.865.980.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	20.865.980.000	-	-	-	20.865.980.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**58.065.335.289**	**207.313.404.845**	**-**	**-**	**-**	**265.378.740.134**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		42.101.975.734	127.893.285.840	-	-	-	169.995.261.574
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.733.424.554	92.322.000	-	-	-	1.825.746.554
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	79.000.000.000	-	-	-	79.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		14.229.935.001	327.797.005	-	-	-	14.557.732.006
IV. Hàng tồn kho	**140**		**150.025.270**	**220.368.536**	**-**	**-**	**-**	**370.393.806**
1. Hàng tồn kho	141		150.025.270	220.368.536	-	-	-	370.393.806
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**15.492.780.824**	**20.940.534.219**	**-**	**-**	**-**	**36.433.315.043**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.489.634.180	696.939.255	-	-	-	2.186.573.435
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.003.146.644	20.243.594.964	-	-	-	34.246.741.608

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2024)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (BCĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh			Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
					Điều chỉnh theo quy ước 01	Điều chỉnh theo quy ước 02	Điều chỉnh theo quy ước 03	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**399.489.278.117**	**578.850.630.044**	**-**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	**978.339.908.161**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**8.093.600.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**8.093.600.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		8.093.600.000	-	-	-	-	8.093.600.000
II. Tài sản cố định	**220**		**338.421.065.888**	**553.640.058.673**	**-**	**-**	**-**	**892.061.124.561**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		338.421.065.888	553.640.058.673	-	-	-	892.061.124.561
Nguyên giá	*222*		*493.147.313.989*	*885.687.572.857*	-	-	-	*1.378.834.886.846*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(154.726.248.101)*	*(332.047.514.184)*	-	-	-	*(486.773.762.285)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**26.148.857.519**	**-**	**-**	**-**	**-**	**26.148.857.519**
Nguyên giá	231		35.093.712.424	-	-	-	-	*35.093.712.424*
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.944.854.905)	-	-	-	-	*(8.944.854.905)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**172.037.037**	**-**	**-**	**-**	**172.037.037**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	172.037.037	-	-	-	172.037.037
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**19.894.526.437**	**-**	**-**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	**19.894.526.437**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-	-	210.000.000.000	(210.000.000.000)	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.894.526.437	-	-	-	-	19.894.526.437
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.931.228.273**	**25.038.534.334**	**-**	**-**	**-**	**31.969.762.607**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.359.207.205	25.038.534.334	-	-	-	27.397.741.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.371.647.573	-	-	-	-	2.371.647.573
3. Lợi thế thương mại	269		2.200.373.495	-	-	-	-	2.200.373.495
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**505.482.507.817**	**836.373.063.302**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**1.341.855.571.119**

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2024)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (Bảng CĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh			Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
					Điều chỉnh theo quy ước 01	Điều chỉnh theo quy ước 02	Điều chỉnh theo quy ước 03	
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**251.591.176.763**	**361.215.868.355**	-	-	-	**612.807.045.118**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**76.098.051.571**	**79.965.868.355**	-	-	-	**156.063.919.926**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.466.893.671	537.894.350	-	-	-	2.004.788.021
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		4.905.339.186	3.336.013.457	-	-	-	8.241.352.643
3. Phải trả người lao động	314		389.500.000	215.320.152	-	-	-	604.820.152
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.411.125.007	1.840.153.837	-	-	-	5.251.278.844
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		73.250.000	-	-	-	-	73.250.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	52.389.480	-	-	-	52.389.480
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		65.617.000.000	67.500.000.000	-	-	-	133.117.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		234.943.707	6.484.097.079	-	-	-	6.719.040.786
II. Nợ dài hạn	**330**		**175.493.125.192**	**281.250.000.000**	-	-	-	**456.743.125.192**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		175.143.705.058	281.250.000.000	-	-	-	456.393.705.058
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		349.420.134	-	-	-	-	349.420.134

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2024)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (Bảng CĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh: Điều chỉnh theo quy ước 01	Điều chỉnh theo quy ước 02	Điều chỉnh theo quy ước 03	Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**253.891.331.054**	**475.157.194.947**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**729.048.526.001**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**253.891.331.054**	**475.157.194.947**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**729.048.526.001**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	300.000.000.000	210.000.000.000	-	(300.000.000.000)	420.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*210.000.000.000*	*300.000.000.000*	*210.000.000.000*	-	*(300.000.000.000)*	*420.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-	-	-	-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.331.664.665	-	-	-	-	8.331.664.665
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.559.666.389	175.157.194.947	-	-	(103.308.169.943)	107.408.691.393
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*14.480.905.409*	*156.570.457.255*	-	-	*(175.157.194.947)*	*(4.105.832.283)*
- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*21.078.760.980*	*18.586.737.692*	-	-	*71.849.025.004*	*111.514.523.676*
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-	-	-	193.308.169.943	193.308.169.943
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**505.482.507.817**	**836.373.063.302**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**1.341.855.571.119**

Lập, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ƯỚC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất kinh doanh: Kết quả hoạt động kinh doanh trước khi điều chỉnh (BC KQHĐKDHN năm 2024 của HIO)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (BC KQKD năm 2024 của SD Trường Thành)	Điều chỉnh theo quy ước	Kết quả hoạt động kinh doanh theo quy ước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		119.299.308.527	163.906.748.634	-	283.206.057.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119.299.308.527	163.906.748.634	-	283.206.057.161
4. Giá vốn hàng bán	11		67.237.104.406	60.737.975.639	-	127.975.080.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.062.204.121	103.168.772.995	-	155.230.977.116
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		993.709.167	1.424.509.163	-	2.418.218.330
7. Chi phí tài chính	22		22.864.974.380	56.105.692.080	-	78.970.666.460
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.337.945.816	36.692.826.280	-	59.030.772.096
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		619.237.588	-	-	619.237.588
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.941.121.990	2.295.091.132	-	10.236.213.122
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.869.054.506	46.192.498.946	-	69.061.553.452
11. Thu nhập khác	31		5.755.882.421	392.986.436	-	6.148.868.857
12. Chi phí khác	32		1.237.241.547	160.465.708	-	1.397.707.255
13. Lợi nhuận khác	40		4.518.640.874	232.520.728	-	4.751.161.602
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.387.695.380	46.425.019.674	-	73.812.715.054
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.134.799.445	2.245.278.586	-	11.380.078.031
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.825.865.045)	-	-	(2.825.865.045)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.078.760.980	44.179.741.088	-	65.258.502.068
18. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	61		8,65%	-	-	16,53%

Lập, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BẢN THUYẾT MINH
BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp
Tập đoàn gồm Công ty Cổ phần Helio Energy (Công ty mẹ), các công ty con và công ty liên kết.
Hoạt động kinh doanh chính của các Công ty con, công ty liên kết là sản xuất điện mặt trời.

5a. Danh sách Công ty con (tại thời điểm lập báo cáo này)
Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Số 34, ngõ 214 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Thôn 7, xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Thôn 1, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 8, ngõ 1126, đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội	100%

5b. Danh sách các Công ty liên kết gián tiếp (tại thời điểm lập báo cáo này)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 phố Bằng B, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	38%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Tầng 1, tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	46%
Công ty TNHH DDT Solar Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội	47%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Thôn Bon Bu M'lanh B, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	48%
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng	40%

II. THÔNG TIN VỀ BÊN BỊ MUA

Bên bị mua là Công ty Cổ phần SD Trường Thành, có địa chỉ trụ sở chính tại thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất điện năng lượng mặt trời.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm:

- Xây dựng các tiêu chí phù hợp được áp dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, đảm bảo:
  - Thông tin tài chính chưa điều chỉnh được chiết xuất từ nguồn thông tin phù hợp;
  - Các điều chỉnh theo quy ước có thể trực tiếp quy cho một sự kiện hoặc giao dịch trực tiếp; Được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế; và nhất quán với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng của đơn vị và chính sách kế toán của đơn vị theo khuôn khổ đó;
  - Cách trình bày và thuyết minh là đầy đủ và thích hợp giúp cho đối tượng sử dụng hiểu được các thông tin được công bố;
  - Nhất quán và không mâu thuẫn với pháp luật và các quy định có liên quan;
  - Không gây ra hiểu nhầm về các thông tin tài chính theo quy ước.
- Thuyết minh và trình bày đầy đủ về các tiêu chí được áp dụng;
- Tổng hợp các thông tin tài chính theo quy ước trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm nêu trên trong việc lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

IV. TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG

1. Cơ sở xây dựng các tiêu chí được áp dụng

Các tiêu chí áp dụng mà Công ty đã sử dụng làm cơ sở để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BTC ban hành ngày 14 tháng 2 năm 2022 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

2. Mô tả các tiêu chí được áp dụng

2.1 Nguyên tắc chung

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở giả định giao dịch cơ cấu lại đã được thực hiện tại ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Thông tin được tổng hợp trên Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước theo cùng nguyên tắc ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy sau khi hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước chỉ thực hiện điều chỉnh theo quy ước cho các sự kiện có đầy đủ các đặc điểm sau:

- Có liên quan trực tiếp đến hoạt động cơ cấu lại, tách công ty;
- Đã phát sinh đến thời điểm phải lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; và
- Được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế.

Các sự kiện phát sinh trực tiếp từ hoạt động cơ cấu lại, tách công ty và sẽ không phát sinh lại trong các kỳ sau không được phản ánh vào Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước mà chỉ phản ánh vào Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước. Bản thuyết minh báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước phải nêu rõ rằng những sự kiện này không được phản ánh trong Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước và thuyết minh các khoản thu nhập, chi phí và các ảnh hưởng của thuế liên quan.

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước không phản ánh các thông tin mang tính dự báo, xét đoán; thông tin về các sự kiện chưa phát sinh, ví dụ như các thông tin về các ảnh hưởng có thể xảy ra hoặc kỳ vọng sẽ xảy ra liên quan đến các giao dịch mà Người đại diện theo pháp luật dự kiến sẽ thực hiện do ảnh hưởng của hoạt động cơ cấu lại công ty.

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước phải trình bày riêng số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước, các điều chỉnh theo quy ước cho từng hoạt động cơ cấu lại công ty và thông tin tài chính theo quy ước. Doanh nghiệp phải giải thích chi tiết cho từng điều chỉnh theo quy ước trong Thuyết minh báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được sử dụng để lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước là Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy.

Ảnh hưởng của thuế: Các ảnh hưởng của thuế (nếu có) được tính toán dựa trên thuế suất có hiệu lực theo quy định của pháp luật về thuế trong giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước (thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%).

2.2 *Nguyên tắc lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước*

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Helio Energy (bên mua) tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (ngày 31 tháng 12 năm 2024) và Báo cáo tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (bên bị mua) được xác định tại ngày hoàn thành giao dịch hợp nhất (ngày 16 tháng 3 năm 2026).

Bên mua thực hiện ghi nhận các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua vào Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước của bên mua theo giá trị hợp lý và ghi nhận giá trị lợi thế thương mại tương ứng tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

2.3 *Nguyên tắc lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước*

Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở Báo cáo kết quả hoạt động của bên mua và bên bị mua cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024).

Công ty thực hiện các điều chỉnh theo quy ước phản ánh ảnh hưởng trực tiếp của giao dịch hợp nhất kinh doanh, bao gồm: các điều chỉnh tài sản thuần theo giá trị hợp lý, phân bổ lợi thế thương mại và các điều chỉnh phù hợp khác, với giả định rằng giao dịch hợp nhất xảy ra vào ngày đầu lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (ngày 01 tháng 01 năm 2024).

Công ty không được loại trừ khỏi Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước các khoản mục không thường xuyên hoặc không phát sinh lại trong các kỳ sau mà các khoản mục này không liên quan trực tiếp đến hoạt động cơ cấu lại đã được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động của các doanh nghiệp cơ cấu lại.

V. NGUỒN DỮ LIỆU SỬ DỤNG

Dữ liệu sử dụng để lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Helio Energy bao gồm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Helio Energy ("HIO") đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("SD Trường Thành") đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành do đơn vị lập ngày 16 tháng 3 năm 2026;
- Hợp đồng số 01/2026/HĐCN/LDM-HIO ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa HIO và Ông Lê Đức Mạnh về việc mua 6.795.102 cổ phần của SD Trường Thành, tương đương 22,65% vốn điều lệ;
- Hợp đồng số 02/2026/HĐCN/DXH-HIO ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa HIO và Ông Đào Xuân Hải về việc mua 5.000.000 cổ phần của SD Trường Thành, tương đương 16,67% vốn điều lệ;
- Hợp đồng số 03/2026/HĐCN/NMH-HIO ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa HIO và Ông Nguyễn Minh Hoàng về việc mua 6.000.000 cổ phần của SD Trường Thành, tương đương 20,00% vốn điều lệ;
- Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo về việc thẩm định giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần SD Trường Thành tại thời điểm 16/3/2026.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC ĐIỀU CHỈNH THEO QUY ƯỚC

1. Cơ sở trình bày

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "HIO"/ "bên mua") đã được điều chỉnh để có hiệu lực trong việc mua lại Công ty Cổ phần SD Trường Thành (sau đây gọi tắt là "SD Trường Thành"/ "bên bị mua") và việc phát hành tăng vốn để tài trợ cho việc mua lại.

Trước khi hợp nhất, các doanh nghiệp hợp nhất (HIO và SD Trường Thành) không chịu sự kiểm soát chung. Bên mua là HIO, được xác định theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – "Hợp nhất kinh doanh". Bên mua thực hiện ghi nhận các tài sản đã mua, các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng phải gánh chịu, kể cả những tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng mà bên bị mua chưa ghi nhận trước đó theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – "Hợp nhất kinh doanh" và các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Báo cáo tổng hợp thông tin tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở:

- Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Bên mua (HIO) tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (ngày 31 tháng 12 năm 2024); và
- Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của Bên bị mua (SD Trường Thành) tại ngày hoàn thành giao dịch hợp nhất (ngày 16 tháng 3 năm 2026).

Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Bên mua (HIO) cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024); và
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Bên bị mua (SD Trường Thành) cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024).

Công ty thực hiện các điều chỉnh theo quy ước như trình bày tại Mục VI.2.3.

Giữa các bên tham gia hợp nhất không có số dư công nợ, đầu tư tài chính và các số dư khác; không có giao dịch doanh thu, chi phí, lãi, lỗ phát sinh từ các giao dịch đó. Do đó, Công ty không thực hiện các bút toán loại trừ.

2. Thuyết minh các điều chỉnh theo quy ước:

2.1 Mô tả giao dịch:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2025; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 24/10/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12.2/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 24/10/2025 của Công ty Cổ phần Helio Energy ("HIO") đã thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng để nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("SD Trường Thành"). Một số thông tin chính trong Phương án phát hành như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 21.000.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 210.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Phương án sử dụng: Sử dụng toàn bộ số tiền thu được để nhận chuyển nhượng cổ phần tại SD Trường Thành từ 3 cổ đông (17.795.102 cổ phần, giá mua 11.801 đồng/cổ phần).

Ngày 16/3/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành văn bản số 2044/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 01/2026/BC-HIO ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Helio Energy. Theo đó, Công ty đã thực hiện phân phối 21.000.000 cổ phiếu.

Ngày 16/3/2026, Công ty đã ký 3 hợp đồng với 3 cổ đông của SD Trường Thành để nhận chuyển nhượng 17.795.102 cổ phần (tương đương 59,32% vốn điều lệ của SD Trường Thành) với tổng giá mua 210.000.000.000 đồng.

2.2 Giá trị hợp lý và Lợi thế thương mại

Giá trị tài sản thuần của SD Trường Thành được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày 16 tháng 3 năm 2026 và lợi thế thương mại được tính như sau:

Tài sản	***836.373.063.302***
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.182.145.658
Chứng khoán kinh doanh	20.865.980.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	127.893.285.840
Trả trước cho người bán ngắn hạn	92.322.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	79.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	327.797.005
Hàng tồn kho	220.368.536
Chi phí trả trước ngắn hạn	696.939.255
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20.243.594.964
Tài sản cố định hữu hình	553.640.058.673
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	172.037.037
Chi phí trả trước dài hạn	25.038.534.334
Nợ phải trả	***361.215.868.355***
Phải trả người bán ngắn hạn	537.894.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.336.013.457
Phải trả người lao động	215.320.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.840.153.837
Phải trả ngắn hạn khác	52.389.480
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.484.097.079
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	281.250.000.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	***475.157.194.947***
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	***193.308.169.943***
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	***281.849.025.004***
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	***210.000.000.000***
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	**(71.849.025.004)**

(*) Theo Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo, Giá trị vốn chủ sở hữu của SD Trường Thành tại thời điểm 16/03/2026 được xác định là 479.023.000.000 VND. Chênh lệch tăng so với giá trị ghi sổ là 3.865.805.053 VND, tương đương 0,81%.

Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thẩm định giá tăng không đáng kể so với giá trị ghi sổ. Do đó, giá trị hợp lý được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

Giá phí hợp nhất kinh doanh chênh lệch nhỏ hơn so với giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua, do giá mua đã được các bên thỏa thuận và ấn định từ năm 2024, không có thay đổi tại thời điểm thực tế giao dịch chuyển nhượng cổ phần (tháng 3/2026).

2.3 Thuyết minh các điều chỉnh theo quy ước

Điều chỉnh theo quy ước 01:

Phát hành cổ phiếu tăng vốn, số tiền : 210.000.000.000 VND

Tăng "Tiền"	210.000.000.000	
Tăng "Vốn góp của chủ sở hữu"		210.000.000.000

Điều chỉnh theo quy ước 02:

Mua khoản đầu tư vào SD Trường Thành, số tiền : 210.000.000.000 VND

Tăng "Đầu tư vào Công ty con"	210.000.000.000	
Giảm "Tiền"		210.000.000.000

Điều chỉnh theo quy ước 03:

Hợp nhất kinh doanh SD Trường Thành:

Giảm "Đầu tư vào Công ty con"	(210.000.000.000)	
Giảm "Vốn góp của chủ sở hữu"		(300.000.000.000)
Giảm "LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước"		(175.157.194.947)
Tăng "LNST chưa phân phối kỳ này" (LTTM âm/Lãi giao dịch mua rẻ)		71.849.025.004
Tăng "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"		193.308.169.943

Các chi phí phát sinh liên quan đến việc định giá và phát hành cổ phiếu phục vụ giao dịch hợp nhất kinh doanh có giá trị không trọng yếu, không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo quy ước, do đó, không cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo này.

2.4 Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)

Theo điều 107, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của doanh nghiệp, trong đó:

- ROE trước điều chỉnh được tính toán dựa trên số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty;
- ROE sau điều chỉnh được tính toán dựa trên số liệu Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

Cột "Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh" được lấy theo cột "Số cuối năm" của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Helio Energy (bên mua) đã được kiểm toán.

Cột "Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước" được lấy theo cột "Số cuối kỳ" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (bên bị mua) do đơn vị lập.

Cột "Điều chỉnh theo quy ước 01, 02, 03" thể hiện các điều chỉnh như trình bày tại mục VI.2.3.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ƯỚC

Cột "Kết quả hoạt động kinh doanh trước khi điều chỉnh" được lấy theo cột "Năm nay" của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Helio Energy (bên mua) đã được kiểm toán.

Cột "Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước" được lấy theo cột "Năm nay" của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (bên bị mua) đã được kiểm toán.

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Các nội dung sau đây không phát sinh, do đó không được trình bày trong Báo cáo này, bao gồm:

- Các khoản thu nhập và chi phí trọng yếu liên quan trực tiếp đến giao dịch cơ cấu lại mà các khoản mục này không phát sinh lại trong kỳ sau và các ảnh hưởng thuế liên quan;
- Các khoản nợ phải trả và tài sản hữu hình và vô hình tiềm tàng, cũng như sự không chắc chắn liên quan đến ảnh hưởng của thời gian hao mòn ước tính của tài sản;
- Các khoản thanh toán tiềm tàng liên quan đến giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Tại ngày lập Báo cáo theo quy ước, Người đại diện theo pháp luật không thực hiện hoặc không có dự kiến sẽ thực hiện sau giao dịch hợp nhất kinh doanh các hoạt động như: cho một số nhân viên thôi việc, đóng cửa các cơ sở kinh doanh và các khoản phí tái cấu trúc khác.

Lập, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BẢN SAO

BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2 - 3
3.	Báo cáo đảm bảo độc lập về tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước	4 - 6
4.	Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	7 - 10
5.	Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước năm 2025	11
6.	Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính năm 2025	12 - 20

****

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là " Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (0243) 2263333

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất điện.

Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban điều hành, quản lý của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Thu Trang	Chủ tịch Ủy ban	Ngày 18 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2026

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc	Ngày 11 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2022
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng	Ngày 11 tháng 6 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Thành Đạt – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định cung cấp dịch vụ đảm bảo hợp lý về Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Người đại diện theo Pháp luật

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm:

- Xây dựng các tiêu chí phù hợp được áp dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, đảm bảo:
  - Thông tin tài chính chưa điều chỉnh được chiết xuất từ nguồn thông tin phù hợp;
  - Các điều chỉnh theo quy ước có thể trực tiếp quy cho một sự kiện hoặc giao dịch trực tiếp; Được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế; và nhất quán với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng của đơn vị và chính sách kế toán của đơn vị theo khuôn khổ đó;
  - Cách trình bày và thuyết minh là đầy đủ và thích hợp giúp cho đối tượng sử dụng hiểu được các thông tin được công bố;
  - Nhất quán và không mâu thuẫn với pháp luật và các quy định có liên quan;
  - Không gây ra hiểu nhầm về các thông tin tài chính theo quy ước.
- Thuyết minh và trình bày đầy đủ về các tiêu chí được áp dụng;
- Tổng hợp các thông tin tài chính theo quy ước trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng.

Người đại diện theo Pháp luật cam kết đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm nêu trên trong việc lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Phê duyệt Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước

Người đại diện theo Pháp luật phê duyệt Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước đính kèm. Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước đã được lập và trình bày phù hợp với các tiêu chí được áp dụng (như trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước).

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Phan Thanh Đạt
Ngày 22 tháng 4 năm 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 01523 - 03 /2026 Quyển số: ....SCT/BS
Ngày: 20 -10- 2026
Người thực hiện chứng thực

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BẢO VIỆT
P. PHƯƠNG LIỆT - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Phạm Thị Huyền

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I6-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn
bakertilly A&C www.a-c.com.vn

Số: 2.0469/26/TC-AC

BÁO CÁO ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP VỀ TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Chúng tôi đã hoàn thành hợp đồng dịch vụ đảm bảo nhằm báo cáo về việc tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước do Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") lập ngày 22 tháng 4 năm 2026, từ trang 07 đến trang 20 bao gồm: Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh theo quy ước cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Các tiêu chí áp dụng mà Công ty đã sử dụng làm cơ sở để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 02 năm 2022 và trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Thông tin tài chính theo quy ước đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổng hợp để minh họa ảnh hưởng của sự kiện được trình bày tại Thuyết minh VI.2.1 đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên nếu giả định là sự kiện này đã diễn ra tại ngày 01 tháng 01 năm 2025. Thông tin về tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã được Người đại diện theo pháp luật chiết xuất từ Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, mà báo cáo kiểm toán đã được phát hành.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty đối với thông tin tài chính theo quy ước

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước dựa trên cơ sở các tiêu chí áp dụng (như trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước).

Tính độc lập của Kiểm toán viên và kiểm soát chất lượng

Chúng tôi đã tuân thủ quy định về tính độc lập và các quy định về đạo đức nghề nghiệp khác của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, được hình thành trên cơ sở các nguyên tắc đạo đức cơ bản gồm tính chính trực, tính khách quan, năng lực chuyên môn và tính thận trọng, tính bảo mật và tư cách nghề nghiệp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C áp dụng Chuẩn mực kiểm soát chất lượng số 1 – Kiểm soát chất lượng doanh nghiệp thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo và các dịch vụ liên quan khác và do đó, duy trì một hệ thống kiểm soát chất lượng toàn diện bao gồm các chính sách và thủ tục được văn bản hóa liên quan đến việc tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, các chuẩn mực nghề nghiệp và các yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan.

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH1 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP, về việc liệu các thông tin tài chính theo quy ước đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, có dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng đã nêu hay không.

Chúng tôi đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3420 – "Hợp đồng dịch vụ đảm bảo về báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch". Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện các thủ tục để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các thông tin tài chính theo quy ước đã được Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng đã nêu hay không.

Cho mục đích của hợp đồng dịch vụ đảm bảo này, chúng tôi không có trách nhiệm phải sửa đổi, bổ sung hoặc phát hành lại báo cáo hoặc ý kiến về bất cứ thông tin tài chính quá khứ nào được sử dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước. Chúng tôi cũng không có trách nhiệm thực hiện các thủ tục kiểm toán hoặc soát xét các thông tin tài chính được sử dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Mục đích của thông tin tài chính theo quy ước trong bản cáo bạch chỉ là để minh họa ảnh hưởng của sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu đến thông tin tài chính chưa điều chỉnh của Công ty nếu giả định sự kiện đã xảy ra hoặc giao dịch đã thực hiện tại một ngày trước đó được chọn cho mục đích minh họa. Do đó, chúng tôi không cung cấp bất cứ sự đảm bảo nào đối với kết quả thực tế của sự kiện hoặc giao dịch tại ngày lập thông tin tài chính theo quy ước như đã trình bày.

Hợp đồng dịch vụ đảm bảo hợp lý để báo cáo về việc liệu thông tin tài chính theo quy ước có được tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng hay không, bao gồm việc thực hiện các thủ tục để đánh giá liệu các tiêu chí được Người đại diện theo pháp luật sử dụng để tổng hợp các thông tin tài chính theo quy ước có cung cấp một cơ sở hợp lý cho việc trình bày những ảnh hưởng đáng kể trực tiếp của sự kiện hoặc giao dịch, và để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về việc liệu:

- Các điều chỉnh theo quy ước có liên quan có phản ánh thích hợp sự ảnh hưởng đến những tiêu chí đó hay không;
- Các thông tin tài chính theo quy ước có phản ánh việc áp dụng đúng đắn các điều chỉnh đó đối với các thông tin tài chính chưa điều chỉnh hay không.

Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, dựa trên những hiểu biết của chúng tôi về đặc điểm của Công ty, các sự kiện hoặc giao dịch liên quan đến việc tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước và hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ.

Hợp đồng dịch vụ cũng bao gồm việc đánh giá cách thức trình bày tổng thể thông tin tài chính theo quy ước.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, thông tin tài chính theo quy ước đã được tổng hợp, trên các khía cạnh trọng yếu, dựa trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng (như trình bày trong Thuyết minh số IV Bản thuyết minh Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH HÀ NỘI

Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1
Người được ủy quyền

Vũ Tuấn Nghĩa – Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2025)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (BCĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh			Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
					Điều chỉnh theo quy ước 01	Điều chỉnh theo quy ước 02	Điều chỉnh theo quy ước 03	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**39.579.595.048**	**257.522.433.258**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	**-**	**297.102.028.306**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**13.951.804.186**	**8.182.145.658**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	**-**	**22.133.949.844**
1. Tiền	111		13.951.804.186	8.182.145.658	210.000.000.000	(210.000.000.000)	-	22.133.949.844
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**20.865.980.000**	**-**	**-**	**-**	**20.865.980.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	20.865.980.000	-	-	-	20.865.980.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.731.886.917**	**207.313.404.845**	**-**	**-**	**-**	**221.045.291.762**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		13.054.158.180	127.893.285.840	-	-	-	140.947.444.020
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		637.086.353	92.322.000	-	-	-	729.408.353
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	79.000.000.000	-	-	-	79.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		152.916.488	327.797.005	-	-	-	480.713.493
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(112.274.104)	-	-	-	-	(112.274.104)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**33.010.909**	**220.368.536**	**-**	**-**	**-**	**253.379.445**
1. Hàng tồn kho	141		33.010.909	220.368.536	-	-	-	253.379.445
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**11.862.893.036**	**20.940.534.219**	**-**	**-**	**-**	**32.803.427.255**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.647.978.013	696.939.255	-	-	-	3.344.917.268
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.214.915.023	20.243.594.964	-	-	-	29.458.509.987

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2025)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (BCĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh			Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
					Điều chỉnh theo quy ước 01	Điều chỉnh theo quy ước 02	Điều chỉnh theo quy ước 03	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**407.998.541.176**	**578.850.630.044**	**-**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	**986.849.171.220**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.982.800.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10.982.800.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		10.982.800.000	-	-	-	-	10.982.800.000
II. Tài sản cố định	**220**		**293.415.048.481**	**553.640.058.673**	**-**	**-**	**-**	**847.055.107.154**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		293.415.048.481	553.640.058.673	-	-	-	847.055.107.154
Nguyên giá	*222*		*484.452.101.846*	*885.687.572.857*	-	-	-	*1.370.139.674.703*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(191.037.053.365)*	*(332.047.514.184)*	-	-	-	*(523.084.567.549)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**23.753.941.807**	**-**	**-**	**-**	**-**	**23.753.941.807**
Nguyên giá	231		35.093.712.424	-	-	-	-	*35.093.712.424*
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.339.770.617)	-	-	-	-	*(11.339.770.617)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**172.037.037**	**-**	**-**	**-**	**172.037.037**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	172.037.037	-	-	-	172.037.037
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**66.385.078.617**	**-**	**-**	**210.000.000.000**	**(210.000.000.000)**	66.385.078.617
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-	-	210.000.000.000	(210.000.000.000)	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.385.078.617	-	-	-	-	20.385.078.617
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		46.000.000.000	-	-	-	-	46.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**13.461.672.271**	**25.038.534.334**	**-**	**-**	**-**	**38.500.206.605**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		10.281.072.502	25.038.534.334	-	-	-	35.319.606.836
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.172.976.038	-	-	-	-	1.172.976.038
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		103.929.812	-				103.929.812
4. Lợi thế thương mại	269		1.903.693.919	-	-	-	-	1.903.693.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**447.578.136.224**	**836.373.063.302**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**1.283.951.199.526**

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2025)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (Bảng CĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh: Điều chỉnh theo quy ước 01	Hợp nhất kinh doanh: Điều chỉnh theo quy ước 02	Hợp nhất kinh doanh: Điều chỉnh theo quy ước 03	Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**181.734.678.001**	**361.215.868.355**	-	-	-	**542.950.546.356**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**75.770.451.604**	**79.965.868.355**	-	-	-	**155.736.319.959**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.434.359.599	537.894.350	-	-	-	2.972.253.949
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.098.072.770	3.336.013.457	-	-	-	5.434.086.227
3. Phải trả người lao động	314		1.027.067.747	215.320.152	-	-	-	1.242.387.899
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.395.303.287	1.840.153.837	-	-	-	4.235.457.124
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		69.750.000	-	-	-	-	69.750.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	52.389.480	-	-	-	52.389.480
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		66.475.600.000	67.500.000.000	-	-	-	133.975.600.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.270.298.201	6.484.097.079	-	-	-	7.754.395.280
II. Nợ dài hạn	**330**		**105.964.226.397**	**281.250.000.000**	-	-	-	**387.214.226.397**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		105.757.205.058	281.250.000.000	-	-	-	387.007.205.058
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		207.021.339	-	-	-	-	207.021.339

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh (BCĐKT hợp nhất của HIO tại ngày 31/12/2025)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (Bảng CĐKT của SD Trường Thành tại ngày 16/3/2026)	Hợp nhất kinh doanh: Điều chỉnh theo quy ước 01	Điều chỉnh theo quy ước 02	Điều chỉnh theo quy ước 03	Thông tin tình hình tài chính theo quy ước
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**265.843.458.223**	**475.157.194.947**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**741.000.653.170**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**265.843.458.223**	**475.157.194.947**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**741.000.653.170**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	300.000.000.000	210.000.000.000	-	(300.000.000.000)	420.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*210.000.000.000*	*300.000.000.000*	*210.000.000.000*	-	*(300.000.000.000)*	*420.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-	-	-	-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.415.375.558	-	-	-	-	8.415.375.558
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.428.082.665	175.157.194.947	-	-	(103.308.169.943)	119.277.107.669
- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*33.873.365.511*	*156.570.457.255*	-	-	*(175.157.194.947)*	*15.286.627.819*
- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*13.554.717.154*	*18.586.737.692*	-	-	*71.849.025.004*	*103.990.479.850*
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-	-	-	193.308.169.943	193.308.169.943
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**447.578.136.224**	**836.373.063.302**	**210.000.000.000**	**-**	**(210.000.000.000)**	**1.283.951.199.526**

Lập, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ƯỚC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Hợp nhất kinh doanh			
			Kết quả hoạt động kinh doanh trước khi điều chỉnh (BC KQHĐKDHN năm 2025 của HIO)	Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước (BC KQKD năm 2025 của SD Trường Thành)	Điều chỉnh theo quy ước	Kết quả hoạt động kinh doanh theo quy ước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		109.611.227.676	163.000.672.605	-	272.611.900.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.611.227.676	163.000.672.605	-	272.611.900.281
4. Giá vốn hàng bán	11		68.948.346.468	62.132.440.545	-	131.080.787.013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.662.881.208	100.868.232.060	-	141.531.113.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		32.191.523	28.373.272	-	60.564.795
7. Chi phí tài chính	22		15.799.585.200	30.443.075.536	-	46.242.660.736
Trong đó: chi phí lãi vay	23		15.427.819.997	30.443.075.536	-	45.870.895.533
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		490.552.180	-	-	490.552.180
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.111.253.198	2.182.270.587	-	11.293.523.785
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.274.786.513	68.271.259.209	-	84.546.045.722
11. Thu nhập khác	31		347.753.310	118.055.639	-	465.808.949
12. Chi phí khác	32		247.288.431	212.873.996	-	460.162.427
13. Lợi nhuận khác	40		100.464.879	(94.818.357)	-	5.646.522
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.375.251.392	68.176.440.852	-	84.551.692.244
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.764.261.498	3.335.470.059	-	5.099.731.557
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.056.272.740	-	-	1.056.272.740
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.554.717.154	64.840.970.793	-	78.395.687.947
18. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	61		5,22%	-	-	19,27%

Lập, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt

BẢN THUYẾT MINH
BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp
Tập đoàn gồm Công ty Cổ phần Helio Energy (Công ty mẹ), các công ty con và công ty liên kết.
Hoạt động kinh doanh chính của các Công ty con, công ty liên kết là sản xuất điện mặt trời.

5a. Danh sách Công ty con (tại thời điểm lập báo cáo này)
Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, thôn 10, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, xã Ea Khăl, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	100%
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đèn, xã Đắk Wil, tỉnh Lâm Đồng	100%

Công ty con gián tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Số 34, ngõ 214 đường Phú Diễn, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Xóm 8, thôn Đồng Tâm, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Thôn 7, xã Trường Xuân, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội	100%
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Thôn 1, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	100%
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Số 8, ngõ 1126, đường Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Hưng, thành phố Hà Nội	100%

5b. Danh sách các Công ty liên kết gián tiếp (tại thời điểm lập báo cáo này)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Số 6, ngách 44/1/54 phố Bằng B, phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	38%
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Tầng 1, tòa nhà Licogi 13 Đơn nguyên A, số 164 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	46%
Công ty TNHH DDT Solar Việt Nam	Số 5C, ngách 445/10, đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội	47%

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Thôn Bon Bu M'lanh B, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	48%
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Thôn Rừng Lạnh, xã Đắk Song, tỉnh Lâm Đồng	40%

II. THÔNG TIN VỀ BÊN BỊ MUA

Bên bị mua là Công ty Cổ phần SD Trường Thành, có địa chỉ trụ sở chính tại thôn Ku Kê, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng. Hoạt động kinh doanh chính là sản xuất điện năng lượng mặt trời.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm:

- Xây dựng các tiêu chí phù hợp được áp dụng để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước, đảm bảo:
  - Thông tin tài chính chưa điều chỉnh được chiết xuất từ nguồn thông tin phù hợp;
  - Các điều chỉnh theo quy ước có thể trực tiếp quy cho một sự kiện hoặc giao dịch trực tiếp; Được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế; và nhất quán với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng của đơn vị và chính sách kế toán của đơn vị theo khuôn khổ đó;
  - Cách trình bày và thuyết minh là đầy đủ và thích hợp giúp cho đối tượng sử dụng hiểu được các thông tin được công bố;
  - Nhất quán và không mâu thuẫn với pháp luật và các quy định có liên quan;
  - Không gây ra hiểu nhầm về các thông tin tài chính theo quy ước.
- Thuyết minh và trình bày đầy đủ về các tiêu chí được áp dụng;
- Tổng hợp các thông tin tài chính theo quy ước trên cơ sở các tiêu chí được áp dụng.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm nêu trên trong việc lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

IV. TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG

1. Cơ sở xây dựng các tiêu chí được áp dụng

Các tiêu chí áp dụng mà Công ty đã sử dụng làm cơ sở để tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BTC ban hành ngày 14 tháng 2 năm 2022 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

2. Mô tả các tiêu chí được áp dụng

2.1 Nguyên tắc chung

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở giả định giao dịch cơ cấu lại đã được thực hiện tại ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Thông tin được tổng hợp trên Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước theo cùng nguyên tắc ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy sau khi hợp nhất Công ty Cổ phần SD Trường Thành.

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước chỉ thực hiện điều chỉnh theo quy ước cho các sự kiện có đầy đủ các đặc điểm sau:

- Có liên quan trực tiếp đến hoạt động cơ cấu lại, tách công ty;
- Đã phát sinh đến thời điểm phải lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước; và
- Được chứng minh bằng các bằng chứng thực tế.

Các sự kiện phát sinh trực tiếp từ hoạt động cơ cấu lại, tách công ty và sẽ không phát sinh lại trong các kỳ sau không được phản ánh vào Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước mà chỉ phản ánh vào Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước. Bản thuyết minh báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước phải nêu rõ ràng những sự kiện này không được phản ánh trong Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước và thuyết minh các khoản thu nhập, chi phí và các ảnh hưởng của thuế liên quan.

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước không phản ánh các thông tin mang tính dự báo, xét đoán, thông tin về các sự kiện chưa phát sinh, ví dụ như các thông tin về các ảnh hưởng có thể xảy ra hoặc kỳ vọng sẽ xảy ra liên quan đến các giao dịch mà Người đại diện theo pháp luật dự kiến sẽ thực hiện do ảnh hưởng của hoạt động cơ cấu lại công ty.

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước phải trình bày riêng số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước, các điều chỉnh theo quy ước cho từng hoạt động cơ cấu lại công ty và thông tin tài chính theo quy ước. Doanh nghiệp phải giải thích chi tiết cho từng điều chỉnh theo quy ước trong Thuyết minh báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được sử dụng để lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước là Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy.

Ảnh hưởng của thuế: Các ảnh hưởng của thuế (nếu có) được tính toán dựa trên thuế suất có hiệu lực theo quy định của pháp luật về thuế trong giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước (thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%).

2.2 Nguyên tắc lập Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước

Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở báo cáo tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Helio Energy (bên mua) tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (ngày 31 tháng 12 năm 2025) và Báo cáo tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (bên bị mua) được xác định tại ngày hoàn thành giao dịch hợp nhất (ngày 16 tháng 3 năm 2026).

Bên mua thực hiện ghi nhận các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua vào Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước của bên mua theo giá trị hợp lý và ghi nhận giá trị lợi thế thương mại tương ứng tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước.

2.3 Nguyên tắc lập Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước

Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở Báo cáo kết quả hoạt động của bên mua và bên bị mua cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025).

Công ty thực hiện các điều chỉnh theo quy ước phản ánh ảnh hưởng trực tiếp của giao dịch hợp nhất kinh doanh, bao gồm: các điều chỉnh tài sản thuần theo giá trị hợp lý, phân bổ lợi thế thương mại và các điều chỉnh phù hợp khác, với giả định rằng giao dịch hợp nhất xảy ra vào ngày đầu lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (ngày 01 tháng 01 năm 2025).

Công ty không được loại trừ khỏi Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước các khoản mục không thường xuyên hoặc không phát sinh lại trong các kỳ sau mà các khoản mục này không liên quan trực tiếp đến hoạt động cơ cấu lại đã được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động của các doanh nghiệp cơ cấu lại.

V. NGUỒN DỮ LIỆU SỬ DỤNG

Dữ liệu sử dụng để lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Helio Energy bao gồm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Helio Energy ("HIO") đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("SD Trường Thành") đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành do đơn vị lập ngày 16 tháng 3 năm 2026;
- Hợp đồng số 01/2026/HĐCN/LDM-HIO ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa HIO và Ông Lê Đức Mạnh về việc mua 6.795.102 cổ phần của SD Trường Thành, tương đương 22,65% vốn điều lệ;
- Hợp đồng số 02/2026/HĐCN/DXH-HIO ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa HIO và Ông Đào Xuân Hải về việc mua 5.000.000 cổ phần của SD Trường Thành, tương đương 16,67% vốn điều lệ;
- Hợp đồng số 03/2026/HĐCN/NMH-HIO ngày 16 tháng 3 năm 2026 giữa HIO và Ông Nguyễn Minh Hoàng về việc mua 6.000.000 cổ phần của SD Trường Thành, tương đương 20,00% vốn điều lệ;
- Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo về việc thẩm định giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần SD Trường Thành tại thời điểm 16/3/2026.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC ĐIỀU CHỈNH THEO QUY ƯỚC

1. Cơ sở trình bày

Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là "HIO"/ "bên mua") đã được điều chỉnh để có hiệu lực trong việc mua lại Công ty Cổ phần SD Trường Thành (sau đây gọi tắt là "SD Trường Thành"/ "bên bị mua") và việc phát hành tăng vốn để tài trợ cho việc mua lại.

Trước khi hợp nhất, các doanh nghiệp hợp nhất (HIO và SD Trường Thành) không chịu sự kiểm soát chung. Bên mua là HIO, được xác định theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – "Hợp nhất kinh doanh". Bên mua thực hiện ghi nhận các tài sản đã mua, các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng phải gánh chịu, kể cả những tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng mà bên bị mua chưa ghi nhận trước đó theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – "Hợp nhất kinh doanh" và các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Báo cáo tổng hợp thông tin tình hình tài chính theo quy ước được lập trên cơ sở:

- Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Bên mua (HIO) tại ngày kết thúc giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (ngày 31 tháng 12 năm 2025); và
- Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của Bên bị mua (SD Trường Thành) tại ngày hoàn thành giao dịch hợp nhất (ngày 16 tháng 3 năm 2026).

Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước được lập trên cơ sở:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Bên mua (HIO) cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025); và
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Bên bị mua (SD Trường Thành) cho giai đoạn trùng với giai đoạn lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025).

Công ty thực hiện các điều chỉnh theo quy ước như trình bày tại Mục VI.2.3.

Giữa các bên tham gia hợp nhất không có số dư công nợ, đầu tư tài chính và các số dư khác; không có giao dịch doanh thu, chi phí, lãi, lỗ phát sinh từ các giao dịch đó. Do đó, Công ty không thực hiện các bút toán loại trừ.

2. Thuyết minh các điều chỉnh theo quy ước:

2.1 Mô tả giao dịch:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2025; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 24/10/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12.2/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 24/10/2025 của Công ty Cổ phần Helio Energy ("HIO") đã thông qua Phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng để nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành ("SD Trường Thành"). Một số thông tin chính trong Phương án phát hành như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 21.000.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 210.000.000.000 đồng
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Phương án sử dụng: Sử dụng toàn bộ số tiền thu được để nhận chuyển nhượng cổ phần tại SD Trường Thành từ 3 cổ đông (17.795.102 cổ phần, giá mua 11.801 đồng/cổ phần).

Ngày 16/3/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành văn bản số 2044/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 01/2026/BC-HIO ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần Helio Energy. Theo đó, Công ty đã thực hiện phân phối 21.000.000 cổ phiếu.

Ngày 16/3/2026, Công ty đã ký 3 hợp đồng với 3 cổ đông của SD Trường Thành để nhận chuyển nhượng 17.795.102 cổ phần (tương đương 59,32% vốn điều lệ của SD Trường Thành) với tổng giá mua 210.000.000.000 đồng.

2.2 Giá trị hợp lý và Lợi thế thương mại

Giá trị tài sản thuần của SD Trường Thành được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày 16 tháng 3 năm 2026 và lợi thế thương mại được tính như sau:

Tài sản	***836.373.063.302***
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.182.145.658
Chứng khoán kinh doanh	20.865.980.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	127.893.285.840
Trả trước cho người bán ngắn hạn	92.322.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	79.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	327.797.005
Hàng tồn kho	220.368.536
Chi phí trả trước ngắn hạn	696.939.255
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	20.243.594.964
Tài sản cố định hữu hình	553.640.058.673
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	172.037.037
Chi phí trả trước dài hạn	25.038.534.334
Nợ phải trả	***361.215.868.355***
Phải trả người bán ngắn hạn	537.894.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.336.013.457
Phải trả người lao động	215.320.152
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.840.153.837
Phải trả ngắn hạn khác	52.389.480
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.484.097.079
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	281.250.000.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (*)	***475.157.194.947***
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	***193.308.169.943***
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	***281.849.025.004***
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	***210.000.000.000***
Lợi thế thương mại [(b) – (a)]	**(71.849.025.004)**

(*) Theo Chứng thư thẩm định giá số 261/2026/2225/04/CT ngày 21/4/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Fargo, Giá trị vốn chủ sở hữu của SD Trường Thành tại thời điểm 16/03/2026 được xác định là 479.023.000.000 VND. Chênh lệch tăng so với giá trị ghi sổ là 3.865.805.053 VND, tương đương 0,81%.

Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thẩm định giá tăng không đáng kể so với giá trị ghi sổ. Do đó, giá trị hợp lý được xác định tương đương với giá trị ghi sổ.

Giá phí hợp nhất kinh doanh chênh lệch nhỏ hơn so với giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua, do giá mua đã được các bên thỏa thuận và ấn định từ năm 2024, không có thay đổi tại thời điểm thực tế giao dịch chuyển nhượng cổ phần (tháng 3/2026).

2.3 Thuyết minh các điều chỉnh theo quy ước

Điều chỉnh theo quy ước 01:

Phát hành cổ phiếu tăng vốn, số tiền : 210.000.000.000 VND

Tăng "Tiền"	210.000.000.000	
Tăng "Vốn góp của chủ sở hữu"		210.000.000.000

Điều chỉnh theo quy ước 02:

Mua khoản đầu tư vào SD Trường Thành, số tiền : 210.000.000.000 VND

Tăng "Đầu tư vào Công ty con"	210.000.000.000	
Giảm "Tiền"		210.000.000.000

Điều chỉnh theo quy ước 03:

Hợp nhất kinh doanh SD Trường Thành:

Giảm "Đầu tư vào Công ty con"	(210.000.000.000)	
Giảm "Vốn góp của chủ sở hữu"		(300.000.000.000)
Giảm "LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước"		(175.157.194.947)
Tăng "LNST chưa phân phối kỳ này" (LTTM âm/Lãi giao dịch mua rẻ)		71.849.025.004
Tăng "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"		193.308.169.943

Các chi phí phát sinh liên quan đến việc định giá và phát hành cổ phiếu phục vụ giao dịch hợp nhất kinh doanh có giá trị không trọng yếu, không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo quy ước, do đó, không cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo này.

2.4 Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)

Theo điều 107, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của doanh nghiệp, trong đó:

- ROE trước điều chỉnh được tính toán dựa trên số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty;
- ROE sau điều chỉnh được tính toán dựa trên số liệu Báo cáo tổng hợp tình hình tài chính theo quy ước tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động theo quy ước cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH THEO QUY ƯỚC

Cột "Thông tin tình hình tài chính chưa điều chỉnh" được lấy theo cột "Số cuối năm" của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Helio Energy (bên mua) đã được kiểm toán.

Cột "Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước" được lấy theo cột "Số cuối kỳ" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (bên bị mua) do đơn vị lập.

Cột "Điều chỉnh theo quy ước 01, 02, 03" thể hiện các điều chỉnh như trình bày tại mục VI.2.3.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO QUY ƯỚC

Cột "Kết quả hoạt động kinh doanh trước khi điều chỉnh" được lấy theo cột "Năm nay" của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Helio Energy (bên mua) đã được kiểm toán.

Cột "Số liệu trước khi thực hiện các điều chỉnh theo quy ước" được lấy theo cột "Năm nay" của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần SD Trường Thành (bên bị mua) đã được kiểm toán.

IX. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Các nội dung sau đây không phát sinh, do đó không được trình bày trong Báo cáo này, bao gồm:

- Các khoản thu nhập và chi phí trọng yếu liên quan trực tiếp đến giao dịch cơ cấu lại mà các khoản mục này không phát sinh lại trong kỳ sau và các ảnh hưởng thuế liên quan;
- Các khoản nợ phải trả và tài sản hữu hình và vô hình tiềm tàng, cũng như sự không chắc chắn liên quan đến ảnh hưởng của thời gian hao mòn ước tính của tài sản;
- Các khoản thanh toán tiềm tàng liên quan đến giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Tại ngày lập Báo cáo theo quy ước, Người đại diện theo pháp luật không thực hiện hoặc không có dự kiến sẽ thực hiện sau giao dịch hợp nhất kinh doanh các hoạt động như: cho một số nhân viên thôi việc, đóng cửa các cơ sở kinh doanh và các khoản phí tái cấu trúc khác.

Lập, ngày 22 tháng 4 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt